

GIẢI NGHĨA SÁCH TIN-LÀNH

MA - THI - Ơ

NGUYÊN-TÁC

CỦA

CHARLES R. ERDMAN



PHÒNG SÁCH TIN - LÀNH XUẤT - BẢN

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG TÀI LIỆU SỐ TẠI TRANG WEB THUVIENCODOC.ORG

1/ Tài liệu số được lưu trữ và cung cấp tại website *thuviencodoc.org* do Thư Viện Cơ Đốc quản lý theo quy định pháp luật Việt Nam về sở hữu trí tuệ.

Quy trình số hóa và sử dụng các tài liệu số của Thư Viện Cơ Đốc luôn tuân thủ nghiêm ngặt pháp luật Việt Nam về quyền sở hữu trí tuệ.

2/ Tài liệu số truy cập từ website *thuviencodoc.org* gồm phần lớn là những tài liệu được số hóa từ các đầu sách sẵn có trong Thư Viện Cơ Đốc (*từ nguồn tự bỏ sung, từ nguồn cho, tặng của các tác giả, Bạn đọc khắp nơi*) và từ nguồn do Thư Viện Cơ Đốc sưu tầm.

- Việc tái sử dụng phi thương mại các tài liệu số từ website *thuviencodoc.org* với mục đích đọc hiểu, học tập hoặc sử dụng để nghiên cứu khoa học là miễn phí. Bạn đọc được tự do sử dụng và phải tự chịu trách nhiệm pháp lý trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam khi thực hiện các công việc liên quan về sở hữu trí tuệ. Việc trích dẫn các nội dung trong các tài liệu số này, cần ghi rõ nguồn trích dẫn từ '*thuviencodoc.org*'.

- Việc tái sử dụng với mục đích thương mại đối với bất kỳ một phần trong mỗi tài liệu, một phần hoặc toàn bộ tài liệu số từ website *thuviencodoc.org* phải được sự đồng ý bằng văn bản chính thức của người có thẩm quyền của Thư Viện Cơ Đốc. Thư Viện Cơ Đốc không chịu trách nhiệm với bất kỳ thiệt hại, tổn thất nào của bên thứ ba có liên quan dưới bất kỳ hình thức nào đến các tài liệu số từ website *thuviencodoc.org*.

3/ Điều kiện để sử dụng các tài liệu số của Thư Viện Cơ Đốc là tuân thủ theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam về sở hữu trí tuệ. Trường hợp tái sử dụng thương mại hoặc phi thương mại tại một quốc gia khác, cần tuân thủ theo luật pháp về sở hữu trí tuệ của quốc gia đó.

4/ Người sử dụng tài liệu số cam kết tuân thủ các điều kiện sử dụng trên, cũng như tuân thủ theo pháp luật Việt Nam về sở hữu trí tuệ. Trường hợp không tuân thủ, phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về vi phạm của mình.

GIẢI NGHĨA SÁCH TIN-LÀNH

MA - THI - Ơ

NGUYÊN-TÁC

CỦA

CHARLES R. ERDMAN



PHÒNG SÁCH TIN - LÀNH XUẤT - BẢN

*Thân lặng mọi người yêu-mến
sự hiện đến của Ngài*

THƯ VIỆN CƠ ĐỐC
Christian Library

GIẢI NGHĨA SÁCH TIN-LÀNH
MA - THI - Ơ

NGUYỄN-TÁC
CỦA
CHARLES R. ERDMAN

AN EXPOSITION OF
THE GOSPEL OF MATTHEW
BY CHARLES R. ERDMAN

THE WESTMINSTER PRESS
PHILADELPHIA

Copyright, MCMXXXIV, by Charles R. Erdman

All rights reserved — no part of this book may be reproduced in any form without permission in writing from the publisher, except by a reviewer who wishes to quote brief passages in connection with a review in magazine or newspaper.

THƯ VIỆN CƠ ĐỐC
Christian Library

PHÒNG SÁCH TIN-LÀNH

Hộp thư 329, Saigon

XUẤT-BẢN

1964

TỰA

Các hi-vọng của thế-giới sẽ thực-hiện dưới đời trị-vi của một Vua toàn-cầu. Sự bối-rối, xao-xuyến của các quốc-gia, cảnh chiến-tranh dã-man, sự đe-dọa của tình-trạng vô-trật-tự, càng gia-lãng lòng mong-ước đời trị-vi của một Đấng có trí khôn-ngoan không lầm-lỗi, lòng yêu-thương trọn-vẹn và quyền-lực tối-cao. Vua ấy chính là Đấng Christ,— dưới quyền cai-trị của Ngài, trái đất sẽ đạt tới thời-đại vinh-quang và hoàng-kim. Vậy, chúng ta sẽ được khuyến-khích vì đọc lại bản-văn truyện-tích Tin-Lành đã nhấn mạnh vào các nét đế-vương trên tấm hình của Chúa chúng ta. Ôn lại như vậy sẽ khiến những kẻ theo Ngài trung-thành với Ngài hơn, tận-tụy với chánh-nghĩa của Ngài hơn, càng hăng-hái hoạt-động cho mau đến ngày Vua công-bình và hòa-bình cầm quyền, không ai tranh-cãi được.

LỜI MỞ ĐẦU

Chỉ nhờ quyền-năng của Đấng Christ, một người thu thuế mới có thể biến thành vị Sứ-đồ. Người từng-trải cuộc biến-cải này là Ma-thi-ơ, cũng gọi là Lê-vi, mà truyền-thuyết cho là tác-giả sách Tin-Lành thứ nhất. Nhiều nhà phê-bình hiện-đại ủng-hộ lý-thuyết rằng một tác-giả khác đã nhờ

Tác-giả

nhiều nguồn khác nhau mà viết sách này; tuy-nhiên, họ cũng tin rằng các bài diễn-giảng quan-trọng hợp thành đặc-diểm chính của sách Tin-Lành này, đã do cây viết của người thu thuế tại thành Ca-bê-na-um. Những người chuyên thu thuế lợi-tức này bị ghê-sợ hoặc khinh-dễ ở bất-cứ nơi nào. Khắp đế-quốc La-mã, họ bị cáo là bóp-nặn, bất-lương, tàn-ác. Người Do-thái ghê-tởm họ, coi là bọn phản-quốc, bội-đạo, đang phục-vụ quân hà-hiếp thờ-lạy thần-tượng, mà đồng-bào thù-ghét. Ngay trong xứ Ga-li-lê, nơi một người như Ma-thi-ơ có thể phục-vụ Hê-rốt An-ti-ba và có lẽ chỉ thu thuế hợp-pháp các thương-đoàn di-chuyển trên đại-thương-lộ, ông vẫn bị nghi-ngờ và xếp chung với hạng người bị xã-hội và tôn-giáo loại-trừ. Tuy-nhiên, lên án cả một nhóm người là điều không bao giờ công-bình; ít nhất, chúng ta cũng biết chắc rằng nơi người thu thuế bị khinh-dễ này, Đức Chúa Jê-sus đã thấy những khả-năng hữu-ích lớn-lao trong tương-lai. Ngài thấy ông « đương ngồi tại sở thu thuế » (Ma. 9:9) và kêu-gọi ông nhập đoàn thiết-hữu chọn-lọc của Ngài. Có lẽ Ma-thi-ơ đã gặp Chúa Jê-sus từ trước và đã nghe lời giảng-dạy kích-động của Ngài; dầu sao, ông cũng đứng dậy ngay, bỏ hết mọi sự mà theo Ngài. Ông phải từ-bỏ nhiều lắm, vì dường như giữa những kẻ cùng giai-cấp, ông là người giàu-có và được kính-chuộng; ta có thể kết-luận như vậy vì ông đã đãi tiệc lớn để mừng ngày mình quyết-định phục-sự Đấng Christ và giới-thiệu Chủ mới của mình với

các bạn cũ. Sự giàu-có của người thâu quan-thuế và tinh thân-hữu với bạn đồng-nghiệp thâu thuế, chẳng chứng-tỏ một tâm-tánh không chỗ trách được; nhưng dường như ít như Ma-thi-ơ cũng có một đức-tánh: ông vốn hoặc đã trở nên một người khiêm-nhường, vì khi thuật lại những biến-cố tối quan-trọng trong đó ông đã đóng một vai, ông không hề ngụ-ý nói đến mình. Dầu tâm-tánh ông thế nào, địa-vị một công-chức của ông cũng đã huấn-luyện ông theo hệ-thống và chính-xác, đã phát-triển khả-năng suy-nghĩ có thứ-tự và viết theo phương-pháp, thích-hợp để ông làm nhiệm-vụ bất-tử, là chép tiểu-sử Chúa Jê-sus-Christ.

Nói sát lý, Ma-thi-ơ không hề toan-tinh chép lại cuộc đời của Chủ mình. Không một tác-giả Tin-Lành nào nhằm mục-tiêu ấy. Bằng vậy, chắc họ không cố-ý bỏ qua những biến-cố của bao nhiêu năm đằng-dằng; không loại-bỏ những sự-việc kích-động mà mọi người đều biết, song chỉ có một trong bốn tác-giả sách Tin-Lành chép lại; không quá chuyên-chú vào mấy ngày cuối chức-vụ của Chúa chúng ta trên đất.

Mục-dịch của tác-giả này, cũng như của ba tác-giả kia, là kể lại Tin-Lành cứu-rỗi thực-hiện bởi cuộc đời, sự chết và sự sống lại của Đấng Christ. Thật ra chỉ có một Tin-Lành; Tin-Lành ấy được trình-bày dưới bốn hình-thức, hoặc bản-văn, nhưng sử-diệp trọng-yếu vẫn là một; những điểm mà cả bốn tác-giả thỏa-hiệp còn quan-trọng bội phần hơn những điểm mà họ bất-đồng. Tuy-nhiên, những điểm bất-đồng ấy vẫn hào-hứng, quan-trọng và hợp lại thành một truyện-tích toàn-vẹn hơn. Nó do những từng-trải khác-biệt của mỗi tác-giả và do một ý-định dứt-khoát hoặc ít hoặc nhiều, song phụ-thuộc, khi thuật lại « Tin-Lành » chung cho cả bốn vị.

Vậy nên người ta nói rằng Ma-thi-ơ viết cho người Do-thái, Mác viết cho người La-mã, Lu-ca viết cho người Hi-lạp, và Giăng viết cho Hội-thánh. Có lẽ đúng hơn nếu ta nói rằng cả bốn tác-giả cốt nhưt viết cho những người tin theo Đấng Christ. Chắc hẳn sách Tin-Lành Ma-thi-ơ có một đặc-tánh nổi bật lên, gọi đúng là đặc-tánh Do-thái. Tuy-

nhiên, nếu Ma-thi-ơ viết sách để thuyết-phục những người Do-thái không chịu tin Chúa về chân-lý Cơ-đốc-giáo, thì thật kỳ-lạ, vì ông đã quá nhấn mạnh diêm dân Do-thái bất-bình vì Chúa Jê-sus không tôn-trọng cồ-phong của họ, tố-cáo các bậc cầm quyền của họ, tuyên-bố dân-tộc Y-sơ-ra-ên bị chối-bỏ và các dân ngoại được cứu-rỗi. Thí-dụ, hãy đối-chiếu các chương đầu sách Ma-thi-ơ với chương đầu sách Lu-ca. Trong sách Ma-thi-ơ, dân Do-thái bối-rối vì Vua của họ ngự đến; vua hiện-tại của họ là Hê-rốt, tìm cách giết Hài-nhi Jê-sus; các bác-sĩ thuộc dân ngoại dâng lễ-vật vương-giả cho Ngài; cha mẹ buộc phải đem Ngài chạy trốn xuống Ai-cập cho yên thân. Còn truyện-tích của Lu-ca mở đầu ở Giê-ru-sa-lem, tại đây, một thầy tế-lễ tin-kính nghe sứ-diệp của thiên-thần. Trong gia-đình sùng-đạo của Ê-li-sa-bết và Ma-ri, các thanh-dồ Hê-bơ-ro hát thánh-ca, do Đức Thánh-Linh soi-dẫn, để ngợi-khen Đức Giê-hô-va và để tỏ lòng tri-ân về mọi phước lành Ngài ban cho người Y-sơ-ra-ên, là tuyên-dân yếu-dấu của Ngài. Cách giới-thiệu truyện-tích Tin-Lành như vậy chắc thích-hợp bội phần hơn với một người cố-gắng dung-hòa và thuyết-phục người Do-thái.

Lẽ tự-nhiên, sách Tin-Lành Ma-thi-ơ do người Do-thái viết, và chắc trong tâm-trí tác-giả nghĩ đến những đồng-bào đã tin-nhận Đức Chúa Jê-sus; song ta có thể dựa vào thực-sự sau đây mà giải-thích các đặc-điểm của sách Tin-Lành này:

Chân-dung Mục-dịch của tác-giả là thuật lại truyện-tích cứu-rỗi cách nào để chứng-minh cái thực-sự rằng Đức Chúa Jê-sus ở Na-xa-rét chính là Đấng Christ, Đấng Mê-si được dự-ngôn, Vua của người Do-thái đã bị chinh dân mình chối-bỏ, nhưng được người dân ngoại tiếp-nhận, và một ngày kia, sẽ trở lại trong quyền-năng và vinh-quang chói-lọi. Do mục-dịch ấy, sách Tin-Lành Ma-thi-ơ thật có những đặc-điểm phân-biệt với ba sách Tin-Lành kia. Trong mỗi sách Tin-Lành, hình-dung Cứu-Chúa chúng ta được tả đúng; tuy-nhiên, mỗi sách nhấn mạnh vào một vài đặc-điểm để hình-dung có vẻ đặc-biệt.

Như vậy, sách Tin-Lành Ma-thi-ơ đặc-biệt là Tin-Lành của Vua. Hình-ảnh Chúa Jê-sus được mô-tả với những

màu-sắc nhà vua. Tô-tiên Ngài được lần tìm theo một dòng vua; một vua đối-thủ kinh-sợ khi nghe tin

1. Vua

Ngài sanh ra, và các bác-sĩ dâng lễ-vật để-vương cho Ngài; người tiền-khu của Ngài tuyên-bố rằng Nước Ngài đã đến gần. Sự cảm-đổ Ngài lên tới tuyệt-diêm khi Sa-tan hiến Ngài các nước thế-gian; sứ-diệp trọng-đại Ngài truyền cho kẻ theo mình, tức là « Bài Giảng Trên Núi », vì như bản Tuyên-ngôn của một Vua, nêu lên những đạo luật căn-bản trong Nước Ngài. Các phép lạ của Ngài làm là ủy-nhiệm-thư của Vua; các thí-dụ của Ngài được gọi là « Những điều màu-nhiệm của nước Thiên-đàng » (Ma. 13:11). Cả ở ngoài quê-hương, Ngài cũng được tung-hò là « Con-cháu vua Đa-vít » (Ma. 15:22); Ngài tự nhận được miễn khỏi đóng thuế cho « các vua thế-gian » (Ma. 17:25), vì Ngài là Con Vua; Ngài ngự vào thành Giê-ru-sa-lem như bậc Đế-vương, và đòi quyền cao-cả; Ngài phán thí-dụ tiệc cưới con vua để chỉ về chính mình; đang khi đối mặt với Thập-tự-giá, Ngài dự-ngôn sẽ trở lại trong vinh-quang và trị-vì cả thế-giới. Ngài tự nhận có quyền sai-khiến các đạo thiên-sứ. Giờ Ngài chết, các vàng đá vỡ ra, đất rung-chuyển, kẻ chết sống lại; sự phục-sanh của Ngài là một quang-cảnh in rõ quyền-năng oai-nghiêm, càng nổi bật lên vì động đất, thiên-sứ xuất-hiện, và bôn lính gác kinh-khủng; lời phán cuối-cùng của Ngài là bản tuyên-bố và mạng-lệnh của Vua: « Hết cả quyền-phép... giao cho Ta. Vậy, hãy đi... » (Ma. 28:19). Từ-ngữ đặc-sắc và có ý-nghĩa của Tin-Lành ở trong thí-dụ về « Nước Thiên-đàng » (Ma-thi-ơ, chương 13). Đây là mấy bức chân-dung mà những nét nhỏ-nhặt cũng chói-lọi màu tím và màu vàng. ¹

Tuy-nhiên, đây là Vua của người Do-thái (xem Ma. 27:37). Sách Ma-thi-ơ là Tin-Lành của Đấng Mê-si. Các đấng tiên-tri Hê-bơ-rơ đã dự-ngôn sự xuất-hiện của vị Đế-vương này. Quả thật, mỗi biến-cố quan-trọng

2. **Đấng Mê-si** trong đời Ngài đã được dự-ngôn minh-bạch: Nào Ngài do nữ-đồng-trình giáng-sanh tại thành Bết-lê-hem; nào Ngài trú-ngụ tại Ai-cập, Na-xa-rét

1. Hai màu-sắc của đế-vương.

và Ca-bê-na-um; nào Ngài chữa lành người bệnh; nào Ngài giảng-dạy bằng thí-dụ; nào Ngài ngự vào thành Giê-ru-sa-lem như bậc Đế-vương; nào các môn-đệ Ngài đào-ngũ; nào tinh-thần toàn-thắng của Ngài khi chết. Sách Ma-thi-ơ ngụ-ý nói đến 65 câu Cựu-Uớc, trong số đó có 43 câu trung-dẫn hẩn-hoi; số câu trung-dẫn này bằng số câu trung-dẫn trong ba sách Tin-Lành kia cộng lại. Như vậy, Ma-thi-ơ là sách Tin-Lành về sự ừng-nghiệm. Sách này đối mặt với Cựu-Uớc, và thích-ứng mở đầu Tân-Uớc. Các quang-cảnh đượm màu-sắc phong-tục Do-thái; các biểu-trưng và hình-bóng Do-thái đầy-dẫy. Sách này tỏ ra Luật-pháp, các Tiên-tri và Thi-thiên đều chỉ trước vào Đức Chúa Jê-sus ở Na-xa-rét. Trong Ngài, ta thấy mục quan-trọng, ý-nghĩa và mục-dịch của các tác-phẩm đó; Ngài là Con Đức Chúa Trời mà ai nấy mong-dợi, là Hậu-tự của Áp-ra-ham, là Đấng Mê-si đã được dự-ngôn, là Đấng Christ của Đức Chúa Trời. Một cách hoàn-toàn thích-đáng, Ma-thi-ơ được đặt ở hàng đầu bốn sách Tin-Lành, để tỏ ra Kinh-Thánh Cựu-Uớc nối liền với Tin-Lành cứu-rỗi trong Đức Chúa Jê-sus-Christ thế nào.

Ma-thi-ơ còn là sách « Tin-Lành về sự chối-bỏ ». Lẽ tự-nhiên, thực-sự này là trọng-yếu cho cả bốn sách Tin-Lành; nhưng trong sách Ma-thi-ơ, nó được trình-bày liên-tục. Nó tỏ màu cho tất cả sự dạy-dỗ, làm bối-cảnh

3. Bị chối-bỏ cho những sân khấu, và bóng của nó không hề biến mất. Trước khi Đức Chúa Jê-sus sanh ra, mẹ Ngài có cơ bị Giô-sép dề-bỏ; khi Ngài sanh ra, thành Giê-ru-sa-lem bối-rối và Hê-rốt tìm cách giết Ngài; trên đồng-bằng thành Bết-lê-hem, không có ban hợp-ca thiên-sứ vang-lừng, nhưng bao nhiêu bà mẹ thống-thiết khóc con nhỏ bị giết; Đức Chúa Jê-sus được bồng chạy vội xuống Ai-cập, và phải ăn mình ba mươi năm tại Na-xa-rét; người tiền-khu của Ngài bị giam-cầm và bị chêm đầu trong ngục tối. Khi chỉ « cửa hẹp » cho người ta, Đức Chúa Jê-sus tuyên-bố rằng: « Kể kiếm được thì ít » (Ma. 7: 14). Khi ngồi phán-xét, Ngài phải bảo nhiều người rằng: « Ta chẳng biết các người bao giờ, hãy lui ra khỏi Ta ! » (Ma. 7: 23) Nhiều kẻ kinh-ngạc trước phép lạ Ngài làm và xin

theo Ngài, nhưng Ngài tuyên-bố rằng : « Con người không có chỗ mà gối đầu » (Ma. 8 : 20). Ngài cảnh-cáo các sứ-giả của Ngài rằng chính họ cũng bị chối-bỏ. Các thí-dụ của Ngài chỉ-tỏ ra rằng Nước Ngài sẽ không thực-hiện trên mặt đất trước khi thời-đại hiện-tại chấm dứt ; ngay khi các môn-đệ hiểu rằng Ngài là Đấng Mê-si, thì Ngài bắt đầu bày-tỏ và cứ lặp đi lặp lại cái chân-lý rằng Ngài phải chịu đau-đớn kinh-khủng và phải chết : Ngài kể cho dân-chúng nghe « những thí-dụ về sự chối-bỏ » ; Ngài tuyên-cáo những lời : « Khốn thay » nghiêm-trọng hơn hết cho bọn người cai-trị nhân-dân (xem Ma. 23). Ngài dự-ngôn thành Giê-ru-sa-lem bị phá và dân Do-thái bị hoạn-nạn, sầu-não ; trong giờ Ngài chết, người ta nghe tiếng kêu thăm-thiết rằng : « Đức Chúa Trời tôi ơi ! Đức Chúa Trời tôi ơi ! sao Ngài lia-bỏ tôi ? » (Ma. 27 : 46). Không một tên trộm-cướp nào ăn-năn cầu-nguyện ; không một lời thương-cảm của loài người được nói lên ; những kẻ đi qua nguyên-rủa Ngài ; bọn thầy tế-lễ cả và trưởng-lão chế-nhạo Ngài ; cả đến khi Ngài chết rồi, chúng cũng niêm-phong phần-mộ và đặt linh canh-gác ; cả đến khi Ngài sống lại rồi, chúng cũng thuê bọn lính nói dối để che-giấu vinh-quang Ngài đi. Trong các sách Tin-Lành kia, sự tấn-công của những kẻ thù-nghịch Ngài không ác-liệt hơn, Vua không được giới-thiệu với dân dứt-khoát hơn, và sự chối-bỏ Ngài cũng không tàn-nhẫn và hoàn-toàn như vậy.

Tuy-nhiên, Ma-thi-ơ cũng là sách chép về Vua trở lại. Không một tác-giả sách Tin-Lành nào nhấn mạnh vào sự tái-làm của Đấng Christ cho bằng Ma-thi-ơ. Ông thuật lại bài giảng trọng-đại về Chúa tái-làm cũng như

4. Tái-làm

Mác và Lu-ca đã chép ; nhưng chỉ có ông thêm thí-dụ đáng ghi-nhớ về các nữ-đồng-trình khôn, đại, khác nhau, về các ta-làng, rồi vẽ bức tranh của Vua khải-hoàn ngự trên ngai phán-xét trong khi muôn dân nhóm lại trước mặt Ngài để Ngài quyết-định ai được tiếp-nhận vào Nước Ngài và ai bị loại-trừ khỏi đó. Ma-thi-ơ đồng-ý với Mác mà chép cho chúng ta lời Chúa phán với thầy cả thượng-phẩm khi Ngài đứng dưới bóng Thập-tự-giá : « Về sau, các ngươi sẽ thấy Con người ngồi bên

hữu quyền-phép Đức Chúa Trời, và ngự trên mây từ trời mà xuống» (Ma. 26 : 64); nhưng một mình ông chép lời Chúa tuyên-bố sau-chót rằng : « Hết thủy quyền-phép ở trên trời và dưới đất đã giao cho Ta » (Ma. 28 : 18). Đó là Tin-Lành khải-hoàn, Tin-Lành về vinh-quang tương-lai và đời trị-vì toàn thế-giới của Đấng Christ, là Vua.

Phương-thức sắp-xếp tài-liệu của Ma-thi-ơ thật là vô-song. Trong khi thuật lại truyện-tích cứu-chuộc, ông không nhứt-tri theo thứ-tự thi-giờ, song tập-hợp các biến-cố hoặc sự dạy-dỗ tương-đồng và có lẽ

Phương-thức tương-quan với nhau hiển-nhiên ; do đó, hiệu-lực gia-tăng. Vậy nên chúng ta thấy chỉ một chương mà có tới bảy trong số mười bốn thi-dụ Ma-thi-ơ đã chép; cũng theo cách đó, trong số hai chục phép lạ ông đã chép, có mười phép lạ hợp thành một nhóm đặc-biệt. Cũng theo cách đó, đặc-sắc vô-song của sách Tin-Lành Ma-thi-ơ gồm năm khái-lược quan-trọng trong sự dạy-dỗ của Đấng Christ : Bài Giảng Trên Núi, Huấn-thị cho các môn-đệ, các thi-dụ về Nước Thiên-đàng, các Lời Khốn Thay nghịch cùng bọn Pha-ri-si, và các Bài Giảng liên-quan đến sự Tái-làm của Vua. Ngược lại, Lu-ca theo thứ-tự thời-gian. Người ta so-sánh ông với một nhà thảo-mộc-học thích đi dọc bờ sông để xem-xét mỗi đóa hoa tại « nhà riêng » của nó ; còn Ma-thi-ơ thì thích hái hoa, kết thành bó lớn đẹp-đẽ tùy theo loại hoặc màu-sắc.

Phương-pháp trên đây của Ma-thi-ơ gợi lên một cách-thức hữu-ích phân-tích sách Tin-Lành mang tên ông. Lễ tự-nhiên, nhiều người ưa dùng bố-cuộc thường áp-dụng cho ba sách Tin-Lành đầu-tiên, tức là chia sách

Bố-cuộc Tin-Lành tùy theo thời-gian và nơi Đấng Christ thi-hành chức-vụ. Thi-dụ ^{4/} Mở đầu Tin-Lành (1:1 đến 4:11); chức-vụ tại xứ Ga-li-lê (4:12 đến 18 : 35); hành-trình qua xứ Bê-rê (19 : 1 đến 20 : 34); tuần-lễ cuối-cùng ở Giê-ru-sa-lem (21:1 đến 28:20). Chia như vậy là rõ-ràng và thỏa-đáng ; nhưng bố-cuộc nêu lên ở đây cốt để làm cho tư-tưởng chuyên-chú vào Nhân-vật vĩ-đại,

trọng-yếu của Tin-Lành được trình-bày với tư-cách Vua, và đồng-thời đề đặt tên cho mỗi nhóm dạy-đỗ và sự-việc mà Ma-thi-ơ qui-hợp dưới cùng một đầu-đề. Như vậy, sau phần luận về sự giáng-sanh, tuổi thơ-ấu và thời chuẩn-bị của Vua (1 : 1 đến 4 : 11), có bản Tuyên-ngôn của Vua, hoặc « Bài Giảng Trên Núi » (4 : 12 đến 7 : 29); Ủy-nhiệm-thư của Vua, hoặc Mười Phép Lạ Đầu-tiên của Chúa chúng ta (8 : 1 đến 9 : 34); các Sứ-giả của Vua, hoặc Huấn-thị cho các Môn-đệ (9 : 35 đến 10 : 42); các Đòi-hỏi của Vua (chương 11 và 12); các Thi-dụ của Vua (chương 13); Vua rút lui (14 : 1 đến 16 : 12); Thàn-vị và Công-việc của Vua (16 : 13 đến 17 : 27); các Tòì-tò của Vua, hoặc Mạng-lệnh cho các Môn-đệ Ngài (chương 18 đến 20); sự Chối-bỏ Vua (chương 21 đến 23); các Lời Tiên-tri về Vua Tái-lâm (chương 24 và 25); sự Chết và Sống Lại của Vua (chương 26 đến 28).

Bổ-cuộc này có thể có giá-trị nhấn mạnh vào phương-thức minh-bạch của Ma-thi-ơ, và khiến độc-giả càng lâu càng thấy rõ về oai-nghiêm đế-vương của Đấng Christ.

BỐ - CUỘC

Chương thứ nhất

| | Trang |
|---------------------------------------------------|-------|
| Lai-lịch của Vua (Ma. 1:1 đến 4:11) | 21 |
| 1. Phê-hệ (1:1-17) | 21 |
| 2. Đức Chúa Jê-sus giảng-sanh (1:18-25) | 24 |
| 3. Các bác-sĩ tới thăm (2:1-12) | 27 |
| 4. Trốn qua Ai-cập (2:13-23) | 31 |
| 5. Người tiên-khu của Vua (3:1-12) | 34 |
| 6. Vua được xúc dầu (3:13-17) | 37 |
| 7. Vua chịu cám-dỗ (4:1-11) | 40 |

Chương thứ hai

| | |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Bản Tuyên-ngôn của Vua (4:12 đến 7:29) | 46 |
| 1. Trường-hợp (4:12-25) | 46 |
| a. Nơi trú-ngụ mới (câu 12-17) | 47 |
| b. Các môn-đệ đầu-liên (câu 18-22) | 48 |
| c. Chức-vụ mở đầu (câu 23-25) | 48 |
| 2. Bài Giảng Trên Núi (chương 5 đến 7) | 49 |
| a. Lời mở đầu: Tâm-tánh và hạnh- phước các đầy-tớ của Vua (5:1-16) | 49 |
| b. Các đầy-tớ của Vua và luật đạo-đức (5:17-48) | 52 |
| c. Các đầy-tớ của Vua và thể-thức hành-đạo (6:1-18) | 59 |
| d. Các tội-tớ của Vua và của-cải trần-gian (6:19-34) | 62 |
| e. Các đầy-tớ của Vua và tội-ác trong thế-gian (7:1-6) | 65 |
| f. Các đầy-tớ của Vua và tương-quan của họ với Đức Chúa Trời cũng như với loài người (7:7-12) | 66 |
| g. Kết-luận: Cuộc tranh-đấu, thử-nghiệm và an-ninh của đầy-tớ Vua (7:13-29) | 68 |

Chương thứ ba

| | |
|-----------------------------------------------------------------------------|----|
| Uy-nhiệm-thư của Vua (8:1 đến 9:34) | 71 |
| 1. Loạt phép lạ đầu-tiên (8:1-17) | 71 |
| a. Làm sạch người phung (8:1-4) | 71 |
| b. Chữa lành người bại (8:5-13) | 72 |
| c. Chữa lành bà gia Phi-e-rơ (8:14-17) | 74 |
| 2. Thầy thông-giáo xung-động và môn-đệ miễn-cưỡng (8:18-22) | 75 |
| 3. Loạt phép lạ thứ hai (8:23 đến 9:8) | 76 |
| a. Dẹp yên trận bão (8:23-27) | 76 |
| b. Trừ quỷ (8:28-34) | 77 |
| c. Tha-thứ tội-lỗi (9:1-8) | 79 |
| 4. Kêu-gọi Ma-thi-ơ và câu hỏi về kiêng ăn (9:9-17) | 80 |
| 5. Loạt phép lạ thứ ba (9:18-34) | 83 |
| a. Làm cho kẻ chết sống lại và chữa lành bệnh mất huyết (9:18-26) | 83 |
| b. Chữa cho kẻ mù được sáng và người câm nói được (9:27-34) | 84 |

Chương thứ tư

| | |
|------------------------------------------------|----|
| Các sứ-giả của Vua (9:35 đến 10:42) | 86 |
| 1. Cơ-hội họ được ủy-nhiệm (9:35-38) | 86 |
| 2. Tên của mười hai Sứ-dồ (10:1-4) | 87 |
| 3. Sứ-mạng (10:5-15) | 90 |
| 4. Nỗi đau-dớn (10:16-23) | 92 |
| 5. Khích-lệ (10:24-33) | 93 |
| 6. Thập-tự-giá (10:34-39) | 95 |
| 7. Thiện-cảm (10:40-42) | 96 |

Chương thứ năm

| | |
|------------------------------------------------------------|----|
| Vua tự nhận là Ai (chương 11, 12) | 98 |
| 1. Đấng Mê-si mà Giăng đã dự-ngôn (11:1-19) | 98 |
| 2. Đấng phán-xét kẻ không chịu ăn-năn (11:20-24) | 10 |
| 3. Đấng khải-thị Đức Chúa Cha (11:25-30) | 10 |
| 1 / Chúa ngày Sa-bát (12:1-21) | 10 |

| | |
|----------------------------------------------------|-----|
| 5. Cán-bộ của Đức Thánh-Linh (12: 22-37) | 107 |
| 6. Tiên-tri và Vua (12: 38-45) | 110 |
| 7. Con Đức Chúa Trời (12: 46-50) | 111 |

Chương thứ sáu

| | |
|----------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Các thí-dụ của Vua (13: 1-58) | 114 |
| 1. Người gieo giống (13: 1-23) | 114 |
| 2. Cỗ lụng, hột cải và men (13: 24-43) | 118 |
| 3. Cửa báu, ngọc châu và lưới đánh cá (13: 44-50) | 120 |
| 4. Trách-nhiệm của các môn-dệ và sự chối-bỏ Chúa Jê-sus (13: 51-58) | 121 |

Chương thứ bảy

| | |
|----------------------------------------------------------------------|-----|
| Vua rút lui (14: 1 đến 16: 12) | 124 |
| 1. Giăng Báp-tít bị chém đầu (14: 1-13) | 124 |
| 2. Cho năm ngàn người ăn no (14: 13-21) | 126 |
| 3. Chúa Jê-sus đi trên mặt nước (14: 22-36) | 129 |
| 4. Nghi-lễ và sự ô-ước thật (15: 1-20) | 132 |
| 5. Đức-tin chịu thử-thách và đắc-thắng (15: 21-28) | 136 |
| 6. Các phép lạ ở xứ Ê-ca-bô-lơ (15: 29-39) | 139 |
| 7. Men của người Pha-ri-si và người Sa-đu-sê (16: 1-12) | 142 |

Chương thứ tám

| | |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Thân-vị và công-việc của Vua (16: 13 đến 17: 27) | 145 |
| 1. Chúa Jê-sus chấp-thuận lời tuyên-xung của Phi-e-rơ (16: 13-20) | 145 |
| 2. Chúa Jê-sus báo trước sự chết và sự sống lại của Ngài (16: 21-28) | 147 |
| 3. Chúa Jê-sus hóa-hình (17: 1-8) | 151 |
| 4. Giăng Báp-tít và Ê-li (17: 9-13) | 154 |
| 5. Chúa Jê-sus chữa cậu con trai bị kinh-phong (17: 14-20) | 156 |
| 6. Chúa Jê-sus lại dự-ngôn sự chết của Ngài (17: 22, 23) | 158 |
| 7. Chúa Jê-sus đóng thuế cho Đền-thờ (17: 24-27) | 160 |

Chương thứ chín

| | |
|----------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Các tội-tố của Vua (chương 18 đến 20) | 163 |
| 1. Chúa Jê-sus cảnh-cáo chớ gây cho vấp-phạm (18 : 1-14) | 163 |
| 2. Chúa Jê-sus dạy phải đối-xử với kẻ phạm lỗi thề nào (18 : 15-35) | 166 |
| 3. Chúa Jê-sus dạy về hôn-nhân (19 : 1-12) | 170 |
| 4. Chúa Jê-sus đón-tiếp con trẻ (19 : 13-15) | 173 |
| 5. Chúa Jê-sus dạy về hi-sinh và phần thưởng (19 : 16 đến 20 : 16) | 174 |
| a. Người trẻ tuổi giàu-có (19 : 16-22) | 174 |
| b. Câu hỏi của Phi-e-rơ (19 : 23-30) | 176 |
| c. Thí-dụ về những người làm công trong vườn nho (20 : 1-16) | 179 |
| 6. Chúa Jê-sus dạy về bạc cao-trọng thật (20 : 17-28) | 181 |
| 7. Chúa Jê-sus chữa cho người mù được sáng (20 : 29-34) | 184 |

Chương thứ mười

| | |
|---------------------------------------------------------------------|-----|
| Vua bị chối-bỏ (chương 21 đến 23) | 186 |
| 1. Ba hành-động làm thí-dụ cảnh-cáo (21 : 1-22) | 186 |
| a. Vua ngự vào thành Giê-ru-sa-lem (21 : 1-11) | 186 |
| b. Dẹp sạch Đền-thờ (21 : 12-17) | 188 |
| c. Cây vả đưng (21 : 18-22) | 189 |
| 2. Chúa tự nhận có quyền-lực thiên-thượng (21 : 23-27) | 190 |
| 3. Ba thí-dụ về sự phán-xét (21 : 28 đến 22 : 14) | 193 |
| a. Hai đừa con trai (21 : 28-32) | 193 |
| b. Bọn làm vườn gian-ác (21 : 33-46) | 194 |
| c. Tiệc cưới (22 : 1-14) | 196 |
| 4. Ba câu hỏi gài bẫy (22 : 15-40) | 198 |
| a. Nộp thuế cho Sê-sa (22 : 15-22) | 198 |
| b. Có sự sống lại chẳng ? (22 : 23-33) | 200 |
| c. Điều-răn nào lớn ? (22 : 34-40) | 202 |
| 5. Câu hỏi của Chúa Jê-sus (22 : 41-46) | 203 |

6. Cảnh-cáo về bọn Pha-ri-si (23 : 1-12) 204
 7. Khốn cho người Pha-ri-si ! (23 : 13-39) 206

Chương thứ mười một

- Các lời tiên-tri về Vua trở lại (24 : 1 đến 25 : 46) 212
1. Thời-kỳ hiện-tại (24 : 1-14) 212
 2. Con Đại-nạn (24 : 15-28) 215
 3. Đấng Christ ngự đến (24 : 29-31) 216
 4. Khuyên phải tỉnh-thức (24 : 32-51) 217
 5. Thi-dụ về mười nữ-đồng-trinh (25 : 1-13) 219
 6. Thi-dụ về các ta-làng (25 : 14-30) 221
 7. Cuộc phán-xét (25 : 31-46) 224

Chương thứ mười hai

- Vua chịu xét-xử, chịu chết và sống lại
 (chương 26 đến 28) 228
1. Ma-ri tận-tụy và Giu-đa phản-bội (26 : 1-16) 228
 2. Bữa tối cuối-cùng (26 : 17-35) 230
 3. Chúa Jêsus trong vườn Ghết-sê-ma-nê (26 : 36-56) 233
 4. Chúa Jêsus trước mặt Cai-phe (26 : 57-75) 237
 5. Chúa Jêsus trước mặt Phi-lát (27 : 1-16) 240
 6. Sự đóng đinh vào Thập-tự-giá và an-tàng
 (27 : 17-66) 242
 7. Sự sống lại (28 : 1-20) 247

CHƯƠNG THỨ NHẤT

I. LẠI - LỊCH CỦA VUA

(Ma-thi-ơ 1:1 đến 4:11)

1. Phò-hệ (1:1-17).

¹ Gia-phò Đức Chúa Jêsus-Christ, con cháu Đa-vít và con cháu Áp-ra-ham.

² Áp-ra-ham sanh Y-sác; Y-sác sanh Gia-cóp; Gia-cóp sanh Giu-đa và anh em người. ³ Giu-đa bởi Tho-ma sanh Pha-rê và Xa-ra. Pha-rê sanh Éch-rôm; Éch-rôm sanh A-ram; ⁴ A-ram sanh A-mi-na-đáp; A-mi-na-đáp sanh Na-ách-son; Na-ách-son sanh Sanh-môn. ⁵ Sanh-môn bởi Ra-háp sanh Bô-ô, Bô-ô bởi Ru-ta sanh Ô-bét. Ô-bét sanh Gie-sê; ⁶ Gie-sê sanh vua Đa-vít.

Đa-vít bởi vợ của U-ri sanh Sa-lô-môn. ⁷ Sa-lô-môn sanh Rô-bô-am; Rô-bô-am sanh A-bi-gia; A-bi-gia sanh A-sa; ⁸ A-sa sanh Giô-sa-phát; Giô-sa-phát sanh Giô-ram; Giô-ram sanh Ô-xia. ⁹ Ô-xia sanh Giô-tam; Giô-tam sanh A-cha; A-cha sanh Ê-xê-chia. ¹⁰ Ê-xê-chia sanh Ma-na-sê; Ma-na-sê sanh A-môn; A-môn sanh Giô-si-a. ¹¹ Giô-si-a đang khi bị đày qua nước Ba-by-lôn sanh Giê-chô-nia và anh em người.

¹² Khi đã bị đày qua nước Ba-by-lôn, thì Giê-chô-nia sanh Sa-la-thi-ên; Sa-la-thi-ên sanh Xô-rô-ba-bên; ¹³ Xô-rô-ba-bên sanh A-bi-út; A-bi-út sanh Ê-li-a-kim; Ê-li-a-kim sanh A-xô. ¹⁴ A-xô sanh Sa-đốc; Sa-đốc sanh A-chim; A-chim sanh Ê-li-út; ¹⁵ Ê-li-út sanh Ê-lê-a-xa; Ê-lê-a-xa sanh Ma-than; Ma-than sanh Gia-cóp; ¹⁶ Gia-cóp sanh Giô-sép là chồng Ma-ri; Ma-ri là người sanh Đức Chúa Jêsus, gọi là Christ.

¹⁷ Như vậy, từ Áp-ra-ham cho đến Đa-vít, hết thảy có mười bốn đời; từ Đa-vít cho đến khi bị đày qua nước Ba-by-lôn, cũng có mười bốn đời; và từ khi bị đày qua nước Ba-by-lôn cho đến Đấng Christ, lại cũng có mười bốn đời.

Các chương đầu sách Ma-thi-ơ có thể được coi là lời mở đầu Tin-Lành. Các chương này chép về tổ-tiên, sự giáng-sanh và tuổi thơ-ấu của Đức Chúa Jê-sus, cùng sự chuẩn-bị cho Ngài thi-hành chức-vụ công-khai. Cách tường-thuật mỗi thực-sự và biến-cố này cốt để bày-tỏ ý-định rõ-rệt của tác-giả và những đặc-điểm trong bản ký-thuật của ông. Như vậy, :

(1) Sách Ma-thi-ơ là « Tin-Lành của Vua » và « Gia-phô Đức Chúa Jê-sus - Christ » (1 : 1), hoặc quyển sổ khai-sanh mở đầu truyện-tích này, nhất-định là phở-hệ của Vua. Ấy cốt để tỏ ra rằng Chúa Jê-sus là Đấng hợp-pháp kế-tự ngôi vua Đa-vít. Phở-hệ này khác với phở-hệ do Lu-ca chép. Hai danh-sách chia-rẽ sau khi ghi tên Đa-vít. Có người phỏng-đoán rằng Lu-ca kê-khai dòng-dõi thiên-nhiên phân-biệt hẳn với dòng-dõi vua. Người khác lại giả-định rằng ông kê-khai dòng-dõi của Ma-ri. Người ta chưa đồng-ý về thể nào là giải-thích đúng sự chia-rẽ này; nhưng điểm trọng-yếu đã rõ-ràng. Lu-ca mô-tả chân-dung của Người lý-tướng, nên chép phở-hệ từ Chúa Jê-sus đến A-Đam, là tổ-tông loài người; nhưng Ma-thi-ơ vẽ hình vua cho chúng ta xem, nên chép tổ-tiên đế-vương của Đa-vít. Ông kê-khai dòng-dõi từ Áp-ra-ham, nhưng trước nhất ghi tên Đa-vít, vì trong Đa-vít, gia-tộc lên được ngôi vua; ngôi này mất ở thời-kỳ Lưu-đày, nhưng được khôi-phục trong Đấng Christ. Phở-hệ bỏ sót nhiều tên trong dòng vua, song chẳng vì đó mà mất giá-trị. Tuy-nhiên, nó tỏ ra rằng theo nguyên-văn, chữ « sanh » không có nghĩa « là cha của » mà « là tổ-tiên hợp-pháp ». Như vậy phở-hệ này tỏ ra Giô-sép là kẻ kế-vị Đa-vít, và vì ông cưới Ma-ri làm vợ, nên con Trai của bà thật trở thành « con cháu Đa-vít » và làm Vua.

(2) Tuy-nhiên Ma-thi-ơ là « sách Tin-Lành của Đấng Mê-si. » Vua mà ông mô-tả hiển-nhiên là Vua của người Do-thái. Trong Ngài các lời tiên-tri do Đức Chúa Trời soi-dẫn được ứng-nghiệm. Há có lời mở đầu nào thích-hợp hơn phở-hệ này chỉ ngược lại tất cả lịch-sử của dân-

tộc Hê-bơ-rơ? Đây không phải là một danh-sách khôn-khan, không có sự sống; nó đánh-thức những kỷ-niệm thiêng-liêng hơn hết, thể-hiện những hi-vọng vinh-quang hơn hết, và trong vòng xích tuyệt-diệu nối liền Cựu-ước với Tân-ước; nó chẳng thiếu ý-nghĩa thiêng-liêng.

Phồ-hệ này chia làm ba phần, mỗi phần gồm 14 đời. Sự phân-chia có đặc-sắc Do-thái, vì liên-kết số «ba» của Đức Chúa Trời» với hai lần số «bảy» là con số thánh. Ba phần này gồm ba thời-kỳ trọng-đại của lịch-sử Do-thái trước thời Đấng Christ. Thứ nhất là thời-kỳ các Tộc-trưởng và các Quan-xét. Khởi đầu là Áp-ra-ham rời tới những vị anh-hùng liên-tiếp làm nổi danh Y-sơ-ra-ên, có chép Ru-tơ mà thiên tình-sử là khúc tình-ca đẹp như Đổng-phương, rồi tới Gie-sê (1) và con trai là vua Đa-vít. Thứ hai là thời-kỳ quân-chủ lên tới mức vinh-quang, huy-hoàng đương thời Đa-vít và Sa-lô-môn. Tuy-nhiên cũng là thời-kỳ sa-sút, thất-bại. Những tên Giô-sa-phát, Ê-xê-chia và Giô-si-a gọi lên phục-hưng và vinh-quang một phần nào; song những tên Rô-bô-am, A-cha và Ma-na-se ghi đó ngụ-ý nói đến sự hư-hoại và bội-đạo đưa đến tấn bi-kịch Luru-đây.

Ngoại trừ một vài tên, còn mọi người khác ghi là thuộc về thời-kỳ thứ ba, gồm sáu trăm năm từ nền quân-chủ đến Đấng Christ, đều chìm trong tối-tăm liên-tục. Như vậy, truyện-tích phát-họa qua phồ-hệ của Chúa Jê-sus pha-lần bi-thảm và vinh-quang, anh-hùng và hồ-nhục. Nhưng ba đoạn của truyện-tích này với những nhân-vật hấp-dẫn khác nhau, nhắc ta nhớ rằng qua những thế-kỷ rối-loạn, những cảnh-trạng biến-đổi, bởi các tộc-trưởng, vua, thầy tế-lễ, bởi những người lưng-danh và thấp-thỏi, Đức Chúa Trời đã bảo-lồn một dòng-dõi và làm thành một ý-định cho tới khi rốt lại, hiện ra Đấng với tư-cách «con cháu Đa-vít», được chỉ-định làm Nguồn-gốc và Trọng-tâm của quyền tề-trị thế-giới, lại với tư-cách con cháu Áp-ra-ham, được chỉ-định làm Nguồn-gốc và Trọng-tâm của ơn-phước thế-giới.

(1) Cựu-ước dịch là Y-sai

(3) Ma-thi-ơ cũng là « sách Tin-Lành của sự Chối-bỏ ». Phù-hợp với bức tranh này, phổ-hệ Chúa Jê-sus chứa những tên mà người Do-thái có lẽ vui-vẻ loại-bỏ vì nó nhắc lại cảnh khổ-nhục ; lại có những tên khác nhắc lại sự lia-bỏ Đức Chúa Trời, vi-phạm các giao-ước Ngài và từ-chối các đề-nghị thương-xót của Ngài. Đáng chú ý hơn hết là Ma-thi-ơ ghi bốn tên làm cho chúng ta ngạc-nhiên. Đây là bốn tên người đàn-bà và do đó, thật là bất thường trong một phổ-hệ Do-thái. Trong số các bà này, ba người đã phạm tội rất xấu-xa, và hai người thuộc về những chủng-tộc thờ thần-tượng, bị người Do-thái thù-ghét. Bốn tên này có lẽ cốt để gợi ý rằng Vua mà người Do-thái chối-bỏ chính là Cứu-Chúa đã liên-hiệp với loài người tội-lỗi đã hiển ơn tha-thứ và đặc quyền cao-qui cho mọi người tội-lỗi biết ăn-năn, đã hứa ban cho người Do-thái cũng như dân ngoại các phước lành do quyền-năng biển-cải của Ngài. Cũng có lẽ gợi ý rằng dòng vua đã được bảo-tồn bằng những phương-pháp phi-thường và bất-thường thế nào, thì cũng một thế ấy, giai-đoạn cuối-cùng sẽ lạ-lùng hơn hết tức là sự giáng-sanh siêu-nhiên của Chúa Jê-sus, Con Trai của trinh-nữ Ma-ri, cũng được gọi là Con Trai của Giô-sép.

(4) Lại có thể gợi ý rằng vì sách Tin-Lành này nhấn rất mạnh vào sự đắc-thắng chung-kết của Vua, thì không phải là trái lẽ tự-nhiên khi ta thấy dòng vua mà Ngài xuất-xứ đã có một thời mất vinh-quang và bị che-khuất trong tăm-tối. Như vậy, Vua đã bị khinh-dê, chối-bỏ và bị kẻ thù đóng đinh vào Thập-tự giá, đến cuối cùng sẽ xuất-hiện với tư-cách của Con Trai thật của Đa-vít, sẽ khôi-phục vinh-quang đã lu-mờ với tư-cách Đấng Kế-tự hợp-pháp của Sa-lô-môn, Chúa bình-an và Vua của cả thế-giới.

2. Đức Chúa Jê-sus giáng-sanh (1 : 18-25)

18 Và, sự giáng-sanh của Đức Chúa Jê-sus-Christ đã xảy ra như vậy: Khi Ma-ri, mẹ Ngài, đã hứa gả cho Giô-sép, song chưa ăn-ở cùng nhau, thì người đã chịu thai bởi

Đức Thánh-Linh. ¹⁹ Giô-sép, chồng người, là người có nghĩa, chẳng muốn cho người mang xấu, bèn toan đem về nhem. ²⁰ Song đang ngắm-ngẫm về việc ấy, thì thiên-sứ của Chúa hiện đến cùng Giô-sép trong giấc chiêm-bao, mà phán rằng: Hỡi Giô-sép, con cháu Đa-vít, người chớ ngại lấy Ma-ri làm vợ, vì con mà người chịu thai đó là bởi Đức Thánh-Linh. ²¹ Người sẽ sanh một trai, người khá đặt tên là JÊSUS, vì chính con trai ấy sẽ cứu dân mình ra khỏi tội. ²² Mọi việc đã xảy ra như vậy, để cho ứng-nghiệm lời Chúa đã dùng đấng tiên-tri mà phán rằng:

²³ Nay, một gái đồng-trinh sẽ chịu thai, và sanh một con trai,

Rồi người ta sẽ đặt tên con trai đó là Em-ma-nu-ên; nghĩa là: Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta. ²⁴ Khi Giô-sép thức dậy rồi, thì làm y như lời thiên-sứ của Chúa đã dặn, mà đem vợ về với mình; ²⁵ song không hề ăn-ở với cho đến khi người sanh một trai, thì đặt tên là JÊSUS.

Phổ-hệ của Đức Chúa Jêsus tuyên-bố Ngài là « Con-cháu Đa-vít ». Truyện-tích giáng-sanh tỏ ra Ngài là Con Đức Chúa Trời. Truyện-tích này gồm lời giải-nghĩa danh-hiệu đặc-biệt cho Ngài và lời tiên-tri ứng-nghiệm. Truyện-tích chép ngắn, nhưng mang đặc-sắc của Ma-thi-ơ là « sách Tin-Lành của Vua » của Đấng Mê-si được dự-ngôn và bị chối-bỏ, ấy vì truyện-tích này tỏ ra nào mẹ của Chúa Jêsus sắp bị đề-bỏ, nào Giô-sép, là cha Ngài theo luật-pháp, được gọi là « con-cháu Đa-vít » (câu 20), nào Chúa Jêsus « sẽ cứu dân mình » (câu 21); nào một lời tiên-tri Cựu-ước được Đức Chúa Trời làm cho ứng-nghiệm trong sự giáng-sanh của Ngài. Do Đức Chúa Trời soi-dẫn, truyện-tích sự giáng-sanh siêu-nhiên của Chúa chúng ta được chép tế-nhị và dè-dặt, song cũng dứt-khoát và rõ-ràng, để không ai hoài-nghi thực-sự chép đó. Nào lời chép Giô-sép bối-rối, nào viện-dẫn luật-pháp và phong-tục Do-thái, nào sự dắt-dẫn của Đức Chúa Trời tỏ ra trong chiêm-bao, nào lời đơn-sơ tuyên-bố biến-cổ lạ-lùng, — mọi sự đó rất tự-nhiên và rành-mạch, tỏ ra rằng tác-giả chép lịch-sử thuần-túy, chớ không phải viết bản tình-ca đầu.

Không cần phải tin rằng thần-tánh hoặc tình-trạng vô-tội của Đấng Christ tùy-thuộc phép lạ Ngài giáng-sanh; ta có thể quan-niệm rằng thần-tánh và tình-trạng vô-tội của Ngài có thể đảm-bảo bằng một phương-pháp thành nhục-thể nào khác; nhưng trong ánh sáng của phép lạ này, chắc ta hiểu thần-tánh và tình-trạng vô-tội của Ngài dễ-dàng hơn. Và, có một sự thật hơn nữa, là mối hoài-nghi phép lạ này thường kèm theo sự chối-bỏ thần-tánh của Chúa chúng ta hoặc quyền-hành của Kinh-Thánh.

Cũng chẳng nên coi phép lạ này là khó tin. Chính Đấng Christ là hiện-thân của phép lạ này. Trong Ngài, Nhân-tánh và Thần-tánh được liên-hiệp chắc-chẽ. Nếu Ngài thực-hữu đời đời với tư-cách Đức Chúa Trời, nếu chức-vụ của Ngài trên mặt đất có những công-việc siêu-nhiên kèm theo, nếu Ngài lia khỏi thế-giới bởi sự sống lại và thăng-thiên siêu-nhiên, thì không thể không tin rằng việc Ngài ngự đến thế-gian này có phép lạ và sự màu-nhiệm kèm theo. Tuy-nhiên, tánh-chất quan-trọng đích-thực của biến-cổ không ở trong phương-pháp, mà ở trong kết-quả của sự giáng-sanh siêu-nhiên. Điểm này nổi bật lên nhờ thiên-sứ rao-báo đặt tên Ngài là JÊSUS, và nhờ giải-thích một lời tiên-tri do Đức Chúa Trời soi-dẫn. « JÊSUS » là hình-thức Hy-lạp của chữ Hê-bơ-ơ « GIÔ-SUÊ » (nghĩa là Đức Giê-hô-va là Sự Cứu-Rỗi). Trong chiêm-bao, danh JÊSUS được thiên-sứ rao-báo, dưới hình-thức một lời hứa đáng ghi nhớ: « Ngươi khá đặt tên là JÊSUS, vì chính Con Trai ấy sẽ cứu dân mình ra khỏi tội (Câu 21). Có mấy người khác đã mang tên ấy; tỉ như Giô-suê, nhà giải-phóng trú-danh, người đã thắng các dân-tộc Ca-nan, và thầy tế-lễ thượng-phẩm (1) đã dự phần xây-cất lại thành Giê-ru-sa-lem, nhưng bây giờ có một Đấng xuất-hiện để thực-hiện đầy đủ mọi điều gồm trong danh-hiệu đó; Ngài phải cứu dân mình, ra khỏi tất cả tình-trạng mắc tội, và quyền-lực của tội-lỗi.

Ma-thi-ơ giải-thích sự giáng-sanh và danh-hiệu JÊSUS đầy khích-lệ này là làm ứng-nghiệm một lời tiên-tri thời

(1) Xem Xa-cha-ri 3 : 1, — dịch là Giê-hô-sua.

xưa. Đương thời A-cha, Ê-sai đã dự-ngôn rằng Đức Chúa Trời sẽ giải-cứ nước Giu-đa khỏi các vua Y-sơ-ra-ên và Sy-ri; đề tượng-trung cho sự can-thiệp của Đức Chúa Trời đó, một nữ đồng-trình sẽ sanh ra một trai, và đặt tên là « Em-ma-nu-ên » (Ê-sai 7 : 14), nghĩa là : Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta. Có thể trong tri-óc Đấng tiên-tri thời xưa đó không nghĩ tới một phép lạ, hoặc một biến-cố thuộc về tương-lai xa-xăm; nhưng tác-giả sách Tin-Lành thấy ý-nghĩa thật của lời tiên-tri Ê-sai được thể-hiện trong sự giáng-sanh của Đức Chúa Jêsus, vì Ngài không phải chỉ là chứng-cớ cho sự giải-cứ của Đức Chúa Trời, song chính Ngài là Đấng Cứu-thế do Đức Chúa Trời sai đến. Chẳng những danh-hiệu Ngài biểu-thị Hiện-diện của Đức Chúa Trời, song chính Ngài còn là Đức Chúa Trời hiện-hiện. Vậy ý-nghĩa thật sự giáng-sanh của Đức Chúa Jêsus, như được thuật lại ở đây, ở trong cái thực-sự rằng Con Trai Ma-ri cũng là Đức Chúa Trời thành nhục-thể, có thể cứu-rỗi những ai đề lòng tin-cậy nơi Ngài, vì Ngài làm mọi điều gồm trong Danh đáng khen-ngợi, là JÊSUS, Cứu-Chúa thiên-thượng của chúng ta.

3. Các bác-sĩ tới thăm (2: 1-12)

¹ Khi Đức Chúa Jêsus đã sanh tại thành Bết-lê-hem, xứ Giu-đê, đang đời vua Hê-rốt, có mấy thầy bác-sĩ ở đông-phương đến thành Giê-ru-sa-lem, ² mà hỏi rằng: Vua dân Giu-đa mới sanh tại đâu? Vì chúng ta đã thấy ngôi sao Ngài bên đông-phương, nên đến đặng thờ-lạy Ngài. ³ Nghe tin ấy, vua Hê-rốt cùng cả thành Giê-ru-sa-lem đều bối-rối. ⁴ Vua bèn nhóm các thầy tế-lễ cả và các thầy thông-giáo trong dân lại mà tra hỏi rằng Đấng Christ phải sanh tại đâu. ⁵ Tâu rằng: Tại Bết-lê-hem, xứ Giu-đê; vì có lời của đấng tiên-tri chép như vầy:

⁶ Hỡi Bết-lê-hem, đất Giu-đê!

Thật người chẳng phải kém gì các thành lớn của xứ Giu-đê đâu,

Vì từ người sẽ ra một tướng,

Là Đấng chăn dân Y-sơ-ra-ên, tức dân ta.

7 Vua Hê-rôt bèn vời mấy thầy bác-sĩ cách kín-nhiệm, mà hỏi kỹ-càng về ngôi sao đã hiện ra khi nào. 8 Rồi vua sai mấy thầy đó đến thành Bét-lê-hem, và dặn rằng: Các người hãy đi, hỏi thăm cho chắc về tích con trẻ đó; khi tìm được rồi, hãy cho ta biết, đặng ta cũng đến mà thờ-lạy Ngài. 9 Mấy thầy nghe vua phán xong, liền đi. Kìa, ngôi sao mà họ đã thấy bên đông-phương, đi trước mặt cho đến chừng ngay trên chỗ con trẻ ở mới dừng lại. 10 Mấy thầy thấy ngôi sao, mừng-rỡ quá bội. 11 Khi vào đến nhà, thấy con trẻ cùng Ma-ri, mẹ Ngài, thì sấp mình xuống mà thờ-lạy Ngài; rồi bày của quý ra, dâng cho Ngài những lễ-vật, là vàng, nhũ-hương, và một-được. 12 Kế đó, trong giấc chiêm-bao, mấy thầy được Đức Chúa Trời mách-báo đừng trở lại nơi vua Hê-rôt; nên họ đi đường khác mà về xứ mình.

Trí tưởng-tượng đã được phép tự-do chơi-giỡn với truyện-tích « Các Bác-sĩ Đông-phương » tới mức trong trí-óc nhiều người, khó phân-tách các yếu-tố thần-thoại với các yếu-tố thực-sự. Người ta thường tưởng-tượng rằng các Bác-sĩ này là vua, gồm có ba vị, và tên là *Casper*, *Melchior*; *Balthasar*, một từ Hi-lạp, một từ Ấn-độ và một từ Ai-cập đến. Mọi lời quả-quyết này có tánh-cách hoang-đường, cũng như các bản mô-tả hành-trình và đoàn tùy-tùng của họ, các truyện-tích về quãng đời về sau của họ, và việc Thánh Thô-ma làm báp-têm cho họ. Thậm-chí người ta còn nói rằng nhũn thế-kỷ thứ tư hài-cốt của họ đã được nữ-thánh *Hélène* tìm thấy được đem về *Constantinople*, được đặt trong nhà thờ *Sainte Sophie*; sau đó, được chuyển về *Milan* và rốt lại được *Federick Barbarassa* đem về *Cologne*, tại đây ngày nay, ba cái xương sọ được giữ-gìn trong một khám thờ bằng vàng ở đại giáo-đường.

Thật ra, ngoài một vài chi-tiết ngắn-ngủi do Ma-thi-ơ chép lại, ta không biết gì hơn về các Bác-sĩ này. Từ quá-khứ bí-mật họ bước lên sân-khẩu để diễn một cảnh ngắn, rồi biến đi luôn. Tuy-nhiên, vai-trò của họ không phải là không quan-trọng, vì những bài học họ đem lại thật đầy ý-nghĩa.

Gọi họ là « Bác-sĩ » ấy là dịch tiếng Hi-lạp « Magi », một danh-hiệu thường dùng gọi họ; do tiếng « Magi » này mà

có những tiếng Anh « Magic » (ảo-thuật) và « Magician » (thuật-sĩ, thầy-phù-thủy). Chắc họ thuộc về một giới tế-sư Đông-phương, thông-thạo khoa thiên-văn hoặc chiêm-tinh, đã được người Do-thái tan-lạc dạy cho biết trông-đợi sự xuất-hiện của một Đấng Cứu-thế, một Vua trị-vì cả thế-giới. Một dấu-hiệu nào đó ở trên trời khiến họ tin quyết rằng một Vua như vậy đã xuất-hiện; vậy nên họ đi đường đến Giê-ru-sa-lem, thủ-đô của người Do-thái, để tỏ lòng tôn-kính xứng-đáng với Vua mới sanh ra. Điềm quan-trọng là những vị này vốn người thờ-lạy thần-tượng, và họ đại-diện cho trái đầu mùa của các nước dân ngoại. Họ tượng-trung cho cái thực-sự rằng trên thế-giới ngày nay, có vô-số tấm lòng đói-khát mong-mỏi một Cứu-Chúa thiên-thượng và sẵn-sàng đi theo cả đến những dấu-hiệu yếu-ớt, bất-toàn có thể dẫn mình đến trước chơn Ngài.

Bối-cảnh của truyện-tích này thật là tối-tăm. « Nghe tin ấy Hê-rốt cùng cả thành Giê-ru-sa-lem đều bối-rối » (câu 3). Tên bạo-chúa tàn-ác và đa-nghi sợ rằng quyền-bính của mình có thể bị lâm-nguy bởi một người được loan-truyền là sanh ra để làm « Vua dân Do-thái » (câu 2). Còn dân chúng đáng phải hơn-hở vì nghe báo tin rằng Đấng Giải-cứu mình đã xuất-hiện, nhưng trái lại họ sàu-não chớ chang vui-mừng vì các Bác-sĩ đến nơi và kể truyện kỳ-lạ. Dường như chỉ có Hê-rốt bị kích-động tới mức hành-động, hoặc quan-tâm đủ để giúp đoàn bộ-hành trong việc tìm kiếm Vua mới sanh ra. Hẳn triệu-tập các thủ-lãnh Do-thái để hỏi xem Đấng Mê-si mà Đức Chúa Trời hứa ban cho phải sanh tại đâu. Bọn này biết đúng, chúng thông-thạo lời tiên-tri chỉ thẳng vào thành Bết-lê-lem, song chúng chẳng chút tỏ ra chú-ý đến cái khả-năng Đấng Mê-si đã xuất-hiện. Chính Hê-rốt hỏi các Bác-sĩ cách cặn-kẽ, và bảo họ đi tìm tung-tích « Con Trẻ ». Là một lão già già-hình, hẳn hứa « đến mà thờ lạy Ngài » (câu 8).

Ngày nay cũng vậy: nhiều người rất thông-thạo các thực-sự liên-quan đến Đấng Christ, song lại ít lo tiếp-nhận Ngài làm Chúa của mình; trong khi ấy, có kẻ, như Hê-rốt, lại thù-nghịch Ngài vì e rằng nếu nhìn nhận quyền của Ngài, thì mình sẽ thiệt mất chi chằng.

Đây cũng là một bài học về Đức Chúa Trời dắt-dẫn. Đức Chúa Trời ban cho các Bác-sĩ một dấu-hiệu ở Đông-phương, Ngài dẫn họ tới thành Giê-ru-sa-lem; Ngài phán dạy họ qua Kinh-thánh; Ngài đưa họ tới thành Bết-lê-hem, và trở lại, họ biết cách trở về quê-hương bình-an vô-sự. Nơi nào có tấm lòng nôn-nả tìm kiếm Vua Christ, thì luôn luôn có những dấu-hiệu do Chúa cung-cấp để trở lại, dẫn-đưa vào chính Hiện-diện Ngài. Phương-pháp dắt-dẫn có lẽ màu-nhiệm, nhưng thực-sự thì vững-chắc. Trong trường-hợp của các bác-sĩ, ta không thể quả-quyết rằng «ngôi sao mà họ thấy bên Đông phương» (câu 9) thật là gì. Phải chăng là một hành-tinh, hoặc một nhóm hành-tinh, hoặc một trong những ngôi sao bay thường xét qua với ánh chói-lọi dị-thường? Có thể là một ngôi sao thật đã dắt-đưa họ qua phương tây và phương nam, song một ngôi sao làn thê nào mà «đi trước mặt» họ trong hành-trình ngắn-ngủ cuối cùng đó, và «dừng lại» trên một căn nhà đặc-biệt ở thành nhỏ Bết-lê-hem? Có lẽ là sự dắt-dẫn có tánh-cách siêu-nhiên. Có một vật gì giống như ngôi sao, nhưng gần trái đất, đã do Đức Chúa Trời chỉ-định để dắt-dẫn các khách bộ-hành này tới đích thiêng-liêng. Có người phỏng-đoán đó là đám mây sáng-chói đã dắt-dẫn dân Y-so-ra-ên qua đồng vắng, làm xe của Đức Giê-hô-va và trại của Vua. Đây, suy-cứu là vô-ích, và sự thực là hiển-nhiên. Nơi nào người ta thật nôn-nả muốn học biết chân-lý liên-quan của Đấng Christ, thì thiên-hựu sẽ ban cho họ cơ-hội «vui-mừng lắm một cách không xiết kê» (I Phiê 1 : 8).

Bài học quen thuộc thứ ba liên-quan đến sự phục-vụ Đấng Christ. Bài học này thể-hiện trong bức tranh các Bác-sĩ «sắp mình xuống mà thờ-lạy Ngài; rồi bày của báu ra, dâng cho Ngài những lễ-vật, là vàng, nhũ-hương và một-dược» (câu 11). Khi người ta ngắm xem Vua trong sự tốt-đẹp Ngài» (Ê-sai 33 : 17), và nhận thấy Đấng Christ là Cứu-Chúa thiên-thượng, thì trong lòng luôn luôn dậy lên sự mong-ước dâng cho Ngài những lễ-vật qui-báu. Không cần phải coi lễ-vật của các Bác-sĩ là biểu-tượng, nhưng nó chắc hẳn là qui-báu và xứng-đáng với vị Đế-vương. Nó tỏ đúng rằng hễ tiếp-nhận Đấng Christ, thì

phải dâng lên Ngài sự ngợi-khen, lòng kính-mến, bửu-vật, công-việc và cuộc đời nữa.

Nếu tham-chiếu truyện-tích này với các chương đầu sách Lu-ca, thì dường như cuộc thăm-viếng của các Bác-sĩ xảy ra ít nhất là bốn mươi ngày sau khi Đức Chúa Jê-sus-Christ giáng-sanh. Không khó dung-hòa hai bản kỹ-thuật; nhưng các điềm dị-đồng làm nổi bật lên các đặc-sắc của Tin-Lành Ma-thi-ơ. Đây, không có những người chần-chiên thấp-thỏi được sai đi « thấy Con Trẻ đang nằm trong máng cỏ » (Lu. 2 : 16), song những Bác-sĩ từ ngoại-bang đến dâng lễ-vật để-vuong cho Ngài, còn Hê-rốt thì ngồi trên ngai mà run. Đây là « Tin-Lành của Vua ». Cũng là « Tin-Lành của Đấng Mê-si ». Đây Chúa Jê-sus được tuyên-bố là Vua của người Do-thái.— Vua này đã được dự-ngón minh-bạch là Đấng chăn-giữ Y-so-ra-ên và sanh ra « tại Bết-lê-hem, xứ Giu-dê » (2 : 5). Cũng là « Tin-Lành về sự chối-bỏ », vì đây, ngay từ lúc đầu, các người cai-trị Y-so-ra-ên đã tỏ ra lãnh-đạm với sự ngự đến của Ngài; và « cả thành Giê-ru-sa-lem đều bối-rối » vì Ngài sanh ra. Cũng là Tin-Lành về sự ngự đến và khải-hoàn của Đấng Christ; đây đại-diện của các dân ngoại tỏ lòng tôn-kính Ngài, là Đấng mà « mọi đầu gối ... đều qui xuống » trước mặt Ngài và là Đấng, một ngày kia, sẽ được mọi người nhìn nhận là Vua cả thế-giới.

4. Trốn Qua Ai-cập. (2 : 13-23)

¹³ Sau khi mấy thầy đó đi rồi, có một thiên-sứ của Chúa hiện đến cùng Giô-sép trong chiêm-bao, mà truyền rằng : Hãy chớ dậy, đem con trẻ và mẹ Ngài trốn qua nước Ê-díp-tô, rồi cứ ở đó cho tới chừng nào ta bảo ngươi; vì vua Hê-rốt sẽ kiếm con trẻ ấy mà giết. ¹⁴ Giô-sép bèn chớ dậy, đem con trẻ và mẹ Ngài đang ban đêm lánh qua nước Ê-díp-tô. ¹⁵ Người ở đó cho tới khi vua Hê-rốt băng, hầu cho ứng-nghiệm lời Chúa đã dùng đấng tiên-tri mà phán rằng : Ta đã gọi Con ta ra khỏi nước Ê-díp-tô.

¹⁶ Vua Hê-rốt thấy mình đã bị mấy thầy bác-sĩ đánh lừa-thì tức-giận quá, bèn sai giết hết thầy con trai từ hai tuổi, sắp xuống ở thành Bết-lê-hem và cả hạt, theo đúng ngày,

tháng mà mấy thầy bác-sĩ đã cho vua biết. ¹⁷ Vậy là ứng-nghiem lời đấng tiên-tri Giê-rê-mi đã nói rằng:

¹⁸ Người ta có nghe tiếng kêu-la,
Phàn-nàn, than-khóc trong thành Ra-ma:
Ấy là Ra-chen khóc các con mình,
Mà không chịu yên-ùi, vì chúng nó không còn nữa.

¹⁹ Nhưng sau khi vua Hê-rốt băng, có một thiên-sứ của Chúa hiện đến cùng Giô-sép trong chiêm-bao, tại nước Ê-díp-tô, mà truyền rằng: ²⁰ Hãy chờ dậy, đem con trẻ và mẹ Ngài trở về xứ Y-sơ-ra-ên, vì những kẻ muốn giết con trẻ đã chết rồi. ²¹ Giô-sép bèn chờ dậy, đem con trẻ và mẹ Ngài trở về xứ Y-sơ-ra-ên. ²² Song khi nghe vua A-chê-la-u nối ngôi vua cha là Hê-rốt mà trị-vì tại xứ Giu-đê, thì Giô-sép sợ, không dám về; và bởi đã được Đức Chúa Trời mách-báo trong chiêm-bao, nên người vào xứ Ga-li-lê, ²³ ở trong một thành kia tên là Na-xa-rét. Vậy là ứng-nghiem lời mấy đấng tiên-tri đã nói rằng: Người ta sẽ gọi Ngài là người Na-xa-rét.

Thêm vào truyện-tích các Bác-sĩ, Ma-thi-ơ chỉ chép hai biến-cố nữa trong thời thơ-ấu của Chúa Jê-sus, là chạy trốn qua Ai-cập vì lòng ghen-ghét tàn-bạo của Hê-rốt, và trở về xứ Pa-lét-tin được vì vua sát-nhân ấy đã chết. Lòng ghen-ghét của vua Hê-rốt đổi thành giận-dữ vì các Bác-sĩ không phúc-trình với hắn về Con Trẻ mà họ coi là Vua của người Do-thái, song hắn lại muốn giết đi. Vậy khi hay tin các Bác-sĩ mất dạng, không trở về Giê-ru-sa-lem, hắn bèn sai quân-lính vô lương-tâm đi « giết hết thủy con trai hai tuổi sắp xuống ở thành Bết-lê-hem và cả hạt » (1) (câu 16). Hắn muốn chắc dạ rằng Vua địch-thủ kia, chỉ là một Hải-nhi yếu-đuối, đã bị thủ-tiêu. Hành-động này hoàn-toàn phù-hợp với tâm-tánh Hê-rốt, vì chính hắn mới giết hai con trai mình, là A-lec-xan-đơ và A-rit tô-bum, vì sợ chúng cướp ngôi của mình. Như vậy, ta thấy lòng ghen-ghét thường là đục-tánh tàn-ác hơn hết.

Tuy-nhiên, trước khi vua ra sắc-chỉ vô lương-tâm ấy, thì Giô-sép đã đưa Ma-ri và Chúa Jê-sus trốn qua Ai-cập. Ta

(1) Nên dịch là: và cả vùng tiếp-cận

hoàn-toàn không biết lúc đó Hài-nhi mấy tuổi, và gia-đình Giô-sép ở nước ngoài mấy năm. Dầu sao, tác-giả nhấn mạnh hai thực-sự : Thứ nhất, truyện-tích này giống như truyện-tích các Bác-sĩ tỏ ra sự dốt-dần của Đức Chúa Trời ; và thứ hai ông tuyên-bố rằng mọi chi-tiết trong truyện-tích ấy là ứng-nghiệm lời tiên-tri do Đức Chúa Trời soi-dẫn. Lúc các Bác-sĩ ra về, Giô-sép được cảnh-cáo trong chiêm-bao rằng « Hãy chờ dậy đem Con Trẻ và mẹ Ngài trốn qua nước Ai-cập » (câu 13). Khi vua Hê-rốt chết rồi, ông được lệnh trong giấc chiêm-bao « hãy chờ dậy, đem Con Trẻ và mẹ Ngài trở về xứ Y-sơ-ra-ên » (câu 20). Dầu định trở về xứ Giu-đê, nhưng « được Đức Chúa Trời mách-bảo trong giấc chiêm-bao, nên người vào xứ Ga-li-lê » (câu 22). Như vậy, tùy theo ý Ngài, Đức Chúa Trời luôn dẫn-dắt những người tận-tụy với quyền-lợi của Con Ngài.

Yếu-tố thiên-thượng của lịch-sử còn được bày-tỏ bởi mối liên-quan giữa các biến-cổ với lời tiên-tri Cựu-Uớc. Trong đoạn sách ngán-ngủ này, có ba câu trung-dẫn rõ-ràng. Ma-thi-ơ là sách Tin-Lành của Đấng Mê-si, sách Tin-Lành về sự « chỗi-bổ », sách Tin-Lành về sự ứng-nghiệm ; đây, ta nhận thấy rõ-ràng mọi đặc-sắc ấy, còn đặc-sắc cuối-cùng (sự ứng-nghiệm) lại nổi bật hẳn lên. Ma-thi-ơ tuyên-bố rằng sự chạy trốn qua xứ Ai-cập làm ứng-nghiệm lời của Ô-sê : « Ta đã gọi Con Ta ra khỏi nước Ai-cập » (câu 15). Ma-thi-ơ không trung-dẫn đúng lời, và cũng không có ý nói rằng đấng tiên-tri định dùng lời ấy như một dự-ngôn ; nhưng ông có ý nói rằng lịch-sử dân Y-sơ-ra-ên được đem ra khỏi Ai-cập là dự-đoán và hình-bóng về bước từng-trải này của Đấng Mê-si, là Con thật của Đức Chúa Trời. Câu trung-dẫn thứ hai lấy ở sách Giê-rê-mi, trong một đoạn có ý-nghĩa hình-bóng rất cao ; đoạn này mô-tả Ra-chên, mẹ của Giô-sép và Bê-nê-gia-min, từ phân-mộ bước lên và than-khóc con-cháu bị hủy-diệt khi bà thấy từng hàng, từng lũ phu-tù, do lệnh của vua Ba-by-lôn, bị đem từ thành Giê-ru-sa-lem hoang-vu đi lên phía Bắc. Ma-thi-ơ nói rằng nỗi đau-đớn thẩm-thiá của bà đã tìm thấy một trạng-huống tương-đồng, vì bức tranh thống-khổ của bà đã ứng-nghiệm trong cảnh sâu-thẳm của các bà mẹ ở thành Bết-lê-hem mất con.

Lời trung-dẫn thứ ba kém phần xác-định; có lẽ nó chẳng liên-quan đến một dự-ngôn đặc-biệt nào, nhưng liên-quan đến nhiều tác-giả đã ngụ-ý rằng Đấng Mê-si « bị người ta khinh-dê và chán-bỏ » (Ê-sai 53 : 3). Đó thật là từng-trải của Chúa Jê-sus; vả, một lý-do Ngài bị khinh-dê chính là cái thực-sự rằng Ngài đã ở lâu năm trong thành Na-xa-rét khuất-nẻo và thấp-thỏi. Tuy-nhiên, Ngài ở đó là do sự dắt-dẫn của Đức Chúa Trời. Lúc từ Ai-cập trở về, Giô-sép muốn ở xứ Giu-đê; nhưng A-chê-la-u đang trị-vi tại đó thay cho cha hắn, và giống hệt như cha, là Hê-rốt, hắn đã mở đầu đời trị-vi bằng tàn-sát ba ngàn công-nhân. Vậy, việc đã xảy ra là Giô-sép « được Đức Chúa Trời mách bảo trong chiêm bao, nên người vào xứ Ga-li-lê, ở trong một thành kia tên là Na-xa-rét » (câu 22, 23). Kết-quả Chúa Jê-sus được gọi là « người Na-xa-rét ». Đó là một danh-từ trách-móc, chể-nhạo, và các Đấng tiên-tri đã dự-ngôn rằng Đấng Mê-si sẽ chịu loài người khinh-dê như vậy; song từ thành Na-xa-rét bị khinh-dê, đã phát-xuất một Đấng, rồi lại sẽ làm ứng-nghiệm các lời tiên-tri về vinh-quang như trước kia, Ngài đã làm ứng-nghiệm các lời dự-ngôn về hồ-nhục. Đấng ấy là Jê-sus, Đấng Christ, Vua của cả thế-giới.

5. Người tiền-khu của Vua (3 : 1-12).

¹ Lúc ấy, Giảng Báp-tít đến giảng-đạo trong đồng vắng xứ Giu-đê, ² rằng : Các ngươi phải ăn-năn, vì nước thiên-đàng đã đến gần ! ³ Ấy là về Giảng Báp-tít mà đấng tiên-tri Ê-sai đã báo trước rằng :

Có tiếng kêu trong đồng vắng :

Hãy dọn đường Chúa,

Bằng băng các nẻo Ngài.

⁴ Vả, Giảng mặc áo bằng lông lạc-đà, buộc dây lưng bằng da; ăn, thì ăn những châu-chấu và mật ong rừng. ⁵ Bảy giờ, dân thành Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê, và cả miền chung-quanh sông Giô-đanh đều đến cùng người; ⁶ và khi họ đã xưng tội mình rồi, thì chịu người làm phép báp-têm dưới sông Giô-đanh.

⁷ Bời Giăng thấy nhiều người dòng Pha-ri-si và Sa-đu-sê đến chịu phép báp-têm mình, thì bảo họ rằng: Hỡi dòng-dõi rắn lục kia, ai đã dạy các ngươi tránh khỏi cơn giận ngày sau? ⁸ Vậy, các ngươi hãy kết-quả xứng-đáng với sự ăn-năn, ⁹ và đừng tự khoe rằng: Áp-ra-ham là tổ chúng ta; vì ta nói cho các ngươi rằng Đức Chúa Trời có thể khiến đá này sanh ra con-cái cho Áp-ra-ham được. ¹⁰ Bây giờ cái búa đã đề kê rễ cây; vậy rễ cây nào không sanh trái tốt, thì sẽ phải đốn và chụm. ¹¹ Về phần ta, ta lấy nước mà làm phép báp-têm cho các ngươi ăn-năn; song Đấng đến sau ta có quyền-phép hơn ta, ta không đáng xách giày Ngài. Ấy là Đấng sẽ làm phép báp-têm cho các ngươi bằng Đức Thánh-Linh và bằng lửa. ¹² Tay Ngài cầm nĩa mà dể thật sạch sân lúa mình, và Ngài sẽ chứa lúa vào kho còn rơm-rạ thì đốt trong lửa chẳng hề tắt.

Giăng-báp-tít là người tiên-khu của Chúa Jê-sus; ông dọn đường cho Chúa chúng ta thi-hành chức-vụ công-khai; thật ra, ông là người tiên-khu của «Vua». Điều này rõ-ràng nhờ danh-từ dùng để mô-tả công-việc của ông: ông «đến giăng». Trong nguyên-văn chữ «giăng» nghĩa là: «rao tin Vua, gần đến;» còn chữ «đến» thì gồm ý «một quan-chức tới nơi.» Điều này càng rõ-ràng nhờ sứ-điệp ông rao-truyền: «Các ngươi phải ăn-năn, vì nước thiên-đàng đã đến gần» (câu 2). Các tác-giả sách Tin-Lành khác chép lời kêu gọi «ăn-năn» duy có Ma-thi-ơ thêm lời tuyên-cáo Nước. Điều này còn rõ-ràng hơn nữa nhờ lời tiên-tri trung-dẫn như đã ứng-nghiệm trong sứ-mạng của ông: «Có tiếng kêu trong đồng vắng: Hãy dọn đường Chúa, ban bằng các nẻo Ngài» (câu 3). Như vậy, Giăng được giao-phó vai-trò quan tiên-khu của Vua, ra lệnh sửa-chữa đường-sá vì Vua gần ngự tới. Ấy vì ở Đông-phương, đường-sá ít và xấu, cần phải sai quan đi trước Vua để truyền lệnh sửa-chữa thể nào, thì cũng một thể ấy, vì Giăng kêu gọi ăn-năn, nên ông đã chuẩn-bị nhân-dân cho chức-vụ công-khai của Đấng Christ.

Lúc Giăng xuất-hiện đã được xác-định: «Lúc ấy» (câu 1), tức là đang khi Chúa Jê-sus ở Na-xa-rét. Gần ba mươi năm đã trôi qua; đến khi Ngài sẵn-sàng bỏ nơi ở khuất-

nẻo để thi-hành nhiệm-vụ đế-vương, thì Giăng được sai đi để gây lòng trông-đợi của dân chúng và khiến họ nôn-nả chờ Vua ngự đến.

Cách sinh-hoạt của Giăng báp-tít phù hợp với tánh-chất nghiêm-khắc của chức-vụ ông. Giăng mặc cái áo thô-khêch làm bằng vải lông lạc-đà, « ăn những châu-chấu và mật ông rừng » (câu 4). Ông chẳng dạy người ta phải sống khô-hạnh; nhưng vì ông kêu-gọi họ xây bỏ sự phóng-túng và tội-lỗi, nên ông đã treo gương từ-bỏ mình và quên mình để thi-hành nhiệm-vụ.

Ông lập-tức thành-công một cách lạ-lùng; cả nước tỉnh-thức, và các đoàn dân đông-đúc chịu báp-têm, không phải như một nghi-lễ Do-thái trọng-trung cho sự tẩy-sạch có thể tái-diễn hằng ngày, song như một dấu hiệu về sự dứt-khoát trừ bỏ quá-khứ tội-lỗi, về một chỗ rẽ không bao giờ tái-diễn nữa.

Trong các đoàn dân đông, Giăng báp-tít thấy « nhiều người dòng Pha-ri-si và Sa-đu-sê đến chịu phép báp-têm mình » (câu 7). Họ chưa ăn-năn, không tin Giăng, không muốn làm theo ý-chỉ Đức Chúa Trời; họ sẵn-sàng chối-bỏ và tiêu-diệt Đấng Christ mà Giăng tuyên-cáo đã ngự đến. Ông quở-trách họ kịch-liệt, với những giọng mỉa-mai, ngạc-nhiên: « Hỡi dòng-dõi rắn lục kia, có thể rằng các người thật tỉnh-thức và tìm cách tránh cơn đoán-phạt tương-lai như rắn chạy trốn trước ngọn lửa lan ra, chẳng? » Sự ăn-năn phải thành-thực; nó gồm một tấm lòng biến-cải và một cuộc đời tương-xứng « Vậy các người hãy kết quả xứng-đáng với sự ăn-năn » (câu 8). Được thừa-hưởng nhiều đặc-quyền và thuộc về một giáo-phái vẫn chưa đủ. « Chớ tự nghĩ rằng Áp-ra-ham là tổ-phụ chúng ta. » Đức Chúa Trời có thể tạo cho Ngài một dân từ những vật-liệu vô-giá-trị. Ngài « có thể khiến đá này sanh ra con-cái cho Áp-ra-ham được » (câu 9).

Đó là một phần lời Giăng quở-trách những kẻ không thành-thực, không ăn-năn. Ma-thi-ơ tiếp-tục chép bài giảng của Giăng cho các đoàn dân đông-đúc nữa. Nó gồm những lời cảnh-cáo và lời hứa. Tuyệt-đối cần phải ăn-năn, vì cơn đoán-phạt gần đến. « Bây giờ cái búa đã để kề rế

cây » (câu 10 a); nó không tĩa-sửa, nhưng phá-hủy. « Vậ
hễ cây nào không sanh trái tốt, thì phải đốn và chụm »
(câu 10 b). Vua sắp xuất-hiện, Ngài sẽ làm báp-têm cho
kẻ ăn-năn « bằng Đức Thánh-Linh » (câu 11), — không
phải chỉ dùng nước làm biểu-tượng hiền-nhiên, song còn
đưa vào tương-giao thiêng-liêng với một Ngôi Đức Chúa
Trời; không phải chỉ để biểu-thị sự xây-bổ tội-lỗi, song
còn bảo-đảm cho thật được giải-thoát khỏi tình-trạng mắc
tội và khỏi quyền-lực của tội-lỗi.

Nhưng Ngài cũng làm báp-têm « bằng lửa ». Con đoán-
phạt tương-lai được hình-dung bằng một sân đập lúa;
người ăn-năn giống như lúa mì được đem vào nước Thiên-
đàng; nhưng kẻ chẳng ăn-năn giống như rơm-rạ bị « đốt
trong lửa chẳng hề tắt » (câu 12).

Đó là lời truyền-giảng của người tiền-khu. Vua sẽ ngự
đến để lập nước Ngài, nhưng trước đó có con đoán-phạt.
Vậy hãy xây khỏi tội-lỗi, tiếp-nhận Vua và chung hưởng
vinh-quang đời trị-vì của Ngài.

Truyện-tích chức-vụ của Giảng dạy tương-ứng hoàn-toàn
với những đặc-sắc nhất-tri của sách Tin-Lành thứ nhất.
Đây người tiền-khu của Đấng Mê-si xuất-hiện; lời tố-cáo
bọn cầm đầu ngũ-ý rằng trong tương-lai, chúng sẽ chối-bỏ
Chúa của ông; lời ông giảng về con đoán-phạt nêu lên
cuộc đắc-thắng tối-hậu và Nước toàn-hảo của Đấng Christ.

6. Vua được xức dầu (3: 13-17).

¹³ Khi ấy, Đức Chúa Jêsus từ xứ Ga-li-lê đến cùng Giảng
tại sông Giô-đanh, đặng chịu người làm phép báp-têm.
¹⁴ Song Giảng từ chối mà rằng: Chính tôi cần phải chịu
Ngài làm phép báp-têm, mà Ngài lại trở đến cùng tôi sao!
Đức Chúa Jêsus đáp rằng: ¹⁵ Bây giờ cứ làm đi, vì chúng
ta nên làm cho trọn mọi việc công-bình như vậy. Giảng
bèn vâng lời Ngài. ¹⁶ Vừa khi chịu phép báp-têm rồi, Đức
Chúa Jêsus ra khỏi nước; bỗng chúc các tầng trời mở ra,
Ngài thấy Thánh-Linh của Đức Chúa Trời ngự xuống như chim
bò-câu, đậu trên Ngài. ¹⁷ Tức thì có tiếng từ trên trời phán
rằng: Này là Con yêu-dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đàng.

Có một cái gì tôn-nghiêm hiền-nhiên trong sự xuất-hiện của Chúa Jê-sus khi Ngài bước lên sân khấu lần đầu-tiền trong sách Tin-Lành Ma-thi-ơ này. Tuy-nhiên, cũng có một cái gì khiêm-cung chẳng kém. Một cách bất ngờ, Ngài tiến đến trước mặt người tiền-khu cao-trọng đang rao-truyền rằng Ngài đã ngự đến; và Ngài xin chịu lễ báp-têm mà Giăng đang cử-hành. Ưu-thế đế-vương của Ngài được tỏ ra khi Giăng kinh-ngạc, ngần-ngại, và khi chính Ngài truyền-lệnh: «Bây giờ cứ làm đi, vì chúng ta nên làm trọn mọi việc công-bình như vậy» (câu 15). Đó là lời đầu-tiền của Chúa Jê-sus mà Ma-thi-ơ đã ghi chép. Lời này lập-tức bày-tỏ phong-độ đế-vương và lòng khiêm-cung thiên-thượng. Mấy chữ: «Bây giờ cứ làm đi» (1) thật có ý-nghĩa. Giăng ngần-ngại, không dám làm báp-têm cho Chúa Jê-sus, chẳng phải vì lúc đó ông biết Ngài là Đấng Mê-si, song vì ông thấy Ngài là Đấng đạo-đức cao-siêu hơn mình vô-cùng. Chúa Jê-sus không từ-khước mức cao hơn đó; Ngài nhìn-nhận thật có như vậy; song Ngài bảo Giăng chính lúc này, hãy nhường cho Ngài địa-vị thấp-kém vì Ngài tình-nguyện nhận lấy.

Tuy-nhiên, tại sao Chúa Jê-sus phải chịu báp-têm? Chính Ngài đã đáp: «Nên làm cho trọn mọi việc công-bình,» nghĩa là: hầu cho ý-chỉ công-bình của Đức Chúa Trời, mà một mình Chúa Jê-sus hiểu, được thi-hành đầy-tròn. Vì chịu lễ báp-têm, Ngài đã đóng ấn chấp-thuận công-việc của Giăng «chẳng phải bởi loài người, bèn là bởi Đức Chúa Trời» (Rô. 2: 29), và chứng-thực cho lời Giăng nói rằng những kẻ muốn vào Nước Thiên-đàng tuyệt-đối cần phải ăn-năn và xưng tội-lỗi.

Hơn nữa, chịu lễ báp-têm, Ngài đã liên-hiệp với dân mình, không phải vì chính Ngài mắc tội-lỗi, nhưng vì cảm-thông với tội-nhân khi bỏ ghét tội-lỗi, buồn-rầu vì gánh nặng tội-lỗi, hi-vọng và trông đợi được cứu-giúp. Những ai cảm-thông mới cứu-giúp được.

Lại nữa, đối với mỗi tội-nhân ăn-năn, lễ báp-têm là khởi đầu cuộc đời mới được Đức Chúa Trời ưng-nhận thể nào, thì cũng một thể ấy, đối với Chúa Jê-sus, lễ báp-

(1) Bản tiếng Anh dịch là: Bây giờ cứ chịu đi.

têm tỏ ra Ngài khởi đầu chức-vụ công-khai; Ngài không có cuộc đời tội-lỗi để mà bỏ lại dưới dòng nước sông Giô-đanh; nhưng tại đó, Ngài chấm-dứt cuộc sống gia-đình ở Na-xa-rét luôn với những năm lặng-lẽ chuẩn-bị, và thật tiếp-nhận các bão-tố, gay-go và hi-sinh trong công-việc Ngài ngự đến để làm trọn như là một ý-chỉ công-binh của Đức Chúa Trời.

Tuy-nhiên, những đặc-sắc chánh-yếu của sự việc này chính là những đặc-sắc theo liền sau đó: khải-tượng Đức Thánh-Linh giáng xuống và tiếng phán từ trời. Khải-tượng ấy là dấu hiệu tỏ ra quyền-năng của Đức Chúa Trời, do đó chức-vụ của Ngài được làm trọn; còn tiếng phán từ trời thì quả-quyết rằng Ngài là Đấng Mê-si, là chính Đấng Christ của Đức Chúa Trời. Cả hai đặc-sắc này liên-quan sanh-động với lúc Ngài chịu lễ báp-têm. Lúc đó Ngài hiến mình cho nhiệm-vụ, và bây giờ Ngài sẵn-sàng phục-vụ. Lúc đó, Ngài dâng mình cho công việc, và bây giờ Ngài được biệt riêng cho sự-nghiệp. Chúng ta chẳng nên giả-định rằng trước kia, Ngài thiếu Hiện-diện của Đức Thánh-Linh, hoặc lúc này Ngài được hưởng một mối liên-hệ mới-mẻ với Đức Chúa Cha; nhưng lúc Ngài chịu lễ báp-têm, thì Ngài được chứng-quyết mới-mẻ rằng Ngài có quyền-năng của Đức Chúa Trời và là Con Đức Chúa Trời. Khải-tượng là «Thánh-Linh của Đức Chúa Trời ngự xuống như chim bồ-câu» (câu 16); đó là biểu-tượng lòng hiền-lành, nhu-mì, vì Vua phải khiêm-cung, hạ mình trong tinh-thần và chức-vụ. Người ta nghe tiếng Đức Chúa Cha phán rằng: «Đây là Con yêu-dấu của Ta, đẹp lòng Ta mọi đàng» (câu 17). Như vậy Đức Chúa Cha tuyên-bố Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si, là chính Đấng Christ của Đức Chúa Trời.

Đây thật là lễ xức dầu cho Vua. Thời xưa, những người được lựa-chọn làm vua Y-sơ-ra-ên đều được xức dầu để gợi ý rằng Thần Đức Chúa Trời, do dầu biểu-tượng, sẽ ban cho mọi ân-diên cần-thiết để làm trọn nhiệm-vụ thế nào, thì cũng một thế ấy, Chúa Jê-sus từ nơi chịu lễ báp-têm ra đi, được xức dầu bằng Đức Thánh-Linh, và được hoàn-toàn trang-bị để thi-hành chức-vụ đế-vương.

Như vậy, đối với kẻ theo Đấng Christ, cố sự thực này: Dầu hết thấy họ có Hiện-diện của Đức Thánh-Linh ở trong mình, nhưng khi họ lại dâng mình hầu việc Chúa, thì lại được đầy-dẫy Thánh-Linh, được mặc lấy quyền-năng để thi-hành nhiệm-vụ, và được bổ sức vì tin chắc sâu-xa hơn rằng mình thật là con-cái Đức Chúa Trời.

7. Vua chịu cám-dỗ (4: 1-11).

¹ Bảy giờ, Đức Thánh-Linh đưa Đức Chúa Jêsus đến nơi đồng-vàng, đặt chịu ma-quỉ cám-dỗ. ² Ngài đã kiêng ăn bốn mươi ngày bốn mươi đêm rồi, sau thì đói. ³ Quỷ cám-dỗ đến gần Ngài, mà nói rằng: Nếu ngươi phải là Con Đức Chúa Trời, thì hãy khiến đá này trở nên bánh đi. ⁴ Đức Chúa Jêsus đáp: Có lời chép rằng: Người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi, song nhờ mọi lời nói ra từ miệng Đức Chúa Trời.

⁵ Ma-quỉ bèn đem Ngài vào nơi thành thánh, đặt Ngài trên nóc đền-thờ, ⁶ và nói rằng: Nếu ngươi phải là Con Đức Chúa Trời, thì hãy gieo mình xuống đi; vì có lời chép rằng:

Chúa sẽ truyền các thiên-sứ gìn-giữ ngươi, thì

Các đấng ấy sẽ nâng ngươi trong tay,

Kẻo chơn ngươi vấp nhằm đá chông.

⁷ Đức Chúa Jêsus phán: Cũng có lời chép rằng: Ngươi đừng thử Chúa là Đức Chúa Trời ngươi.

⁸ Ma-quỉ lại đem Ngài lên trên núi rất cao, chỉ cho Ngài các nước thế-gian, cùng sự vinh-hiền các nước ấy; ⁹ mà nói rằng: Ví bằng ngươi sấp mình trước mặt ta mà thờ-lạy, thì ta sẽ cho ngươi hết thấy mọi sự này. ¹⁰ Đức Chúa Jêsus bèn phán cùng nó rằng: Hỡi quỷ Sa-tan, ngươi hãy lui ra! Vì có lời chép rằng: Người phải thờ-phượng Chúa là Đức Chúa Trời ngươi, và chỉ hầu việc một mình Ngài mà thôi. ¹¹ Ma-quỉ bèn bỏ đi; liền có thiên-sứ đến gần mà hầu việc Ngài.

Cuộc giao-tranh quan-trọng hơn hết, đáng ghi-nhớ hơn hết và mầu-nhiệm hơn hết trong lịch-sử chính là cuộc giao-tranh giữa Chúa Jêsus và ma-quỉ. Không nên giả-định

rằng đây là lần đầu-tiên hoặc lần sau chót mà vua giả tấn-công Vua chánh-ngôi của thế-giới này; song từng-trải kết-liệu bốn mươi ngày Chúa Jê-sus ở nơi đồng-vắng chính là kiêu-mẫu và tóm-lắt mọi cuộc tấn-công của Sa-tan, là chứng-cớ và lời tiên-tri đến cuối-cùng, nó sẽ bị thua.

Thời-gian thật có ý-nghĩa. «Bấy giờ» (câu 1). Khi Chúa Jê-sus chịu lễ báp-têm rồi, được chứng-quyết rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời, và cảm thấy mình có quyền-năng siêu-nhiên, thì «bấy giờ... Đức Chúa Jê-sus... chịu... cám-dỗ». Mỗi cuộc tấn-công của kẻ thù liên-quan đến sự cảm biết và từng-trải mới-mẻ kia. Theo sau những lúc cao tột bậc trong cõi thiêng-liêng, thường có ngay những lúc hiểm-nghèo hết sức cho phần đạo-đức. Sau khi từng trời mở ra, Đức Thánh-Linh giáng xuống và có tiếng phán từ trời, thì liền có tiếng thi-thăm của quỷ-sứ, tiếng hút gió của con rắn. Cũng một thể ấy, theo sau mỗi quyền-năng nói rộng, mỗi bước tiến ở đời, mỗi đặc-ân gia-tăng, vẫn có một nguy-cơ mới-mẻ cho linh-hồn.

«... Đưa Đức Chúa Jê-sus đến nơi đồng vắng, dặng chịu... cám-dỗ.» Nơi Ngài chịu cám-dỗ cũng có ý-nghĩa đặc-biệt, vì trong giờ phút giao-tranh, thử-thách kịch-liệt, lòng người ta cảm thấy cô-đơn, trợ-trợ đặc-biệt. Phước thay cho người nào lúc ấy cảm thấy Hiện-diện của Đấng Giải-cứu thiên-thượng và của thiên-sứ giúp-đỡ mình!

«Đức Thánh-Linh đưa Đức Chúa Jê-sus đến... dặng chịu... cám-dỗ» Vì sự cám-dỗ này phù-hợp với một ý-định của Đức Chúa Trời, và kết-quả của nó là lợi-ích vô-biên. Nhờ cách đó, Chúa Jê-sus được chuẩn-bị đề gập và thắng mọi sự cám-dỗ trong chức-vụ của Ngài trên mặt đất, và các môn-đệ Ngài được biết chắc Ngài cảm-thương họ trong những giờ phút tối-tăm hơn hết, ban năng-lực Ngài cho họ ở những nơi cần-thiết cấp-bách hơn hết.

(1) Sự cám-dỗ thứ nhứt thuộc phạm-vi thêm-muốn của thân-thể. Sau bốn mươi ngày kiêng ăn, có phản-ứng là đói như cào. «Quỉ cám-dỗ đến gần Ngài, mà nói rằng: Nếu ngươi phải là Con Đức Chúa Trời, thì hãy khiến đá này trở nên bánh đi» (câu 3). Sao lại không khiến? Thèm ăn là vô-tội, nhu-cầu lại cấp-bách, và Ngài có quyền-năng

đề tự cứu-giúp ngay. Nhưng nếu Chúa Jêsus dùng phép lạ để thỏa-mãn sự thèm-muốn của loài người và nhu-cầu riêng của mình, thì Ngài đã tự phân-rẽ với những từng - trải loài người và từ - bỏ chính mục-tiêu của sứ-mạng Ngài. Như vậy, đối với Ngài, sẽ không có đau-đớn và cuối-cùng không có thập-tự giá, còn đối với chúng ta, thì không có Đấng nào cảm-thương và cứu-rỗi mình được. Một sự thúc-giục thiên-thượng đã đẩy Ngài vào đồng-vắng, cũng như một ý-định thiên-thượng đã đưa Ngài đến thế-gian. Bất cứ ý-định của Đức Chúa Trời gồm những gì, Ngài cũng phải chịu-đựng với tư-cách của một người. Sẽ có những lúc và những nơi để làm phép lạ, nhưng không bao giờ Ngài làm phép lạ để thỏa-mãn bất-cứ sự ham thích vị-kỷ nào. Vì là Con Đức Chúa Trời, Ngài có những quyền-lực siêu-nhân, song buộc phải hoàn-toàn đầu-phục ý-chỉ Đức Chúa Trời. Ma-qui cảm-đổ có thói-quen dụ người ta dùng những phương-pháp trái lẽ để thỏa-mãn những thèm-muốn vô-tội, nhiều sự-nghiệp bị tàn-phá vì hiến-dâng cho sự phóng-túng vị-kỷ những khả-năng cốt để phục-vụ cao-qui hơn.

Thực-chất của sự cảm-đổ này được tỏ ra bởi câu Kinh-Thánh Cựu-Uớc mà Chúa Jêsus đã trưng-dẫn. Bằng một luồng chớp-nhoáng, pháo đội của kẻ thù bị lột mặt nạ và cảm luận: « Người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi, song nhờ mọi lời ra từ miệng Đức Chúa Trời. » Chúa Jêsus nhìn-nhận nhu-cầu của Ngài, song Ngài quyết-định nhờ-cậy Đức Chúa Trời cung-cấp cho mình. Ma-qui cảm-đổ Ngài nghi-ngờ lòng nhân-lành hoặc quyền-năng của Đức Chúa Trời. Nhưng Đức Chúa Jêsus tuyên-bố rằng Đức Chúa Cha đã nuôi sống dân Y-sơ-ra-ên nơi đồng-vắng thế nào, thì bây giờ Cha cũng nuôi sống Con Ngài thế ấy; lúc đó là bánh ban từ trời, còn bây giờ là thế nào, thì Ngài không biết; Ngài giao việc ấy trong tay Đức Chúa Trời; Ngài tự biết mình đang bước đi trong ý-chỉ Đức Chúa Cha, và cũng biết rằng Cha sẽ cung-cấp nhu-cầu cho mình. Nói rằng câu: « Người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi » gồm ý người ta có những năng-lực và khả-năng cao-qui hơn mà đồ ăn vật-chất không thể thỏa-mãn, thì là nói ra ngoài đề. Trong tri-óc Chúa Jêsus nghĩ

đến đồ ăn vật-chất mà Ngài đang cần; tuy-nhiên, Ngài kháng-cự sự cám-dỗ dùng phương-pháp không thích-ứng để thỏa-mãn thèm-muốn của thân-thể; Ngài kháng-cự bằng cách tin rằng Đức Chúa Trời sẽ cung-cấp mọi nhu-cầu thiết-thực, và đầu-đòi-hỏi của thèm-muốn mạnh-mẽ đến chừng nào, đờng-lối cùng ý-chỉ Đức Chúa Trời chắc cũng sẽ cho Ngài thỏa-mãn và tận-hưởng cuộc đời.

(2) Sự cám-dỗ thứ hai thuộc phạm-vi tri-tuệ tọc-mạch. Ma-qui đã thất-bại, không thể làm cho Chúa Jêsus hoài-nghi; nó bắt lấy lời Ngài và cố đẩy Ngài tới cực-đoan ngược lại, là lòng tin-cậy đầy tự-thị. Nó đưa Ngài lên «trên nóc đền-thờ» (câu 5) và giục Ngài «gieo mình xuống đi» (câu 6). Tại sao Ngài phải làm như vậy? Chỉ để xem từng-trái ấy sẽ là thể nào. Vì Ngài là Con Đức Chúa Trời, nên bị cám-dỗ thử-nghiệm sự săn-sóc y theo thiên-hựu của Cha Ngài. Ma-qui xúi Ngài tự đặt mình vào chỗ hiểm-nghèo chỉ-từ để tin-cậy Đức Chúa Trời sẽ dùng quyền-năng siêu-nhiên giải-cứu mình. Để tăng-cường lời xui-giục của nó, ma-qui cũng trưng-dẫn Kinh-Thánh (nó luôn luôn có thể trưng-dẫn như vậy để mong đạt tới mục-đích): «Chúa sẽ truyền các thiên-sứ gìn-giữ ngươi, thì các đấng ấy sẽ nâng ngươi trong tay» (câu 6b). Sa-tan vẫn còn dùng mưu-chước ấy để toan hủy-phá linh-hồn người ta. Nó xui-giục người ta «hãy xem thử» để gia-tăng tri-thức bằng những từng-trái làm nguy-hiêm cho (mặc dầu không cần) sự trong-sạch, uy-tin, sức-khỏe, danh-vọng của họ, để tự đặt vào hiểm-họa về phần đạo-đức, để sống quá mức tài-sản mình, để phụ-trách công-việc quá khả-năng của mình. Nó xui-giục như vậy cả ở những nơi chí-thánh, ngay cả trước Đền-thờ, là nơi đức-tin mạnh-mẽ hơn hết, ngay cả trong chức-vụ hầu việc Đấng Christ; nó bảo họ hãy tin-cậy Đức Chúa Trời, và quả-quyết với họ rằng là con-cái Đức Chúa Trời, là người có nguyên-tắc vững-mạnh, là kẻ theo Đấng Christ, họ không thể mắc tai-họa nào hết; rằng Đức Chúa Trời sẽ làm phép-lạ và bảo-vệ họ.

Chúa Jêsus đối phó với sự cám-dỗ và câu trưng-dẫn đó bằng một câu trưng-dẫn khác, tỏ ra rằng Sa-tan đã áp-dụng sai Kinh-Thánh: «Cũng có lời chép rằng: Ngươi đừng thử Chúa, là Đức Chúa Trời ngươi» (câu 7). Bất-

buộc Đức Chúa Trời cứu mình, thử-nghiệm Ngài, xem thử Ngài sẽ hành-động hay không, đó chẳng phải đức-tin mà là tự-thị, chẳng phải tin-tưởng mà là hoài-nghi. Trên đường phận-sự thiết-thực con-cái Đức Chúa Trời không cần sợ-hãi những hiểm-nghèo đe-dọa nhiều nhưt; song người nào tự đặt vào vòng nguy-hiểm không cần-thiết, thì không thể trông-mong được Đức Chúa Trời giải-cứu.

(3) Sự cảm-dỗ thứ ba thuộc phạm-vi dục-vọng cá-nhân. Sa-tan hiển « các nước thế-gian » (câu 8) cho Jêsus. Có điều đáng chú-ý: khác hẳn Lu-ca, là « sách Tin-Lành của Người Lý-trưởng », Ma-thi-ơ là « sách Tin-Lành của Vua », đặt sự cảm-dỗ này ở sau chót, và như vậy đưa truyện-tích lên tuyệt-diêm. Chúa Jêsus muốn cầm-quyền trị-vì cả thế-giới, thì đâu phải là trái lẽ tự-nhiên. Ngài đòi như vậy; Ngài trông-mong như vậy; Ngài sẽ đạt tới như vậy, song không theo điều-kiện của ma-quỉ: « Vì bằng người sắp mình trước mặt ta mà thờ-lạy » (câu 9). Lẽ tự-nhiên, không; há có gì Con Đức Chúa Trời gớm-ghét hơn? Ngài sẵn có câu trả lời do Đức Thánh-Linh soi-dẫn: « Người phải thờ-phượng Chúa, là Đức Chúa Trời người, và chỉ hầu việc một mình Ngài mà thôi » (câu 10). Tuy-nhiên, đối với cả những người theo Đấng Christ, cũng có sức mạnh xảo-quyệt trong lời xui-giục này của ma-quỉ cảm-dỗ. Nó không đòi họ từ-bỏ mục-dịch cao-quí, là đến cuối-cùng sẽ giúp ích và phục-vụ kẻ khác luôn với thế-gian; nó chỉ đòi họ thỏa-hiệp với tội-ác, coi đó như là phương-pháp đạt tới mục-dịch. Nó nhấn mạnh rằng phương-pháp nào cũng tốt, miễn là đạt tới mục-dịch. Nó gợi ý rằng trong thương-giới, xã-hội, hoặc chánh-giới, những phương-pháp tội-ác lan-tràn đến nỗi muốn thành-công, thì chỉ có một cách là đồng-lỏa với tội-ác. Nó bảo chúng ta rằng đây là thế-giới của nó, và chúng ta thỏa-hiệp với nó, thì mới cầm quyền cai-trị được.

Đối với Đấng Christ, lúc này con đường đã vạch rõ: Hoặc đầu-phục Sa-tan và đi con đường dễ-dàng đến nơi

được thế-gian ham-mộ, được quyền-lực tạm thời; hoặc trung-thành với Đức Chúa Trời, chịu giao-tranh nhọc-nhẫn, đổ nước mắt và chết trên thập-tự giá, nhưng rồi được ngôi Vua cả thế-giới đời đời. Các môn-đệ Ngài cũng phải lựa chọn y như vậy; đối với họ, lòng trung-thành không hề lay-chuyển, chính là con đường thập-tự giá, song cũng là con đường đến mũ triều-thiên.

« Ma-quỉ bèn bỏ đi; liền có thiên-sứ đến gần mà hầu-việc Ngài » (câu 11). Có thể thắng trận, và sau cuộc giao-tranh, có sự nghỉ-ngơi vui-vẻ dành cho mọi người đã chiến-đấu bằng gươm của Đức Thánh-Linh và dề lòng tin-cậy Con Đức Chúa Trời.

THƯ VIỆN CƠ ĐỐC
Christian Library

II. BẢN TUYÊN-NGÔN CỦA VUA

(4 : 12 đến 7 : 29)

1. Trường-hợp (4 : 12-25).

¹² Và, khi Đức Chúa Jêsus nghe Giăng bị tù rồi, thì Ngài lánh qua xứ Ga-li-lê. ¹³ Ngài bỏ thành Na-xa-rét mà đến ở thành Ca-bê-na-um, gần mé biển, giáp địa-phận xứ Sa-bu-lôn cùng xứ Nép-ta-li, ¹⁴ để cho ứng-nghiệm lời đáng tiên-tri Ê-sai đã nói rằng :

¹⁵ Đất Sa-bu-lôn và Nép-ta-li,

Ở về trên con đường đi đến biển, bên kia sông Giô-đanh,
Tức là xứ Ga-li-lê thuộc về dân ngoại...,

¹⁶ Dân ấy ngồi chỗ tối-tăm,

Đã thấy ánh sáng lớn ;

Và trên những kẻ ngồi trong miền và dưới bóng sự chết,
Thì ánh sáng đã mọc lên.

¹⁷ Từ lúc đó, Đức Chúa Jêsus khởi giảng-dạy rằng : Các người hãy ăn-năn, vì nước thiên-đàng đã đến gần.

¹⁸ Khi Ngài đang đi dọc theo mé biển Ga-li-lê, thấy hai anh em kia, là Si-môn, cũng gọi là Phi-e-rơ, với em là Anh-rê, đương thả lưới dưới biển, vì hai anh em vốn là người đánh cá. ¹⁹ Ngài phán cùng hai người rằng : Các người hãy theo ta, ta sẽ cho các người nên tay đánh lưới người. ²⁰ Hai anh em liền bỏ lưới mà theo Ngài. ²¹ Từ đó đi một đỗi xa xa nữa, Ngài thấy hai anh em khác, là Gia-cơ, con của Xê-bê-đê, với em là Giăng, đang cùng cha mình là Xê-bê-đê vá lưới trong thuyền ; Ngài bèn gọi hai người. ²² Tức thì hai người đó bỏ thuyền và cha mình mà theo Ngài.

²³ Đức Chúa Jêsus đi khắp xứ Ga-li-lê, dạy-dỗ trong các nhà hội, giảng Tin-lành của nước Đức Chúa Trời, và chữa lành mọi thứ tật-bệnh trong dân. ²⁴ Vậy, danh-tiếng Ngài đồn ra khắp cả xứ Sy-ri, người ta bèn đem cho Ngài mọi người đau-ốm, hay là mắc bệnh nọ tật kia, những kẻ bị quỷ ám, điên-cuồng, bại-xuội, thì Ngài chữa cho họ được lành cả. ²⁵ Và lại, từ xứ Ga-li-lê, xứ Ê-ca-bô-lơ, thành Giê-ru-sa-lem, xứ Giu-đê, cho đến xứ bên kia sông Giô-đanh, thiên-hạ kéo nhau rất đông mà theo Ngài.

Một đặc-sắc của sách Tin-Lành Ma-thi-ơ là làm nổi bật lên những diễn-văn quan-trọng của Chúa Jê-sus, hoặc những lời phán của Ngài được thâu góp lại. Diễn-văn đầu-tiên và quen-thuộc như thường được gọi là : « Bài Giảng Trên Núi ». Bài giảng có thể coi như bản tuyên-ngôn hoặc công-bố của Vua, hoặc Đại-hiến-chương của Nước Ngài. Mấy câu cuối chương bốn bày-tỏ trường-hợp Ngài phán những lời này. Chính Bài Giảng được ghi-chép ở các chương 5, 6 và 7.

a. Chúa Jê-sus đã chọn lấy một nơi trú-ngụ mới (4 : 12-17). Sau những từng-trải đầu-tiên ở xứ Giu-đê, sau khi chịu lễ báp-têm và chịu cám-dỗ, Ngài trở về xứ Ga-li-lê và ở ít lâu tại Na-xa-rét, là nơi Ngài đã sống thời niên-thiếu và lúc mới trưởng-thành. Nhưng lúc sắp bắt đầu chức-vụ công-khai, thì « Ngài bỏ thành Na-xa-rét đến ở thành Ca-bê-na-um » (câu 13). Ma-thi-ơ tuyên-bố rằng Giảng Báp-tít bị bắt và « bị tù » chính là cơ-hội cho Chúa Jê-sus « lánh qua xứ Ga-li-lê ». Nếu người tiền-khu của Ngài bị đối-xử như vậy, thì Vua có thể trông-mong gì ? Giảng đã nghiêm-khắc quở-trách các thủ-lãnh tôn-giáo ở thành Giê-ru-sa-lem và xứ Giu-đê ; bây giờ sự-nghiệp của ông đã chấm dứt, thì sự chống đối của họ có cơ làm gián-đoạn công-việc của Chúa Jê-sus. Ngài lui về một miền mà ảnh-hưởng của họ kém phần mạnh-mẽ. Xứ Ga-li-lê bị khinh-dê vì thiếu đặc-quyền tôn-giáo ; tuy-nhiên, đây là một địa-diềm hấp-dẫn để tuyên-cáo Nước của Ngài. Các đoàn dân đông kéo đến thật là nhiệt-thành, lanh-lợi và thông-minh ; trong vòng họ, có nhiều người dân ngoại sẽ đem « Tin-lành » truyền khắp thế-giới ; nơi đây, Chúa Jê-sus có thể tập-hợp một đoàn đông môn-đệ trước khi lại tự giới-thiệu với toàn-dân, tại Giê-ru-sa-lem, là Đấng Mê-si mà Đức Chúa Trời đã hứa.

Ma-thi-ơ nói rõ rằng Ca-bê-na-um ở « gần mé biển » trên biên-giới của hai chi-phái Y-sơ-ra-ên thuở xưa, là « Sa-bu-lôn và Nép-ta-li » ; ông nói như vậy để tỏ ra một lời tiên-tri do Đức Thánh-Linh soi-dẫn đã được ứng-nghiệm rất đúng. Ê-sai dự-ngôn rằng các chi-phái phương bắc này đã chịu đau-đớn kịch-liệt như thì sẽ được giải-cứu khỏi quân thù ; « ánh sáng » cứu-giúp sẽ bừng lên giữa cảnh « tối-tăm »

tuyệt-vọng của họ. Ma-thi-ơ tuyên-bố rằng lời tiên-tri này được ứng-nghiệm đúng như thế vì trong miền đó đã xuất-hiện Đức Chúa Jê-sus, là « sự sáng của thế-gian » (Gi. 8 : 12), Đấng giải-cứ khỏi bạo-quyền của tội-lỗi. Như Ma-thi-ơ luôn luôn chỉ tỏ, Ngài ngự đến tức là Vua ngự đến, và đoạn sách Ê-sai kia còn mô-tả Ngài thêm nữa : « Quyền cai-trị sẽ nẩy trên vai Ngài. Ngài sẽ được xưng là Đấng Lạ-lùng, là Đấng Mưu-luận, là Đức Chúa Trời Quyền-năng, là Cha đời đời, là Chúa Bình-an » (Ê-sai 9 : 5).

Như vậy, lúc này Chúa Jê-sus bắt đầu chức-vụ tại xứ Ga-li-lê, và khởi-diêm này được mô-tả là sự tuyên-cáo Nước Ngài : « Từ lúc đó, Đức Chúa Jê-sus khởi giảng-day rằng : Các ngươi hãy ăn-năn, vì Nước Thiên-đàng đã đến gần » (câu 17). Trong thân-vị của Vua và trong sự tuyên-cáo Nước Ngài, ánh sáng đã chói-lọi và sẽ tổng-đuổi hết tối-tăm trên thế-giới.

b. Các môn-đệ đầu-tiên của Đấng Christ cũng đã được kêu gọi (câu 18-22). Ấy là anh em Phi-e-rơ và Anh-rê, anh em Gia-cơ và Giăng. Trước đây, họ đã biết Chúa Jê-sus, và tin Ngài là Đấng Mê-si ; song bây giờ họ được kêu gọi li-bỏ nhà cửa và cuộc sanh-hoạt thường ngày mà dâng trọn thì giờ, sức-lực hầu việc Ngài. Vua cần những kẻ mà Ngài có thể huấn-luyện làm người tiền-khu của Ngài, có thể phụ-lực truyền-giảng Nước Ngài. Ngài đã kêu-gọi họ bằng một mạng-lệnh để-vương « Các ngươi hãy theo Ta » (câu 19a.) nhưng Ngài đã thêm một lời hứa đầy khích-lệ : « Ta sẽ cho các ngươi nên tay đánh lưới người » (câu 19b). Công việc của họ gần giống như cũ, và đòi-hỏi những tư-cách, khả-năng tương-tự ; song kết-quả thì vinh-hiễn hơn vô-cùng. Lập-tức họ bỏ lưới « bỏ thuyền và cha mình mà theo Ngài » (câu 22). Ngày nay, Chúa Jê-sus còn kêu-gọi nhiều người hầu việc Ngài. Mạng-lệnh Ngài đòi phải hi-sinh nhưng cần vâng lời mau-lẹ, vì có lời hứa cho tương-giao với Vua, có những phần thưởng và đặc-quyền vô-song trong Nước Ngài.

c. Chức-vụ mở đầu (câu 23-25), có lẽ là một cuộc lưu-hành trong xứ Ga-li-lê, cũng đã được làm trọn và được ghi-chép trước Bài Giảng Trên Núi để gọi lên cùng tóm-tắt những điều-kiện theo đó Nước Ngài đã được tuyên-cáo.

Đây là chức-vụ « dạy-dỗ », « giảng » và « chữa lành ». Không còn nghi-ngờ chi nữa, sự chữa lành là do phép lạ, và kết-quả đã làm cho « danh-tiếng Ngài đồn ra khắp cả xứ Sy-ri » (câu 24); đồng-thời dân-chúng từ bốn phía xứ Pa-lét-tin tấp-nập kéo đến chung-quanh Ngài. Chính là trong thời-gian này và tình-trạng này mà Chúa Jê-sus phán-dạy những qui-tắc vô-song đã được duy-tri cho chúng ta trong Bài Giảng Trên Núi.

Các môn-đệ Đấng Christ đi ra giảng, dạy và chữa lành như Danh Ngài, thì chỉ có thể trông-mong lời-cuốn được quần-chúng trong trường-hợp họ vâng-giữ các luật-pháp của nước Ngài và bày-tỏ quyền-năng của Vua trong đời mình.

2. Bài giảng trên núi (chương 5 đến 7).

a) *Lời mở đầu: Tâm-tánh và hạnh-phước các
đầy-tớ của Vua (5: 1-16).*

1 Đức Chúa Jê-sus xem thấy đoàn dân đông, bèn lên núi kia; khi Ngài đã ngồi, thì các môn-đồ đến gần.

2 Ngài bèn mở miệng mà truyền dạy rằng:

3 Phước cho những kẻ có lòng khó-khản, vì nước thiên-đàng là của những kẻ ấy!

4 Phước cho những kẻ than-khóc, vì sẽ được yên-ùi!

5 Phước cho những kẻ nhu-mì, vì sẽ hưởng được đất!

6 Phước cho những kẻ đói-khát sự công-bình, vì sẽ được no-đủ!

7 Phước cho những kẻ hay thương-xót, vì sẽ được thương-xót!

8 Phước cho những kẻ có lòng trong-sạch, vì sẽ thấy Đức Chúa Trời!

9 Phước cho những kẻ làm cho người hòa-thuận, vì sẽ được gọi là con Đức Chúa Trời!

10 Phước cho những kẻ chịu bắt-bớ vì sự công-bình, vì nước thiên-đàng là của những kẻ ấy!

11 Khi nào vì cơ ta mà người ta mắng-nhiếc, bắt-bớ, và lấy mọi điều dữ nói vu cho các người, thì các người sẽ được phước. 12 Hãy vui-vẻ, và nức lòng mừng-rỡ, vì phần thưởng các người ở trên trời sẽ lớn lắm; bởi vì người ta

cũng từng bắt-bớ các đấng tiên-tri trước các ngươi như vậy.

¹³ Các ngươi là muối của đất; song nếu mất mặn đi, thì sẽ lấy giống chi mà làm cho mặn lại? Muối ấy không dùng chi được nữa, chỉ phải quăng ra ngoài và bị người ta đạp dưới chơn. ¹⁴ Các ngươi là sự sáng của thế-gian; một cái thành ở trên núi thì không khi nào bị khuất được: ¹⁵ cũng không ai thấp đèn mà để dưới cái thùng, song người ta để trên chơn-đèn, thì nó soi sáng mọi người ở trong nhà. ¹⁶ Sự sáng các ngươi hãy soi trước mặt người ta như vậy, đừng họ thấy những việc lành của các ngươi, và ngợi-khen Cha các ngươi ở trên trời.

Bài Giảng Trên Núi là bản diễn-văn tối-cao trong nền văn-chương thế-giới. Tuy-nhiên, đó chẳng phải là tổng-hợp và thực-thể của đạo Đấng Christ. Nó nêu lên những luật-pháp căn-bản của nước Ngài; nhưng nếu đặt ngoài chân-lý về Thân-vị thiên-thượng và công-ơn cứu-chuộc của Đấng Christ, thì nó làm cho lòng người nghe bối-rối, tuyệt-vọng. Nó bày-tỏ một lý-tưởng thiên-thượng, một tiêu-chuẩn hành-vi hoàn-toàn, do đó mọi người bị lên án là tội-nhân; và họ chỉ nhờ Đức Chúa Trời giúp-đỡ, mới đạt tới được lý-tưởng ấy, tiêu-chuẩn ấy. Diễn-văn này thường gọi là « Bài Giảng Trên Núi » vì cơ địa-diểm Chúa đã chọn để giảng-day. Tuy-nhiên, thực-sự đó chẳng cần-thiết chi hết, vì nhan-đề thông-dụng chẳng hiển cho ta một ý-niệm nào về bài giảng ấy. Gọi là: « Bản Tuyên-Ngôn của Vua » hoặc « Bài giảng về sự Công-bình Thật », thì tốt hơn, vì chắc hẳn đề-mục là sự công-bình mà Vua đòi-hỏi. Nó nêu lên luật-pháp căn-bản của Nước Ngài.

- Diễn-văn mở đầu bằng lời mô-tả tâm-tánh và hạnh-phước của những kẻ theo Vua. Phần tiêu-dẫn chứa những lời hứa quen-thuộc, thường gọi là « Các Phước Lành, » và cũng chứa các thí-dụ về Muối của Đất, sự sáng của Thế-gian. Các phước lành gọi lên những mối liên-quan lý-tưởng với Đức Chúa Trời và loài người. Có thể coi lời đầu tiên là rất thông-cảm: « Phước cho những kẻ nghèo trong thần-linh! » (câu 3a theo nguyên-văn). Lời này tỏ ra sự khiêm-nhường và cảm thấy mình lệ-thuộc Đức Chúa Trời, là đặc-diểm của thái-độ thích-dáng với Ngài. Lời hứa

là: «Nước Thiên-đàng là của những kẻ ấy» (câu 3b). Họ đã được hưởng một phần hạnh-phước của Nước Thiên-đàng; song cơ-nghiệp phong-phú của họ thuộc về tương-lai, khi nào Nước ấy hiển-hiện với mức hoàn-toàn. Những người kẻ-tự Nước Thiên-đàng đang «than-khóc» vì cơ tội-lỗi mình, và họ chắc-chắn được Đức Chúa Trời «yên-ủi» (câu 4). Họ «nhu-mi» khi giao-thiệp với kẻ đồng loại, nhưng sẽ «được kẻ-tự trái đất» (câu 5 theo nguyên-văn). Họ đói-khát sự công-bình, nhưng chắc-chắn được thỏa-mãn. Họ có lòng «thương-xót kẻ khác» nên «sẽ được» Đức Chúa Trời «thương-xót» (câu 7). Họ «có lòng trong-sạch» (câu 8), nên hiện nay được tương-giao với Đức Chúa Trời và sẽ còn được khải tượng phước lành khi «ngắm xem Vua trong sự tốt-đẹp Ngài» (Ê-sai 33:17). Họ nôn-nả «làm cho người hòa-thuận», và vì cơ công-vụ vương-bá đó, sẽ được ban-bố «là Con Đức Chúa Trời» (câu 9).

Ta có thể trông-mong rằng những người có tâm-tánh như vậy sẽ hưởng bình-an trong thế-gian và được kẻ khác hoan-nginh, hâm-mộ. Nhưng Chúa không hứa cho họ được từng-trải đó trong hiện-tại. Trái lại, họ phải mong-chờ con bắt-bớ. Trong thế-gian đã chối-bỏ Vua, thì những kẻ theo Vua phải mong-chờ chia-xẻ nỗi thương-khó của Ngài; nhưng «Nước Thiên-đàng là của những kẻ ấy» (câu 10 b). Trong hạnh-phước của Nước ấy, họ sẽ quên hết sầu-thảm trần-gian. Phước-lành sau chót này trực-tiếp ứng-dụng cho các môn-đệ đang nghe Chúa phán-dạy. Ngài truyền-bảo họ «hãy vui-vẻ và nức lòng mừng-rỡ» (câu 12a) khi bị «máng-nhiếc, bắt-bớ và... nói vu» (câu 11). Họ phải kê mình là «được phước» không những vì có phần thưởng dành sẵn cho mình trên Thiên-đàng, song cũng vì vinh-hạnh được đứng chung hàng với đạo-quần đông-đảo gồm các đấng tiên-tri, thánh-đồ và thánh tử-đạo đã chịu đau-đớn «Vi sự công-bình» trước họ và đã chiếm được mũ triều-thiên vinh-hiến.

Tuy-nhiên, hạnh-phước của những người theo Vua này không phải chỉ ở tương-lai. Trong hiện-tại, họ có đặc-quyền cao-trọng, là có ảnh-hưởng cứu-giúp và ích-lợi đến thế-gian mà mình đang sống trong đó. Tuy-nhiên, họ chỉ có ảnh-hưởng ấy một khi làm đúng những đòi-hỏi của

Vua và tìm cách làm cho kẻ khác biết Thần-vị cùng quyền-năng Ngài. « Các ngươi là muối của đất » (câu 13a). Anh-hưởng của họ sẽ giữ cho thế-giới khỏi bị hư-hoại; nhưng muốn được vậy, họ phải bền giữ lòng tin-quyết; bằng không, họ sẽ giống như muối « mất mặn » (câu 13b) « Các ngươi là sự sáng của thế-gian » (câu 14 a); nhưng nếu muốn làm trọn sứ-mạng ấy, sự sáng của họ không được giấu đi. Người nào xây thành trên ngọn núi, thì không bao giờ có ý cho nó « bị khuất » (câu 14b), cũng như kẻ nào đắp đê thì không giấu nó « dưới cái thùng » (câu 15a). Cũng một thể ấy, những người được kêu gọi theo Vua, mà muốn đứng vào địa-vị thích-đáng và phần-chiếu vinh-quang vào « Cha... ở trên trời » (câu 16), thì phải bày-tỏ sự công-bình mà Ngài đòi-hỏi.

b) Các dầy-tớ của Vua và luật đạo-dức (5 : 17-48).

1. Nguyên-tắc tổng-quát (5 : 17-20).

¹⁷ Các ngươi đừng tưởng ta đến đặng phá luật-pháp hay là lời tiên-tri; ta đến, không phải để phá, song để làm cho trọn. ¹⁸ Vì ta nói thật cùng các ngươi, đương khi trời đất chưa qua đi, thì một chấm một nét trong luật-pháp cũng không qua đi được cho đến khi mọi sự được trọn. ¹⁹ Vậy, ai hủy một điều cực nhỏ nào trong những điều-răn này, và dạy người ta làm như vậy, thì sẽ bị xưng là cực nhỏ trong nước thiên-đàng; còn như ai giữ những điều-răn ấy, và dạy người ta nữa, thì sẽ được xưng là lớn trong nước thiên-đàng. ²⁰ Vì ta phán cho các ngươi rằng, nếu sự công-bình của các ngươi chẳng trội hơn sự công-bình của các thầy thông-giáo và người dòng Pha-ri-si, thì các ngươi chắc không vào nước thiên-đàng.

Khi nêu lên sự công-bình đòi-hỏi nơi những kẻ theo Ngài, lẽ tự-nhiên, Chúa Jêsus trước hết giải-thích mối liên-hệ giữa sự công-bình này và những đòi-hỏi của luật-pháp do Môi-se và các Đấng tiên-tri ban-bố. Nguyên-tắc tổng-quát là Chúa Jêsus ngự đến chẳng phải để tu-chánh hoặc bãi bỏ luật-pháp ấy, song để giải-thích nó và đề chính mình Ngài « làm cho trọn » những điều nó đòi-hỏi

trong từng-trải của Ngài và càng ngày càng thêm trong từng-trải của những kẻ theo Ngài nữa. « Các ngươi đừng tưởng Ta đến đặng phá luật-pháp hay là lời tiên-tri ; Ta đến, không phải để phá, song để làm cho trọn » (câu 17).

Chúa Jêsus coi luật đạo-đức này là bất-di-dịch và còn đến đời đời. « Đương khi trời đất chưa qua đi, thì một chấm một nét trong luật-pháp cũng không qua đi được cho đến khi mọi sự được trọn » (câu 18). Trong nước Ngài sự cao-trọng và quyền-thế sẽ tùy-thuộc thái-độ của người ta đối với luật-pháp ấy, tức là vừa tuyên-giảng cho kẻ khác biết, vừa chính mình vâng-giữ ; địa-vị cao-qui hơn hết sẽ dành cho người nào làm theo và vâng-giữ điều-răn của luật-pháp đạo-đức ấy.

Còn đặc-biệt hơn nữa Chúa Jêsus đối chiếu sự công-bình mà Ngài đòi-hỏi với sự công-bình mà « các thầy thông-giáo và người Pha-ri-si » đã biểu-thị. Đối với họ công-bình là một vấn-đề vâng-giữ bên ngoài, hoặc hình-thức, hoặc giả-bộ. Nhưng Chúa Jêsus nhấn mạnh rằng phải là một vấn-đề tự trong lòng, có-tích, mong-muốn, cũng như thực-hiện bên ngoài. Trên hết, phải là một sự công-bình tôn-trọng ý-chỉ Đức Chúa Trời và tìm cách làm đẹp lòng Ngài, khác hẳn những hành-động chỉ cốt để loài người khen-chuộng.

Người nào chỉ biểu-thị sự công-bình hình-thức, ắt bị loại khỏi Nước Thiên-đàng, « Nếu sự công-bình của các ngươi chẳng trội hơn sự công-bình của các thầy thông-giáo và người dòng Pha-ri-si, thì các ngươi chắc không vào Nước Thiên-đàng » (câu 20).

2. Năm thí-dụ (5 : 21-48).

a) Điều-răn thứ sáu (5 : 21-26).

²¹ Các ngươi có nghe lời phán cho người xưa rằng : Người chớ giết ai ; và rằng : Hễ ai giết người thì đáng bị tòa-án xử-đoán. ²² Song ta phán cho các ngươi : Hễ ai giận anh em mình thì đáng bị tòa-án xử-đoán ; ai mắng anh em mình rằng : Ra-ca, thì đáng bị tòa công-luận xử-đoán ; ai mắng anh em mình là đồ điên, thì đáng bị lửa địa-ngục hành-phạt. ²³ Ấy vậy, nếu khi nào ngươi đem dâng của-lễ nơi

bàn thờ, mà nhớ lại anh em có điều gì nghịch cùng mình, thì hãy đề của-lễ trước bàn thờ, trở về giảng-hòa với anh em trước đã; rồi hãy đến dâng của-lễ. ²⁵ Khi người đi đường với kẻ nghịch mình, phải lập-tức hòa với họ, kéo họ nộp người cho quan án, quan án giao người cho thầy đội, mà người phải ở tù. ²⁶ Quả thật, ta nói cùng người, người trả còn thiếu một đồng tiền, thì không ra khỏi tù được.

Chúa Jêsus phán năm thí-dụ để giải-thích luật đạo-đức, đối-chiếu với lời giải-thích sai-lạc của bọn thầy thông-giáo và người Pha-ri-si. Bọn này chỉ quan-tâm đến những hành-động bề ngoài; Chúa Jêsus theo-dõi mỗi hành-động đến tận cốt-lích và tư-tưởng kín-giấu. Thí-dụ thứ nhứt lấy ở luật-pháp trừng-trị tội sát-nhân. Người Pha-ri-si có thể giả-định rằng nếu tay mình chẳng vấy máu kẻ đồng loại, thì mình chẳng vi-phạm Điều-răn thứ sáu chi hết. Nhưng Chúa Jêsus tuyên-bố chính giận dữ là vi-phạm điều-răn này, vì nếu được phép biểu-thị lòng giận dữ bằng hành-động, thì kết-quả tối-hậu sẽ là tội sát-nhân. Ngài nêu lên ba cách biểu-thị tội-ác này, và nêu lên cho mỗi trường-hợp một án-phạt nghiêm-khắc thêm lên. Ngài tuyên-bố rằng « ai giận anh em mình » (câu 22), thì đáng bị tòa địa-phương lên án. Người nào bày-tỏ ác-ý bằng cách nói vu hoặc khinh-dê kẻ khác, thì đáng bị xét-xử trước Tòa Công-luận, song người nào tỏ lòng giận-dữ bằng cách công-khai nhục-mạ và cáo-giác kẻ khác là bất-tin-kính, thì đáng bị khổ-hình trong hỏa-ngục. Tội này nặng-nề đến nỗi cả trong giờ thờ-phượng của Đức Chúa Trời, nếu ai nhớ lại đã gây cho anh em giận-dữ mình thì dầu có vẻ bất-kính đối với Chúa, cũng phải dời khỏi nơi thờ-phượng để tìm cách phục-hòa với họ; bấy giờ mới có thể đến thờ-phượng và được Đức Chúa Trời chấp-nhận. Cũng không được bỏ mắt thi-giờ; dịp-tiền mau qua mắt; nếu người tri-hoãn, có lẽ sẽ trễ quá, và phải chịu án-phạt nặng-nề nhứt. Như vậy, Chúa Jêsus cảnh-cáo môn-đệ phải coi chừng hiềm-họa của lòng giận-dữ. Như vậy mới là làm trọn « luật chống sát-nhân » theo như Ngài đòi-hỏi.

b) Điều-răn thứ bảy (5 : 27-32)

²⁷ Các người có nghe lời phán rằng : Người chớ phạm tội tà-dâm. ²⁸ Song ta phán cho các người biết : Hễ ai ngó đờn-bà mà động tình tham-muốn, thì trong lòng đã phạm tội tà-dâm cùng người rồi. ²⁹ Vậy nếu con mắt bên hữu xui cho người phạm tội, thì hãy móc mà quăng nó cho xa người đi ; vì thà chịu một phần thân-thể người phải hư, còn hơn là cả thân-thể bị ném vào địa-ngục. ³⁰ Lại nếu tay hữu xui cho người phạm tội, thì hãy chặt mà liệng nó cho xa người đi ; vì thà chịu một phần thân-thể người phải hư, còn hơn là cả thân-thể vào địa-ngục.

³¹ Lại có nói rằng : Nếu người nào đề vợ mình, thì hãy cho vợ cái tờ đề. ³² Song ta phán cùng các người : Nếu người nào đề vợ mà không phải vì cố ngoại-tình, thì người ấy làm cho vợ mình ra người tà-dâm ; lại nếu người nào cưới đờn-bà bị đề, thì cũng phạm tội tà-dâm.

Chúa Jêsus cũng áp-dụng lý-luận trên cho Điều-răn thứ-bảy. Ngài tuyên-bố rằng Điều-răn ấy bị vi-phạm chẳng phải bởi hành-động tội-lỗi mà thôi, song còn bởi mỗi thêm-muốn ô-ước. Ngài cảnh-cáo chớ đề cho có cơ-hội suy-nghĩ xấu-xa. Bất-cứ sự hi-sinh lớn-lao chừng nào, người ta vẫn phải tống đuổi khỏi đời mình mọi điều có thể gây cho mình bị cảm-đổ không cần-thiết, và vô-luận điều chi có thể làm nguy-hại cho sự trong sạch trong linh-hồn mình ; nếu cần cũng phải hi-sinh cái gì quý như « con mắt bên hữu » và « tay hữu ». Như vậy còn tốt hơn bội phần, vì Cứu-Chúa phán : « Thà chịu một phần thân-thể người phải hư, còn hơn là cả thân-thể vào địa-ngục » (câu 30).

Lo cho được ly-dị thì cũng không thể chứng-minh cho một hành-động trái với luật đạo-đức. Không bản phán-quyết của tòa án nào có thể chánh-đáng-hóa một sự việc tự nó là ô-ước. Ly-dị người vợ hoặc người chồng vô-tội đề cưới vợ hoặc lấy chồng khác, thì dẫu dân-luật tuyên-bố thế nào, cũng vẫn là vi-phạm luật đạo-đức, và người theo Đấng Christ cũng không thể nào được phép làm như vậy.

c) Lời thề (5 : 33-37)

³³ Các người còn có nghe lời phán cho người xưa rằng : Người chớ thề dối, nhưng đối với Chúa, phải giữ vẹn lời thề mình. ³⁴ Song ta phán cùng các người rằng đừng thề chi hết: đừng chỉ trời mà thề, vì là ngôi của Đức Chúa Trời; ³⁵ đừng chỉ đất mà thề, vì là bề chơn của Đức Chúa Trời; đừng chỉ thành Giê-ru-sa-lem mà thề, vì là thành của Vua lớn. ³⁶ Lại cũng đừng chỉ đầu người mà thề, vì tự người không thể làm cho một sợi tóc nên trắng hay là đen được. ³⁷ Song người phải nói rằng: phải, phải; không, không. Còn điều người ta nói thêm đó, bởi nơi qui dữ mà ra.

Thí-dụ tiếp theo về sự chân-chánh giải-thích luật đạo-đức có liên-quan với đòi-hỏi của các Điều-răn thứ ba và thứ chín. Thí-dụ này cảnh-cáo chúng ta chớ bất-kính đối với vật thánh, và chớ bội lời hứa. Thí-dụ này chẳng liên-quan đến sự tuyên-thệ trước tòa-án. Sự tuyên-thệ trước tòa án bảo-vệ và bảo-dảm sự thật vốn được coi là thiêng-liêng, được hoàn-toàn bình-vực bởi chính cách giải-thích luật-pháp mà Chúa Jê-sus nhấn mạnh ở đây. Người Pha-ri-si, và ít nhất là người chú-trọng hình-thức, tự coi là bị buộc vào lời thề, miễn là nó được thốt ra bằng những từ-ngữ đặc-biệt. Đối với trí-óc của họ, chỉ thay-đổi từ-ngữ chút ít, cũng đủ giải-thoát mình khỏi mọi nghĩa-vụ tinh-thần. Lại nữa họ cũng tự gỡ khỏi tội bất-kính đối với Đức Chúa Trời trong trường-hợp họ không nhắc đến một hình-thức đặc-biệt nào của Danh-hiệu Ngài. Họ tin rằng mình có thể chỉ ngai Đức Chúa Trời, hoặc chỉ đất, hoặc chỉ thành Giê-ru-sa-lem mà thề; song Chúa Jê-sus nêu lên rằng mọi hành-động đó trái với Điều-răn đã cấm chúng ta « lấy Danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời... mà làm chơi » (Xuất 20 : 7). Ngài nhấn mạnh rằng lời nói của chúng ta phải đơn-giản, lọc sạch hết tánh-chất kỳ-dị; rằng ý-định, tư-tưởng, đời sống của ta phải thành-thực, thanh-khiết, lương-thiện, đến nỗi trong cuộc giao-tế xã-hội và trong sự đối-xử thông-thường với kẻ khác, chỉ một tiếng « Phải » hoặc « Không » cũng đủ khiến họ thỏa-mãn nhìn nhận lời ta nói là thật.

d) Luật báo-thù (5 : 38-42).

³⁸ Các ngươi có nghe lời phán rằng : Mắt đền mắt, răng đền răng. ³⁹ Song ta bảo các ngươi, đừng chống-cự kẻ dữ. Trái lại, nếu ai vả má bên hữu ngươi, hãy đưa má bên kia cho họ luôn ; ⁴⁰ nếu ai muốn kiện ngươi đặng lột cái áo vấn, hãy để họ lấy luôn cái áo dài nữa ; ⁴¹ nếu ai muốn bắt ngươi đi một dặm đường, hãy đi hai dặm với họ. ⁴² Ai xin của ngươi, hãy cho, ai muốn mượn của ngươi, thì đừng trối.

Thí-dụ kế-tiếp về sự công-bình trọn-vẹn mà Chúa Jêsus đòi-hỏi nơi những kẻ theo Ngài được nêu lên bằng cách đối-chiếu luật yêu-thương trọn-vẹn của Ngài với lời cô-truyền giải-thích một giới luật Cựu-Uớc mà người Pha-ri-si dùng để bào-chữa sự báo-phục và trả thù. Theo luật-pháp Môi-se, các tòa án dân-sự phải thi-hành công-lý đúng theo mạng-lệnh này : « Mắt đền mắt, răng đền răng » (câu 38). Lời chỉ có nghĩa là án-phạt phải tương-xứng với tội-phạm. Đó là nguyên-lý căn-bản của luật-pháp ở mọi nước và mọi thời-đại ; song người Pha-ri-si (và kẻ chủ-trọng hình-thức mà họ đại-diện cho) dùng qui-tắc dành cho tòa án dân-sự đó để làm cơ trả thù riêng. Nếu muốn được giữ khỏi cuồng-tín và điên-rồ, thì khi đọc lời Chúa phán, chúng ta phải có sự phân-biệt này trong tâm-trí. Khi truyền-lệnh : « Đừng chống-cự kẻ dữ » (câu 39), thì Ngài không có ý nghĩ rằng người ta được phép bỏ mặc kẻ vô-tội bị ngược-đãi, kẻ hèn-yếu bị tàn-sát trong khi có thể che-chỡ và giải-cứ họ. Khi binh-vực họ như vậy, có lẽ cần phải liều cả mạng sống. Tuy nhiên, Chúa nhấn mạnh rằng chúng ta không bao giờ nên làm cho kẻ khác đau-đớn với một tinh-thần báo-oán. Kẻ làm ác phải chịu hình-phạt, song người theo Đấng Christ không nên để ác-ý thúc-đầy mình. Vậy, nếu bị xử bất-công trong một vụ kiện, chớ tìm cách trả thù, nhưng phải sẵn-sàng hi-sinh nhiều hơn nữa ; hoặc khi bị nhà cầm-quyền hành-chánh hà-hiếp, thì thay vì tìm cách báo-phục, phải tỏ ra mình vui lòng chịu gian-lao nhiều hơn nữa ; hoặc khi có ai hỏi mượn, thì dẫu cho mượn trong bất-cứ trường-hợp nào là đại-dột, song cũng không bao-giờ nên từ-chối vì cơ mong muốn trả thù.

e) Luật yêu-thương (5 : 43-48)

43 Các người có nghe lời phán rằng : Hãy yêu người lân-cận, và hãy ghét kẻ thù-nghịch mình. 44 Song ta nói cùng các người rằng : Hãy yêu kẻ thù-nghịch, và cầu-nguyện cho kẻ bắt-bớ các người, 45 hầu cho các người được làm con của Cha các người ở trên trời ; bởi vì Ngài khiến mặt trời mọc lên soi kẻ dữ cùng kẻ lành, làm mưa cho kẻ công-bình cùng kẻ độc-ác.

46 Nếu các người yêu những kẻ yêu mình, thì có được thưởng gì đâu ? Những kẻ thu thuế há chẳng làm như vậy sao ? 47 Lại nếu các người tiếp-đổi anh em mình mà thôi, thì có lạ gì hơn ai ? Người ngoại há chẳng làm như vậy sao ? 48 Thế thì các người hãy nên trọn- vẹn, như Cha các người ở trên trời là trọn- vẹn.

Rõ-ràng lắm, Cựu-Ước đã đòi-hỏi người ta phải vâng- giữ luật yêu-thương. Không có giới-luật nào quen-thuộc hơn giới-luật này : « Hãy yêu-thương kẻ lân-cận người như mình » (Lê. 19 : 18). Tuy-nhiên, để tự tha-thứ vì chấp-nhất hẹp-hòi và vị-kỷ quốc-gia, người Do-thái giải-thích rằng « kẻ lân-cận » chỉ là đồng-bào mình ; còn đối với các dân-tộc khác, thì họ nêu lên qui-luật sau đây để hướng-dẫn hành-vi của mình ; « Hãy yêu người lân-cận, và hãy ghét kẻ thù-nghịch mình » (câu 43). Xa hơn nữa, họ áp-dụng trong đời tư một giới-luật, dầu sao, cũng chỉ là qui-tắc nghèo-nàn hướng-dẫn quốc-gia. Về giới-luật quen-thuộc đó, Chúa chúng ta giải-thích và tuyên-bố khác hẳn : « Hãy yêu kẻ thù-nghịch, và cầu-nguyện cho kẻ bắt-bớ các người » (câu 44). Ngài nêu lên rằng đó là hành-vi đế-vương, xứng đáng với những kẻ làm con-cái của Cha thiên-thượng, « bởi vì Ngài khiến mặt trời mọc lên soi cho kẻ dữ cùng kẻ lành, làm mưa cho kẻ công-bình cùng kẻ độc-ác » (câu 45). Hơn nữa, Chúa Jê-sus nhấn-mạnh rằng lòng yêu-thương kẻ nhân-hiện và người bà-con không đòi-hỏi một ân-hựu đặc-biệt nào và không đấng được phần-thưởng đặc-biệt chi hết. Ngay bọn thu thuế và người thờ tà-thần cũng biểu-thị lòng yêu-mến vị-kỷ hoặc thiên-nhiên đó. Người theo Đấng Christ phải tỏ ra long

yêu-thương trọn-vẹn có thể giúp cho kẻ thù được an-lạc tốt-bực và cầu-nguyện cho người hung-bạo; vì như vậy là giống như lòng yêu-thương trọn-vẹn của Đức Chúa Cha.

c) Các đầy-lớ của Vua và thể-thức hành-dạo (6 : 1-18).

1. Bố-thí (6 : 1-4).

¹ Hãy giữ, đừng làm sự công-bình mình trước mặt người ta, cho họ đều thấy. Bằng không, thì các người chẳng được phần thưởng gì của Cha các người ở trên trời.

² Vậy, khi người bố-thí, đừng thời kèn trước mặt mình, như bọn giả-hình làm trong nhà hội và ngoài đường, để được người ta tôn-kính. Quả thật, ta nói cùng các người, bọn đó đã được phần thưởng của mình rồi. ³ Song khi người bố-thí, đừng cho tay tả biết tay hữu làm việc gì, ⁴ hầu cho sự bố-thí được kín-nhiệm; và Cha người, là Đấng thấy trong chỗ kín-nhiệm; sẽ thưởng cho người.

Cuộc sanh-hoạt lý-tưởng mà Chúa Jê-sus đòi-hỏi nơi những kẻ muốn vào Nước Ngài phải chịu thử nghiệm theo cô-tích, chớ không theo hành-dộng bên ngoài. Thật có như vậy trong vấn-đề thể-thức hành-dạo cũng như trong những hành-dộng mà luật đạo-đức đòi-hỏi. Thái-độ thật đối với Đức Chúa Trời chắc được tỏ ra bằng một vài hình-thức hiển-nhiên. Trong số đó, có ba hình-thức thông-thường nhất, là bố-thí, cầu-nguyện và kiêng-ăn. Đây, nguyên-tắc tổng-quát cho kẻ theo Đấng Christ là có cô-tích làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, chớ không phải để được người ta khen-chuộng. Đó là điều Chúa muốn bày-tỏ trong câu đầu chương này: «Hãy giữ đừng làm sự công-bình mình trước mặt người ta, cho họ đều thấy. Bằng không thì các người chẳng được phần-thưởng gì của Cha các người ở trên trời.» Chúa Jê-sus không có ý dạy rằng sự kín-giấu đáng qui-trọng, song Ngài răn bảo chúng ta chớ quảng-cáo để được khâm-phục và khen-ngợi. Ngài thật ngụ-ý rằng mỗi cách chân-chánh biểu-thị sự công-bình với mục-đích thờ-phượng Đức Chúa Trời, thì phải có cô-tích là tin-cậy và kính-mến Đức Chúa Trời.

Nguyên-tắc tổng-quát này được chứng-minh trước nhưt

trong trường-hợp bố-thi. Chúa Jêsus nhấn mạnh rằng sự quảng-cáo không cần-thiết chẳng nên kèm theo việc bố-thi. Ngài tưởng-tượng trường-hợp phi-lý của một kẻ giả-hình, một người đóng kịch không hơn không kém, thổi kèn trong nhà hội và ngoài đường phố để quảng-cáo lòng quảng-đại của mình và để được loài người tôn-vinh. Cách tiêu tiền và cố-gắng như vậy không phải là bố-thi đầu; nhưng là mặc cả với hi-vọng được lợi-lộc vị-kỷ, là đầu-tư hi-vọng được trị-giá đầy-dủ bằng lời khen-ngợi bợ-dỡ của loài người. Rất có thể đầu-tư như vậy : « Bọn đó đã được phần thưởng của mình rồi » (câu 2). Trái lại, Chúa Jêsus nhấn mạnh rằng : « Khi người bố-thi, đừng cho tay tả biết tay hữu làm việc gì » (câu 3). Đây, Ngài chẳng có ý cấm không được thận-trọng và có hệ-thống trong việc bố-thi hoặc ủng-hộ các công-cuộc tôn-giáo. Tuy-nhiên, Ngài có ý nhận rằng khi bố-thi, mắt ta không được chăm-chú vào loài người, song phải chăm-chú vào Đức Chúa Trời; không được mong tìm sự ngợi-khen và qui-chuộng của loài người, song phải nhớ rằng : « Cha người là Đấng thấy trong chỗ kín-nhiệm, sẽ thưởng cho người » (câu 4).

2. Cầu-nguyện (6 : 5-15).

⁵ Khi các người cầu-nguyện, đừng làm như bọn giả-hình; vì họ ưa đứng cầu-nguyện nơi nhà hội và góc đường, để cho thiên-hạ đều thấy. Quả thật, ta nói cùng các người, bọn đó đã được phần thưởng của mình rồi. ⁶ Song khi người cầu-nguyện, hãy vào phòng riêng, đóng cửa lại, rồi cầu-nguyện Cha người, ở nơi kín-nhiệm đó; và Cha người, là Đấng thấy trong chỗ kín-nhiệm, sẽ thưởng cho người.

⁷ Và, khi các người cầu-nguyện, đừng dùng những lời lặp vô-ích như người ngoại; vì họ tưởng vì có lời mình nói nhiều thì được nhậm. ⁸ Vậy, các người đừng như họ; vì Cha các người biết các người cần sự gì trước khi chưa xin Ngài. ⁹ Vậy các người hãy cầu như vậy :

Lạy Cha chúng tôi ở trên trời;

Danh Cha được thánh;

¹⁰ Nước Cha được đến;

Ý Cha được nên, ở đất như trời !

¹¹ Xin cho chúng tôi hôm nay đờ ăn đủ ngày;

12 Xin tha tội-lỗi cho chúng tôi, như chúng tôi cũng tha kẻ phạm tội nghịch cùng chúng tôi;

13 Xin chớ để chúng tôi bị cám-dỗ, mà cứu chúng tôi khỏi điều ác!

«Vi nước, quyền, vinh-hiền đều thuộc về Cha đời đời.
A-men.»

14 Và, nếu các người tha lỗi cho người ta, thì Cha các người ở trên trời cũng sẽ tha-thứ các người. 15 Song nếu không tha lỗi cho người ta, thì Cha các người cũng sẽ không tha lỗi cho các người.

Nguyên-tắc trên đây cũng áp-dụng cho sự cầu-nguyện. Chỉ có kẻ giả-hình mới được thúc-giục thờ-phượng Đức Chúa Trời với ý mong-trước được loài người quý-chuộng. Chúa Jê-sus không có ý chỉ-trích sự cầu-nguyện công-khai. Lẽ tự-nhiên, Ngài lên án những thái-độ và hình-thức cầu-nguyện cốt để phô-trương và mong được khen-ngợi. Ngài khuyên nên kín-giấu, vì tin rằng như vậy, sẽ giúp mình chuyên-chú tư-tưởng vào Đức Chúa Cha, là Đấng đáng làm Chuẩn-đích cho mọi lời cầu-nguyện. Cha «thấy trong chỗ kín-nhiệm sẽ thưởng cho» (câu 6).

Cũng theo cách đó, phải tránh «những lời lặp vô-ích» (câu 7). Ấy chẳng có nghĩa là không bao giờ nên cầu-xin lần thứ hai cho được ơn-phước mình đang cần; song Chúa cảnh-cáo chúng ta chớ tin rằng sự cầu-nguyện có tánh-chất pháp-thuật, và nếu cứ lặp đi lặp lại một lời cầu-xin, thì Đức Chúa Trời có thể buộc phải ban ơn-phước mà Ngài có thể từ-chối trong trường-hợp ta không kêu-nài mãi. Ở một chỗ khác, Chúa Jê-sus khuyến-kích hãy cầu-nguyện tới mức khuấy-rối Đức Chúa Trời. Nhưng đây, Chúa nhấn mạnh rằng «những lời lặp vô-ích» chỉ xứng-đáng với «người ngoại» và không cần-thiết cho kẻ theo Ngài «vì Cha» họ «biết» họ «cần sự gì trước khi thưa xin Ngài» (câu 8).

Đoạn, để hướng-dẫn kẻ theo Ngài trong tinh-thần và hình-thức cầu-nguyện chân-chánh, Chúa Jê-sus nêu lên Bài Cầu-nguyện vô-song, tự nói là kiểu-mẫu, công-thức và tóm-tắt cho mọi lời cầu-nguyện chân-chánh-đáng của chúng ta.

Ta gọi nó là « Bài Cầu-Nguyện của Chúa. » Nó gồm sáu khoản cầu-xin; ba khoản đặc-biệt liên-quan đến chánh-nghĩa và Nước của Đức Chúa Cha; còn ba khoản liên-quan đến nhu-cầu cá-nhân của chúng ta. Chúng ta cầu-xin cho « Danh Cha được thánh, Nước Cha được đến, Ý Cha được nên, ở đất như trời! » (câu 9, 10). Đoạn, chúng ta cầu-xin Ngài cung-cấp nhu-cầu hằng ngày, tha-thứ các tội-lỗi liên-tục của mình, và che-chở mình khỏi hiềm-nghèo phần đạo-đức. Chúa Jê-sus nêu lên rằng phải có tinh-thần khiêm-cung tha-thứ, vui lòng bỏ qua « tội nghịch » của kẻ khác, cũng như chúng ta mong được Đức Chúa Cha tha-thứ cho mình vậy.

3. Kiêng ăn (6: 16-18).

¹⁶ Khi các ngươi kiêng ăn, chớ làm bộ buồn-rầu như bọn giả-hình; vì họ nhún mặt, cho mọi người biết họ kiêng ăn. Quả thật, ta nói cùng các ngươi, bọn đó đã được phần thưởng của mình rồi. ¹⁷ Song khi ngươi kiêng ăn, hãy xúc dầu trên đầu, và rửa mặt, ¹⁸ hầu cho người ta không xem thấy ngươi đang kiêng ăn, nhưng chỉ Cha ngươi là Đấng ở nơi kín-nhiệm xem thấy mà thôi; và Cha ngươi thấy trong chỗ kín-nhiệm sẽ thưởng cho ngươi.

Hình-thức tôn-giáo thứ ba, rất thanh-hành giữa người Do-thái mà Chúa Jê-sus chung sống đó, là kiêng ăn. Nếu kiêng ăn để tỏ cho Đức Chúa Trời thấy mình buồn-rầu vì tội-lỗi, hoặc vì tận-tụy hầu việc Ngài, thì là phải lẽ và đáng khen; nhưng nếu dùng sự kiêng ăn làm phương-pháp cho được loài người quý-chuộng, khen-ngợi, thì là giả hình và giả bộ thôi. Chúa Jê-sus nhấn mạnh rằng kiêng ăn và mọi hình-thức từ-bỏ mình phải làm kín-giấu; chúng ta chẳng nên phô-trương sự hi-sinh, chẳng nên lợi-dụng công-tác hành-đạo; song chỉ nên chuyên-chú vào Đức Chúa Cha, « là Đấng ở nơi kín nhiệm,... thấy trong chỗ kín-nhiệm, sẽ thưởng cho » mình chắc-chắn (câu 18).

d) Các tôi-tờ của Vua và của-cải trần-gian (6: 19-34).

¹⁹ Các ngươi chớ chứa của-cải ở dưới đất, là nơi có sâu-mối, ten-rét làm hư, và kẻ trộm đào ngạch khoét vách mà lấy; ²⁰ nhưng phải chứa của-cải ở trên trời, là nơi chẳng

có sâu-mối, ten-rét làm hư, cũng chẳng có kẻ trộm đào ngạch khoét vách mà lấy. ²¹ Vì chưng của-cải người ở đâu, thì lòng người cũng ở đó.

²² Con mắt là đèn của thân-thề. Nếu mắt người sáng-sủa thì cả thân-thề người sẽ được sáng-láng; ²³ nhưng nếu mắt người xấu, thì cả thân-thề sẽ tối-tám. Vậy, nếu sự sáng-láng trong người chỉ là tối-tám, thì sự tối-tám này sẽ lớn biết là dường bao!

²⁴ Chẳng ai được làm tôi hai chủ; vì sẽ ghét người này mà yêu người kia, hoặc trọng người này mà khinh người kia. Các người không có thể làm tôi Đức Chúa Trời lại làm tôi Ma-môn nữa.

²⁵ Vậy nên ta phán cùng các người rằng: Đừng vì sự sống mình mà lo đồ ăn uống; cũng đừng vì thân-thề mình mà lo đồ mặc. Sự sống há chẳng quý-trọng hơn đồ ăn sao, thân-thề há chẳng quý-trọng hơn quần áo sao? ²⁶ Hãy xem loài chim trời: chẳng có gieo, gặt, cũng chẳng có thu-trữ vào kho-tàng, mà Cha các người trên trời nuôi nó. Các người há chẳng phải là quý-trọng hơn loài chim sao? ²⁷ Và lại, có ai trong vòng các người lo-lắng mà làm cho đời mình được dài thêm một khắc không? ²⁸ Còn về phần quần-áo, các người lại lo-lắng mà làm chi? Hãy ngắm xem những hoa huệ ngoài đồng mọc lên thề nào; chẳng làm khó-nhọc, cũng không kéo chỉ; ²⁹ nhưng ta phán cùng các người, dẫu vua Sa-lô-môn sang-trọng đến đâu, cũng không được mặc áo tốt như một hoa nào trong giống đó. ³⁰ Hỡi kẻ ít đức-tin, loài cỏ ngoài đồng, là giống nay còn sống, mai bỏ vào lò, mà Đức Chúa Trời còn cho nó mặc đẹp thề ấy thay, huống chi là các người! ³¹ Ấy vậy, các người chớ lo-lắng mà nói rằng: Chúng ta sẽ ăn gì? uống gì? mặc gì? ³² Vì mọi điều đó, các dân ngoại vẫn thường tìm, và Cha các người ở trên trời vốn biết các người cần-dùng những điều đó rồi. ³³ Nhưng trước hết, hãy tìm-kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công-bình của Ngài, thì Ngài sẽ cho thêm các người mọi điều ấy nữa. ³⁴ Vậy, chớ lo-lắng chi về ngày mai; vì ngày mai sẽ lo về việc ngày mai. Sự khó-nhọc ngày nào đủ cho ngày ấy.

Khi mô-tả cuộc đời lý-tưởng mà Ngài đòi-hỏi, Chúa Jê-sus phán hai lời cảnh-cáo liên-quan đến thái-độ của tâm-trí phải làm đặc-sắc cho những kẻ theo Ngài khi đối-xử của-cải trần-gian. Lời thứ nhứt chống lại tánh tham-lam quá-độ, còn lời thứ hai chống lại sự lo-lắng. Tham-lam quá-độ là lưới đặc-biệt cám-đỗ người giàu, còn lo-lắng là lưới đặc-biệt cám-đỗ kẻ nghèo. Chúa cấm người giàu tham-lam quá-độ vì hai hoặc ba lý-do khác nhau. Thứ nhứt, chất-chứa của báu trên đất là ngu-dại, vì của-cải trần-gian không chắc-chắn và chẳng bao lâu sẽ qua đi; thứ hai, của-cải có cơ làm cho tâm-trí người ta xây khối Đức Chúa Trời và Nước Ngài. Lại nữa, sự ham giàu có thể trở thành một đục-tánh làm nhụt bớt ý-thức đạo-đức, nó có thể làm đui « con mắt », còn tinh-thần rộng-rãi làm sáng-tỏ thị-giác thiêng-liêng, đến nỗi toàn thân đầy-dẫy ánh-sáng. Lại nữa, có hiểm-họa lớn, là người ta bị của-cải làm chủ mình. Tánh tham-lam quá-độ có thể biến con người thành tội-mọi, và có thể khiến họ thôi phục-sự Đức Chúa Trời. « Chẳng ai được làm tôi hai chủ... Các người không có thể làm tôi Đức Chúa Trời, lại làm tôi ma-môn nữa » (câu 24).

Mặt khác, Chúa Jê-sus cảnh-cáo chúng ta chớ có lo-lắng. Lẽ tự-nhiên, Ngài chẳng cấm ai lo xa và thận-trọng; song Ngài muốn gìn-giữ ta cho khỏi cần-thận và lo-lắng tới mức phá mất bình-an và ngăn-trở mình làm cho người hữu-ích. Ngài chỉ cho ta thấy bầy chim đề tỏ ra rằng Cha Thiên-thượng sẽ cung-cấp lương-thực cần-thiết. Ngài nêu lên sự lo-lắng đại-dột chỉ làm cho đời người ngắn đi, chớ không bao giờ làm cho sống lâu hơn được. Ngài truyền-bảo chúng ta « hãy ngắm xem những hoa huệ ngoài đồng » (câu 28) đẹp-dẽ dường nào, ngõ hầu tin chắc rằng Cha Thiên-thượng sẽ cung-cấp quần áo cho những kẻ tin-cậy Ngài. Quả thật, lòng tin-cậy sự săn-sóc của Cha Thiên-thượng sẽ tiêu-trừ lo-lắng. Chúa Jê-sus truyền cho kẻ theo Ngài phải trước hết tìm-kiếm Nước Đức Chúa Trời và sự công-bình mà Ngài đòi-hỏi, và tin Ngài sẽ ban cho mình mọi vật cần-dùng. Ngài nhấn-mạnh rằng họ chẳng nên bối-rối chi hết. Ngài bảo họ rằng ngày mai sẽ có những nỗi lo-lắng của ngày mai, và mỗi ngày sẽ có « khó-nhọc » đủ, chớ không bao giờ nhiều quá, cho những ai để lòng tin-cậy nơi Đức Chúa Trời.

e) Các đày-tớ của Vua và tội-ác trong thế-gian (7: 1-6).

¹ Các người đừng đoán-xét ai, để mình khỏi bị đoán-xét.
² Vì các người đoán-xét người ta thế nào, thì họ cũng đoán-xét lại thế ấy; các người lường cho người ta mực nào, thì họ cũng lường lại cho mực ấy. ³ Sao người dòm thấy cái rác trong mắt anh em người, mà chẳng thấy cây đà trong mắt mình? ⁴ Sao người dám nói với anh em rằng: *Đề tôi lấy cái rác ra khỏi mắt anh, mà chính người có cây đà trong mắt mình?* ⁵ Hỡi kẻ giả-hình! trước hết phải lấy cây đà khỏi mắt mình đi, rồi mới thấy rõ mà lấy cái rác ra khỏi mắt anh em mình được.

⁶ Đừng cho chó những đồ thánh, và đừng quăng hạt trai mình trước mặt heo, kẻo nó đạp dưới chơn, và quay lại cắn-xé các người.

Đối với tội-ác ở trong thế-gian, Chúa Jê-sus ban cho kẻ theo Ngài hai lời cảnh-cáo đang khi Ngài tiếp-tục diễn-tả cho họ biết cuộc đời ly-tưởng mà Ngài ước-mong họ sống. Trước hết, Ngài cảnh-cáo họ chớ chỉ-trích, và thứ hai chớ cầu-thả. Khi Chúa Jê-sus phán: « Các người đừng đoán-xét ai, để mình khỏi bị đoán-xét » (câu 1), thì Ngài không có ý dạy rằng chúng ta nên tránh đừng phát-biêu về kẻ khác, hoặc không nên lên-án cái gì mình biết là làm-lỗi. Ngài chỉ cấm những kẻ theo Ngài không được độc-ác khi đoán-xét hoặc lấy sự chỉ-trích làm thích-thú. Ngài lên án tinh-thần bởi lỗi, trước hết vì nguy-cơ mà nó mắc phải: « Vì các người đoán-xét người ta thế nào, thì họ cũng đoán-xét lại thế ấy » (câu 2). Đoán-xét ta đây không những là kẻ đồng-loại (họ sẽ lên án ta không thương-xót, y như ta đối với họ vậy), song còn là Đức Chúa Trời (Ngài sẽ đoán-xét ta nghiêm-khắc y như ta đối với kẻ khác vậy). Hơn nữa, Chúa Jê-sus nêu lên rằng sự chỉ-trích đó là phi-lý. Ngài vẽ một bức tranh rất tức cười: Ngài nêu lên rằng thật là kỳ-cục vì người có « cây đà » trong mắt mình lại toan giúp-đỡ kẻ chỉ có « cái rác » trong mắt họ. Tệ-bại hơn nữa, đó chỉ là giả-hình, vì khi chỉ-trích kẻ khác, chúng ta thường nói lên rằng mình rất buồn về việc yếu-đuối, làm-lỗi của họ, nhưng thật ra trong lòng ta lại vui ngầm. Nếu thật có thiện-cảm, thì trước hết, ta tìm cách

cắt-bỏ các khuyết-diểm của chính mình, nhưt là tánh hà-khắc, kiêu-căng, rồi ta mới có tư-cách phục-vụ cao-qui, là giúp cho kẻ khác thắng các khuyết-diểm của họ.

Kẻ theo Đấng Christ chẳng nên chỉ-trích, hoặc lấy sự chỉ-trích khắc-nghiệt làm thích-thú. Tuy-nhiên, chẳng nên sa vào cực-đoan khác mà lãnh-đạm vô-tư-lự đối với tội-ác ở trong thế-gian. Phải cần-thận phân-biệt những người có tâm-tánh đạo-đức khác nhau, và phải theo đó mà điều-chỉnh thái-độ của mình đối với họ. Điềm này đặc-biệt cần-thiết cho những ai mong-muốn truyền chân-lý thiêng-liêng. Phải đề ý tới thi-giờ, nơi chốn, và bỗn-chất, tình-trạng của những kẻ mình tiếp-xúc và muốn có ảnh-hưởng đến. Thí-dụ, nếu ai muốn lấy cái rác ra khỏi mắt anh em mình, thì phải hành-động khéo-léo, dẽ-dặt. Cũng có những chân-lý mà một số người không thể hiểu-biết hoặc đánh-giá. Những chân-lý sẽ bị chối-bỏ, chế-giễu, khinh-dễ, còn kẻ nghe sẽ tự cho là bị nhục-mạ, ngược-dãi. Có một tình-trạng ví như «quảng hột trai mình trước mặt heo» (câu 6).

Tuy-nhiên, sự thận-trọng này không nên đi quá đà. Tín-đồ Đấng Christ phải làm chứng cho Chúa, mặc dầu có nguy-cơ mất mạng sống; họ thường ngạc-nhiên vì thấy những người mình vội-vàng phán-đoán là vô hi-vọng và chống-ngịch lại hoàn-toàn sẵn-sàng, thậm-chí còn hăm-hở học biết «Tin-Lành» về Đấng Christ.

f) Đầy-lở của Vua và tương-quan của họ với Đức Chúa Trời cũng như với loài người (7:7-12).

⁷ Hãy xin, sẽ được; hãy tìm, sẽ gặp; hãy gõ cửa, sẽ mở cho. ⁸ Bởi vì, hễ ai xin thì được; ai tìm thì gặp; ai gõ cửa thì được mở. ⁹ Trong các người có ai, khi con mình xin bánh, mà cho đá chẳng? ¹⁰ Hay là con mình xin cá, mà cho rắn chẳng? ¹¹ Vậy nếu các người vốn là xấu, còn biết cho con-cái mình các vật tốt thay, huống chi Cha các người ở trên trời lại chẳng ban các vật tốt cho những người xin Ngài sao?

¹² Ấy vậy, hễ điều chi mà các người muốn người ta làm cho mình, thì cũng hãy làm điều đó cho họ, vì ấy là luật-pháp và lời tiên-tri.

Đây, Bài Giảng Trên Núi lên tới tuyệt-điểm tôn-nghiêm vì bày-tỏ và nhấn mạnh các mối tương-quan mà tín-đồ Đấng Christ phải duy-trì đối với Đức Chúa Trời và kẻ đồng-loại. Các mối tương-quan này được tóm-tắt trong lời khuyên-bảo « cầu-nguyện » và trong « Luật Vàng ».

Lời khuyên-bảo kia chẳng phải một sứ-điệp liên-quan đến tánh-chất, hoặc địa-vị, hoặc triết-lý của sự cầu-nguyện, song chỉ khích-lệ kẻ theo Đấng Christ hãy duy-trì đối với Đức Chúa Trời một thái-độ liên-tục của con-cái tin-cậy Cha. Những lời khuyên-bảo trước, cảnh-cáo về hiềm-họa do chỉ-trích và cầu-thả, gọi lên lẽ cần được Đức Chúa Trời cứu-giúp. Đây, Đấng Christ khuyên-giục kẻ theo Ngài hãy ngừa trông Đức Chúa Trời luôn luôn để được sự khôn-ngoa, sức-mạnh và ân-diền cần-thiết. « Hãy xin sẽ được; hãy tìm, sẽ gặp; hãy gõ cửa, sẽ mở cho » (câu 7). Không chỉ giản-dị hơn sự giao-dịch giữa đất và trời đã được xác-nhận như vậy; lòng tin-cậy còn được khích-lệ hơn nữa bởi so-sánh với một cha ở trần-gian, dầu chỉ là người, cũng không lừa-gạt hoặc chế-nhạo con mình; chắc-chắn bội-phần hơn nữa, « Cha ... ở trên trời » sẽ « ban những vật tốt cho những người xin Ngài » (câu 11).

Lời dạy-đỗ về sự cầu-nguyện khích-lệ một thái-độ thích-đáng đối với Đức Chúa Trời thể nào, thì cũng một thể ấy, « Luật Vàng » tóm-tắt mọi điều Đấng Christ đòi-hỏi trong cuộc giao-tế với kẻ đồng-loại chúng ta. « Luật Vàng » biểu-thị sự yêu-thương và, theo như Đấng Christ tuyên-bố, thể-hiện mọi điều mà « luật-pháp và lời tiên-tri » (câu 12) đòi-hỏi. Các giáo-sư Do-thái và cả những người hiền-triết ngoại-đạo đã phản-chiếu một số biểu-thị của « Luật Vàng » này, hoặc những hình-thức tiêu-cực, hoặc bằng một hình-thức nào khác kém hoàn-hảo, nhưng chỉ có Vua Cao-cả công-bố luật-pháp căn-bản trong tuyên-ngôn của Ngài, — nếu vâng-giữ luật-pháp ấy, thì sẽ chấm-dứt mọi tranh chấp và bất-hòa giữa các cá-nhân, giai-cấp, đảng-phái và các quốc-gia trên thế-giới. « Ấy vậy, hễ điều chi mà các người muốn người ta làm cho mình, thì cũng hãy làm điều đó cho họ » (câu 12).

g) *Kết-luận: Cuộc tranh-đấu, thử-nghiệm và an-ninh của đấng-tể Vua (7 : 13-29).*

¹³ Hãy vào cửa hẹp, vì cửa rộng và đường khoáng-khoát dẫn đến sự hư-mất, kẻ vào đó cũng nhiều. ¹⁴ Song cửa hẹp và đường chật dẫn đến sự sống, kẻ kiếm được thì ít.

¹⁵ Hãy coi chừng tiên-tri giả, là những kẻ mang lột chiến đến cùng các ngươi, song bề trong thật là muông-sói hay cắn-xé. ¹⁶ Các ngươi nhờ những trái nó mà nhận-biết được. Nào có ai hái trái nho nơi bụi gai, hay là trái vả nơi bụi tật-lê ? ¹⁷ Vậy, hễ cây nào tốt thì sanh trái tốt ; nhưng cây nào xấu thì sanh trái xấu. ¹⁸ Cây tốt chẳng sanh được trái xấu, mà cây xấu cũng chẳng sanh được trái tốt. ¹⁹ Hễ cây nào chẳng sanh trái tốt, thì phải đốn mà chụm đi. ²⁰ Ấy vậy, các ngươi nhờ những trái nó mà nhận-biết được.

²¹ Chẳng phải hễ những kẻ nói cùng ta rằng : Lạy Chúa, lạy Chúa, thì đều được vào nước thiên-đàng đâu ; nhưng chỉ kẻ làm theo ý-muốn của Cha ta ở trên trời mà thôi. ²² Ngày đó, sẽ có nhiều người thưa cùng ta rằng : Lạy Chúa, lạy Chúa, chúng tôi chẳng từng nhơn danh Chúa mà nói tiên-tri sao ? nhơn danh Chúa mà trừ quỷ sao ? và lại nhơn danh Chúa mà làm nhiều phép lạ sao ? ²³ Khi ấy, ta sẽ phán rõ-ràng cùng họ rằng : Hỡi kẻ làm gian-ác, ta chẳng biết các ngươi bao giờ, hãy lui ra khỏi ta !

²⁴ Vậy, kẻ nào nghe và làm theo lời ta phán đây, thì giống như một người khôn-ngoaan cất nhà mình trên hòn đá. ²⁵ Có mưa sa, nước chày, gió lay, xô-động nhà ấy ; song không sập, vì đã cất trên đá. ²⁶ Kẻ nào nghe lời ta phán đây, mà không làm theo, khác nào như người dại cất nhà mình trên đất cát. ²⁷ Có mưa sa, nước chày, gió lay, xô-động nhà ấy, thì bị sập, hư-hại rất nhiều.

²⁸ Và, khi Đức Chúa Jêsus vừa phán những lời ấy xong, đoàn dân lấy đạo Ngài làm lạ ; ²⁹ vì Ngài dạy như là có quyền, chứ không giống các thầy thông-giáo.

Bài Giảng kết-thúc bằng ba lời khuyên-bảo : một là tìm cách vào Nước Thiên-đàng, hai là coi chừng giáo-sư giả và sự mạo-nhận ; ba là vâng theo các mạng-lệnh của Vua.

Chúa Jêsus dùng ba tỷ-dụ đánh mạnh vào trí-óc kẻ nghe, tức là «hai con đường», «hai thừ trái» và «hai kẻ xây nhà».

(a) Khi khuyên-bảo người ta theo Ngài và tìm cách vào Nước Thiên-đàng (câu 13, 14), cách nói của Chúa thể-hiện ra ba mâu-thuẫn lớn lao, là cửa rộng và cửa hẹp, sự chết và sự sống mà hai cửa này dẫn tới, nhiều kẻ và ít kẻ bước vào. Đây, Vua dạy rõ rằng muốn theo Ngài, thì phải tranh-đấu, tự-chế và cố-gắng. Khó tìm con đường đúng và khó đi đúng đường mãi; con đường rộng được hoan-nghinh và dễ kiếm. Người ta không khó bị hư-mất: chỉ cần theo đám đông. Khó được cứu-rỗi, vì phải quyết-định, hi-sinh anh-dũng, nhưng kết-quả là sự sống đời đời.

(b) Có nhiều kẻ hướng-đạo sai-lạc (câu 15-20), đề-nghị đất-dẫn kẻ khác; nhiều thủ-lãnh tôn-giáo nguy-trang dưới danh hiệu tin-đồ Đấng Christ. Chúng có vẻ khá hồn-nhiên, nhưng giống như «muông-sói... mang lột chiên» (câu 15). Mục-tiêu thật của chúng là vị-kỷ và đả-phá; phải thử-nghiệm chúng, không những bởi đời sống và việc làm của chúng, mà còn bởi kết-quả do sự dạy-dỗ hư-hoại và không có Đấng Christ của chúng: «Các người nhờ những trái nó mà nhận biết được» (câu 20).

Lại nữa, nhiều người tự nhận theo Đấng Christ phải coi chừng, chớ tự dối mình. Trong ngày trọng-đại mà Vua tuyên-án, quyết-định ai được vào và ai bị loại-trừ khỏi Nước Ngài, nhiều người sẽ bào-chữa rằng họ đã thường-xuyên dự cuộc thờ-phượng Cơ-đốc giáo và chiếm ưu-thế trong công-việc Cơ-đốc giáo, nhưng Vua sẽ phán với họ rằng: «Hỡi kẻ làm gian-ác, Ta chẳng biết các người bao giờ, hãy lui ra khỏi Ta!» (câu 23). Không những cần phải xưng-nhận Danh Đấng Christ, song còn phải thật vâng lời Ngài, và nhờ Ngài giúp-đỡ mà làm theo ý-chỉ của Đức Chúa Cha ở trên trời.

(c) Vậy, trong những lời cảnh-cáo và khuyên-bảo cuối-cùng (câu 24-27), Vua nêu lên lẽ tuyệt-đối cần-thiết nghe và làm theo Lời Ngài, tiếp-nhận và tuân-phục các mạng-lệnh đế-vương của Ngài. Ngài mô-tả hai người xây nhà,—một người cất nhà trên vàng đá, còn một người xây trên bãi cát; lúc xảy ra bão, lụt, thì nhà kia đứng vững, còn

nhà này sụp-đổ tron-troy. Trong ngày thử-thách và phán-xét cũng vậy: những ai thật lòng vàng lời Đấng Christ sẽ được an-ninh. Số phận đời đời của họ xây-dựng trên vàng đá; các tội-tử của Vua được an-toàn.

(d) Đoàn dân đông ngạc-nhiên trước lời phán của Đấng Christ, nào có lạ gì. Từ đó đến nay, người thế-gian vẫn ngạc-nhiên trước những lời này. Dân chúng ngạc-nhiên « vì Ngài dạy như là có quyền, chớ không giống như thầy thông-giáo » (câu 29). Ngài phán dạy như vậy là phải lắm, vì những lời kỳ-diệu này chính là Bản Tuyên-ngôn của Vua.

THƯ VIỆN CƠ ĐỐC
Christian Library

III. ỦY-NHIỆM-THƯ CỦA VUA

(Ma-thi-ơ 8 : 1 đến 9-34)

1. Loạt phép lạ đầu-tiên (8 : 1-17).

a) *Làm sạch người phung (8 : 1-4).*

1 Khi Đức Chúa Jê-sus ở trên núi xuống, có đoàn dân đông lắm theo Ngài. 2 Này, có một người phung đến gần, lạy Ngài, mà thưa rằng: Lạy Chúa, nếu Chúa khứng, chắc có thể làm cho tôi sạch được. 3 Đức Chúa Jê-sus giơ tay sờ người, mà phán rằng: Ta khứng, hãy sạch đi. Tức thì người phung được sạch. 4 Đức Chúa Jê-sus bèn phán cùng người rằng: Hãy giữ, chớ nói cùng ai; song hãy đi tỏ mình cùng thầy cả, và dâng của-lễ theo như Môi-se dạy, để làm chứng cho họ.

Theo Bài Giảng Trên Núi, Ma-thi-ơ thuật lại mười phép lạ, và ông chia làm ba loạt rất có ý-nghĩa. Mười phép lạ này là một phần quan-trọng của bản trần-thuật. Chối-bỏ các phép lạ hoặc loại-trừ nó khỏi sách Tin-Lành, thì sẽ còn lại một truyện-tích vô-nghĩa và bị cắt-xén. Trong Bài Giảng, Chúa Jê-sus tự nhận là Vua từ trời đến, trị-vì cả thế-giới; đây, Ngài được tỏ ra là đáng cho loài người đầu-phục và tin-cậy; các phép lạ chính là ủy-nhiệm-thư của Ngài. Chúng ta không những cần sự dạy-dỗ của Đấng Christ, song còn cần được Ngài sờ đến mà chữa lành cho; lại nữa, mỗi phép-lạ là một thí-dụ về quyền-năng cứu-rỗi của Ngài.

Công-tác siêu-nhiên thứ nhất do Ma-thi-ơ kể lại là sự chữa lành người phung. Có thể đây ngụ-ý rằng nhu-cầu thứ nhất của dân-tộc Do-thái là sự tẩy-sạch thần-linh, và nhu-cầu này phải được thỏa-mãn trước khi họ có thể hưởng các ơn-phước của Nước đã hứa. Chắc vậy, bệnh phung được ai nấy biết rõ và nhìn-nhận là hình-bóng về tội-lỗi. Nạn-nhân của bệnh phung là một đồng mụn hờm lở-loét, bị đuổi xa kẻ đồng loại, bị người ghê-tởm, và phải chịu chết đang khi còn sống. Đó là tình-cảnh của bệnh-nhân khốn-nạn kia đã đến cùng Chúa Jê-sus, lạy Ngài mà thừa-nhận rằng: « Lạy Chúa, nếu Chúa khứng, chắc có

thê làm cho tôi sạch được » (câu 2). Người tin quyền-năng của Chúa Jê-sus, nhưng e-sợ mình chẳng xứng-dáng được chữa lành. Chúa Jê-sus bèn « giơ tay sờ người » (câu 3a) để tỏ thiện-cảm, để bỏ sức cho đức-tin của người phung, và đã quả-quyết với chúng ta rằng Ngài đón tiếp tội-nhân xấu xa hơn hết. Đoạn, Chúa Jê-sus phán một lời oai-nghiêm : « Ta khứng, hãy sạch đi » (câu 3b). Chúa Jê-sus phán lời này tự-nhiên biết bao ! Chúng ta có thể tưởng-tượng Ngài phán : « Ta thương hại người lẩn, nhưng không thể cứu-giúp người ; Ta khuyên người hãy dùng thuốc, hoặc đến nhờ một y-sĩ nào » chẳng ? Nếu tin Cứu-Chúa thiên-thượng, thì dễ tiếp-nhận chân-lý về các công-việc thiên-thượng của Ngài. « Tức thì người phung được sạch » (câu 3c). Sự chữa lành hoàn-toàn trong nháy mắt là đặc-sắc nổi bật lên của phép lạ này, và gọi lên cho ta cái ý-nghĩ rằng Đấng Christ có quyền-năng để lập-tức cứu khỏi ti-vit, vương-mắc và sức mạnh của tội-lỗi.

Chúa Jê-sus cấm người Ngài mời chữa lành không được cho kẻ khác biết mình đã hết bệnh. Ấy là Ngài có ý tránh sự quảng-cáo ồn-ào có thể gây nên cuồng-tin và tạo nên tình-trạng kích-dộng khả-dĩ cản-trở chức-vụ giảng-dạy của Ngài. Ngày nay Ngài muốn mọi người được chữa lành hãy làm chứng về ân-diên Ngài. Chúa Jê-sus truyền-bảo người đó « tỏ mình cùng thấy tế-lễ theo như Môi-se dạy » (câu 4b). Chúa Jê-sus không ngăn-ngại làm trái một luật-pháp lễ-nghi vì đã sờ người phung một khi cần-thiết cho người được chữa lành ; Ngài bảo người hãy vâng-giữ luật-pháp lễ-nghi trong trường-hợp không có luật-pháp nào cao hơn can-thiệp, và nếu không vâng-giữ như vậy, thì có cơ gây nên hiểu lầm và bất-bình.

b) Chữa lành người bại (8 : 5-13)

⁵ Khi Đức Chúa Jê-sus vào thành Ca-bê-na-um, có một thầy đội đến cùng Ngài, ⁶ mà xin rằng : Lạy Chúa, đứa đây-tớ tôi mắc bệnh bại, nằm liệt ở nhà tôi, đau-đớn lắm. ⁷ Đức Chúa Jê-sus phán rằng : Ta sẽ đến, chữa cho nó được lành. Thầy đội thưa rằng : Lạy Chúa, tôi chẳng đáng rước Chúa vào nhà ; xin Chúa chỉ phán một lời, thì đây-tớ tôi sẽ được lành. ⁹ Vì tôi ở dưới quyền người khác,

tôi cũng có quân-lính dưới quyền tôi nữa ; tôi biểu tên này rằng : Hãy đi ! thì nó đi ; biểu tên kia rằng : Hãy đến ! thì nó đến ; và dạy đầy-tớ tôi rằng : Hãy làm việc này ! thì nó làm. ¹⁰ Đức Chúa Jê-sus nghe lời đó rồi, lấy làm lạ, mà phán cùng những kẻ đi theo rằng : Quả thật, ta nói cùng các ngươi, ta chưa hề thấy ai trong dân Y-sơ-ra-ên có đức-tin lớn dường ấy. ¹¹ Ta cũng nói cùng các ngươi, có nhiều người từ đông-phương tây-phương sẽ đến, ngồi đồng bàn với Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp trong nước thiên-đàng. ¹² Nhưng các con bần-quốc sẽ bị liệt ra chón tối-tám ở ngoài, tại đó sẽ có khóc-lóc và nghiến răng. ¹³ Đức Chúa Jê-sus bèn phán cùng thầy đội rằng : Hãy về, theo như điều ngươi tin thì sẽ được thành vậy. Và chính trong giờ ấy, đứa đầy-tớ được lành.

Bịnh phung làm hình bóng về tánh-chất ghê-tởm của tội-lỗi ; còn bệnh bại có thể coi là tượng-trưng cho tánh-chất yếu-đuối của tội-lỗi. Phép lạ chữa lành người phung bày-tỏ quyền-năng của Đấng Christ, còn truyện-tích này nhấn-mạnh vào lẽ cần phải có đức-tin nơi Ngài. Rõ-ràng lắm, viên bách-nhân đội-trưởng, hoặc vị chỉ-huy quân-đội La-mã, tại thành Ca-bê-na-um, là một người có cùng một tâm-tình cao-thượng vẫn gấn cho hết thầy chiến-sĩ trưng-tự trong Tân-ước. Thương-cảm tên đầy-tớ đang đau-yếu, ông kêu xin Chúa Jê-sus cứu-giúp, và khi được Chúa hứa « sẽ đến, chữa cho » (câu 7), thì ông trả lời làm cho ai nấy ngạc-nhiên, tỏ ra mình có đức-tin lạ-lùng. Ông tuyên-bố rằng chính mình biết vàng lời kẻ trên và được kẻ dưới vàng lời thế nào, thì cũng một thế ấy, ông biết chắc rằng Chúa Jê-sus chỉ cần phán một lời, chớ không cần phải đến nhà ông, thì linh Ngài truyền sẽ được thi-hành và tên đầy-tớ sẽ được chữa lành. Lòng khiêm-cung và tin-cậy của ông lạ-lùng đến nỗi Chúa Jê-sus tuyên-bố rằng : « Ta chưa hề thấy ai trong dân Y-sơ-ra-ên có đức-tin lớn dường ấy » (câu 10). Đoạn, Chúa Jê-sus phán thêm một lời, có lẽ làm cho người Do-thái sửng-sốt. Ngài dùng một cách nói bóng, là bữa tiệc, để mô-tả cảnh hỉ-lạc trong Nước Thiên-đàng, và tuyên-bố rằng nhiều người dân ngoại sẽ được vào Nước ấy, còn nhiều người Do-thái sẽ

bị đuổi ra khỏi đó. Đức-tin của viên bách-nhân đội-trưởng La-mã đó là lời tiên-tri về những người dân ngoại sẽ trở lại tin Chúa; và đáp lại đức-tin của ông, Chúa Jê-sus phán lời làm cho ông vững lòng: « Hãy về, theo như lời người tin, thì sẽ được thành vậy » (câu 13). Như vậy dầu nói rằng sách Tin-lành này « viết cho người Do-thái », song nó cũng chứa những lời hứa vô-song về phước tương-lai cho muôn dân trên thế-giới.

c) Chữa lành bà gia Phi-e-rơ (8: 14-17).

14 Đọan, Đức Chúa Jê-sus vào nhà Phi-e-rơ, thấy bà gia người nằm trên giường, đau rét. 15 Ngài bèn sờ tay người bệnh, rét liền mất đi; rồi người đứng dậy giúp việc hầu Ngài.

16 Đến chiều, người ta đem cho Đức Chúa Jê-sus nhiều kẻ bị quỷ ám, Ngài lấy lời nói mà đuổi quỷ ra; cũng chữa được hết thảy những người bệnh, 17 vậy cho được ứng-nghiệm lời của Đấng tiên-tri Ê-sai đã nói rằng: Chính Ngài đã lấy tội-nguyên của chúng ta, và gánh bệnh-hoạn của chúng ta.

Thí-dụ thứ ba về Chúa Jê-sus có quyền trên tật-bệnh đã được tỏ ra trong nhà của môn-đệ Ngài, là Si-môn Phi-e-rơ. Đây, bệnh-nhân bị « đau rét », là một chứng gọi cho ta nghĩ sự bần-khoăn, sợ-hãi, lo-buồn, giận-dữ, nóng-nảy mà ta có thể thấy trong cả gia-đình những người theo Đấng Christ gần-gũi nhưt. Tay Chúa Jê-sus sờ đến, tỏ ra thiện-cảm và lòng yêu-thương của Ngài. Cũng là sự tiếp-xúc của quyền-năng, vì « rét liền mất đi » (câu 15a). Tuy-nhiên, không phải hết cơn rét, thì bà còn yếu-đuối, môn-mỏi, theo lệ-thường của người mắc chứng ấy. Bà được chữa lành tức-khắc và hoàn-toàn, vì bà « đứng dậy, giúp việc hầu Ngài » (câu 15b). Ngày nay trong biết bao gia-đình, những tấm lòng nhờ bàn tay chữa lành của Đấng Christ đụng đến mà được nguôi-dịu, bình-tĩnh, thì đang hầu việc Ngài để tỏ lòng kính-mến và biết ơn.

Sự chữa lành bệnh này cùng nhiều phép lạ tương-tự được thuật lại, đã đưa đến trước nhà Phi-e-rơ một đám đông

người mắc bệnh hoặc bị quỷ ám, và Chúa Jê-sus chữa lành hết thầy. Sách Tin-Lành Ma-thi-ơ vốn liên-hệ với Cựu-uớc bằng những câu trung-dẫn liên-tục, và trong chức-vụ từ-ái này, tác-giả đã tìm thấy lời tiên-tri của Ê-sai được ứng-nghiệm: «Chinh Ngài đã lấy tật-nguyên của chúng ta, và gánh bệnh-hoạn của chúng ta» (câu 17). Lời tiên-tri này được ứng-nghiệm một phần trong thiện-cảm của Chúa Jê-sus đối với những kẻ mà Ngài chữa lành; nó còn được ứng-nghiệm trọn-vẹn hơn khi, rốt lại, «Ngài gánh tội-lỗi chúng ta trong thân-thể Ngài trên cây gỗ» (I Phi-e. 2 : 23).

2. Thầy thông-giáo xung-động và môn-đệ miễn-cưỡng (8 : 18-22).

18 Và, khi Đức Chúa Jê-sus thấy đoàn dân đông lắm ở xung-quanh mình, bèn truyền qua bờ bên kia. 19 Có một thầy thông-giáo đến, thưa cùng Ngài rằng: Lạy thầy, thầy đi đâu, tôi sẽ theo đó. 20 Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Con cáo có hang, chim trời có ổ; song Con người không có chỗ mà gối đầu. 21 Lại một môn-đồ khác thưa cùng Ngài rằng: Lạy Chúa, xin Chúa cho phép tôi về chôn cha tôi trước đã. 22 Nhưng Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hãy theo ta, để kẻ chết chôn kẻ chết.

Giữa loạt phép lạ thứ nhất và loạt phép lạ thứ hai, Ma-thi-ơ ghi chép hai sự-việc cùng bày-tỏ thần-tánh Đấng Christ luôn với ảnh-hưởng các phép lạ của Ngài trên quần-chúng. Mỗi trường-hợp tỏ ra Đấng Christ có khả-năng biết tư-tưởng kín-giấu trong tâm-trí loài người và dò thấu những cơ-tích nằm sau lời nói và việc làm. Một cách rõ-ràng hơn, hai sự-việc này chứng-tỏ Chúa Jê-sus càng ngày càng được dân-chúng hoan-nghinh; nó tỏ ra rằng người ta hăm-hở muốn trở thành môn-đệ Ngài, hoặc tìm cách tự bào-chữa vì đã từ-chối không chịu phục theo ý-chỉ Ngài.

Trong trường-hợp thứ nhất một thầy thông-giáo đến cùng Ngài và sốt-sắng tuyên-bố: «Lạy Thầy, Thầy đi đâu, tôi sẽ theo đó» (câu 19). Người đã giả-định rằng sự kết bạn như vậy sẽ thích-thú, được dân-chúng hoan-nghinh,

và dễ-dàng. Nhưng Chúa Jêsus đáp rằng theo Ngài thì phải chịu khó-khẩn từ-bỏ mình, và vác thập-tự giá : « Con cáo có hang, chim trời có ổ ; song Con người không chỗ gối đầu » (câu 20). Không nghe gì thêm về thanh-niên nhiệt-thành này nữa. Chúa Jêsus mong có kẻ theo Ngài, song Ngài muốn họ tỉnh xem phải trả giá chừng nào. Ngài cảnh-cáo người định hầu việc Ngài chớ có liều-linh, không suy-tính.

Một người khác có vẻ sẵn-sàng theo Ngài, song tuyên-bố rằng phải « về chôn cha... trước đã » (câu 21). Đó có lẽ chỉ là giả-bộ hoặc tìm cơ thoái-thác để từ-chối hoặc tri-hoãn theo Ngài. Lời Chúa đáp rất nghiêm-khắc : « Hãy theo Ta, để kẻ chôn kẻ chết » (câu 22). Người ta không nên đề bất cứ điều chi ngăn-trở mình theo Đấng Christ. Dầu dây liên-hệ thân-ái chừng nào, dẫu phận-sự thiêng-liêng chừng nào, cũng mặc, hễ điều gì làm cho người ta xa Ngài thì cũng giữ họ giữa những kẻ chết phần thần-linh, và kết-quả cuối-cùng là họ bị chôn bởi « kẻ chết ».

3. Loạt phép lạ thứ hai (8 : 23 đến 9 : 8).

a) *Đẹp yên trận bão (8 : 23-27).*

²³ Ké đó, Đức Chúa Jêsus xuống thuyền, các môn-đồ theo Ngài. ²⁴ Thịnh-linh biển nổi bão lớn, đến nỗi sóng dậy phủ thuyền ; nhưng Ngài đương ngủ. ²⁵ Các môn-đồ đến gần, đánh thức Ngài, mà thưa rằng : Lạy Chúa, xin cứu chúng tôi với, chúng tôi hầu chết ! ²⁶ Ngài phán rằng : Hỡi kẻ ít đức-tin kia, có sao các ngươi sợ ? Ngài bèn đứng dậy, quở gió và biển ; thì liền yên-lặng như tờ. ²⁷ Những người đó lấy làm lạ, nói rằng : Người này là ai, mà gió và biển đều vâng lệnh người ?

Trong loạt phép lạ đầu-tiên, ta thấy Chúa Jêsus có quyền-năng để chữa lành tật-bệnh của thân-thể ; trong loạt thứ hai, ta thấy Ngài có quyền-năng trên các sức mạnh thiên-nhiên, trên tà-linh, và Ngài cũng có quyền tha-thứ tội-lỗi.

Thường có bão trên mặt biển hồ nhỏ mà Chúa Jêsus thường vượt qua với các môn-đệ ; và trong đời sống của

kẻ theo Ngài cũng thường có bão-tổ. Người ta không vì theo Chúa mà được miễn khỏi tranh-đấu, bão-tổ, trời tối đen, và gió gào-thét. Nhưng đây chẳng phải là một trận bão thường. Cả những tay ngư-phủ cường-tráng của xứ Ga-li-lê cũng bắt sợ. Trên thuyền đã có Vua, thì họ đáng phải cảm thấy vững-chắc chớ! Ngài bình-tĩnh, chẳng bối-rối chi hết: «Sóng dậy phủ thuyền nhưng Ngài đương ngủ» (câu 24).

Sợ-hãi là đại-dột; nhưng đem nỗi sợ-hãi đến trình-bày với Chúa, lại là khôn-ngoan. Họ «đánh thức Ngài, mà thưa rằng: Lạy Chúa, xin cứu chúng tôi, chúng tôi hầu chết!» (câu 25). Trong bất cứ giờ phút cần-cấp nào, nếu kêu-cầu Ngài, thì chúng ta có thể biết chắc rằng Ngài sẽ cứu-giúp mình; nhưng có lẽ Ngài cần phải quở-trách ta. Có đức-tin mạnh hơn, thì sẽ bớt sợ. Ngài phán cùng họ rằng: «Hỡi kẻ ít đức-tin kia, cớ sao các ngươi sợ?» (câu 26a) Khi đã quở-trách các môn-đệ rồi, «Ngài bèn đứng dậy quở gió và biển; thì liền yên-lặng như tờ» (câu 26b). Vua này, là «Đấng cai-trị cả cõi thiên-nhiên», chắc có thể giải-cứ những người đặt lòng tin-cậy nơi Ngài khỏi mọi hiểm-họa khả-dĩ xảy ra. Các từng-trái như vậy đáng phải bỏ sức cho đức-tin của kẻ theo Ngài; nhưng ảnh-hưởng đầu-tiên trên kẻ chúng-kiến là họ hết sức ngạc-nhiên. Họ «đấy làm lạ, nói rằng: Người này là ai, mà gió và biển đều vâng-lệnh Người?» (câu 27).

b) Trừ quỷ (8 : 28-34).

²⁸ Đức Chúa Jêsus qua bờ bên kia rồi, tại xứ dân Ga-đa-ra, gặp hai người bị quỷ ám ở nơi mò đi ra, bộ dữ-tợn lắm, đến nỗi không ai dám đi ngang qua đường đó. ²⁹ Chúng nó la lên rằng: Lạy Con Đức Chúa Trời, chúng tôi với Ngài có can-hệ gì chẳng? Có phải Ngài đến đây để làm khổ chúng tôi trước kỳ không? ³⁰ Và, khi ấy, ở đằng xa có một bầy heo đông đương ăn. ³¹ Các quỷ xin Đức Chúa Jêsus rằng: Nếu Chúa đuổi chúng tôi ra, xin cho nhập vào bầy heo đó. ³² Ngài biểu các quỷ rằng: Hãy đi đi! Các quỷ ra khỏi hai người đó, liền nhập vào bầy heo. Tức thì cả bầy ở trên dốc núi nháy xuống biển, thây đều chết

chìm dưới nước. ³³ Những đứa chân heo bèn chạy trốn, trở về thành, thuật các chuyện đã xảy ra, và chuyện hai người bị quỷ ám nữa. ³⁴ Cả thành liền ra đón Đức Chúa Jê-sus; khi vừa thấy Ngài, thì xin Ngài đi ra khỏi xứ mình.

Chúa Jê-sus vừa mới tỏ ra Ngài có quyền-năng trên các sức mạnh thiên-nhiên; bây giờ Ngài tỏ quyền-hành trên thế-giới vô-hình của các thần-linh. Ngài vượt qua bờ phía đông biển hồ, thì « gặp hai người bị quỷ ám ở nơi mồ-mả đi ra, bộ dữ-tợn lắm, đến nỗi không ai dám đi ngang qua đường đó » (câu 28). Hai người này không phải chỉ điên-cuồng mà là bị quỷ ám. Tuy-nhiên, điên-cuồng và bị quỷ ám là hiện-tượng về bạo-lực khủng-khiếp hơn của tội-lỗi. Những ai làm tội-mọi cho đục-tánh, thèm-khát, ham-muốn, ganh-tị, tham-lam thì ở nơi ô-uế, chết-chóc cũng như người Ga-đa-ra ở giữa mồ-mả kia, và làm nguy-hại cho mọi kẻ đến gần họ.

Bọn quỷ nhận thấy Đức Chúa Jê-sus là Con Đức Chúa Trời; chúng sợ quyền-năng Ngài, và nhìn biết rằng Ngài sẽ giải-thoát hai người đang bị chúng hành-hạ; vậy chúng xin cho được phép nhập vào bầy heo đang ăn cách đó một quãng đường. Khi chúng được phép rồi, thì « cả bầy ở trên dốc núi nhảy xuống biển, thấy đều chết chìm dưới nước » (câu 32).

Người ta thường hỏi rằng tại sao Chúa Jê-sus gây nên hoặch cho phép tài-sản bị tiêu-diệt như vậy? Có lẽ khó trả lời, nếu không phải là hết thảy phép lạ của Chúa chúng ta đều là hành-động dùng làm thí-dụ, cốt để dạy những chân-lý thiêng-liêng. Trên chính bề mặt của đoạn ký-thuật này, rõ-ràng lắm, sự tiêu-diệt bầy heo liên-quan đến sự giải-thoát hai người này; sự việc này giúp họ nhận-thức rằng tình-trạng của họ tuyệt-vọng và họ thật đã được giải-thoát; nó tỏ cho họ thấy quyền-năng Đấng Christ và dẫn họ đến tin-cậy Ngài. Trên hết, rõ-ràng lắm, sự tiêu-diệt bầy heo là một sứ-diệp khiến dân thành kể-cận phải chú-ý rằng họ có thể mắc hiểm-họa do tà-linh, có thể được Chúa Jê-sus giải-thoát khỏi mọi bạo-lực của đau-đớn và tội-lỗi; nhưng họ « xin Ngài đi ra khỏi xứ mình » (câu 34). Ngày nay cũng có một số người e-sợ Hiện-

diện của Chúa Jêsus có thể gây ra cho mình thiệt mất tài-sản, hoặc ít nhất cũng quở-trách tội-lỗi của mình. Có những người không nhìn Vua với lòng yêu-mến, cung-kính, nhưng với sự sợ-hãi, khủng-khiếp.

c) Tha-thứ tội-lỗi (9: 1-8).

¹ Đức Chúa Jêsus xuống thuyền lại trở qua biển và đến thành mình. ² Ngày, có người đem lại cho Ngài một người đau bại nằm trên giường. Đức Chúa Jêsus thấy đức-tin của các người đó, thì phán cùng người bại rằng: Hỡi con, hãy vững lòng, tội-lỗi con đã được tha. ³ Khi ấy, có một vài thầy thông-giáo đều nghĩ thầm rằng: Người này nói lộng-ngôn. ⁴ Song Đức Chúa Jêsus biết ý-tưởng mấy thầy đó, thì phán rằng: Nhon sao trong lòng các người có ác-tưởng làm vậy? ⁵ Trong hai lời này: một là nói, tội-lỗi người đã được tha; hai là nói, người hãy đứng dậy mà đi, thì lời nào dễ nói hơn? ⁶ Và, hầu cho các người biết Con người ở thế-gian có quyền tha tội, — thì Ngài phán cùng người bại rằng: Hãy đứng dậy, vác lấy giường mà trở về nhà người. ⁷ Người bại liền dậy mà trở về nhà mình. ⁸ Đoàn dân thấy phép lạ đó, thì ai nấy đều sợ-hãi, và ngợi-khen Đức Chúa Trời đã cho người ta được phép-tác đường ấy.

Chúa Jêsus tỏ ra rằng Ngài có thể giải-thoát khỏi quyền cai-trị của uế-linh; bây giờ Ngài tỏ ra rằng Ngài có quyền tha-thứ tội-lỗi. Cơ-hội là sự chữa lành « một người đau bại » (câu 2a). Bệnh này còn đáng thương hơn những chứng tê-liệt. Không những chẳng kiểm-soát các bắp-thịt được nữa, song còn có lúc thình-linh kịch-phát làm đau-đớn, lần lần thêm nhiều và kịch-liệt hơn, cho đến ngày bệnh-nhân đáng thương được Tử-thần giải-thoát. « Người đau bại » này còn đau-đớn vì bệnh tội-lỗi khủng-khiếp hơn bội-phần; vả bệnh bại là biểu-tượng kinh-khủng và có lẽ là kết-quả của bệnh tội-lỗi.

Vậy nên Chúa Jêsus nghĩ đến nhu-cầu sâu-xa hơn và phán với người đau bại rằng: « Hỡi con, hãy vững lòng, tội-lỗi con đã được tha » (câu 2b). « Khi ấy có một vài thầy

thông-giáo đều nghĩ thầm rằng : Người này nói lộng-ngôn » (câu 3). Họ có lý lắm. Chúa Jê-sus mắc tội lộng-ngôn và đáng chết, trừ khi (và không còn cách nào khác) chính Ngài là Đức Chúa Trời. Ngài tự chứng-tố là Đức Chúa Trời trước hết vì «đọc» được tư-trởng của kẻ thù-nghịch, và thứ hai, vì chữa cho bệnh-nhân lành hẳn. Người thường không thể nào tuyên-bố tha tội, hoặc chữa lành trong giây-lát. Đáng làm được việc thứ hai, ắt có quyền làm việc thứ nhất. Vậy, Chúa Jê-sus phán cùng người đau bại rằng : «Hãy đứng dậy, vác lấy giường, mà trở về nhà ngươi» (câu 6).

Ảnh-hưởng trên quần-chúng là kinh-sợ pha lẫn vui-mừng. Họ hãi-hùng vì đứng trước mặt Vua thiên-thượng, song lại vui-mừng vì Ngài có quyền tha-thứ tội-lỗi. Đối với mọi người đau-phục ý-chỉ Ngài, sự sợ-hãi đổi thành cảm-kích và ngợi-khen.

4. Kêu-gọi Ma-thi-ơ và câu hỏi về kiêng-ăn (9 : 9-17).

⁹ Đức Chúa Jê-sus đã đi khỏi nơi đó rồi, thấy một người tên là Ma-thi-ơ đương ngồi tại sở thu thuế, bèn phán cùng người rằng : Hãy theo ta. Người liền đứng dậy, mà theo Ngài.

¹⁰ Và, đương khi Đức Chúa Jê-sus ngồi ăn tại nhà Ma-thi-ơ, có nhiều người thu thuế cùng kẻ xấu nét đến ngồi ăn với Ngài và môn-đồ Ngài. ¹¹ Người Pha-ri-si thấy vậy, thì nói cùng môn-đồ Ngài rằng : Làm sao thầy các người ngồi ăn chung với người thu thuế và kẻ xấu nét vậy? ¹² Đức Chúa Jê-sus nghe điều đó, bèn phán rằng : Chẳng phải là người khỏe mạnh cần thầy thuốc đâu, song là người có bệnh. ¹³ Hãy đi, và học cho biết câu này nghĩa là gì : Ta muốn sự thương-xót, nhưng chẳng muốn của-lẽ. Vì ta đến đây không phải để kêu kẻ công-bình, song kêu kẻ có tội.

¹⁴ Khi ấy, các môn-đồ của Giảng đến tìm Đức Chúa Jê-sus, mà thưa rằng : Có sao chúng tôi và những người Pha-ri-si kiêng-ăn, còn môn-đồ thầy không kiêng ăn? ¹⁵ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Trong khi chàng rề còn ở với bạn-hữu đến mừng cưới, thì những bạn-hữu đó có thể nào buồn-rầu được ư? Nhưng đến ngày nào chàng rề sẽ

bị đem đi khỏi họ, thì họ mới kiêng ăn. ¹⁶ Không có ai vá miếng nỉ mới vào cái áo cũ; vì nếu làm vậy, miếng nỉ mới sẽ chẳng rách áo cũ, và đàng rách trở nên xấu hơn. ¹⁷ Cũng không có ai đổ rượu mới vào bầu da cũ; nếu làm vậy thì bầu nứt, rượu chảy ra, và bầu phải hư; song ai nấy đổ rượu mới vào bầu mới, thì giữ được cả hai bề.

Giữa loạt phép lạ thứ hai và loạt phép lạ thứ ba, có hai sự việc xen vào, tự nó khiến ta nghĩ rằng Đấng Christ có quyền-năng của Đức Chúa Trời. Sự việc thứ nhất là Ngài kêu-gọi người thâu thuế tên là Ma-thi-ơ làm môn-đệ, và chính ông được coi là tác-giả sách Tin-Lành này.

Vì công-việc làm ăn đó Ma-thi-ơ bị liệt vào hạng người mà xã-hội xô-đuổi, nhưng rõ-ràng lắm, Đấng có thể chữa sạch người phung và chữa lành kẻ bại, cũng có quyền biến-cải người thâu thuế thành vị Sứ-dò, nhà Truyền-đạo và ông thánh.

Đức-tin của Ma-thi-ơ được biểu-thị bằng cách ông lập-tức hưởng-ứng, và hiển-nhiên hi-sinh khi bỏ hết mọi sự «mà theo Ngài» (câu 9), và hơn nữa bằng cách mời các bạn cũ đến dự tiệc lớn, có Chúa Jê-sus ngồi chỗ danh-dự. Không khó đem ra những sự việc trường-hợp gọi cho ta nghĩ rằng ngày nay lòng thành-thực tự nhận Đấng Christ có thể được biểu-thị cách nào.

Những kẻ thù-nghịch Chúa Jê-sus sẵn-sàng chỉ-trích. Chúng than-phiền rằng Ngài «ăn chung với người thâu thuế và kẻ xấu nết» (câu 11). Đó là cơ-hội cho Chúa phán một lời có ý-nghĩa hơn hết: «Chẳng phải là người khỏe-mạnh cần thầy thuốc, song là người có bệnh» (câu 12). Đây, Chúa Jê-sus quả-quyết rằng Ngài có quyền cứu chữa linh-hồn người ta. Ngài ngụ-ý rằng nếu người Pha-ri-si lành-mạnh phần linh-hồn như họ tự nhận đó, thì họ chẳng nên ganh-tị khi Ngài đến cùng kẻ có linh-hồn bệnh-hoạn, trong số đó, họ đã liệt những người thâu thuế.

Chúa Jê-sus chẳng tuyên-bố rằng người Pha-ri-si lành-mạnh; họ chỉ tự cho mình là lành-mạnh. Họ thật đáng nghe một lời quở-trách, cho nên Ngài trưng-dẫn Cựu-Uớc: «Ta muốn sự thương-xót, nhưng chẳng muốn của-

lẽ» (câu 13a). Cửa-lẽ có thể là một hình-thức bề ngoài mà thôi; nhưng trước mặt Đức Chúa Trời, điều quan-trọng là tấm lòng ngay-thẳng. Về hình-thức, người Pha-ri-si tránh xa tội-nhân là phải lẽ; nhưng họ phoi-tổ tấm lòng gian-ác vì thiếu thiện-cảm và vì thù-nghịch Đấng Christ. Vậy nên Chúa Jê-sus phán thêm: «Ta đến đây không phải để kêu kẻ công-bình, song kêu kẻ có tội» (câu 13b). Ngài không có ý quả-quyết rằng hạng người nào thật công-bình; Ngài chỉ muốn nhấn mạnh rằng chức-vụ của Ngài dành cho tội-nhân. Ma-thi-ơ mời kẻ bị xã-hội xô-đuổi đến dự tiệc thể nào, thì cũng một thể ấy, Chúa Jê-sus với tư-cách Chủ Tiệc thiên-thượng, luôn luôn kêu gọi tội-nhân xấu-xa hơn hết đến chia-xẻ ơn-phước của Nước Ngài.

Sự tự-do mà Chúa Jê-sus cảm thấy trong vấn-đề vâng-giữ nghi-lễ suông, còn được nêu rõ hơn nữa khi Ngài đáp lại câu hỏi tại sao Ngài không đòi môn-đệ thường phải kiêng ăn. Ngài tuyên-bố rằng kiêng ăn là một nghi-lễ tôn-giáo hoàn-toàn thích-ứng nếu nó thành-thực bày-tỏ một cảm-nghĩ tôn-giáo; nhưng chỉ là vấn-đề qui-tắc, hoặc đòi-hỏi, hoặc một cơ tự nhận là có công-đức, thì chỉ là vô-ích và phi-lý. Như vậy đối với các môn-đệ Ngài, thì kiêng ăn là rất không thích-hợp, trong khi Chúa, là Tân-Lang thiên-thượng, còn ở với họ; đến ngày họ cách biệt Ngài, thì có thể kiêng ăn. Tuy-nhiên, cả trong ngày ấy, các vấn-đề nghi-lễ này cũng chẳng quan-hệ bao-nhiêu. Ngài ngự đến không phải để thêm một vài khoản vào nghi-lễ của đạo Do-thái, chẳng khác nào người kia «vá miếng nỉ mới vào cái áo cũ» (câu 16). Những nghi-thức cổ-thời của đạo Do-thái cũng không thể chứa-đựng tinh-thần Tin-lành mà Ngài truyền-giảng. Rượu mới đang lên men và nở ra, sẽ làm nứt các bầu da đã giãn hoặc nứt vì lâu ngày thể nào, thì cũng một thể ấy, đạo Đấng Christ không thể bị giới-hạn ở một mớ nghi-lễ và không nên lẫn-lộn với cái nghi-thức nào. Đạo Đấng Christ chính là một sự sống mới truyền cho bởi đức-tin nơi Ngài. Đạo Đấng Christ điều-khiển người ta chẳng bởi qui-tắc, nhưng bởi có-tích. Trọng-trung cho đạo Ngài chẳng phải là sự kiêng ăn, mà là bữa tiệc.

5. Loạt phép lạ thứ ba (9: 18-34).

a) *Làm cho kẻ chết sống lại và chữa lành bệnh mất huyết.* (9: 18-26).

¹⁸Đang khi Đức Chúa Jê-sus phán các điều đó, xảy có người cai nhà hội kia bước vào, quì-lạy trước mặt Ngài mà thưa rằng: Con gái tôi mới chết; xin Chúa đến, đặt tay trên nó, thì nó sẽ được sống. ¹⁹Đức Chúa Jê-sus bèn đứng dậy, cùng môn-đồ Ngài đều đi theo người,

²⁰Này, có một người đờn-bà mắc bệnh mất huyết đã mười hai năm, lại gần sau lưng mà rờ tròn áo Ngài. ²¹Vì người đờn-bà ấy tự nghĩ rằng: Nếu ta chỉ rờ áo Ngài, thì cũng sẽ được lành. ²²Đức Chúa Jê-sus xây mặt lại, thấy người đờn-bà, thì phán rằng: Hỡi con, hãy vững lòng, đức-tin con đã làm cho con được lành. Liên trong giờ đó, người đờn-bà lành bệnh.

²³Khi Đức Chúa Jê-sus đến nhà người cai nhà hội, thấy bọn thối sáo, và chúng làm om-sòm, ²⁴thì phán rằng: Các ngươi hãy lui ra; con gái nhỏ này chẳng phải chết đâu, nhưng nó ngủ. Chúng nghe thì chê-cười Ngài. ²⁵Bọn đó đã bị đuổi ra rồi, Ngài bèn vào, cầm lấy tay đứa gái, thì nó liền chỗi dậy.

²⁶Tin này đồn ra khắp cả xứ đó.

Loạt phép lạ đầu-tiên biểu-thị quyền-năng của Đấng trên tật-bệnh của thân-thể; loạt thứ hai tỏ ra quyền-năng Ngài trên cảnh hỗn-loạn trong thế-giới, vật-chất, thần-linh và đạo-đức; loạt thứ ba bày-tỏ quyền-năng Ngài trên sự chết. Truyện-tích này cũng do Mác và Lu-ca thuật lại; hai ông cho chúng ta biết Giai-ru là tên của người cai nhà hội có con gái nhỏ được Chúa Jê-sus kêu từ kẻ chết sống lại. Trong cả ba sách Tin-lành, xen vào truyện-tích có lời tường-thuật một phép lạ khác, tức là Chúa chữa lành một người đờn-bà cầm chắc sẽ chết. Truyện-tích do Ma-thi-ơ kể thì ngắn hơn nhiều, và bỏ qua nhiều chi-tiết mà hai tác-giả kia ghi-chép. Ma-thi-ơ muốn làm cho người ta chuyên-chú vào loạt dài những phép lạ tới đây là tuyệt-diễm. Ông không muốn làm cho tâm-trí người ta xao-lãng vì những chi-tiết không cần-thiết, song chỉ muốn gia-tăng ấn-tượng đã này-nở đối với quyền-năng và quyền-hành

đế-vương của Đấng Christ. Ngay trong cảnh ngăn-ngủ này, cử-động của Chúa thật là oai-nghiêm. Người cai nhà hội đến gần Ngài, xin một điều vượt quá quyền-lực loài người, nhưng Chúa Jê-sus phán tỏ rằng lời cầu-xin ấy sẽ được nhận. Người đồn-bà không sức-lực kia rời áo Chúa Jê-sus và Ngài phán lời đế-vương quả-quyết rằng dầu đức-tin của bà bất-toàn nhưng kết-quả bà cũng được chữa lành trọn-vẹn. Tới nhà người cai nhà hội, giữa cảnh than-khóc ồn-ào, Ngài phán lời hi-vọng màu-nhiệm: « Con gái này chẳng phải chết đâu, nhưng nó ngủ » (câu 24). Ngài biết rằng sự sống đã lìa khỏi thân-thể, song để đạt tới mục-dịch và với lòng tin-cậy nơi quyền-năng mình, Ngài truyền một sứ-diệp mà tánh-chất quan-trọng đầy-đủ làm cho ta tuyệt-đối biết chắc có sự sống bên kia mờ-mả, và cũng đã đem sự yên-ủi, vui-mừng cho muôn-vạn người tang-chế: « Chẳng phải chết đâu, nhưng nó ngủ ».

Lời nhạo-báng của đám đông rất lỗ-măng và nhẫn-tâm, trái hẳn với thiện-cảm đế-vương của Đấng Christ, và chứng-tỏ rằng thật có phép lạ này. Chắc hẳn em gái này đã chết; nếu Chúa Jê-sus có ý chối-bỏ thực-sự ấy, thì phi-lý lắm. Điều Ngài thật có ý tỏ ra đã được rõ ngay. Ngài đuổi đám dân ồn-ào, cầm tay em gái, « thì nó liền chỗi dậy » (câu 25), lại có đầy-đủ sự sống và sức-mạnh. « Tin này đồn ra khắp cả xứ đó » (câu 26). Nào có lạ gì, một Vua như vậy chắc đáng tin cậy và tôn-kính.

b) Chữa cho kẻ mù và người câm nói được (9 : 27-34).

²⁷ Đức Chúa Jê-sus ở đó ra đi, có hai người mù theo Ngài mà kêu rằng: Hỡi con cháu vua Đa-vít, xin thương chúng tôi cùng! ²⁸ Khi Ngài đã vào nhà rồi, hai người mù đến; Ngài bèn phán rằng: Hai người tin ta làm được điều hai người ao-ước sao? Họ thưa rằng: Lạy Chúa, được. ²⁹ Ngài bèn sờ mắt hai người mà phán rằng: Theo như đức-tin các người, phải được thành vey. ³⁰ Mắt hai người liền mở. Đức Chúa Jê-sus lấy giọng nghiêm phán rằng: Hãy giữ, đừng cho ai biết chuyện này. ³¹ Song lúc hai người ra khỏi nhà, thì đồn danh-tiếng Ngài khắp cả xứ.

³² Khi đi khỏi chỗ đó, thì người ta đem tới cho Ngài một

người câm bị quỉ ám. ³³ Quỉ bị đuổi ra rồi, thì người câm nói được. Đoàn dân lấy làm lạ mà nói rằng: Không hề bao giờ thấy sự như vậy trong dân Y-sơ-ra-ên. ³⁴ Nhưng người Pha-ri-si lại nói rằng: Người này cậy phép chúa quỉ mà trừ quỉ.

Sau khi Chúa Jêsus tỏ quyền-năng trên sự chết, thì phép lạ chữa cho kẻ mù được sáng và người câm nói được có vẻ kém kỳ-diệu. Tuy-nhiên, có lẽ Ma-thi-ơ đặt hai phép lạ này trong loạt thứ ba vì nó tỏ ra Chúa Jêsus khôi-phục những khả-năng đã chết thật. Chắc hẳn ai nấy nhìn-nhận người mù và người câm diễn-tả những ai cần được quyền-năng của Đấng Christ làm cho thấy cái thực-sự thiêng-liêng và chánh-đáng khen-ngợi lòng nhơn-lành và yêu-thương của Đức Chúa Trời. Đức-tin của hai người mù mà Chúa Jêsus đã chữa lành có vẻ thiết-thực, song không được tiết-lộ quyền-năng chữa bệnh của Ngài. Có-tích Ngài truyền lệnh như vậy có lẽ không rõ-ràng; có lẽ Ngài không muốn gây nên một cảnh nhiệt-thành cuồng-tín bộc-phát, có thể làm ngưng bước tiến-triển của sứ-mạng Ngài. Vâng theo mạng-lệnh của Vua thì bao giờ cũng khôn-ngoan.

Kinh-thánh lại chép rằng «đoàn dân lấy làm lạ» (câu 33) trước những phép lạ này, nhưng cũng chép rằng người Pha-ri-si sanh lòng ganh-tị, ghen-ghét dữ-dội đến nỗi cáo tội Chúa Jêsus nặng-nề hơn hết: «Người này cậy phép chúa quỉ mà trừ quỉ» (câu 34). Cả đến kẻ thù-nghịch Đấng Christ cũng không thể chối quyền-năng siêu-nhiên của Ngài. Vậy quyền-năng ấy phải do ma-quỉ hoặc Đức Chúa Trời, không còn cách nào khác.

IV. CÁC SỨ-GIẢ CỦA VUA

(Ma-thi-ơ 9 : 35 đến 10 : 42).

1. Cơ-hội họ được ủy-nhiệm (9 : 35-38).

³⁵ Đức Chúa Jêsus đi khắp các thành, các làng, dạy-dỗ trong các nhà hội, giảng tin-lành nước Đức Chúa Trời, và chữa lành các thứ tật-bệnh. ³⁶ Khi Ngài thấy những đám dân đông, thì động lòng thương-xót, vì họ cùng-khốn, và tan-lạc như chiên không có kẻ chăn. ³⁷ Ngài bèn phán cùng môn-đồ rằng : Mùa gặt thì thật trúng, song con gặt thì ít. ³⁸ Vậy, hãy cầu-xin chủ mùa gặt sai con gặt đến trong mùa mình.

Phản sách Tinh-Lành này mở đầu với lời tóm-tắt chức-vụ của Chúa Jêsus tại xứ Ga-li-lê, giống như lời tóm-tắt mở đầu « Bài Giảng Trên Núi » (4 : 23) và mở đầu mười phép lạ lớn-lao đã chép để làm « Ủy-nhiệm-trạng của Vua » (8 : 1). Một cách thích-ứng, lời tóm-tắt này mở đầu cho bản ký-thuyết về Chúa Jêsus, ủy-nhiệm cho mười hai môn-đệ Ngài. Nó bày-tỏ cơ-hội và cơ-tích họ được giao cho sứ-mạng. Nó mô-tả các đoàn dân đông-đúc kéo đến chung-quanh Ngài, cũng như muôn-vạn người mà Ngài chưa tiếp-xúc được. Công-việc thành ra lớn-lao tới mức cần có người phụ-tá như Danh Ngài mà giảng-dạy. Nó cũng chuẩn-bị cho lúc Vua bị chối-bỏ sẽ lìa xa môn-đệ Ngài và gánh nặng làm chứng sẽ trao cho họ hết. Cái thực-sự rằng Chúa đồng-thời nghĩ đến những nhu-cầu hiện-tại và xa-xôi hơn, đã giải-thích được nhiều nỗi khó-khăn chứa trong nhiệm-vụ của các sứ-dồ. Một vài lời khuyên-bảo và cảnh-cáo thuộc về những ngày Chúa mới thi-hành chức-vụ; còn nhiều lời khuyên-bảo và cảnh-cáo khác áp-dụng cho mọi thời-đại sau này và cho từng-trải của các môn-đệ trong những năm hầu đến nữa. Tuy-nhiên, cơ-tích trực-tiếp buộc Chúa Jêsus phải hành-động chính là lòng thương-xót sâu-xa của Ngài đối với quần chúng. Ngài thấy họ « cùng-khốn » (câu 36), nghĩa là bị khuấy-rối vì lo-lắng, nghi-ngờ, sợ-sệt; họ cũng « tan-lạc » (câu 36), hoặc « suy-nhược » chán-nản và tuyệt-vọng; họ giống như « chiên không có người chăn » (câu

36), nghĩa là đang cần một Đấng dắt-dẫn, che-chở, một vị Lãnh-đạo. Họ bối-rối chẳng biết xây qua lối nào; họ đói-khát và chẳng biết làm thế nào cho thỏa-mãn sự mong-ước của linh-hồn mình. Đó là bức tranh linh-động mô-tả thế-giới ngày nay. Loài người bây giờ cũng yếu-đuối, không thể tự cứu-giúp như vậy. Họ cần những cái mà chỉ Người Chăn nhơn-lành có thể cung-cấp. Khi chúng ta thông-cảm với Chúa và nhìn xem quần-chúng y như Ngài thấy họ thì sẽ cảm thấy một phần nào lòng Ngài hăm-hờ mong-muốn ban ơn cứu-giúp và sai đi những ai có thể làm chứng nhơn Danh Ngài. Chính vì Chúa Jêsus thương-xót các đoàn dân đông-đúc, nên đã khuyên-giục môn-đệ cầu-nguyện. Ngài đòi cách nói tỷ-dụ, nhưng nhu-cầu bao-hàm vẫn rõ-rệt: « Mưa gặt thì thật trúng, song con gặt thì ít. Vậy, hãy cầu-xin Chủ mùa gặt sai con gặt đến trong mùa mình » (câu 37, 38). Ngài bảo chúng ta rằng lúa đã chín, và nếu không có thợ gặt, thì mùa-màng sẽ mất. Nếu mất như vậy, thì chẳng ai đau-buồn thấm-thía bằng chính mình Chúa. Đây là mùa-màng của Ngài, và Ngài mong-mỏi có thợ gặt. Đương thời Chúa Jêsus, có ít thợ gặt, và bao giờ cũng vẫn ít quá; nhưng nhu-cầu có thể thỏa-mãn nhiều hơn nếu những kẻ theo Vua chịu lưu-ý đến mạng-lịnh Ngài và hiệp nhau cầu-nguyện cho có thêm nhiều người làm công-việc Chúa. Lễ tự-nhiên lời cầu-nguyện này vừa đòi-hỏi, vừa làm cho người kêu-xin ngày càng quan-tâm sâu-xa hơn. Khi Chúa Jêsus khuyên-giục môn-đệ cầu-nguyện, thì Ngài sắp-sửa sai họ đi làm việc.

2. Tên của mười hai Sứ-đồ (10 : 1-4).

¹ Đức Chúa Jêsus gọi mười hai môn-đồ đến, ban quyền-phép trừ tà-ma, và chữa các thứ tật-bệnh. ² Tên mười hai sứ-đồ như sau này: Sứ-đồ thứ nhất là Si-môn, cũng gọi là Phi-e-rơ, và Anh-rê là em người; Gia-cơ con của Xê-bê-đê, và Giăng là em Gia-cơ; ³ Phi-líp cùng Ba-tê-lê-my; Tô-ma, và Ma-thi-ơ là người thu thuế; Gia-cơ con của A-phê, cùng Tha-đê; ⁴ Si-môn là người Ca-na-an, cùng Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, là kẻ phản Đức Chúa Jêsus.

IV. CÁC SỨ-GIẢ CỦA VUA

(Ma-thi-ơ 9:35 đến 10:42).

1. Cơ-hội họ được ủy-nhiệm (9:35-38).

³⁵ Đức Chúa Jê-sus đi khắp các thành, các làng, dạy-dỗ trong các nhà hội, giảng tin-lành nước Đức Chúa Trời, và chữa lành các thứ tật-bệnh. ³⁶ Khi Ngài thấy những đám dân đông, thì động lòng thương-xót, vì họ cùng-khốn, và tan-lạc như chiên không có kẻ chăn. ³⁷ Ngài bèn phán cùng môn-đồ rằng: Mùa gặt thì thật trúng, song con gặt thì ít. ³⁸ Vậy, hãy cầu-xin chủ mùa gặt sai con gặt đến trong mùa mình.

Phần sách Tin-lành này mở đầu với lời tóm-tắt chức-vụ của Chúa Jê-sus tại xứ Ga-li-lê, giống như lời tóm-tắt mở đầu « Bài Giảng Trên Núi » (4:23) và mở đầu mười phép lạ lớn-lao đã chép đề làm « Ủy-nhiệm-trạng của Vua » (8:1). Một cách thích-ứng, lời tóm-tắt này mở đầu cho bản ký-thuyết về Chúa Jê-sus, ủy-nhiệm cho mười hai môn-đệ Ngài. Nó bày-tỏ cơ-hội và cô-tích họ được giao cho sứ-mạng. Nó mô-tả các đoàn dân đông-dức kéo đến chung-quanh Ngài, cũng như muôn-vạn người mà Ngài chưa tiếp-xúc được. Công-việc thành ra lớn-lao tới mức cần có người phụ-tá như Danh Ngài mà giảng-dạy. Nó cũng chuẩn-bị cho lúc Vua bị chối-bỏ sẽ lìa xa môn-đệ Ngài và gánh nặng làm chứng sẽ trao cho họ hết. Cái thực-sự rằng Chúa đồng-thời nghĩ đến những nhu-cầu hiện-tại và xa-xôi hơn, đã giải-thích được nhiều nỗi khó-khăn chứa trong nhiệm-vụ của các sứ-đồ. Một vài lời khuyên-bảo và cảnh-cáo thuộc về những ngày Chúa mới thi-hành chức-vụ; còn nhiều lời khuyên-bảo và cảnh-cáo khác áp-dụng cho mọi thời-đại sau này và cho từng-trải của các môn-đệ trong những năm hầu đến nữa. Tuy-nhiên, cô-tích trực-tiếp buộc Chúa Jê-sus phải hành-động chính là lòng thương-xót sâu-xa của Ngài đối với quần chúng. Ngài thấy họ « cùng-khốn » (câu 36), nghĩa là bị khuấy-rối vì lo-lắng, nghi-ngờ, sợ-sệt; họ cũng « tan-lạc » (câu 36), hoặc « suy-nhược » chán-nản và tuyệt-vọng; họ giống như « chiên không có người chăn » (câu

36), nghĩa là đang cần một Đấng dắt-dẫn, che-chở, một vị Lãnh-đạo. Họ bối-rối chẳng biết xây qua lối nào; họ đói-khát và chẳng biết làm thế nào cho thỏa-mãn sự mong-trớc của linh-hồn mình. Đó là bức tranh linh-động mô-tả thế-giới ngày nay. Loài người bây giờ cũng yếu-đuối, không thể tự cứu-giúp như vậy. Họ cần những cái mà chỉ Người Chăn nhơn-lành có thể cung-cấp. Khi chúng ta thông-cảm với Chúa và nhìn xem quần-chúng y như Ngài thấy họ thì sẽ cảm thấy một phần nào lòng Ngài hăm-hở mong-muốn ban ơn cứu-giúp và sai đi những ai có thể làm chứng nhơn Danh Ngài. Chính vì Chúa Jêsus thương-xót các đoàn dân đông-đúc, nên đã khuyên-giục môn-đệ cầu-nguyện. Ngài đổi cách nói tỷ-dụ, nhưng nhu-cầu bao-hàm vẫn rõ-rệt: «Mùa gặt thì thật trúng, song con gặt thì ít. Vậy, hãy cầu-xin Chủ mùa gặt sai con gặt đến trong mùa mình» (câu 37, 38). Ngài bảo chúng ta rằng lúa đã chín, và nếu không có thợ gặt, thì mùa-màng sẽ mất. Nếu mất như vậy, thì chẳng ai đau-buồn thắm-thía bằng chính mình Chúa. Đây là mùa-màng của Ngài, và Ngài mong-mỏi có thợ gặt. Đương thời Chúa Jêsus, có ít thợ gặt, và bao giờ cũng vẫn ít quá; nhưng nhu-cầu có thể thỏa-mãn nhiều hơn nếu những kẻ theo Vua chịu lưu-ý đến mạng-linh Ngài và hiệp nhau cầu-nguyện cho có thêm nhiều người làm công-việc Chúa. Lễ tự-nhiên lời cầu-nguyện này vừa đòi-hỏi, vừa làm cho người kêu-xin ngày càng quan-tâm sâu-xa hơn. Khi Chúa Jêsus khuyên-giục môn-đệ cầu-nguyện, thì Ngài sắp-sửa sai họ đi làm việc.

2. Tên của mười hai Sứ-đồ (10 : 1-4).

¹ Đức Chúa Jêsus gọi mười hai môn-đồ đến, ban quyền-phép trừ tà-ma, và chữa các thứ tật-bệnh. ² Tên mười hai sứ-đồ như sau này: Sứ-đồ thứ nhất là Si-môn, cũng gọi là Phi-e-rơ, và Anh-rê là em người; Gia-cơ con của Xê-bê-đê, và Giăng là em Gia-cơ; ³ Phi-líp cùng Ba-tê-lê-my; Thô-ma, và Ma-thi-ơ là người thu thuế; Gia-cơ con của A-phê, cùng Tha-đê; ⁴ Si-môn là người Ca-na-an, cùng Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, là kẻ phản Đức Chúa Jêsus.

Trước khi Ma-thi-ơ chép danh-sách đang ghi-nhớ của các Sứ-đồ mà Đấng Christ đã trực-tiếp lựa chọn, ông tuyên-bố tánh-chất của công-việc Chúa kêu-gọi họ làm. Ngài ban cho họ « quyền-phép trừ tà-ma, và chữa các thứ tật-bệnh » (câu 1). Những phép lạ này dùng làm ủy-nhiệm-thư cho nhiệm-vụ của họ. Đây là đặc-quyền độc-nhất vô-song. Nhiều đại thủ-lãnh khác cũng làm phép lạ, nhưng không một ai đã ban quyền-năng họ cho kẻ theo họ. Những công-việc thương-xót và ân-diễn mà mười hai Sứ-đồ làm sẽ giúp họ được nhiều người vui lòng nghe và sẵn-sàng tiếp-nhận Tin-Lành mà họ truyền-giảng.

Tên của mười hai Sứ-đồ được xếp làm ba nhóm, mỗi nhóm bốn tên. Danh-sách do các tác-giả Tin-Lành khác chép cũng được chia thành nhóm như vậy và cũng theo thứ-tự như vậy. Có thể rằng các nhóm được xếp tùy theo mức thân-mật của các Sứ-đồ với Đấng Christ. Ít nhất cũng chắc thật rằng bốn người đứng đầu danh-sách là bạn-hữu thân-mật nhất và sứ-giả được tin-cậy nhất của Chúa Jê-sus. Phi-e-rơ được ghi đầu-tiên, không những vì tên ông mở đầu danh-sách, song cũng đề nêu lên rằng ông chiếm địa-vị quan-trọng nhất. Liên-hiệp chặt-chẽ với ông là Anh-rê, em ông, cùng Gia-cơ và Giăng, con trai của Xê-bê-đê. Anh-rê đã được đặc-ân dắt đem Phi-e-rơ trở về cùng Chúa Jê-sus; Gia-cơ có vinh-hạnh là Sứ-đồ tuận-đạo đầu-tiên; Giăng là môn-đệ mà « Đức Chúa Jê-sus yêu » (Gi. 21 : 7), dường như hoàn-toàn đáp lại lòng yêu-thương ấy và hiểu-biết thần-tánh của Chúa.

Phi-lip được ghi cùng với Ba-tê-lê-my; có lẽ Ba-tê-lê-my chính là Na-tha-na-ên, « một người Y-so-ra-ên thật, trong người không có điều dối-trá chi hết » (Gi. 1 : 47), mà Phi-lip đã giới-thiệu với Chúa. Thô-ma nổi tiếng là « môn-đệ hoài-nghi », ông thật trung-thành và có đức-tin y như các đồng bạn, nhưng ông muốn sự lựa-chọn của mình có bằng cơ và là người có một đặc-điểm, là đa-sầu và hơi ngoan-cố. Chỉ trong danh-sách môn-đệ này, Ma-thi-ơ được gọi là « người thâu thuế » (câu 3). Điều này ngụ-ý rằng chính ông là tác-giả. Danh-hiệu « người thâu thuế » gồm một điều ô-nhục, nên ba tác-giả Tin-Lành kia chắc không gán nó cho ông. Ma-thi-ơ dường như lấy làm vinh

vì Chúa Jêsus đã ban ơn cho ông rất nhiều, đã kêu gọi ông từ công-việc của một người thầu thuế đến chức-vụ một vị Sứ-đồ.

Không nên lầm-lộn Gia-cơ, con trai A-phê, với anh của Giăng, hoặc với em của Chúa Jêsus. Người ta thường lầm ông với em của Chúa, nhưng vị Sứ-đồ này, được gọi là « Gia-cơ nhỏ » ở một nơi khác (Mác 15 : 40), đã đi theo và tin-cậy Chúa Jêsus trong những năm dài đằng-dẵng mà « em của Chúa » (Gal. 1. 19) còn không tin Ngài. Sau khi Chúa Jêsus sống lại, « em của Chúa » mới trở thành môn-đệ Ngài chiếm địa-vị cao trọng trong Hội-thành và sau cùng viết thư-tín mang tên ông. Tha-dê ghi ở đây chính là « Giu-đe, con của Gia-cơ » mà Lu-ca đã chép (Lu. 6 : 16); cũng là « Giu-đe, chớ không phải là Ích-ca-ri-ốt » mà Giăng đã chép (Giăng 14:22). « Si-môn, là người Ca-na-an » hoặc « Xê-lốt » (Lu. 6 : 15), được gọi như vậy vì ông thuộc về đảng quốc-gia cực-đoan của người Do-thái, hoặc vì (kém phần chắc-chắn) ông có lòng sốt-sắng hăng-hái đối với Chúa.

Có lẽ Giu-đa cũng gọi là « Ít-ca-ri-ốt » để gợi ý rằng hấn nguyên-quán ở thành Kê-ri-giốt (xem Giê. 48 : 24, v.v.). Nếu vậy, hấn là môn-đệ duy-nhứt nguyên-quán xứ Giu-đê, và do đó, ngay từ lúc đầu, thiện-cảm của hấn đối với Đấng Christ không bằng của 11 đồng bạn. Không có gì vững-chắc về điểm này. Tuy nhiên, có điều đáng chú-ý, là bất cứ khi nào nói đến tên hấn, cũng nhắc trọng-tội tối-tâm không phân-rẽ được với kỷ-niệm của hấn, đúng như Ma-thi-ơ thêm ở đây : « là kẻ phản Đấng Chúa Jêsus » (câu 4). Người ta thường ngạc-nhiên vì Ngài đã lựa-chọn một người như vậy làm Sứ-đồ. Tuy-nhiên, có lẽ chúng ta phải kết-luận rằng tâm-tánh hấn lúc đầu đầy hứa-hẹn, và sự-nghiệp của hấn chỉ là một lời cảnh-cáo về tình-trạng có thể xảy đến cho bất cứ người nào toan theo Đấng Christ, nhưng còn đề một « tội-lỗi dễ vãn-vương » (Hê. 12 : 1) làm chủ mình.

Trên đây lược kể mười hai người mà Chúa Jêsus sai đi làm sứ-giã của Ngài. Có lẽ họ là những người tài-năng tầm-thường, phương-tiện ít-ỏi, không có địa-vị trong lịch-sử. Họ có những tâm-tánh khác-biệt. Một vài người không nổi danh chi hết, nên đối với chúng ta, chỉ là những tên mà thôi; tuy-nhiên, nhờ họ mà đặt được nền-lăng của

phong-trào lớn-lao nhưt, cơ-cấu quan-trọng nhưt trong mọi thời-đại. Người theo Đấng Christ chỉ cần phải trung-thành với Ngài, thì dầu có tài-năng hoặc bất-tài chừng nào, ở địa-vị cao hoặc thấp chừng nào, họ cũng có thể biết chắc rằng Ngài sẽ dùng họ làm một công-việc mà chỉ cõi đời đời lường biết được.

3. Sứ-mạng (10 : 5-15).

⁵ Ấy đó là mười hai sứ-đồ Đức Chúa Jê-sus sai đi, và có truyền rằng : Đừng đi đến dân ngoại, cũng đừng vào một thành nào của dân Sa-ma-ri cả ; ⁶ song thà đi đến cùng những con chiên lạc mất của nhà Y-sơ-ra-ên. ⁷ Khi đi đàng, hãy rao-giảng rằng : Nước thiên-đàng gần rồi. ⁸ Hãy chữa lành kẻ đau, khiến sống kẻ chết, làm sạch kẻ phong, và trừ các quỷ. Các người đã được lãnh không thì hãy cho không. ⁹ Đừng đem vàng, hoặc bạc, hoặc tiền trong lưng các người ; ¹⁰ cũng đừng đem cái bao đi đường, hoặc hai áo, hoặc giày, hoặc gậy ; vì người làm việc đáng được đồ-ăn. ¹¹ Các người vào thành nào hay là làng nào, hãy hỏi thăm ai là người đáng tiếp-rước mình, rồi ở nhà họ cho đến lúc đi. ¹² Và khi vào nhà nào, hãy cầu bình-an cho nhà ấy ; ¹³ nếu nhà đó xứng-đáng, thì sự bình-an các người xuống cho ; bằng không, thì sự bình-an các người trở về các người. ¹⁴ Nếu ai không tiếp-rước, không nghe lời các người, khi ra khỏi nhà đó, hay là thành đó, hãy phủ bụi đã dính chơn các người. ¹⁵ Quả thật, ta nói cùng các người, đến ngày phán-xét, thì xứ Sô-đôm và xứ Gô-mô-rơ sẽ chịu đoán-phạt nhẹ hơn thành ấy.

Đây, Ma-thi-ơ chép mạng-lệnh truyền-phán dứt-khoát cho mười hai Sứ-đồ và áp-dụng cho công việc đang chờ-đợi họ. Trước hết mạng-lệnh này gồm một lời minh-định phạm-vi của sứ-mạng họ, sứ-mạng này không thi-hành cho người dân ngoại hoặc cho người Sa-ma-ri, nhưng chỉ thi-hành cho « những con chiên lạc mất của nhà Y-sơ-ra-ên » (câu 6). Về sau, chính những Sứ-đồ này được sai đến « xứ Sa-ma-ri, cho đến cùng trái đất » (Công. 1 : 1-8). Nhưng lúc này, họ phải dọn đường cho Vua, và chính Ngài cũng chỉ thi-hành chức-vụ giữa dân Ngài thôi. Quả

thật, Ngài cũng giảng cho người Sa-ma-ri, và có lần đã vượt qua biên-giới mà vào một xứ dân ngoại. Trong nhiều cơ-hội, Ngài cũng đã nêu lên rằng công-việc Ngài dành cho người dân ngoại, và đến cuối-cùng, họ sẽ nhận Ngài làm Vua. Tuy-nhiên, đang khi thi-hành chức-vụ trên mặt đất, Ngài tự hạn-chế và thường hoạt-động trong biên-giới mà Ngài đã xác-định làm phạm-vi phục-vụ tạm-thời của những kẻ theo Ngài.

Sứ-diệp của họ phải rao-truyền cũng y như sứ-diệp của Ngài : « Nước Thiên-đàng gần rồi » (câu 7). Về sau, họ phải tuyên-bố rõ-ràng hơn rằng chính Ngài là Vua; và rốt lại, họ phải làm chứng về công-ơn cứu-chuộc cùng sự sống lại vinh-hiễn của Ngài; nhưng trong sứ-mạng đầu-tiên này, họ phải kêu-gọi người ta ăn-năn và hứa cho họ được các ơn-phước lành của Nước hầu đến.

Sứ-diệp của họ phải có những công-việc thương-xót kèm theo. Không những họ phải chữa lành kẻ đau, làm sạch người phung, trừ quỷ, song còn phải làm cho kẻ chết sống lại. Sứ-mạng này có một điểm khiến người ta sửng-sốt, và một chức-vụ chứng-mình như vậy đã làm vô-số người ngạc-nhiên và tin, nào có lạ gì. Về khoản thù-lao và phần-thưởng của họ, Chúa Jêsus tuyên-bố rằng : « Các ngươi đã được lãnh không, thì hãy cho không » (câu 8). Ấy chẳng có nghĩa là họ không được phép nhận trợ-cấp vì đã làm việc. Chúa tuyên-bố ngay là trái lại, nhưng cũng ngụ-ý rằng họ không được phép dùng sứ-mạng của mình như một phương-tiện để làm giàu. Tin-lành đã ban cho vô điều-kiện, thì không được dùng làm phương-pháp trục-lợi.

Trong hành-trình, họ không được đem theo vật chi làm trở-ngại, mà không cần-thiết. Chỉ-thị đặc-biệt của Chúa không có ý làm cho họ mất tiện-nghỉ hoặc gây cho họ cực-khổ, song chỉ có ý giữ họ khỏi phải lo-lắng vô-ích. Họ phải thận-trọng về nơi tạm-trú; phải có thái-độ lễ-phép đối với người tiếp-đón, nhưng không được phí thì-giờ ở những khu đất không kết-quả. Nếu họ không được tiếp-nhận như là sứ-giả của Vua, thì phải lập-tức tìm-kiếm một phạm-vi hoạt-động khác. Tuy-nhiên, họ phải long-trọng cảnh-cáo những kẻ không tin đó, và phải « phải

bụi đã dính chơn » (câu 14), dường như đã lỡ dẫm lên đất ô-uế. Rõ-ràng lắm, sứ-mạng-lệnh này chỉ dành cho thời-kỳ các Sứ-đồ dọn đường cho Chúa làm việc trên mặt đất. Phần nhiều chỉ-thị này có tánh-chất hoàn-toàn tạm-thời. Chúa Jê-sus muốn ghi-khắc vào tâm-trí họ cái thực-sự rằng chức-vụ Ngài sẽ ngán-ngủi, sứ-điệp họ là quan-trọng, và kẻ nào từ-chối không tiếp-nhận Tin-lành thì đã xúc-phạm nghiêm-trọng; do đó, Ngài có thể chấm-dứt cái mạng-lệnh này bằng một lời tuyên-bố rằng trong ngày phán-xét, « xứ Sô-dôm và xứ Gô-mô-rơ » sẽ « chịu ... nhẹ hơn » các thành được Chúa Jê-sus sai sứ-giả đầu-tiên đến chẳng tin Ngài.

4. Nỗi đau-dớn (10 : 16-23).

¹⁶ Kìa, ta sai các người đi khác nào như chiên vào giữa bầy muông-sói. Vậy, hãy khôn-khéo như rắn, đơn-sơ như chim bò-câu. ¹⁷ Hãy coi chừng người ta; vì họ sẽ nộp các người trước tòa-án, đánh đòn các người trong nhà hội; ¹⁸ lại vì có ta mà các người sẽ bị giải đến trước mặt các quan tổng-đốc và các vua, để làm chứng trước mặt họ và các dân ngoại. ¹⁹ Song khi họ sẽ đem nộp các người, thì chớ lo về cách nói làm sao, hoặc nói lời gì; vì những lời đáng nói sẽ chỉ cho các người chính trong giờ đó. ²⁰ Ấy chẳng phải tự các người nói đâu, song là Thánh-Linh của Cha các người sẽ từ trong lòng các người nói ra. ²¹ Anh sẽ nộp em cho bị giết, cha sẽ nộp con cho bị giết, con-cái sẽ dấy lên nghịch cùng cha mẹ mà làm cho người phải chết đi. ²² Các người lại sẽ bị thiên-hạ ghen-ghét vì danh ta; song ai bền lòng cho đến cuối-cùng, thì sẽ được rỗi. ²³ Khi nào người ta bắt-bớ các người trong thành này, thì hãy trốn qua thành kia; vì ta nói thật, các người đi chưa khắp các thành dân Y-sơ-ra-ên thì Con người đã đến rồi.

Trong lời cảnh-cáo do Ma-thi-ơ ghi-chép và dành cho các sứ-giả của Vua, có nhiều điều rõ-ràng áp-dụng cho từng-trải sau này của họ và cho những người suốt các thế-kỷ qua, đã chịu nhọc-nhằn vì Danh Đấng Christ. Lời chứng của Chúa chuẩn-bị môn-đệ Ngài không những để chịu sự không tin và lãnh-đạm của kẻ họ làm chứng cho,

song cũng đề chịu cơn bắt-bớ tích-cực và chống-ngịch tàn-bạo của kẻ thù ác-liệt. Các sứ-giả của Ngài phải ra « đi khác nào như chiên vào giữa bầy muông-sói » (câu 16a). Vậy, họ cần phải « khôn-khéo như rắn, đơn-sơ¹ như chim bò-câu » (câu 16b). Họ sẽ bị nộp cho các hội-đồng đề chịu xét-xử; bị « đánh đòn » tàn-nhẫn trước công-chúng, thậm chí họ phải làm chứng « trước mặt các quan tổng-đốc và các vua » (câu 18) của những nước dân-ngoại. Tuy-nhiên, khi bị đem ra xét-xử, họ chẳng nên lo phải nói những gì. Chính Chúa sẽ ban lời khôn-ngoan cho họ. Chính Thánh-Linh của Đức Chúa Trời sẽ « nói ra » qua môi miệng của họ.

Nỗi đau đớn của họ sẽ gồm cả sự phản-bội của bà-con gần-nhứt; anh sẽ phản em; cha sẽ phản con; con-cái sẽ làm cho « cha mẹ... phải chết đi » (câu 21). Vì cớ Danh Ngài, các sứ-giả của Đấng Christ sẽ bị mọi người ghen-ghét, song cảnh cực-khổ, hoạn-nạn của họ sẽ có sự cứu-rỗi đời đời làm kết-quả. Khi bị bắt-bớ, họ không cần phải liều mạng nếu không cần-thiết; họ không được tìm vinh-quang của người tuận-đạo. Tuy-nhiên, hoạn-nạn của họ chẳng kéo dài vô-thời-hạn. Sự giải-cứ bao giờ cũng đến sớm. Thời-gian dành cho họ làm việc phải coi như là ngắn-ngủi. Khi Con người hiện đến, công-việc của họ mới hoàn-tất. Các môn-đệ Đấng Christ có từng-trải khác nhau, thay-đổi tùy theo thời-đại tuần-hoàn; nhưng bất-cứ trong thời-đại nào, họ cũng chẳng cần phải ngạc-nhiên trước sự thù-ngịch, chống-đối của thế-gian; trong-giờ tối-tăm nào, họ cũng có thể vui-mừng vì hi-vọng Chúa ngự-đến.

5. Khích-lệ (10 : 24-33).

24 Môn-đồ không hơn thầy, tôi-tớ không hơn chủ. 25 Môn-đồ được như thầy, tôi-tớ được như chủ, thì cũng đủ rồi. Nếu người ta đã gọi chủ nhà là Bê-ên-xê-bun, phương chi là người nhà! 26 Vậy, các ngươi đừng sợ; vì chẳng có việc gì giấu mà chẳng bày ra, cũng chẳng có việc gì kín-nhiệm mà sau sẽ chẳng biết. 27 Cho nên lời ta phán cùng các ngươi trong nơi tối-tăm, hãy nói ra nơi sáng-láng; và lời các

1. Nên dịch là: Vô hại.

ngươi nghe kẻ lỗ tai, hãy giàng ra trên mái nhà. ²⁸ Đừng sợ kẻ giết thân-thể mà không giết được linh-hồn; nhưng thà sợ Đấng làm cho mất được linh-hồn và thân-thể trong địa-ngục. ²⁹ Hai con chim sẽ há chẳng từng bị bán một đồng tiền sao? Và ví không theo ý-muốn Cha các ngươi, thì chẳng hề một con nào rơi xuống đất. ³⁰ Tóc trên đầu các ngươi cũng đã đếm hết rồi. ³¹ Vậy, đừng sợ chi hết, vì các ngươi quý-trọng hơn nhiều con chim sẻ. ³² Bởi đó, ai xung ta ra trước mặt thiên-hạ, thì ta cũng sẽ xung họ trước mặt Cha ta ở trên trời; ³³ còn ai chối ta trước mặt thiên-hạ, thì ta cũng sẽ chối họ trước mặt Cha ta ở trên trời.

Không những Chúa yên-ủi môn-đệ bằng lời quả-quyết rằng có sự giải-cứu trong tương-lai, song cũng bảo họ rằng chịu đau-khổ như Ngài đã chịu chính là vinh-dự cho họ. Họ không cần phải ngạc-nhiên nếu đầy-tớ bị đối-xử y như Chúa của họ. Nếu người ta gọi Ngài là « Bê-ên-xê-bun » (câu 25), thì họ sẽ dùng danh-hiệu chẳng kém nhục-nhã để gọi các môn-đệ Ngài. Ta không biết đúng nghĩa của danh-hiệu đặc-biệt « Bê-ên-xê-bun » đó, nhưng Chúa cảnh-cáo họ rằng họ phải chia-xẻ sự ghen-ghét mà người ta đã biểu-lộ đối với Ngài. Tuy-nhiên, Ngài khích-lệ họ chớ có sợ-hãi. Ba lần Chúa khuyên-giục họ như vậy. Mặc dầu phải chịu đau-khổ, họ cũng chẳng nên khiếp-sợ, vì hoạn-nạn sẽ càng làm cho lời chứng của họ có sức mạnh. Họ không cần phải sợ kẻ thù tàn-bạo hơn hết, ấy vì chúng có thể giết thân-thể, nhưng họ tin-cậy Đấng mà quyền-năng không bị hạn-chế ở đời hiện-tại. « Ngài có thể làm cho mất được linh-hồn và thân-thể trong địa-ngục » (câu 28). Nếu kính-sợ Ngài, thì không còn sợ loài người nữa. Họ còn được khích-lệ thêm bởi lời Chúa quả-quyết rằng Cha Thiên-thượng sẽ trông-nom, săn-sóc họ. Ngài biết con « chim sẻ » rơi xuống đất (câu 29), và coi quý phần nhỏ nhứt trong thân-thể của con-cái Ngài. Chắc Ngài sẽ che-chở và giải-cứu họ trong lúc nguy-hiểm. Trên hết, họ được khích-lệ bởi vinh-quang chờ-đợi họ khi họ đứng trước ngai Đức Chúa Cha ở trên trời trong ngày sau rốt. Khi ấy, những người trung-thành với Đấng

Christ trên mặt đất sẽ được tuyên-dương về-vang và được xưng-nhận là con-cái thật của Đức Chúa Trời. Phải vui-vẻ và anh-dũng chịu bất cứ sự gì xảy đến do công-khai xưng Danh Đấng Christ. Ngày nay Chúa ban cho năng-lực cần-thiết ; và ngày sau, sẽ có hạnh-phước trên trời.

6. Thập-tự giá (10 : 34-39).

³⁴ Chớ tưởng rằng ta đến để đem sự bình-an cho thế-gian ; ta đến, không phải đem sự bình-an, mà là đem gươm-dáo. ³⁵ Ta đến để phân-rẽ con trai với cha, con gái với mẹ, dâu với bà gia ; ³⁶ và người ta sẽ có kẻ thù-ngịch, là người nhà mình. ³⁷ Ai yêu cha mẹ hơn ta thì không đáng cho ta ; ai yêu con trai hay là con gái hơn ta thì cũng không đáng cho ta ; ³⁸ ai không vác cây thập-tự mình mà theo ta, thì cũng chẳng đáng cho ta. ³⁹ Ai gìn-giữ sự sống mình, thì sẽ mất ; còn ai vì có ta mất sự sống mình, thì sẽ tìm lại được.

Khi cảnh-cáo các sứ-giả của Ngài về nỗi đau-khổ có thể gặp theo chức-vụ họ, Chúa Jêsus đã phân dạy minh-bạch và quả-quyết với họ rằng nỗi đau-khổ ấy chắc là kịch-liệt. Nếu họ làm chứng cho một thế-giới không tin và không ăn-năn, thì phải mong-chờ chống-đối, bắt-bớ, đau-dớn. Kết-quả tối-hậu của sứ-mạng Đấng Christ sẽ là hòa-bình thế-giới, nhưng kết-quả đó chẳng có ngay khi mới tuyên-bố các yêu-sách của Ngài. Trái lại, sẽ có sự chia-rẽ trầm-trọng giữa người tin-nhận Ngài và kẻ chối-bỏ Ngài. Hiện-diện của Đấng Christ luôn luôn gây ra chia-rẽ. Có người theo Ngài, có kẻ chống Ngài. Chúa cảnh-cáo kẻ theo Ngài : «Chớ tưởng rằng Ta đến để đem sự bình-an cho thế-gian ; Ta đến, không phải đem sự bình-an, mà đem gươm-giáo » (câu 34). Cảnh phân-rẽ này sẽ diễn ra cả trong chốn thiêng-liêng hơn hết. « Ta đến để phân-rẽ con trai với cha, con gái với mẹ » (câu 35). « Người ta sẽ có kẻ thù-ngịch, là người nhà mình » (câu 36). Không một dây liên-lạc nào, dầu êm-dịu bao nhiêu cũng vậy, được phép ngăn-cản người ta trung-thành với Đấng Christ : « Ai yêu cha mẹ hơn ta thì không đáng cho Ta » (câu 37). Có thể phải hi-sinh cả mạng sống : « Ai không vác cây thập-tự

minh mà theo Ta, thì cũng chẳng đáng cho Ta» (câu 38). Thập-tự giá chỉ về một dụng-cụ làm cho chết. Đây là lần đầu-tiên Ma-thi-ơ dùng danh-từ « cây thập-tự ». Có thể gọi sách Ma-thi-ơ là « Tin-Lành về sự chối-bỏ ». Ở cuối đường trần-gian này, Chúa Jêsus thấy một thập-tự giá đen tối hiện ra ở chân trời. Hầu hết công-việc của Ngài đã làm dưới bóng thập-tự giá đó. Vậy, môn-đệ của Ngài cũng phải chịu một phần thương-khó, của Ngài, và thậm-chi phải phó mạng sống vì Danh Ngài, thì không phải là trái lẽ tự-nhiên đâu. Chúa dường như đã vẽ ra một đoàn dài người nam, nữ, mỗi người vác thập-tự giá đến chỗ chịu chết. Tuy-nhiên, Ngài tỏ ra rằng, hi-sinh dường ấy sẽ có kết-quả, là sự sống dư-dật hơn hết cả trong đời này và trong đời sau: « Ai gìn-giữ mạng sống mình, thì sẽ mất; còn ai vì có Ta mất mạng sống mình, thì sẽ tìm lại được.» (câu 39).

7. Thiện-cảm (10 : 40-42).

⁴⁰ Ai rước các người, tức là rước ta; ai rước ta, tức là rước Đấng đã sai ta. ⁴¹ Ai rước một đấng tiên-tri vì là tiên-tri, thì sẽ lãnh phần-thưởng của đấng tiên-tri; ai rước một người công-chính vì là công-chính, thì sẽ lãnh phần-thưởng của người công-chính. ⁴² Ai sẽ cho một người trong bọn nhỏ này chỉ uống một chén nước lạnh, vì người nhỏ đó là môn-đồ ta, quả thật, ta nói cùng các người, kẻ ấy sẽ chẳng mất phần-phương của mình đâu.

Những lời cuối-cùng trong sự ủy-nhiệm này, do Chúa phán với các sứ-giả Ngài, lại là một phần khích-lệ nữa. Ngài đã đoan chắc với họ Đức Chúa Cha sẽ che-chở và chính Ngài ban cho vinh-quang. Bây giờ Ngài tuyên-bố rằng chẳng phải là họ không được loài người bày-tỏ chút thiện-cảm nào đâu; rồi Ngài nêu lên hạnh-phước của kẻ, bất-cứ ở thời-đại nào, tỏ lòng nhân-từ với, và tiếp-trợ cho những người làm chứng cho Ngài. Ngài tuyên-bố rằng người nào đón-tiếp sứ-giả của Ngài, thì theo một phương-diện thiết-thực, đang đón-tiếp chính Vua đó; rằng bất-cứ người nào đón-tiếp một đấng tiên-tri đang vì Vua mà

lên tiếng, thì sẽ chung phần thưởng với đấng tiên-tri; rằng ai đón-tiếp người công-bình, nghĩa là người đang tuyên-giảng luật-pháp của Vua và chắc đang vâng-giữ luật-pháp ấy, thì sẽ chung phần thưởng với người công-bình. Thậm-chí Ngài hứa rằng ai cho người nào một chén nước lạnh vì người đó là môn-đệ Ngài thì chắc-chắn sẽ được phần thưởng. Không phải mọi người được kêu-gọi làm sứ-giã trước công-chúng như mười hai sứ-dò, song mọi người có thể chia-xẻ công-việc họ và dự phần vinh-quang, hỉ-lạc của họ bằng cách tỏ thiện-cảm với họ, và nhưn Danh Chúa mà giúp-đỡ, tiếp-tế họ.

THƯ VIỆN CƠ ĐỐC
Christian Library

CHƯƠNG THỨ NĂM

V. VUA TỰ NHẬN LÀ AI

(Chương 11, 12)

1. Đấng Mè-si mà Giảng đã dự-ngôn (11 : 1-19).

1 Và, Đức Chúa Jê-sus đã dạy các điều đó cho mười hai môn-đồ rồi, bèn lìa khỏi chỗ này đặng đi giảng-dạy trong các thành xứ đó.

2 Khi Giảng ở trong ngục nghe nói về các công-việc của Đấng Christ, thì sai môn-đồ mình đến thưa cùng Ngài rằng : 3 Thày có phải là Đấng phải đến, hay là chúng tôi còn phải đợi đấng khác chăng ? 4 Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Hãy về, thuật lại cùng Giảng những điều các người nghe và thấy : 5 Kề mù được thấy, kẻ què được đi, kẻ phong được sạch, kẻ điếc được nghe, kẻ chết được sống lại, kẻ khó-khăn được nghe giảng tin-lành. 6 Phước cho ai chẳng vấp-phạm vì có ta !

7 Khi họ ra về, Đức Chúa Jê-sus mới phán về việc Giảng cho đoàn dân nghe, rằng : Các người đã đi xem chi trong đồng vắng ? Có phải xem cây sậy bị gió rung chăng ? 8 Các người đi xem cái chi nữa ? Có phải xem người mặc áo tốt-đẹp chăng ? Kia, những người mặc áo tốt-đẹp thì ở trong đền vua. 9 Nhưng các người lại đi xem cái chi nữa ? Có phải là xem đấng tiên-tri chăng ? Phải, ta nói cùng các người, cũng hơn đấng tiên-tri nữa. 10 Ấy vì người đó mà có chép rằng :

Này, ta sai sứ ta đến trước mặt con,
Đặng dọn đường sẵn cho con đi.

11 Quả thật, ta nói cùng các người, trong những người bởi đờn-bà sanh ra, không có ai được tôn-trọng hơn Giảng Báp-tít, nhưng mà kẻ rất nhỏ-hèn trong nước thiên-đàng còn được tôn-trọng hơn người. 12 Song, từ ngày Giảng Báp-tít đến nay, nước thiên-đàng bị hãm-ép, và là kẻ hãm-ép đó choán lấy. 13 Vì hết thảy các đấng tiên-tri và sách luật đã nói trước cho đến đời Giảng. 14 Nếu các người muốn

hiều biết, thì ấy là Ê-li, là đáng phải đến. ¹⁵ Ai có tai mà nghe, hãy nghe.

¹⁶ Ta sẽ sánh dòng-dõi này với ai? Dòng-dõi này giống như con trẻ ngồi giữa chợ, kêu-la cùng bạn mình, ¹⁷ mà rằng : Ta đã thòi sáo, mà bây không nhày múa ; ta đã than-vãn mà bây không khóc. ¹⁸ Vì Giăng đã đến, không ăn, không uống, người ta nói rằng : Giăng bị quỷ ám. ¹⁹ Con người đến, hay ăn hay uống, thì họ nói rằng : Kìa, là người ham ăn mê uống, bạn-bè với người thu thuế cùng kẻ xấu nét. Song le, sự khôn-ngoan được xưng là phải, bởi những việc làm của sự ấy.

Trong chương 11 và 12 của sách Tin-Lành Ma-thi-ơ, ông tỏ ra kẻ thù-nghịch càng ngày càng chống-đối Đấng Christ. Càng ngày càng rõ rằng Vua sẽ bị chối-bỏ. Đó là bối-cảnh liên-tục của bức tranh. Mặt khác, càng ngày càng rõ hơn, Chúa Jê-sus tự nhận là Đấng Mê-si, Vua Y-sơ-ra-ên, Đấng Cứu-thế đã dự-ngôn. Vậy, khi chép những lời Chúa tự nhận đó, Ma-thi-ơ càng nêu lên mục-dịch đặc-biệt của sách Tin-Lành mình. Trong những chương trước, Chúa Jê-sus cũng đã làm chứng như vậy về chính mình Ngài; và trong những chương sau, lời chứng này càng lâu càng dứt-khoát và hoàn-toàn. Tuy-nhiên, theo lệ thường, Ma-thi-ơ thù góp tài-liệu dưới những đề-mục đặc-biệt, đề cho tác-dụng gia-tăng, cũng một thể ấy, đây có một loạt sự việc, và trong mỗi sự việc, Vua lại tự nhận là Ai và làm cho mọi người sửng-sốt. Trước nhứt khi Giăng Báp-tit sai người từ khám đi đến hỏi Chúa Jê-sus « có phải là Đấng phải đến » (câu 3), là Đấng Mê-si được dự-ngôn chẳng, thì đề trả lời, Chúa Jê-sus mô-tả công-cuộc từ-ái Ngài đang thi-hành, và đặc-biệt là Tin-Lành Ngài đang rao-giảng cho cả người nghèo. Đó phải là những dấu hiệu làm cho Giăng yên-tâm, và đầu Đấng Christ quá chậm công-khai tỏ mình là Đấng Mê-si, Giăng cũng chẳng nên nghi-ngờ chân-lý mà chính ông đã truyền-giảng trước công-chúng. Đoạn, khi các sứ-giả ra về, Chúa Jê-sus xây qua đoàn dân đông-đảo mà làm chứng vô-song về tâm-tánh và công việc của Giăng. Dân chúng đã nghe người tiên-khu giảng-dạy dạn-dĩ, chắc sẵn-sàng chỉ ngón tay chế-giễu vào ông khi ông sai người

đến hỏi và ít nhất cũng ngụ-ý nghi-ngờ một phần nào cái chân-lý mà mình đã rao-giảng; song Chúa Jê-sus tuyên-bố rằng Giảng là người «tôn-trọng hơn» hết (câu 11). Ông cao-trọng một phần vì tâm-tánh, nhưng rõ-ràng hơn nữa là vì sự-nghiệp của mình. Ông cao-trọng với tư-cách một người, nhưng càng cao-trọng hơn nữa với tư-cách: sứ-giả của Đấng Mê-si. Bậc đạo-đức cao-siêu của Giảng đã được nêu lên bằng lời ngụ-ý và phủ-nhận đáp lại hai câu hỏi: Thứ nhất ông là người can-dảm, vì rõ-ràng lắm, ông chẳng giống như «cây sậy bị gió rung» (câu 7). Mặc dầu gặp chống-đối, hiểm-nghèo ngay trước mặt vua, ông đã đứng vững như một vàng đá. Ông cũng là người hi-sinh tận-tụy; ông chẳng phải là người «mặc áo tốt-đẹp» (câu 8), nghĩa là một người chỉ tìm-kiếm tiện-nghỉ và thỏa-thích. Ông đã theo đuổi sứ-mạng lớn-lao, bất-cứ phải hi-sinh chừng nào. Không giống như các tiên-tri khác đã dự-ngôn Đấng Christ ngự đến, Giảng được hưởng đặc-ân độc-nhất vô-song là chỉ ngay vào Chúa Jê-sus mà tuyên-bố chính Ngài là Đấng Mê-si. Quả thật ông là sứ-giả mà đấng tiên-tri Ma-la-chi đã nói đến: «Này, Ta sai sứ-giả Ta, người sẽ dọn đường trước mặt Ta» (Mal. 3:1). Vì Giảng là người tiên-khu của Ngài, nên Chúa Jê-sus tuyên-bố về ông rằng: «Quả thật, Ta nói cùng các ngươi, trong những người bởi đàn-bà sanh ra, không có ai được tôn-trọng hơn Giảng Báp-tít» (câu 11a). Như vậy, Chúa Jê-sus cao-trọng biết bao! Ngài tự nhận là Ai? Nếu chỉ vào Chúa Jê-sus mà nói rằng Đấng Christ đó, là nhiệm-vụ cao-trọng hơn hết từng phó-thác cho loài người, thì Chúa Jê-sus há chẳng phải là «Đấng Christ» sao? và Ngài há chẳng cao-trọng hơn loài người sao? Lời tự nhận này há chẳng được ngụ rõ trong lời Chúa Jê-sus ca-tụng Giảng Báp-tít sao?

Chúa thêm một lời từ-ái và mầu-nhiệm: «Nhưng mà kẻ rất nhỏ-hèn trong Nước Thiên-đàng còn được tôn-trọng hơn người» (câu 11b). Ít nhất Chúa phải có ý phân-ràng các sứ-giả hiện tại của Đấng Christ biết Thân-vị và công-việc Ngài hơn cả Giảng Báp-tít từng biết, và Ngài có phân-rõ-ràng hơn nữa rằng dầu sứ-giả trong thời-kỳ hiện-tại có đặc-ân lớn-lao chừng nào, cũng không thể so-sánh với vinh-quang của kẻ nhỏ-hèn nhất được vào nước Thiên-

đàng. Địa-vị tương-đối của Giăng không được nhắc đến trong Nước toàn-mỹ đó. Bậc tôn-trọng sẽ được quyết-định bởi lòng trung-thành tương đối của những kẻ giống như Giăng, đã được đặc-ân làm chứng cho Vua.

Như đã nêu lên trên kia, bối-cảnh của lời tự-nhận vinh-quang này chính là bức-tranh tằm-tối diễn-tả sự chối-bỏ Chúa Jê-sus. Người tiền-khu bị giam-cầm thế nào, thì cũng một thế ấy, Vua sẽ bị chối bỏ và bị đóng đinh vào Thập-tự giá. « Nước Thiên-đàng bị hãm-ép » (câu 12) trong chính người tiền-khu và cả Vua nữa. Nếu Giăng là người đến với tinh-thần và quyền-năng của Ê-li (xem Lu. 1:17), phải mòn-mỏi trong lao-tù thì Vua chắc thấy rõ-ràng có một Thập-tự giá dành sẵn cho Ngài. Nghĩ đến cả Ngài và Giăng bị chối-bỏ, Chúa Jê-sus bèn phán thí-dụ về « con trẻ ngồi giữa chợ » (câu 16), than-phiền rằng trong trò chơi, bạn-hữu chúng không chịu bắt-chước hoặc dám tang hay dám cười. Giăng đã đến và long-trọng kêu-gọi người ta ăn-năn, nhưng họ xây khối ông, coi như một kẻ cuồng-tin ru-sầu. và tuyên-bố rằng: « Giăng bị quỷ ám » (câu 18). Chúa Jê-sus đến, ăn-uống, biểu-thị đời sống vui-mừng thích-hợp với Tin-Lành của Ngài, thì họ lại tuyên-bố rằng: « là người ham ăn, mê uống » (câu 19). Cả Chúa và Giăng không thể làm vừa lòng các thế-hệ Do-thái chẳng có lòng tin. Cả hai Vị bị chối-bỏ không phải vì lẽ-lỗi sanh-hoạt, nhưng vì Giăng nhấn mạnh vào sự ăn-năn, và Chúa Jê-sus tự nhận là Đấng Christ, là Đấng Mê-si, là Vua Thiên-thượng.

2. Đấng phán-xét kẻ không chịu ăn-năn (11:20-24).

²⁰ Vì dân các thành mà Đức Chúa Jê-sus đã làm rất nhiều phép lạ rồi, không ăn-năn, nên Ngài quở-trách rằng: ²¹ Khốn-nạn cho mày, thành Cô-ra-xin! Khốn-nạn cho mày, thành Bết-sai-đa! Vì nếu các phép lạ đã làm giữa bây, đem làm trong thành Ty-rơ và Si-đôn, thì hai thành đó thật đã mặc áo gai, đội tro, ăn-năn từ lâu rồi. ²² Vậy nên ta bảo bây, đến ngày phán-xét, thành Ty-rơ và thành Si-đôn sẽ chịu đoán-phạt nhẹ hơn bây. ²³ Còn mày, Ca-bê-na-um, là thành đã được cao tới trời, sẽ hạ xuống tới âm-phủ!

Vì nếu các phép lạ đã làm giữa mây, đem làm trong thành Sô-đôm, thì thành ấy còn lại đến ngày nay. ²⁴ Vậy nên ta rao-bào rằng, đến ngày phán-xét, xứ Sô-đôm sẽ chịu đoán-phạt nhẹ hơn mây.

Khi Chúa Jêsus xây qua nghiêm-trọng tuyên-án : « Khốn thay ! » cho các thành Cô-ra-xin, Bết-sai-đa và Ca-bê-na-um, thì Ngài lại ngụ ý tự nhận là một Đấng khác nữa. Ngoài Vua Thiên-thượng còn ai dám liều-lĩnh tuyên án phạt những thành ấy ? Ai dám liều-lĩnh tuyên-bố sự hình-phạt tương-đối sẽ áp-dụng trong ngày phán-xét ? Rõ-ràng hơn nữa là Chúa ngụ-ý rằng nếu sự không tin Ngài là lý-do gây cho bị hình-phạt đời đời, thì Ngài chắc phải là Đấng Christ, là Cứu-Chúa, đúng như Ngài đã gợi ý và tuyên-bố. Ngoài Ngài ra, chúng ta có thể tưởng-tượng một người nào khác long-trọng tuyên-bố rằng nếu người ta không tin mình, không tiếp-nhận mình làm Chúa và Cứu-Chúa, thì sẽ phải chịu hình-phạt trong hỏa-nục chẳng ? Người tự nhận như vậy, phải là Đấng nào ? Đây, ta nên ghi-nhận rằng Chúa Jêsus tuyên-án : « Khốn thay ! » không những cho kẻ gian-ác, đòi-phong bại-tục, hư-hoại, song cũng cho kẻ lãnh-đạm đối với lời Ngài tự nhận là Ai nữa. Lại cũng phải ghi-nhận Chúa Jêsus nhấn mạnh rằng càng có cơ-hội đề tin, thì kẻ chối-bỏ Ngài càng bị lên án nặng-nề. Thành Ca-bê-na-um sẽ bị « hạ xuống tới âm-phủ » (câu 23b) vì đã được đem lên cao tới trời (câu 23a), tức là được đặc-ân chứng-kiến mọi công việc quyền-năng của Đấng Christ. Các phép lạ Chúa Jêsus làm chính là ủy-nhiệm-thư của Ngài. Bất-cứ người thời nay có quan-diêm nào đối với công-việc kỳ-diệu của Chúa Jêsus, Ngài cũng tuyên-bố rằng nó làm chứng rõ-ràng cho lời Ngài tự-nhận là Ai ; rằng những kẻ chứng-kiến các công việc ấy sẽ bị lên án nặng hơn vì cứ không tin. Ngày nay, quả hẳn là người ta biết Đấng Christ và quyền-năng của Ngài nhiều hơn, nên càng có trách-nhiệm tiếp-nhận Ngài làm Chúa, làm Chủ, và tôn-vinh Ngài như Vua của cả thế-giới.

3. Đấng khải-thị Đức Chúa Cha (11 : 25-30).

²⁵ Lúc đó, Đức Chúa Jêsus nói rằng : Hỡi Cha ! là Chúa của trời đất, tôi khen-ngợi Cha, vì Cha đã giấu những điều

này với kẻ khôn-ngoa, người sáng dạ, mà tỏ ra cho những con trẻ hay. ²⁶ Thưa Cha, phải, thật như vậy, vì Cha đã thấy điều đó là tốt-lành. ²⁷ Mọi việc Cha ta đã giao cho ta; ngoài Cha không có ai biết Con; ngoài Con và người nào mà Con muốn tỏ ra cùng, thì cũng không ai biết Cha.

²⁸ Hỡi những kẻ mệt-mỏi và gánh nặng, hãy đến cùng ta, ta sẽ cho các ngươi được yên-nghỉ. ²⁹ Ta có lòng nhu-mì, khiêm-nhường; nên hãy gánh lấy ách của ta, và học theo ta; thì linh-hồn các ngươi sẽ được yên-nghỉ. ³⁰ Vì ách ta dễ chịu và gánh ta nhẹ-nhàng.

Chính trong thời-gian này, Chúa Jê-sus bày-tỏ những chân-lý thể-hiện các lời Ngài tỏ-trưng tự-nhận có liên-hệ vô-song với Đức Chúa Trời; nhiều người coi lời Ngài tự-nhận là Ai ở đây ngang hàng với những lời tuyên-bố tương-tự trong sách Tin-Lành Giảng. Các lời tự-nhận đó đáng được cân-nhắc cẩn-thận bởi những người nhấn mạnh rằng ba sách Tin-Lành đều không làm chứng về thần-tánh của Đấng Christ. Đây, Chúa Jê-sus cảm-tạ Đức Chúa Cha vì chân-lý về Ngài tuy bị «giấu... với kẻ khôn-ngoa, người sáng dạ» (câu 25a), nhưng lại được khải-thị «cho những con trẻ hay» (câu 25). Chúa Jê-sus không có ý phán rằng buộc phải có trình-độ tri-thức trên đường tin Ngài; song Ngài thật ngụ-ý rằng nó không cần-thiết. Ngay cả những người dốt-nát, vô-học hơn hết cũng hiểu được chân-lý cứu-rỗi liên-quan đến Đấng Christ. Tình-trang dốt-nát của họ chẳng phải là ưu-điểm, song cũng chẳng phải là thiếu tư-cách. Chúa Jê-sus cảm-tạ Đức Chúa Cha vì sự hiểu-biết đưa đến cứu-rỗi chẳng tùy thuộc trí khôn-ngoa trần-gian. Ngài tiếp-tục tuyên-bố rằng, ngoài Đức Chúa Cha, không ai thật hiểu-biết Con, và cũng không ai thật hiểu-biết Đức Chúa Cha trừ ra những người mà chính Chúa Jê-sus vui lòng khải-thị Cha cho. Khi ta nhớ Chúa Jê-sus tự nhận hiểu-biết Cha một cách độc-nhất vô-song, và có thể bày-tỏ sự hiểu-biết ấy cho người nào Ngài muốn, thì ta có thể hoàn-toàn lãnh-hội lời mời, tuy khó hiểu; nhưng qui-báu, cao-đẹp vô-song, và mỗi người có lòng tin đều quen-thuộc: «Hỡi những kẻ mệt-mỏi và gánh nặng, hãy đến cùng Ta, Ta sẽ cho được yên-nghỉ» (câu 28).

Cho những kẻ cồng-khom dưới gánh nặng đòi-hỏi luật-pháp của những kẻ tự nhận là thầy dạy đạo, cho những kẻ mà lòng nặng-nề vì nghi-ngờ, buồn-thảm, sợ-sệt, Chúa Jê-sus phán lời từ-ái kêu gọi hãy đến cùng Ngài, như là đến cùng Đấng có thể khải-thị cho họ biết Đức Chúa Cha đầy-đầy ân-diễn, nhân-hiện và yêu-thương. Ngài khuyên-giục mọi người trở thành môn-đệ Ngài : « Hãy gánh lấy ách của Ta, và học theo Ta » (câu 29). Khác hẳn các giáo-sư đương-thời ấy, Ngài tuyên-bố rằng : « Ta có lòng nhu-mi, khiêm-nhường » (câu 29a). Ngài hiến cho mọi người yên-nghỉ, — không phải hết gánh nặng thân-thể, hết tranh-đấu và khốn-cùng, nhưng là yên-nghỉ trong linh-hồn, mặc dầu có mọi sự đó. Ngài làm cho lời mời mạnh-mẽ hơn vì quả-quyết qui-hóa rằng « ách » Ngài đòi ta mang là « dễ chịu » và « gánh » Ngài đặt trên ta là « nhẹ-nhàng » (câu 30). Đây là một lời mời vô-song ; lời ấy há chẳng thể-hiện một lời tự-xưng vô-song sao ? Trong mọi nhân-vật đã bước lên sân-khấu lịch-sử loài người, ai dám liều nói lời Chúa Jê-sus phán đây chỉ trong giấy-lát ? Trên môi miệng của một diễn-giả nào khác, lời ấy há chẳng có vẻ trống-rỗng, vô-ích, phi-lý ? Khi lời này từ môi miệng Ngài thốt ra, thì đùng tới linh-hồn với tất cả âm-diệu du-dương của một bản nhạc trời, tất cả đảm-bảo của thực-tại thiên-thượng. Đấng phán lời này chắc phải là Con Đức Chúa Trời, chắc phải là Vua thiên-thượng.

4. Chúa ngày Sa-bát (12 : 1-21).

¹ Lúc đó, nhằm ngày Sa-bát, Đức Chúa Jê-sus đi qua giữa đồng lúa mì ; các môn-đồ đói, bứt bông lúa mà ăn. ² Người Pha-ri-si thấy vậy, bèn nói cùng Ngài rằng : Kia, môn-đồ thầy làm điều không nên làm trong ngày Sa-bát. ³ Song Ngài đáp rằng : Chuyện vua Đa-vít đã làm trong khi vua với kẻ đi theo bị đói, các người há chưa đọc đến sao ? ⁴ Tức là vua vào đền Đức Chúa Trời, ăn bánh bày ra, là bánh mà vua và kẻ đi theo không có phép ăn, chỉ để riêng cho các thầy tế-lễ. ⁵ Hay là các người không đọc trong sách luật, đến ngày Sa-bát, các thầy tế-lễ trong đền-thờ phạm luật ngày đó, mà không phải tội sao ? ⁶ Và lại, ta

phán cùng các người, tại chỗ này có một đấng tôn-trọng hơn đèn-thờ. ⁷ Phải chi các người hiểu nghĩa câu này: Ta muốn lòng nhơn-từ, không muốn của tế-lễ, thì các người không trách những người vô-tội; ⁸ vì Con người là Chúa ngày Sa-bát.

⁹ Đức Chúa Jê-sus đi khỏi nơi đó, bèn vào nhà hội. ¹⁰ Ở đó, có một người teo một bàn tay. Có kẻ hỏi Ngài rằng: Trong ngày Sa-bát, có phép chữa kẻ bệnh hay không? Ấy là họ có ý kiếm dịp kiện Ngài. ¹¹ Ngài bèn phán cùng họ rằng: Ai trong vòng các người có một con chiên, nếu đương ngày Sa-bát, bị té xuống hầm, thì há không kéo nó lên sao? ¹² Huống chi người ta trọng hơn con chiên là dường nào! Vậy, trong ngày Sa-bát có phép làm việc lành. ¹³ Đoạn, Ngài phán cùng người tay teo rằng: Hãy giơ tay ra. Người liền giơ tay, thì tay này cũng lành như tay kia. ¹⁴ Những người Pha-ri-si đi ra ngoài rồi, bàn với nhau, lập mưu đặng giết Ngài.

¹⁵ Song Đức Chúa Jê-sus biết điều ấy, thì bỏ đi khỏi chỗ đó; có nhiều người theo, và Ngài chữa lành cả. ¹⁶ Ngài cấm ngặt họ đừng cho ai biết Ngài; ¹⁷ đề được ứng-nghiệm lời đấng tiên-tri Ê-sai đã nói rằng:

¹⁸ Nay, tôi-tớ ta đã chọn, là người mà ta rất yêu-dấu, đẹp lòng ta mọi đàng.

Ta sẽ cho Thánh-Linh ta ngự trên người, người sẽ rao-giảng sự công-bình cho dân ngoại.

¹⁹ Người sẽ chẳng cãi-lỡ, chẳng kêu-la, và chẳng ai nghe được tiếng người ngoài đường-cái.

²⁰ Người sẽ chẳng bẻ cây sậy đã gãy, chẳng tắt ngọn đèn gần tàn, cho đến chừng nào người khiến sự công-bình được thẳng.

²¹ Dân ngoại sẽ tôn-giới danh người.

Sự chống đối Chúa Jê-sus trở thành rất dữ-dội. ác-liệt khi Ngài bình-vực các môn-đệ đã vi-phạm một qui-tắc cồ-truyền nhỏ-nhất liên-quan đến sự giữ ngày yên-nghỉ. Các môn-đệ Ngài đã phạm lỗi bứt bông lúa mì chín mà ăn cho đỡ

đổi; đó là một hành-động mà người Pha-ri-si giải-thích là phạm luật ngày Sa-bát. Trong lời đáp, Chúa Jê-sus tuyên-bố rằng dầu luật này thiêng-liêng và thiên-thượng, người ta vẫn có phép vi-phạm để làm một việc cần-kíp, tí như trường-hợp Đa-vid: Trong lúc cần-kíp, Vua đã phạm một luật liên-quan đến cuộc thờ-phượng trong Đền-thờ. Hơn nữa, theo như Chúa Jê-sus nhắc cho kẻ thù nhờ, các thầy tế-lễ trong đền-thờ luôn luôn phạm luật ngày Sa-bát mà vẫn không có tội, lời bình-vực dường như hoàn-toàn, nhưng Chúa Jê-sus làm cho thánh-giả sửng-sốt vì phán thêm: «Vả lại, Ta phán cùng các người, tại chỗ này có một Đấng tôn-trọng hơn đền-thờ» (câu 6). Có thể tưởng-tượng một lời nào phạm-thượng hơn chăng? Đền-thờ thể hiện tất cả cái gì thiêng-liêng nhưt trong cuộc sanh-hoạt Quốc-gia; song Chúa Jê-sus tuyên-bố rằng Ngài tôn-trọng hơn tất cả cuộc thờ-phượng, biểu-tượng và luật-pháp trong nhà Đức Chúa Trời. Ngài còn đi xa hơn nữa mà tuyên-bố rằng Ngài là «Chúa ngày Sa-bát (câu 8). Những lời tự xưng thế này làm cho kẻ thù Ngài nổi điên, nào có lạ gì. Dường như không có cách nào khác: Hoặc Chúa Jê-sus là một kẻ phạm-thượng, hoặc Ngài chính là Đức Chúa Trời.

Dầu Chúa Jê-sus đã trả lời người Pha-ri-si, nhưng Ngài cũng chẳng làm cơ cho chúng bắt Ngài được; vậy chúng quan-sát Ngài hơn nữa xem thử chính Ngài có phạm luật ngày Sa-bát chăng. Trong nhà hội mà Chúa Jê-sus đã đến để thờ-phượng, có một «người teo một bàn tay» (câu 10), đáng thương lắm, và Ngài chữa lành cho anh ta. Khi làm việc này, Ngài giải-thích lý-do khác có thể phạm luật ngày Sa-bát. Ấy là dựa trên lòng thương-xót. Ngài không gợi ý rằng luật ngày Sa-bát đã bị bãi-bỏ. Chính gương Ngài sẽ đưa chúng ta đến Nhà Đức Chúa Trời trong ngày yên-nghỉ, và tỏ cho ta biết rằng Đức Chúa Trời đã chỉ-định ngày ấy cho sự thờ-phượng và yên-nghỉ; tuy-nhiên, có hai lý-do cho phép vi-phạm sự yên-nghỉ này là việc cần-kíp và lòng thương-xót. Kẻ thù-nghịch coi Chúa từ-ài chữa lành người teo tay trong ngày Sa-bát là làm việc thực-sự, nên bị kể là tội-lỗi. Đó là cách giải-thích của chúng. Các môn-đệ thì cho đó như một việc chứng-minh

Ngài là Đức Chúa Trời. Phải lựa chọn dứt-khoát. « Những người Pha-ri-si đi ra ngoài rồi, bàn với nhau lập mưu đặng giết Ngài » (câu 14).

Tuy nhiên, Chúa Jê-sus nhu-mì lui khỏi sự ghen-ghét, chống-đối của bọn cầm-quyền, và Ma-thi-ơ tuyên-bố rằng tình-trạng này làm ứng-nghiệm lời tiên-tri mô-tả Đấng Mê-si có lòng nhu-mì, hiền-lành, « chẳng cãi-lầy, chẳng kêu la » (câu 19), « chẳng bẻ cây sậy đã gãy, chẳng tắt ngọn đèn gần tàn » (câu 20). Tuy-nhiên, sẽ có lúc Ngài xuất-hiện trong khải-hoàn và đắc-thắng. Dầu dân Ngài có thể chối-bỏ Ngài, nhưng một ngày kia, người dân ngoại sẽ đặt hi-vọng nơi danh Ngài và sẽ thấy Ngài là Vua ban sự sống.

5. Cán-bộ của Đức Thánh-Linh (12 : 22-37).

22 Bảy giờ có kẻ đem đến cho Đức Chúa Jê-sus một người mắc quỉ ám, đui và câm; Ngài chữa cho, đến nỗi người câm nói và thấy được. 23 Chúng lấy làm lạ, mà nói rằng: Có phải người đó là con cháu vua Đa-vít chăng? 24 Song những người Pha-ri-si nghe vậy, thì nói rằng: Người này chỉ nhờ Bê-ên-xê-bun là chúa quỉ mà trừ quỉ đó thôi.

25 Đức Chúa Jê-sus biết ý-tưởng họ, thì phán rằng: Một nước mà chia-xé nhau thì bị phá-hoang; một thành hay là một nhà mà chia-xé nhau thì không còn được. 26 Nếu quỉ Sa-tan trừ quỉ Sa-tan, ấy là tự nó chia-xé nhau; thì nước nó làm sao còn được ư? 27 Và nếu ta nhờ Bê-ên-xê-bun mà trừ quỉ, thì con các người nhờ ai mà trừ quỉ ư? Bởi đó, chính chúng nó sẽ xử-đoán các người vậy. 28 Mà nếu ta cậy Thánh-Linh của Đức Chúa Trời để trừ quỉ, thì nước Đức Chúa Trời đã đến tận các người. 29 Hay là, có lẽ nào, ai vào nhà một người mạnh-sức để cướp lấy của, mà trước không trói người mạnh-sức ấy được sao? Phải trói người rồi mới cướp của nhà người được. 30 Ai không ở với ta, thì nghịch cùng ta; ai không thấu-hiệp với ta, thì tan ra. 31 Ấy vậy, ta phán cùng các người, các tội-lỗi và lời phạm-thượng của người ta đều sẽ được tha; song lời phạm-thượng đến Đức Thánh-Linh thì sẽ chẳng được tha đâu. 32 Nếu ai nói phạm đến Con người, thì sẽ được tha; song

nếu ai nói phạm đến Đức Thánh-Linh, thì dầu đời này hay đời sau cũng sẽ chẳng được tha.

³³ Hoặc cho là cây tốt thì trái cũng tốt, hoặc cho là cây xấu thì trái cũng xấu; vì xem trái thì biết cây. ³⁴ Hỡi dòng-dõi rắn lục; bầy vốn là loài xấu, làm sao nói được sự tốt? Bởi vì do sự đầy-dẫy trong lòng mà miệng mới nói ra. ³⁵ Người lành do nơi đã chứa điều thiện mà phát ra điều thiện; nhưng kẻ dữ do nơi đã chứa điều ác mà phát ra điều ác. ³⁶ Và, ta bảo các ngươi, đến ngày phán-xét, người ta sẽ khai ra mọi lời hư-không mà mình đã nói; ³⁷ vì bởi lời nói mà ngươi sẽ được xưng là công-binh, cũng bởi lời nói mà ngươi sẽ bị phạt.

Phép lạ đuổi quỷ làm cho đoàn dân dòng-đảo kinh-ngạc và tự hỏi Chúa Jê-sus có thể là Đấng Mê-si mà Đức Chúa Trời đã hứa chăng? Đối với người Pha-ri-si, đó là cơ-hội cho chúng cáo tội kịch-liệt và tàn-bạo. Câu đáp của Chúa Jê-sus ngụ-ý một lời tự-xưng dứt-khoát hơn hết. Kẻ thù-nghịch Ngài không chối các phép lạ hiển-nhiên; quyền-lực siêu-nhân đó phải là của Đức Chúa Trời hay là của ma-quỉ; người Pha-ri-si buộc phải chọn lời quả-quyết thứ hai; chúng tuyên-bố rằng Chúa Jê-sus nhờ ma-quỉ giúp sức mà trừ quỷ.

Chúa Jê-sus tỏ ra rằng lời cáo tội đó phi-lý: bằng cách nhắc chúng nhớ rằng nếu Sa-tan đuổi chính các cán-bộ của nó, thì có khác nào nó tự đuổi nó; như vậy, nó hủy-diệt nước nó, là điều giã-định làm cho ai nấy tức-cờn.

Hơn nữa, Chúa Jê-sus viện-dẫn thực-sự rằng có lắm người Do-thái làm nghề trừ tà, tự nhận là đuổi quỷ, và được người Pha-ri-si công-nhận. Tách riêng Chúa Jê-sus ra để công-kích như vậy thì tỏ ra bất-công và xảo-trá.

Đoạn, Chúa Jê-sus tuyên-bố rõ-ràng rằng công-việc Ngài làm đó là bởi Thần Đức Chúa Trời và là bằng-cớ chứng-tỏ rằng trong thân-vị Ngài, Nước Đức Chúa Trời đã biểu-hiện giữa vòng họ, và quyền-lực của Sa-tan đang bị lật-đổ. Hai nước này chống-đối nhau, và người ta phải lựa-chọn sẽ đứng về phía nào. Nếu không đứng về phía Chúa Jê-sus, thì người Pha-ri-si phải đứng về phía Sa-tan. Như

vậy, Chúa Jêsus quay ngược lời cáo tội về phía kẻ thù-nghịch Ngài.

Ngài còn làm hơn nữa. Ngài tuyên-bố rằng lời cáo tội của chúng là một tội-lỗi không thể nào tha-thứ; nó là « phạm-thượng đến Đức Thánh-Linh » (câu 31), là gán quyền-năng của Đức Chúa Trời cho quỷ Sa-tan. Ngày nay, ta thường nghe nói rằng « chống-cự Đức Thánh-Linh » hoặc « phạm tội đến nỗi mất ngày ân-diên » là « tội-lỗi không thể tha-thứ ». Đó vừa là ý-tưởng lẫn-lộn, là giải-thích sai lời phán của Đức Chúa Jêsus. Ngài tuyên-bố rằng người ta có thể được tha-thứ vì đã hiểu lầm sứ-mạng và sứ-diệp của Ngài, thậm-chi đã nói phạm đến Ngài trong tư-cách « Con người » (câu 32). Nhưng do lòng xảo-trá mà gán quyền-năng của Ngài cho ma-quỉ và, bởi đó, « nói phạm đến Đức Thánh-Linh, thì dầu đời này hay đời sau, cũng sẽ chẳng được tha » (câu 32).

Lời cáo tội dữ như vậy chỉ có thể phát-xuất từ một tấm lòng cực-ác. Các phép lạ của Chúa Jêsus có tánh-cách nhân-ái và chỉ có thể phát-xuất từ một nguồn thánh-khiết, ví như trái tốt do cây tốt sanh ra. Mặt khác, cuộc công-kích độc-địa của kẻ thù-nghịch Ngài tỏ ra chúng là một bày răn lục, không thể phát-sanh điều chi ngoài ra tội-ác. « Lời phạm-thượng » không phải chỉ là môi miệng nói ra; nhưng nó là tội nặng vì biểu-thị tấm lòng; ấy vì người ta phải chịu trách-nhiệm về cả những lời nói không suy-nghĩ và không ý-tử. Như vậy lời nói vu đường kia tội nặng hơn là đường nào !

Người Pha-ri-si cáo tội Chúa Jêsus; Ngài đáp rằng làm như vậy, họ đã phạm tội nghịch Đức Thánh-Linh, không thể tha-thứ được. Vậy, Chúa Jêsus tự nhận là Ngài có mối liên-hệ vô-song nào với Đức Thánh-Linh? Có người nào khác từng sống ở đời này đã tuyên-bố về mình như vậy chẳng? Nếu Nước Đức Chúa Trời biểu-hiện trong Thân-vị Ngài, thì Ngài há chẳng phải là Vua được Đức Thánh-Linh xúc dầu, là Đấng Mê-si mà Ma-thi-ơ đã mô-tả rõ-ràng, sao?

6. Tiên-tri và Vua (12 : 38-45).

³⁸ Bấy giờ có mấy thầy thông-giáo và người Pha-ri-si thưa cùng Đức Chúa Jê-sus rằng : Bầm thầy, chúng tôi muốn xem thầy làm dấu lạ. ³⁹ Ngài đáp rằng : Dòng-dõi hung-ác gian-dâm này xin một dấu lạ, nhưng sẽ chẳng cho dấu lạ khác ngoài dấu lạ của đấng tiên-tri Giô-na. ⁴⁰ Vì Giô-na đã bị ở trong bụng cá lớn ba ngày ba đêm, cũng một thế ấy, Con người sẽ ở trong lòng đất ba ngày ba đêm. ⁴¹ Đến ngày phán-xét, dân thành Ni-ni-ve sẽ đứng dậy với dòng-dõi này mà lên án nó, vì dân ấy đã nghe lời Giô-na giảng và ăn-năn ; mà đây này, có một người tôn-trọng hơn Giô-na ! ⁴² Đến ngày phán-xét, nữ-hoàng nam-phương sẽ đứng dậy với dòng-dõi này mà lên án nó, vì người từ nơi cùng trái đất đến nghe lời khôn-ngoon vua Sa-lô-môn ; mà đây này, có một người tôn-trọng hơn vua Sa-lô-môn !

⁴³ Khi tà-ma ra khỏi một người, thì nó đi đến nơi khố-khan kiếm chỗ nghỉ, nhưng kiếm không được ; ⁴⁴ rồi nó nói rằng : Ta sẽ trở về nhà ta mà ta mới ra khỏi ; khi trở về, thấy nhà không, quét sạch, và sửa-soạn tử-tế. ⁴⁵ Nó bèn lại đi, đem về bày quỉ khác dữ hơn nó nữa, cùng vào nhà đó mà ở ; vậy, số-phận người ấy sau lại xấu hơn trước. Dòng-dõi dữ này cũng như vậy.

Đòi-hỏi một « dấu lạ » chính là một cách nhục-mạ tàn-nhân, có suy-tính. Nó chỉ-trích các phép lạ Chúa Jê-sus đã làm, và ngụ-ý rằng Ngài thiếu ủy-nhiệm-thư, không thể bào-chữa những lời Ngài tự xưng là Ai. Tuy-nhiên, ngày nay nó được lặp lại bởi những kẻ cho rằng mình không có đủ bằng-cớ để tin Đấng Christ, hoặc đang tìm kiếm những bằng-cớ thuộc loại khác để chứng-minh sự không tin của mình.

Chúa Jê-sus đáp rằng sự khó-khăn ở nơi kẻ thù-nghịch Ngài ; lòng chúng không thuận-hiệp với Đức Chúa Trời, bằng không, chúng đã tiếp-nhận lời chứng sẵn có rồi. Ngài gọi chúng là « dòng-dõi (1) gian-dâm » (câu 39), tức là không trung-tin với Đức Chúa Trời, và tuyên-bố rằng

(1) Nên dịch là thế-hệ (generation)

sẽ không ban cho họ một dấu lạ nào lớn hơn chính sự sống lại của Ngài; đó là một phép lạ còn lớn hơn phép lạ Giô-na nữa. Chúng mắc tội nặng hơn dân thành Ni-nive, bởi họ đã ăn-năn khi nghe Giô-na giảng-dạy; ấy vì Ngài còn « tôn-trọng hơn Giô-na » (câu 41). Gương nữ-hoàng Sê-ba cũng lên án chúng, vì bà nôn-nả tìm-kiếm sự khôn-ngoan của Sa-lô-môn, còn Ngài thì « tôn-trọng hơn vua Sa-lô-môn » (câu 42). Những lời tự xưng đó há chẳng lạ-lùng sao? Trong chương này Ma-thi-ơ chép lời tự xưng của thầy Tế-lễ tối-cao đã phán: « Tại chỗ này có một Đấng tôn-trọng hơn đền-thờ » (câu 6); của Đấng tiên-tri tối-cao đã phán: « Đây này có một Đấng tôn-trọng hơn Giô-na » (câu 41). Nhưng theo đúng mục-đích không bao giờ đòi-dòi, ông đảo ngược thứ-tự của Lu-ca cùng thứ-tự thời-gian, và lên tới tuyệt-điểm khi ghi chép lời vua tự nhận là Con thật của Đa-vit, — « Đây này, có một người tôn-trọng hơn vua Sa-lô-môn » (câu 42).

Đề làm thí-dụ cho sự không tin của dân Ngài, Chúa Jê-sus kể truyện một tà-linh lia-bỏ người nó đã khuấy-khỏa trong ít lâu, rồi trở lại với bảy qui-sứ khác, « dữ hơn nó nữa » (câu 45). Cũng một thể ấy, dân Y-sơ-ra-ên bị lòng không tin ám-ảnh, đã được chữa lành một thời-gian và xây-bổ sự thờ-lạy hình-tượng, nhưng họ chẳng rước Đức Chúa Trời vào tấm lòng của quốc-gia, và bây giờ thái-độ họ đối với Đấng Christ tỏ ra rằng sự không tin đã chiếm lấy họ một cách tàn-bạo và hoàn-toàn hơn bao giờ hết.

Đây cũng là một thí-dụ về nhiều từng-trải đời nay. Người ta xây-bổ tội-lỗi và tìm thấy tự-do tạm-thời; nhưng nếu họ không rước Chúa Jê-sus-Christ vào thành-tri linh-hồn mình để làm Chúa và làm Chủ, thì chắc-chắn thất-bại sa-sút và cảnh phu-tù cay-đắng hơn sẽ theo sau. Cải-lương chẳng phải là tái-sanh; quyết-định chẳng phải là hối-cải; ăn-năn có thể không liên-hiệp với đức-tin; đạo-đức không phải là tôn-giáo.

7. Con Đức Chúa Trời (12 : 46-50).

46 Khi Đức Chúa Jê-sus còn phán cùng dân-chúng, thì mẹ và anh em Ngài đến đứng ngoài, muốn nói cùng Ngài.

47 « Có người thưa cùng Ngài rằng : Đây này, mẹ và anh em thầy ở ngoài, muốn nói cùng thầy. » 48 Ngài đáp rằng : Ai là mẹ ta, ai là anh em ta ? 49 Ngài giơ tay chỉ các môn đồ mình, mà phán rằng : Đây là mẹ ta cùng anh em ta ! 50 Vì hễ ai làm theo ý-muốn Cha ta ở trên trời, thì người đó là anh em, chị em ta, cùng là mẹ ta vậy.

Ma-thi-ơ đã nhấn mạnh sự chống-đối Chúa Jêsus luôn với những lời tự xưng vô-song của Ngài. Sự-việc thứ bảy và cuối-cùng này bày-tỏ hình-thức chống-đối kịch-liệt hơn hết và ngụ một lời tự xưng cao-cả. Mẹ và các em trai Ngài đến cản Ngài thi-hành nhiệm-vụ, vì sợ tâm-trí Ngài đã thiếu thăng-bằng do làm việc không ngọt. Đó là tình-trạng tiến thoái lưỡng nan, khó-khăn và tế-nhị hơn hết mà Chúa đã từng gặp phải. Ngài không thể xúc-phạm người nhà ; mặt khác Ngài cũng không thể đề nhiệm-vụ mình gián-đoạn, và đề họ đưa mình đi như một Người Con đau-yếu đáng thương. Ngài chỉ gỡ một cái là thoát khỏi, và truyền một sứ-diệp khuyến-khích và giúp cho các môn-đệ Ngài trong mọi đời tương-lai, Ngài không chối-bỏ các dây liên-lạc thiên-nhiên, hoặc những mối liên-hệ êm-dịu của loài người. Ngài không từ-bỏ mẹ và các em trai nhưng mở rộng phạm-vi và tuyên-bố rằng các dây liên-lạc thiêng-liêng là thiết-thực nhứt ; rằng mọi người làm theo ý-chỉ Đức Chúa Trời thì thân-cận, mật-thiết với Ngài hơn hết. Tuy-nhiên, rõ-ràng lắm, Ngài chỉ vào đám môn-đệ mà tuyên-bố : « Đây là mẹ Ta cùng anh em Ta ! Vì hễ ai làm theo ý-muốn Cha Ta ở trên trời, thì người đó là anh em, chị em Ta, cùng là mẹ Ta vậy. » (câu 49,50). Những người theo Đấng Christ tức là người làm theo ý-chỉ của Đức Chúa Trời ; còn những kẻ chối-bỏ, hoặc nghi-ngờ, hoặc không chịu tin Ngài, thì chẳng làm theo ý-chỉ Đức Chúa Trời đâu. Chúa không tỏ ra thiếu lễ-độ đối với người nhà Ngài đâu, song Ngài quở-trách họ nhẹ-nhàng, và chỉ có họ hiểu, vì lúc ấy họ chưa tin Ngài. Lời Ngài phán có lẽ cũng chứa một cảnh-cáo êm-nhẹ cho một vài môn-đệ ngày nay. Nếu thật là môn-đệ Ngài, thì họ phải làm theo ý-chỉ Đức Chúa Trời. Ngài không phán : « Người đó là cha Ta. » Ngài nhận về phần mình mối liên-hệ vô-song với Đức Chúa

Trời và tuyên-bố rằng ai làm theo ý-chỉ của Cha Ngài, thì liên-hệ với Ngài mật-thiết hơn hết. Vậy, Giáo-sư này là Ai mà tự nhận có sự trọn-lành thiên-thượng đến nỗi người nào thật kính-thờ Đức Chúa Trời hơn hết, thì gần-gũi Ngài hơn hết? Người này là Ai mà tự nhận có liên-hệ phân-minh dường ấy với Đức Chúa Cha. Ấy là Đấng mà Ma-thi-ơ mô-tả ở đây, là Vua được dự-ngôn và bị chối-bỏ, là Con Người, và cũng là Con Đức Chúa Trời.

THƯ VIỆN CƠ ĐỐC
Christian Library

VI. CÁC THÍ-DỤ CỦA VUA

(Ma-thi-ơ 13 : 1-58)

1. Người gieo giống (13 : 1-23).

1 Cũng ngày ấy, Đức Chúa Jê-sus ra khỏi nhà, ngồi bên mé biển. 2 Đoàn dân nhóm-hợp xung-quanh Ngài đông lắm, đến nỗi Ngài phải xuống thuyền mà ngồi, còn cả đoàn dân đứng trên bờ. 3 Ngài dùng thí-dụ mà giảng nhiều điều cùng họ.

Ngài phán như vầy: Có người gieo giống đi ra đặng gieo. 4 Khi đang gieo, một phần giống rơi dọc đường, chim bay xuống và ăn. 5 Một phần khác rơi nhằm chỗ đất đá-sỏi, chỉ có ít đất thịt, bị lấp không sâu, liền mọc lên; 6 song khi mặt trời mọc lên, thì bị đốt, và vì không có rễ, nên phải héo. 7 Một phần khác rơi nhằm bụi gai, gai mọc rậm lên, phải nghẹt-ngòi. 8 Một phần khác nữa rơi nhằm chỗ đất tốt, thì sanh trái; hoặc một hạt ra được một trăm, hoặc một hạt sáu chục, hoặc một hạt ba chục. 9 Ai có tai, hãy nghe!

10 Môn-đồ bèn đến gần Ngài mà hỏi rằng: Sao thầy dùng thí-dụ mà phán cùng chúng vậy? 11 Ngài đáp rằng: Bởi vì đã ban cho các ngươi được biết những điều mầu-nhiệm của nước thiên-đàng, song về phần họ, thì không ban cho biết. 12 Vì sẽ cho thêm kẻ nào đã có, thì họ sẽ được dư-dật; nhưng kẻ nào không có, thì lại cất luôn điều họ đã có nữa. 13 Vậy nên ta phán thí-dụ cùng chúng; vì họ xem mà không thấy, lắng tai mà không nghe, và không hiểu chi hết. 14 Vậy, về họ, đã được ứng-nghiệm lời tiên-tri của Ê-sai rằng:

Các ngươi sẽ lóng tai nghe, mà chẳng hiểu chi;

Lấy mắt xem mà chẳng thấy chi,

15 Vì lòng dân này đã cứng-cỏi;

Đã làm cho nặng tai

Và nhắm mắt mình lại,

E khi mắt mình thấy được,

Tai mình nghe được,

Lòng mình hiểu được,
 Họ tự hối-cải lại,
 Và ta chữa họ được lành chẳng.

16 Nhưng phước cho mắt các người, vì thấy được; phước cho tai các người, vì nghe được! 17 Quả thật, ta nói cùng các người, có nhiều đáng tiên-tri, nhiều người công-chính đã ước-ao thấy điều các người thấy, mà chẳng được thấy; ước-ao nghe điều các người nghe, mà chẳng được nghe.

18 Ấy vậy, các người hãy nghe nghĩa ví-dụ về kẻ gieo giống là gì. 19 Khi người nào nghe đạo nước thiên-đàng, mà không hiểu, thì quí dữ đến cướp điếu đã gieo trong lòng mình; ấy là kẻ chịu lấy hạt giống rơi ra dọc đường. 20 Người nào chịu lấy hạt giống nơi đất đá-sỏi, tức là kẻ nghe đạo, liền vui-mừng chịu lấy; 21 song trong lòng không có rễ, chỉ tạm-thời mà thôi, đến khi vì đạo mà gặp sự cực-khò, sự bất-bớ, thì liền vấp-phạm. 22 Kẻ nào chịu lấy hạt giống nơi bụi gai, tức là kẻ nghe đạo; mà sự lo-lắng về đời này, và sự mê-đắm về của-cải, làm cho nghẹt-ngòi đạo và thành ra không kết-quả. 23 Song, kẻ nào chịu lấy hạt giống nơi đất tốt, tức là kẻ nghe đạo và hiểu; người ấy được kết-quả đến nỗi một hạt ra một trăm, hạt khác sáu chục, hạt khác ba chục.

Ma-thi-ơ có một phương-thức thông-thường, là thâu-góp những tài-liệu có cùng tánh-chất lại một đề có hiệu-lực nhiều hơn. Vậy, đây chúng ta thấy một loạt thí-dụ, cũng như trước đã thấy một loạt phép lạ. Có bảy thí-dụ, chia làm hai nhóm, một nhóm bốn và một nhóm ba. Các thí-dụ này đều tương-quan mật-thiết, và dường như Chúa Jê-sus đã phán cùng một ngày mà Ngài đã bị kẻ thù tấn-công rất kịch-liệt và việc toàn-dân chối-bỏ Ngài đã được dự-ngón rất rõ-ràng. Các thí-dụ này liên-quan đến thời-gian giữa lúc Ngài bị chối-bỏ và lúc Ngài trở lại trong ngày sau-rốt để thành-lập Nước toàn-mỹ của Ngài.

Ma-thi-ơ không những là sách Tin-Lành về sự chối-bỏ, mà còn là sách Tin-Lành về sự ứng-nghiệm; do đó, có lời tuyên-bố rằng Chúa Jê-sus thường quen dạy-đỗ bằng thí-dụ là đúng theo lời tiên-tri do Đức Thánh-Linh soi-dẫn (câu

34,35). Khi giải-thích cho môn-đệ hiểu lý-do Ngài dùng thí-dụ, Chúa Jêsus trung-đẫn một đoạn dài « lời tiên-tri của Ê-sai » (câu 14), và tuyên-bố rằng như vậy các dự-ngôn thuở xưa « đã được ứng-nghiệm » dứt khoát. Đây Chúa nhắm bốn mục-đích: Trước hết, thí-dụ làm cho chân-lý thiêng-liêng hóa ra rõ-ràng phân-minh hơn trong tâm-trí người nghe. Thứ hai, thí-dụ đặt chân-lý dưới một hình-thức dễ di-động, nên kẻ nghe dễ đem theo và ghi-nhớ. Thứ ba, thí-dụ cốt để tránh khỏi làm méch lòng những kẻ chống-đối, hoặc không sẵn-sàng tiếp-nhận chân-lý. Thứ tư, như Ê-sai đã tuyên-bố, thí-dụ dùng để phán-xét những kẻ dui-mù vì ngoan-cố. Thí-dụ giấu chân-lý khỏi những người thiếu tư-cách thiêng-liêng để tiếp-nhận nó.

Lại nữa, Ma-thi-ơ là « sách Tin-Lành của Vua », và các thí-dụ này gọi là « những điều màu-nhiệm của Nước Thiên-đàng » (câu 11). Tùy theo cách dùng trong Tân-uớc, thì danh-từ « sự màu-nhiệm » không có nghĩa là một điều chẳng ai hiểu được, song chỉ về một chân-lý xưa kia giấu-kin, nhưng nay đã được khải-thị. Chân-lý trong chương này liên-quan đến « Nước Thiên-đàng ». Thật không khôn-ngan nếu ta nhấn mạnh vào nghĩa đúng của danh-từ « Nước Thiên-đàng » mà ta thấy ẩn khấp bất-cứ câu nào trong chương này. Trong một vài trường-hợp, dường như nó chỉ về ý-muốn hoặc đời trị-vi của Đức Chúa Trời; trong trường-hợp khác, nó lại chỉ về xã-hội trong đó chủ-quyền của Đức Chúa Trời được thừa-nhận, tỉ như « Hội-Thánh Đấng Christ », hoặc nền văn-minh Cơ-đốc giáo. Có lẽ tốt nhất là chúng ta hiểu rằng danh-từ « Nước Đức Chúa Trời, » theo như Ma-thi-ơ thường dùng, diễn-tả đời trị-vi toàn-mỹ của Đấng Christ sẽ thiết-lập vào cuối thời-đại này. Trong các thí-dụ này, ta thấy những lời tuyên-bố liên-quan đến tánh-chất, cách tiếp-nhận và kết-quả do sự tuyên-cáo Nước này bởi Vua và các môn-đệ Ngài.

Vậy, trong trường-hợp thí-dụ về Người Gieo Giống, Chúa tuyên-bố rằng thí-dụ này dạy-đỗ về « đạo (hoặc Lời) của Nước Thiên-đàng » (câu 19). Thí-dụ này cốt để tỏ ra rằng hiệu-năng của đạo tùy theo tâm-trạng người ta. Thí-dụ này thường gọi là « thí-dụ các khu đất », vì nó nêu rõ tình-trạng thiêng-liêng khác nhau thấy giữa những người nghe

giảng Lời đạo Chúa. Trong vài trường-hợp, « đạo Nước Thiên-dàng » hoặc do Đấng Christ giảng, hoặc do các môn-đệ Ngài giảng, rơi vào những tấm lòng giống như đường chạy qua ruộng lúa, có nhiều người qua lại, nên đất đã cứng. Không thể nào in đạo vào những tấm lòng đó. Đạo không lọt vào được, và Sa-tan « đến cướp đạo » (câu 19a), ví như con chim đập hạt lúa « rơi ra dọc đường » (câu 19b).

Hạng thính-giả khác lại « giống nơi đất đá-sỏi » (câu 20), tại đó lớp đất mỏng phủ trên một tầng đá. Hạt giống rơi vào khu đất như vậy mọc lên càng mau-chóng hơn nhờ sức nóng của tầng đá ở dưới; nhưng vì rễ không thể đâm thẳng xuống, nên chẳng bao lâu, hạt lúa tàn-héo dưới ánh mặt trời. Vậy có những thính-giả nhiệt-thành tiếp-nhận sứ-điệp về Nước Thiên-dàng, nhưng khi gặp cơn bất-bờ mà tin-dò Đấng Christ phải chịu, thì họ mau-lẹ từ-bỏ chánh-nghĩa của Ngài.

Lại có những thính-giả ví như hạt giống rơi nhằm nơi gai-gốc đang mọc. Hạt giống mọc lên, nhưng không có chỗ để phát-triển. Những thính-giả này quá mãi lo quyền-lợi, giàu-có và vui-chơi trần-gian, nên không thể kết-quả thiêng-liêng. Tuy-nhiên, có những người giống như « nơi đất tốt » (câu 23),— hạt giống rơi vào đó và mọc lên, « một hạt ra một trăm, hạt khác sáu chục, hạt khác ba chục » (câu 23b). Vậy, có những tấm lòng thành-thực, nhân-hiền sẵn-sàng tiếp-nhận « đạo Nước Thiên-dàng », suy-gẫm đạo ấy, hết sức cố-gắng vun-trồng và làm nầy-nở đạo ấy, cho đến khi có một mùa gặt quý-báu trong đời họ.

Thí-dụ này là một lời cảnh-cáo cho mọi người nghe sứ-điệp Tin-Lành. Họ cần phải chú-ý đến cách mình nghe. Nhưng hơn nữa, thí-dụ này khích-lệ mọi người truyền-giảng Tin-Lành. Họ không cần phải trông-mong hết thấy thính-giả sẽ nôn-nả tiếp-nhận sứ-mạng này, hoặc trông-mong mọi người tiếp-nhận sẽ tỏ ra trung-thành với Đấng Christ. Tuy-nhiên, họ phải tin rằng nếu họ trung-tin lo nhiệm-vụ, thì Chúa của mùa gặt sẽ làm cho kết-quả, là một phần thưởng vô-cùng.

2. Cỏ lùng, hạt cải và men (13 : 24-43).

²⁴ Đức Chúa Jêsus phán ví-dụ khác cùng chúng rằng : Nước thiên-đàng giống như người kia gieo giống tốt trong ruộng mình. ²⁵ Nhưng đương khi người ta ngủ, thì kẻ thù chủ ruộng liền đến, gieo cỏ lùng vào trong lúa mì, rồi đi. ²⁶ Đến khi lúa mì lớn lên, và trổ bông, thì cỏ lùng cũng lòi ra. ²⁷ Các đầy-tớ của chủ nhà bèn đến thưa rằng : Thưa chủ, chủ không gieo giống tốt trong ruộng chủ sao ? Vậy thì cỏ lùng bởi đâu mà ra ? ²⁸ Chủ đáp rằng : Ấy là một kẻ thù đã làm điều đó. Các đầy-tớ thưa rằng : Vậy chủ có muốn chúng tôi đi nhổ cỏ đó chăng ? ²⁹ Chủ rằng : Chẳng nên, e khi nhổ cỏ lùng, hoặc các người nhổ lộn lúa mì đi chăng. ³⁰ Hãy để cho cả hai thứ cùng lớn lên cho đến mùa gặt ; đến mùa gặt, ta sẽ dặn con gặt rằng : Trước hết hãy nhổ cỏ lùng, bó lại từng bó mà đốt đi ; song hãy thu-trữ lúa mì vào kho ta.

³¹ Ngài lấy ví-dụ khác mà phán rằng : Nước thiên-đàng giống như một hạt cải mà người kia lấy gieo trong ruộng mình ; ³² hạt ấy thật nhỏ hơn cả các giống khác, song khi đã mọc lên, thì lớn hơn các thứ rau, và trở nên cây-cối, cho đến nỗi chim trời tới làm ở trên nhánh nó được.

³³ Ngài lấy ví-dụ khác nữa mà phán rằng : Nước thiên-đàng giống như men mà người đờn-bà kia lấy trộn vào trong ba đấu bột, cho đến chừng nào bột dậy cả lên.

³⁴ Đức Chúa Jêsus lấy lời ví-dụ mà phán những điều đó cùng đoàn dân, Ngài chẳng phán điều gì cùng họ mà không dùng lời ví-dụ, ³⁵ để được ứng-nghiệm lời tiên-tri rằng :

Ta sẽ mở miệng ra mà nói lời ví-dụ,

Ta sẽ rao báo những điều kín-nhiệm từ khi dựng nên trời đất.

³⁶ Bấy giờ, Đức Chúa Jêsus cho chúng về, rồi vào nhà ; môn-đồ đến gần mà hỏi Ngài rằng : Xin thầy giải lời ví-dụ về cỏ lùng trong ruộng cho chúng tôi. ³⁷ Ngài đáp rằng : Kẻ gieo giống tốt, là Con người ; ³⁸ ruộng, là thế-gian ; giống tốt, là con-cái nước thiên-đàng ; cỏ lùng, là con-cái quỷ dữ ; ³⁹ kẻ nghịch-thù gieo cỏ ấy, là ma-quỉ ; mùa gặt, là ngày tận-thế ; con gặt, là các thiên-sứ. ⁴⁰ Còn người ta

nhỏ cổ lòng mà đốt trong lửa thè nào, thì ngày tận-thế cũng sẽ như vậy; ⁴¹ Con người sẽ sai các thiên-sứ Ngài thâu mọi gương xấu và những kẻ làm ác khỏi nước Ngài, ⁴² và quảng những người đó vào lò lửa, là nơi sẽ có khóc-lóc và nghiêng-ráng. ⁴³ Khi ấy, những người công-bình sẽ chói-rạng như mặt trời trong nước của Cha mình. Ai có tai, hãy nghe!

Như trong thí-dụ trước, rõ-ràng lắm, khi Chúa chúng ta phán về « Nước Thiên-đàng », thì Ngài có ý-chỉ về sự tuyên-giảng Nước ấy cùng kết-quả do sự-diệp này. Như Ngài đã giải-thích cho môn-đệ, « ruộng là thế-gian » (câu 28a). — không phải là Hội-Thánh, hoặc nền văn-minh, mà là cả thế-giới loài người được nghe giảng Tin-Lành. Kết-quả do cuộc truyền-giảng này, nhiều người sẽ được biến-cải và sẵn-sàng chiếm địa-vị trong Nước tương-lai. Tuy-nhiên, đồng-thời kẻ thù của nhân-loại cũng hoạt-động. Nó gieo cổ lòng, và kết-quả là trong thế-gian này, thấy có những người mà Chúa chúng ta tuyên-bố là « con-cái quỷ dữ » (câu 38c). Chúng lớn lên và nảy-nở bên cạnh « con-cái Nước Thiên-đàng » (câu 38b). Không thè nào phân-rẽ hai bên được, nên cả hai cùng tồn-tại « cho đến mùa gặt » (câu 30). Trong thời-kỳ hiện-tại, đức-hạnh và gian-ác, tội-lỗi và thánh-khiết cứ tồn-tại, mặc dầu hai bên phản-đối và mâu-thuẫn nhau. Mãi tới « ngày tận-thế » (câu 40b), mùa gặt diễn ra, Chúa mùa gặt mới ra lệnh cho con gặt « nhỏ cổ lòng và đốt đi » (câu 30a) và « thâu-trữ lúa mì vào kho » (câu 30b). Không thè trông-mong có công-lý và hòa-bình khắp thế-giới trước khi Vua ngự đến để đem thiên-đức đến chỗ đắc-thắng chung-kết. « Khi ấy, những người công-bình sẽ chói-rạng như mặt trời trong Nước của Cha mình » (câu 43).

Giữa thí-dụ về « Người ... gieo giống » (câu 24) và lời giải-thích, tỏ rõ thiện và ác lẫn-lộn trong thời-kỳ hiện-tại, thì Chúa chúng ta phán hai thí-dụ nhỏ mà Ngài không giải-thích. Thí-dụ thứ nhứt là hột cải, và thí-dụ thứ hai là men. Thí-dụ về người gieo giống và thí-dụ về cổ lòng, theo như Chúa giải-thích, chỉ về ảnh-hưởng sự giảng-dạy của Ngài và môn-đệ trong thời-kỳ hiện-tại

thê nào, thì có lẽ hai thí-dụ này có cùng một ý-nghĩa thê ấy. Một số người hiểu rằng hột cải gọi cho ta nghĩ đến cuộc phát-triển thịnh-linh nhưng không vững-chắc, làm đặc-điểm cho một vài hình-thức hiện-tại của cái họ gọi là « Nước Thiên-đàng »; lại vì men, trong Kinh-Thánh, thường là biểu-tượng sự bại-hoại, nên người ta cho rằng thí-dụ về men miêu-tả tà-giáo thường « ngấm vào » sự giảng-dạy của những kẻ tự nhận là tin-đồ Đấng Christ. Các lời giải-thích này hoàn-toàn ăn-hiệp với tình-trạng thiện, ác lẫn-lộn, nêu lên trong các thí-dụ trước. Tuy-nhiên, số đông người hơn thấy « hột cải » tượng-trưng cho sứ-điệp ấy mới đầu nhỏ-it, nhưng rồi lan rộng; họ cũng cho « men » là hình-bóng về công-việc lạng-lẽ và quyền-năng dâm-thẩm của sứ-điệp ấy.

3. Của báu, ngọc châu và lưới đánh cá (13 : 44-50).

44 Nước thiên-đàng giống như của báu chôn trong một đám ruộng kia. Một người kia tìm được thì giấu đi, vui mừng mà trở về, bán hết gia-tài mình, mua đám ruộng đó.

45 Nước thiên-đàng lại giống như một người lái-buôn kiếm ngọc châu tốt, 46 khi đã tìm được một hột châu quý giá, thì đi bán hết gia-tài mình mà mua hột châu đó.

47 Nước thiên-đàng cũng giống như một tay lưới thả xuống biển, bắt đủ mọi thứ cá. 48 Khi lưới được đầy rồi, thì người đánh cá kéo lên bờ; đoan, ngồi mà chọn giống tốt để riêng ra, đem bỏ vào rổ, còn giống xấu thì ném đi. 49 Đến ngày tận-thế cũng như vậy: các thiên-sứ sẽ đến và chia kẻ ác với người công-bình ra, 50 ném những kẻ ác vào lò lửa; ở đó sẽ có khóc-lóc và nghiến răng.

Người ta thường khi cho rằng hai thí-dụ quen-thuộc về « của báu chôn » — và « hột châu quý giá » tỏ rõ rằng đối với tâm-trí Đấng Christ, môn-đệ và Hội-thánh Ngài là quí-báu dường nào, vì cơ họ, Ngài đã từ-bỏ vinh-hiền trên trời và phó chính mạng sống Ngài. Sự dạy-đỗ này hoàn-toàn ăn-hiệp với các phần khác trong Kinh-Thánh, nhưng có lẽ ta khôn-ngoa hơn nếu thấy đây là thí-dụ về người nào thật hiểu sứ-điệp Tin-Lành, ắt sẵn-sàng hi-sinh bất-cứ

điều chi ngõ hầu chính mình được trở thành một kẻ kết-tự Nước Thiên-Đàng. Có lẽ người đã nghe sứ-điệp này đang khi bận làm công-việc thường ngày ngoài ruộng hoặc trong nhà; hoặc có lẽ người như tay « lái buôn tìm ngọc châu tốt » (câu 45), và đang mong-ước cái gì cao-quí nhất, tốt-đẹp nhất. Rốt lại, người thấy trong Tin-Lành Đấng Christ chính cái điều làm thỏa-mãn linh-hồn mình; người bằng lòng trả giá bằng bất-cứ cái gì mình coi là qui nhứt để nhận Đấng Christ làm Chúa cùng lời Ngài hứa ban sự sống đời đời.

Như hai thí-dụ quan-trọng mà chính Chúa Jêsus giải-thích, thí-dụ sau chót trong bảy thí-dụ này dường như tỏ rõ rằng ngay ở cuối-cùng thời-đại, thiện và ác vẫn còn thấy ở chính giữa những người đã chịu ảnh-hưởng của Tin-Lành Đấng Christ. Về ảnh-hưởng « đạo Nước Thiên-đàng » dường như là cái lưới lớn, bắt đủ thứ cá dưới biển; nhưng khi thời-đại này tới chỗ kết-liệu, thì có phân-rẽ, vì « thiên-sứ đến và chia kẻ ác với người công-bình ra » (câu 49). Như vậy, có người biết giá-trị của « đạo Nước Thiên-đàng » và phục-tòng Vua, song cũng có kẻ khác, kẻ cả những ai là môn-đệ hữu-danh vô-thực của Ngài, phải đợi-chờ sự tuyên-án và hình-phạt.

4. Trách-nhiệm của các môn-đệ và sự chối-bỏ Chúa Jêsus (13 : 51-58).

51 Các ngươi có hiểu mọi điều đó chăng ! Các môn-đồ thưa rằng : Có hiểu, 52 Ngài bèn phán rằng : Vì cố ấy, mọi thầy thông-giáo đã học thông đạo về nước thiên-đàng, thì giống như một người chủ nhà kia, đem những vật mới và cũ ở trong kho mình ra.

53 Đức Chúa Jêsus phán các lời ví-dụ ấy rồi, thì đi khỏi chỗ đó. 54 Ngài về đến quê-hương, rồi dạy-dỗ trong nhà hội, đến nỗi ai nghe cũng lấy làm lạ, mà nói rằng : Bời đâu mà người này được khôn-ngoan và những phép lạ này ? 55 Có phải là con người thợ mộc chăng ? Mẹ người có phải là Ma-ri, và anh em người là Gia-cơ, Giô-sép, Si-môn, Giu-

đe chàng ? 56 Chị em người đều ở giữa chúng ta chàng ? Bởi đâu mà người này được mọi điều ấy như vậy ? 57 Họ bèn vì có Ngài mà vấp-phạm. Song Đức Chúa Jê-sus phán cùng họ rằng : Đáng tiên-tri chỉ bị trong xứ mình và người nhà mình khinh-dè mà thôi. 58 Ở đó, Ngài không làm nhiều phép lạ, vì chúng không có lòng tin.

Sau khi kết-liệu bầy thí-dụ linh-động, Chúa Jê-sus nhắc cho các môn-đệ gài-gũi Ngài như trách-nhiệm đặt trên vai họ, là kẻ đã tiếp-nhận những chân-lý mà nhóm vĩ-nhân bậc nhất là các đáng tiên-tri và người công-bình ở bao nhiêu thời-đại quá-khứ, chắc rất vui-mừng nếu được nghe. Họ và mọi người theo Đấng Christ có trách-nhiệm làm cho nhân-loại biết những giáo-lý quan-trọng liên-quan đến Nước Ngài. Mỗi người phải «giống như một người chủ nhà kia, đem những vật mới và cũ ở trong kho mình ra» (câu 52). Ấy nghĩa là họ phải tuyên-giảng các chân-lý mới-mẻ liên-quan đến Nước Thiên-đàng, bằng không, thì thế-gian chẳng bao giờ biết được; họ cũng phải tuyên-giảng các chân-lý cổ-thời dưới hình-thức mới-mẻ, y như Chúa Jê-sus đã dùng thí-dụ làm cho sứ-điệp Ngài rõ-ràng hơn. Họ phải dạy các chân-lý cổ-thời trong những mối liên-hệ mới-mẻ. Thời-đại nào, Tin-Lành cũng vẫn y-nguyên, nhưng mỗi thời-đại đòi-hỏi Tin-Lành cổ-thời này được đặc-biệt áp-dụng cho nhu-cầu mới-mẻ của nó.

Ứng-hợp với truyện ấy, chương sách chép toàn thí-dụ này (vốn tỏ ra trong thời hiện-tại, sứ-điệp Nước Thiên-đàng một phần bị chối-bỏ, một phần được tiếp-nhận) chấn dứt với truyện-tích Chúa Jê-sus bị chối-bỏ trong chính quê-hương Ngài. Đây, lần thứ hai tại Na-xa-rét, là nơi Ngài đã sống bao nhiêu năm, Ngài gặp phải lòng không tin tàn-nhẫn. Đây, Ngài phán một lời quở-trách : «Đáng tiên-tri chỉ bị trong xứ mình và người nhà mình khinh-dè mà thôi» (câu 57). Ấy chẳng phải vì đáng tiên-tri được nổi tiếng trong xứ mình, nhưng vì họ không thật biết người. Người đồng-hương tưởng mình biết Ngài, vì họ

quen các em trai, em gái Ngài. Họ không lường biết các công-
việc Ngài đã gọi lên điều chi về bản-chất vô-song của
Ngài. Họ không công-nhận những lời Ngài tự xưng. Những
kẻ có cơ-hội tốt nhất để biết Vua, thì đã chối-bỏ Ngài.
Chính sự-việc này dọn đường cho phần kế-tiếp của sách
Tin-Lành Ma-thi-ơ; phần này tỏ ra Chúa Jêsus ản-dật, rút
lui xa dân Y-sơ-ra-ên không có lòng tin, tìm cách kín-đào
đạy-đỗ các môn-đệ cùng những người tin theo và tin-cậy
Ngài y như họ.

THƯ VIỆN CƠ ĐỐC
Christian Library

VII. VUA RÚT LUI

(Ma-thi-ơ 14:1 đến 16:12).

1. Giảng Báp-tít bị chém đầu (14:1-12).

¹ Lúc ấy, Hê-rốt là vua chư-hầu, nghe tiếng đồn Đức Chúa Jê-sus, ² thì phán cùng bầy tôi rằng: Đây là Giảng Báp-tít. Người chết đi sống lại, nhơn đó mới làm được mấy phép lạ như vậy. ³ Số là, bởi có Hê-rô-đi-a, vợ Phi-líp là em mình, nên vua Hê-rốt đã truyền bắt trói Giảng và bỏ tù. ⁴ Vì Giảng có can vua rằng: Vua không có phép được lấy người đó làm vợ. ⁵ Vua muốn giết Giảng, song sợ dân chúng, vì họ đều tôn Giảng là đáng tiên-tri.

⁶ Vừa đến ngày ăn mừng sanh-nhật vua Hê-rốt, con gái của Hê-rô-đi-a nhày múa ở giữa người dự đám, vua lấy làm thích lắm, ⁷ đến nỗi lấy lời thề mà hứa cho con gái ấy điều chi nàng muốn xin. ⁸ Vậy, nàng bị mẹ xui-giục, bèn tâu rằng: Xin lấy cái đầu Giảng Báp-tít để trên mâm mà cho tôi đây. ⁹ Vua lấy làm buồn-rầu; song vì đã thề lỡ rồi, và có những người dự yến ở đó, nên truyền cho nàng như lời. ¹⁰ Vua bèn sai người chém Giảng trong ngục, ¹¹ rồi họ đề đầu người trên mâm mà đem cho con gái ấy, nàng bèn đem cho mẹ mình. ¹² Đoạn, các môn-đồ của Giảng đến, lấy xác mà chôn, rồi đi báo tin cho Đức Chúa Jê-sus.

Ghi-chép sự chết của Giảng Báp-tít ở ngay chặng này trong truyện-tích, thì thật là thần-tinh. Sự chết của người tiên-khu là một triệu-chứng về Vua sẽ bị chối-bỏ và bị đóng đinh vào Thập-tự giá. Đoạn trần-thuật sự chết của Giảng Báp-tít là một chuyện-tiếp thích-ứng đến phần này của « Tin-Lành về sự chối-bỏ », là phần chép về Chúa Jê-sus tạm rút lui và về cơn khủng-hoảng Ngài tranh-dấu với người Pha-ri-si trong xứ Ga-li-lê.

Chính sự-việc này vừa hào-hứng, vừa bi-thảm, và có ý-nghĩa tinh-thần sâu-xa. Bức tranh Hê-rốt tỏ ra nguy-cơ vì chơi-đùa với lương-tâm. Hê-rô-đi-a bày-tỏ khả-năng báo-thù chí-tử. Cả hai đối-chiếu với vẻ cao-quì đạo-đức của

Giăng Báp-tít, và cả hai liên-hệ đến sự-nghiệp Đức Chúa Jê-sus. Phải phân-biệt Hê-rốt An-ti-ba này với Hê-rốt đại-vương và với Hê-rốt Ạc-ríp-ba; tuy-nhiên, cả ba dính-liu vào cùng một việc ô-nhục. Hê-rốt đại-vương tàn-sát các hải-nhi thành Bết-lê-hem, với hy-vọng tiêu-diệt Vua chánh ngôi; Hê-rốt An-ti-ba hạ sát Giăng Báp-tít, người tiền-khu của Vua; Hê-rốt Ạc-ríp-ba giết Gia-cơ và bỏ tù Phi-e-ro, là hai sứ-giả chánh-yếu của Vua.

Người thật xui nên vụ hạ sát này là Hê-rô-đia mà Hê-rốt đã lấy làm vợ, mặc dầu chồng nàng, là em trai của Hê-rốt, còn sống. Giăng Báp-tít có can-đảm của một đấng đại-tiên-tri không sợ quở-trách tội-lỗi ở chốn cao-sang; ông lên án vụ hôn-nhơn tội-lỗi đó, nên bị Hê-rô-đia thù-oán. Nàng thù-ghét ông không những vì ông quở-trách, song còn vì ảnh-hưởng của ông có cơ làm nhụt-hồng dục-vọng đã xui nàng bỏ chồng để chiếm địa-vị hoàng-hậu. Hê-rốt bỏ tù Giăng Báp-tít, nhưng ngần-ngại, không dám giết ông, vừa vì sợ dân chúng, vừa vì chính mình cũng hơi kính-trọng và sợ-hãi ông. Hê-rô-đia toan mưu trả thù tàn-nhẫn. Đang khi Hê-rốt đãi tiệc quần-thần để mừng sanh-nhật mình, thì Sa-lô-mê, con gái của Hê-rô-đia, được đưa vào nhảy múa trơ-trẽn trước mặt vua. Trong lúc khoái-trá vì say rượu, vua thề hứa thưởng cho nàng bất-cứ vật chi nàng nói lên. Do mẹ xui-giục, nàng bèn xin cái đầu Giăng Báp-tít. Vua mắc bẫy, nhưng hẳn là một kẻ hèn-nhát về phần đạo-đức. Hẳn sợ rút lại lời thề khinh-suất, e bị quần-thần chế-giễu. Vậy nên hẳn bóp nghẹt lương-tâm và hạ lệnh tàn-khốc. Hẳn bị quần-thần khinh-dê, bị thế-gian chế-nhạo và lên án. Đây chẳng phải lần cuối-cùng mà điệu nhảy múa trơ-trẽn gây cho một vị vua suy-đồi. Cũng chẳng phải lần cuối-cùng mà một người sợ bị chế-nhạo hơn là sự phạm trọng-tội. Cũng chẳng phải lần cuối-cùng mà tánh tự-cao và mưu-chước của đờn-bà đã gây cho đấng tiên-tri phải chết.

Hê-rô-đia nhìn phần-thưởng đầm-máu với con mắt thèm-thường. Hê-rốt đã làm im tiếng nói của Giăng Báp-tít, nhưng không thề làm im tiếng nói của lương-tâm. Nhiều lần hẳn đau-đớn ê-chề vì sự nhớ trọng-tội đã vùi sâu trong trí-óc. Bây giờ, kinh-khủng hơn nữa, hẳn sanh

ra tin rằng chinh Giăng đã từ phần mộ sống lại để đối mặt với hắn và có lẽ để tiêu-diệt hắn ; ấy vì hắn có nghe các phép lạ của Chúa Jêsus, và lương-tâm tỉnh-thức làm cho hắn thấy khùng-khiếp ; hắn tin rằng ngoài Giăng ra, chẳng ai làm được những công-việc quyền-năng dường ấy. Hắn tưởng Chúa Jêsus và Giăng Báp-tít là một. Nào có lạ gì, lúc đó Chúa Jêsus thấy rõ « các người cai-quản đời này » (I Cô. 2 : 6) dành sẵn điều chi cho Ngài. Vậy nên bây giờ Ngài tìm nơi ẩn-dật, tại đó Ngài có thể dạy-dỗ môn-đệ và chuẩn-bị họ cho cuộc tranh-đấu sau chót của Ngài với những kẻ cầm-quyền và cho ngày giờ Ngài sẽ theo người tiên-khu mà ném-trái sự chết hung-bạo, tàn-nhẫn.

2. Cho năm ngàn người ăn no (14 : 13-21).

¹³ Đức Chúa Jêsus vừa nghe tin ấy, liền bỏ đó xuống thuyền, đi tẻ ra nơi đồng vắng. Khi đoàn dân biết vậy, thì từ các thành đi bộ mà theo Ngài. ¹⁴ Ngài ở thuyền bước lên, thấy đoàn dân đông-đúc, động lòng thương-xót, mà chữa cho kẻ bệnh được lành.

¹⁵ Đến chiều tối, môn-đồ tới gần Ngài mà thưa rằng : Ở đây vắng-vẻ, và trời tối rồi, xin thầy cho dân-chúng về, để họ đi vào các làng. đặng mua đồ-ăn. ¹⁶ Đức Chúa Jêsus phán rằng : Không cần họ phải đi ; chính các ngươi hãy cho họ ăn. ¹⁷ Môn-đồ thưa rằng : Chúng tôi có đây năm cái bánh và hai con cá mà thôi. ¹⁸ Ngài phán rằng : Hãy đem đây cho ta. ¹⁹ Ngài bèn truyền cho chúng ngồi xuống trên cỏ, đoạn, lấy năm cái bánh và hai con cá đó, ngửa mặt lên trời mà tạ ơn ; rồi bẻ bánh ra đưa cho môn-đồ, môn-đồ phát cho dân-chúng. ²⁰ Ai nấy đều ăn no, còn bánh thừa lại thu được đầy mười hai giỏ. ²¹ Số người ăn ước chừng năm ngàn, không kể đàn-bà con-nít.

Khi Chúa Jêsus hay tin Giăng bị giết, và có lẽ cũng được người ta trình cho biết Hê-rốt tin rằng Giăng đã phục-sanh, tưởng Ngài là người hắn hạ-sát là một, thì Chúa chúng ta rút lui khỏi nơi quần-chúng đồng-đảo chứng-kiến chức-vụ của Ngài. Ở nơi vắng-vẻ, Ngài tìm cơ-hội để nghỉ-ngơi với các môn-đệ vừa mới thi-hành

nhệm-vụ trọng-dại trở về, và đề dạy cho họ biết Thần-vị Ngài, công-việc Ngài, cùng sự chết của Ngài sắp xảy đến. Ngài bèn xuống thuyền qua bờ hồ phía bắc, tới một nơi vắng-vẻ, tại đó không ai có thể khuấy-rối Ngài. Tuy-nhiên, khi quần-chúng hay tin Ngài đang ở đâu thì họ từ khắp các thành lân-cận đi theo Ngài. Lòng Ngài cảm thương họ sâu-xa. Ngài chữa lành người bệnh, và làm việc thương được coi là phép lạ diệu-kỳ hơn hết. Với năm cái bánh và hai con cá, Ngài cho năm ngàn người ăn no, không hề dòn-bà và con trẻ. Duy có phép lạ này được ghi-chép trong cả bốn sách Tin-Lành. Đây là lần thứ nhất mà sách Tin-Lành Ma-thi-ơ ăn-hiệp với sách Tin-Lành Giăng. Thực-sự này rất quan-trọng nếu chúng ta nhớ rằng trong sách Tin-Lành Giăng, Chúa giải nghĩa phép lạ ấy trong bài Ngài giảng tiếp theo phép lạ và tự tuyên-bố là « Bánh của sự sống » (Gi. 6 : 48). Bản trần-thuật trong sách Tin-Lành Ma-thi-ơ bày-tỏ thiên-cảm sâu-xa và quyền-năng thiên-thượng của Chúa chúng ta. Nhưng nếu đọc trong ánh-sáng của sách Tin-Lành thứ tư, thì phép lạ trở thành một thí-dụ liên-quan đến Thần-vị và công-việc Ngài. Nó soi-sáng cho lời Ngài phán rằng : « Ta là Bánh của sự sống ; hễ ai đến cùng Ta chẳng hề đói, và ai tin Ta chẳng hề khát » (Gi. 6 : 35). Đoàn dân đông-đảo không hiểu chân-lý diễn-tả như vậy. Chân-lý ấy cũng chẳng được tiết-lộ cho các môn-đệ Ngài lúc đó ; nhưng đối với mỗi người theo Đấng Christ ngày nay, thì truyện-tích này ít nhất cũng truyền cho ta những sứ-diệp vừa quen-thuộc, vừa quan-trọng, sau đây :

(1) Chúng ta phải tìm cách làm nhẹ bớt những nhu-cầu của thân-thể loài người, song còn phải quan-tâm bội phần hơn đến những nhu-cầu thiêng-liêng sâu-xa hơn của họ, mà sự đói-khát của đoàn dân đông-đảo môn-sức kia trọng-trung cho.

(2) Chúng ta phải tin rằng Đức Chúa Jê-sus Christ có thể cung-cấp những nhu-cầu này của linh-hồn, thỏa-mãn cơn đói-khát trong lòng, và làm cho hết mòn-mỏi vì thiếu linh-lương. Chính Đấng Christ thiên-thượng thấy trước rằng Ngài sắp bị chối-bỏ và phải chết ; một mình Đấng Christ bị đóng-đinh vào thập-tự giá và sống lại có thể

cung-cấp nhu-cầu này. Chúa Jêsus thật đã cho đoàn dân đông-đảo ăn no ở bờ biển, song sứ-mạng thật của Ngài chính là phó sự sống để cứu-rỗi loài người.

(3) Đức-tin là điều-kiện để nhận-lãnh sự sống Đấng Christ cung-cấp cho. Nếu muốn tìm thấy sự thỏa-mãn mà Ngài hứa cho, thì người ta phải liên-hiệp với Cứu-Chúa này. Theo như Chúa Jêsus đã tuyên-bố, chúng ta phải «ăn thịt của Con người, cùng... uống huyết Ngài» (Gi. 6 : 53). Phải nhận lấy ân-diễn mà Đấng Christ cung-cấp cho mỗi nhu-cầu. Phải nhờ-cậy Ngài để được thỏa-mãn mọi nhu-cầu thiêng-liêng.

(4) Đấng Christ trông-mong những kẻ theo Ngài sẽ giúp việc Ngài và sẽ rao-truyền chân-lý liên-quan đến Ngài khắp thế-giới, cũng như ngày xưa, Ngài truyền-báo các môn-đệ đem bánh đã bẻ ra đến cho toàn dân đông-đảo. Kết-quả tự-nhiên của đức-tin là mong-muốn chia cho kẻ khác, chứ không phải chỉ giữ mà thôi. Sứ-điệp Tin-Lành là một nhiệm-vụ Chúa giao cho. Sứ-giã của Vua phải hăm-hở làm trọn công-việc Ngài.

(5) Lời chúc phước (1) của Đấng Christ đi trước và dường như đã ban ra phép lạ. Lời chúc phước của Ngài chắc có thể bảo-đảm kết-quả lớn-lao cho những cố-gắng đơn-giản hơn hết trong khi hầu việc Ngài. Khi ta ngần-ngại vì lẽ-vật của mình nhỏ-mọn và sự cố-gắng của mình yếu-ớt, thì phải nhớ năm ổ bánh và hai con cá đã dâng cho Chúa và được Ngài dùng cho đoàn dân đông-đảo ăn no.

(6) Chúng ta phải sẵn-sàng thi-hành các mạng-lệnh Ngài và vâng theo các khuyến-nghị của Ngài. Các môn-đệ buộc phải vâng lời bởi đức-tin, thì mới thật trở nên những phụ-tá trong công-tác ân-diễn trọng-đại đó. Nếu ta trông-mong Chúa ban phước cho sự cố-gắng mình, thì cũng phải vừa tin-cậy, vừa vâng lời.

(7) Chúng ta cũng phải cần-thận về những «bánh thừa», và chớ phí-phạm vật chi Chúa đã cung-cấp cho thân-thể, tâm-trí, hoặc linh-hồn. Ta không nên coi khinh vật chi Ngài ban cho, dầu là nhỏ-mọn chừng nào cũng vậy. «Bánh

(1) Hoạc : ban phước cho. Bản chữ Việt dịch là : tạ ơn (câu 19).

thừa», mà Chúa cần-thận truyền-lệnh «trộm» lại (Gi. 6 : 12) chẳng phải những mảnh vụn người ăn bỏ đi đâu, song là những miếng mà Chúa và các môn-dệ đã bẻ ra. Không những phải giữ lấy phòng khi sẽ cần đến, song các ngày sau đây, nó còn nhắc lại quyền-năng lạ-lùng của Chúa họ. Trong Kinh-Thánh và trong từng-trải hằng ngày của chúng ta, có nhiều điều nhắc chúng ta nhớ ân-diên Chúa; song chẳng có gì quan-trọng hơn Tiệc-Thánh kỷ-niệm mà Ngài đã thiết-lập. Trong Tiệc-Thánh này, khi ta ăn bánh bẻ ra, thì lại nhớ thân-thể Ngài đã vì ta mà bầm-nát, và sự sống Ngài đã phó cho, ngõ hầu ta nhờ tin Ngài mà được sống thật.

3. Chúa Jêsus đi trên mặt nước (14 : 22-36).

²² Ké đó, Ngài liền hối môn-đồ xuống thuyền, qua trước bờ bên kia, trong khi Ngài đang truyền cho dân-chúng tan đi. ²³ Xong rồi, Ngài lên núi để cầu-nguyện riêng; đến chiều tối, Ngài ở đó một mình.

²⁴ Bấy giờ, thuyền đã ra giữa biển rồi, vì gió ngược, nên bị sóng vỗ. ²⁵ Song đến canh tư đêm ấy, Đức Chúa Jêsus đi bộ trên mặt biển mà đến cùng môn-đồ. ²⁶ Khi thấy Ngài đi bộ trên mặt biển, thì môn-đồ bối-rối mà nói rằng : Ấy là một con ma; rồi sợ-hãi mà la lên. ²⁷ Nhưng Đức Chúa Jêsus liền phán rằng : Các ngươi hãy yên lòng; ấy là ta đây, đừng sợ ! ²⁸ Phi-e-rơ bèn thưa rằng : Lạy Chúa, nếu phải Chúa, xin khiến tôi đi trên mặt nước mà đến cùng Chúa, ²⁹ Ngài phán rằng : Hãy lại đây ! Phi-e-rơ ở trên thuyền bước xuống, đi bộ trên mặt nước mà đến cùng Đức Chúa Jêsus. ³⁰ Song khi thấy gió thổi, thì Phi-e-rơ sợ-hãi, hồng sụp xuống nước, bèn la lên rằng : Chúa ơi, xin cứu lấy tôi ! ³¹ Tức thì Đức Chúa Jêsus gơ tay ra nắm lấy người, mà nói rằng : Hỡi người ít đức-tin, sao ngươi hồ-nghi làm vậy ? ³² Ngài cùng Phi-e-rơ lên thuyền rồi, thì gió yên-lặng. ³³ Các người trong thuyền bèn đến quì-lạy Ngài mà nói rằng : Thầy thật là Con Đức Chúa Trời ! ³⁴ Khi qua biển rồi, Ngài và môn-đồ đến xứ Ghê-nê-xarét. ³⁵ Người xứ đó nhận biết Ngài, thì sai người báo tin cho khắp các miền xung-quanh, và họ đem các kẻ bệnh đến cùng Ngài, ³⁶ xin chỉ cho rờ đến viền áo mà thôi; vậy, ai rờ đến cũng đều được lành bệnh cả.

Khó tưởng-tượng một làn nước đẹp-đẽ hơn làn nước gọi là biển Ga-li-lê. Lẽ tự-nhiên, không phải là biển, nhưng là một cái hồ đẹp-đẽ, chỉ dài chừng mười ba dặm và rộng chừng bảy dặm. Nước trong-trẻo do sông Giô-danh đồng-thời cung-cấp và rút đi. Hồ thấp hơn mặt biển sáu trăm năm chục bộ, và ở phía bắc có ngọn núi Hết-môn luôn luôn phủ tuyết. Vì cơ vị-trí như vậy, nên luồng gió mạnh thường từ các ngọn đồi chung-quanh đổ xuống, gây nên bão-tố hung-hăng thỉnh-linh đập-dội mặt hồ. Đêm đó, các môn-đệ bị cơn bão-tố như vậy, và họ thấy Chúa Jê-sus đi trên mặt nước về phía mình. Đây là một phép lạ kỳ-diệu, hiển-nhiên. Nhiều người chối rằng không có phép lạ này. Tuy-nhiên, không có lý gì mà hồ-nghi. Mác và Giăng làm chứng cho. Tuy-nhiên, trong hai bản trần-thuật này, hình-ảnh Chúa Jê-sus không hiện lên, vừa oai-nghiêm, vừa đế-vương như trong bản trần-thuật của Ma-thi-ơ. Ngài đã truyền lệnh cho các môn-đệ đi qua hồ trước Ngài, đang khi Ngài ở lại để tống-tiến đoàn dân đông-đảo mà Ngài mời cho ăn no với năm cái bánh và hai con cá. Lúc trời tối, Ngài đi lên đồi cầu-nguyện. Trong bóng tối càng lâu càng dày-dặc, các môn-đệ gặp phải trận gió hung-hăng. Suốt mấy giờ, họ đã chèo-chống khó-nhọc để vật-lộn với gió, nhưng không tấn-tới bao nhiêu. Thỉnh-linh họ thấy Chúa Jê-sus « đi bộ trên mặt biển mà đến gần » (câu 25). Sự xuất-hiện của Ngài làm cho họ khủng-khiếp hơn cả cơn bão-tố, nên họ « sợ-hãi mà la lên » (câu 26). Nhưng lời Ngài khuyến-khích đã làm cho họ nguôi-dịu và tin-cậy tới mức Phi-e-rô xin phép đi trên mặt nước mà đến cùng Ngài. Một mình Ma-thi-ơ ghi-chép sự-việc này, tỏ ra Phi-e-rô vừa có đức-tin, vừa thất-bại. Ma-thi-ơ nói cho chúng ta biết Phi-e-rô mạnh-bạo thử xem, bất sợ, gặp hiểm-nghèo, được cứu-thoát, rồi cùng Chúa trở về thuyền; đoạn, ông mô-tả cơn bão-tố bị dẹp yên, các môn-đệ thờ-lạy Chúa Jê-sus và nhìn-nhận Ngài là Con Đức Chúa Trời. Tất cả bức tranh này trình-bày Đấng mà Ma-thi-ơ luôn luôn mô-tả là Vua của cả thế-giới, là Đấng tề-trị cả cõi thiên-nhiên.

Nào có lạ gì, tin-đồ Đấng Christ giải-thích rằng truyện-tích lạ-lùng này tượng-trưng cho từng-trải thiêng-liêng của họ. Chắc thật rằng sự vàng-phục Đấng Christ chẳng cho

ta thoát khỏi những bão-bùng, giông-tổ và thử-thách ở đời. Chúa đã truyền-bảo các môn-đệ vượt qua biển vì Ngài biết rằng đối với họ, làm như vậy còn tốt hơn là ở lại giữa đoàn dân đông-đảo đã có quan-niệm sai-lạc về Thân-vị và công-việc Ngài, theo như Giăng tuyên-bố. Nơi có bão-tổ, thử-thách có khi thường là nơi được an-ninh tuyệt-đối về phần đạo-đức.

Cũng quả thật rằng các môn-đệ Đấng Christ có thể luôn luôn tin Ngài hiện-diện giữa nơi tối-tăm và bão hung-hăng. Đó có lẽ là bài học cao-cả trong truyện-tích này. Thoạt-tiên, có lẽ ta chẳng những nhận biết Ngài; thậm-chí hình-ảnh Ngài hiện đến có lẽ làm cho ta sợ-hãi thêm; tuy-nhiên, lời Ngài phán ra bất-cứ cách nào cũng đem lại hy-vọng; ngay trong đêm tối, giữa cơn bão-tổ; ai nấy cũng sanh lòng tin-cậy và được bình-an vì biết chắc Ngài hiện-diện.

Từng-trải của Phi-e-rơ có thể chứng-minh rằng đứơc-tin thắng được mọi trở-lực, sự nghi-ngờ đem tai-họa, và Đấng Christ luôn luôn sẵn-sàng cứu-vớt thề nào. Không phải chỉ là kiêu-ngạo và tự-thị đã thúc-đầy Phi-e-rơ thử đi trên mặt biển; nhưng là đứơc-tin ông hưởng-ứng lời phán và tấm gương của Chúa mình. Đấng Christ quở-trách ông, không vì đã xin như vậy, song vì không tin. Ngày nay Chúa chúng ta không sửa-dạy môn-đệ vì thử bắt-chước sự thánh-khiết, đạo-đức của Ngài, hoặc vì cố-gắng bước đi như Ngài đã bước đi, nhưng Ngài thật buồn lòng vì đứơc-tin bất-toàn của ta. Khi nào ta không chăm-chú nhìn vào Ngài, nhưng lại nghĩ đến sự yếu-đuối của mình và lo-lắng đến cơn cám-đổ mình gặp phải, thì ta mới mắc hiềm-họa. Ngài phải than-tiếc vì ta nghi-ngờ, sợ-sệt; nhưng khi ta để lòng tin-cậy nơi Ngài, thì Ngài giơ tay ra đưng đến ta, và liền ban cho ta sức mạnh để bước đi bình-an vô-sự bên cạnh Ngài. Đời sống tin-đồ Đấng Christ là một cuộc liên-tục đắc-thắng những khuynh-hướng thiên-nhiên vẫn toan kéo ta xuống thấp. Thật đồng đi với Đấng Christ trong sự thánh-khiết, thanh-sạch và yêu-thương, thì là một phép lạ liên-tục. Đấng Christ không quở-trách chúng ta vì thử làm nhiều quá, nhưng vì tin-cậy Ngài ít quá. Ngay khi đứơc-tin thấp-kém của ta đã đưa mình qua

một địa-vị nguy-hiêm hoặc hồ-thẹn, Ngài cũng sẵn-sàng cứu-vớt và giúp-đỡ ta.

Ôn lại phép lạ kỳ-diệu do Ma-thi-ơ chép lại đầy-đủ đó, ta tự-nhiên tìm thấy một biểu-tượng cho chân-lý liên-quan đến Vua bị chối-bỏ và sắp tái-làm mà tác-giả luôn luôn làm nổi bật hẳn lên. Chúa Jê-sus đã cho năm ngàn người ăn no, rồi lên núi cầu thay cho các môn-đệ, rồi đi trên lượn sóng mà đến cứu họ và đem bình-an cho họ thê nào, thì cũng một thê ấy, sau khi hiến mình làm « Bánh của sự sống » cho thế-gian, Đấng Christ đã ngự lên trời để cầu thay cho chúng ta, rồi một ngày kia Ngài sẽ tái-làm. Ngay bây giờ, có lẽ Ngài gần trở lại. Bên trên tất cả não-động và sâu-khổ của các nước, có lẽ Ngài đang oai-nghiêm ngự đến gần; khi Ngài hiện ra thì đêm tối sẽ chấm-dứt, và tất-cả bão-tố im-lặng.

Mục-dịch rõ-ràng của phép lạ này cứu các môn-đệ khỏi sợ-hãi, nguy-hiêm, và ban cho họ chứng-cớ để tin-cậy Chúa nhiều hơn. Tuy-nhiên, nếu ta tìm-kiếm biểu-tượng, thì chắc rằng đoạn cuối truyện-tích này là bức tranh mô-tả chức-vụ hiện-tại của Đấng Christ. Ngày nay, Ngài đang đứng giữa muôn-trùng người đau-đớn, và là một Hiện-diện mắt không thấy được song thật có, đầy-dẫy lòng thương-xót và sẵn-sàng cứu-chữa những tật-bệnh thiêng-liêng, đạo-đức của những ai giờ tay đức-tin ra. Mặc dầu lòng tin-cậy của họ yếu-ớt và chỉ « rờ đến viền áo » Ngài, nhưng « ai rờ đến cũng đều được lành bệnh cả » (câu 36).

4. Nghi-lễ và sự ô-uế thật (15: 1-20).

¹ Bây giờ, có mấy người Pha-ri-si và mấy thầy thông-giáo từ thành Giê-ru-sa-lem đến gần Đức Chúa Jê-sus, mà thưa rằng: ² Sao môn-đồ thầy phạm lời truyền-khẩu của người xưa? Vì họ không rửa tay trước khi ăn. ³ Ngài đáp rằng: Còn các ngươi sao cũng vì có lời truyền-khẩu mình mà phạm điều-răn của Đức Chúa Trời? ⁴ Vì Đức Chúa Trời đã truyền điều-răn này: Phải hiếu-kính cha mẹ người; lại, điều này: Ai mắng-nhiếc cha mẹ thì phải chết. ⁵ Nhưng các ngươi lại nói rằng: Ai nói cùng cha mẹ rằng: Những điều mà tôi có thể giúp cha mẹ, đã

dâng cho Đức Chúa Trời rồi, thì người ấy không cần phải hiếu-kính cha mẹ. ⁶ Như vậy, các người đã vì lời truyền-khẩu mình mà bỏ lời Đức Chúa Trời. ⁷ Hỡi kẻ giả-hình! Ê-sai đã nói tiên-tri về các người phải lắm, mà rằng:

⁸ Dân này lấy môi-miệng thờ-kính ta;

Nhưng lòng chúng nó xa ta lắm.

⁹ Sự chúng nó thờ-lạy ta là vô-ích,

Vì chúng nó dạy theo những điều-răn mà chỉ bởi người ta đặt ra.

¹⁰ Đoàn, Ngài gọi đoàn dân đến, mà phán rằng: Hãy nghe, và hiểu. ¹¹ Chẳng phải điều chi vào miệng làm dơ-dáy người; nhưng điều chi ở miệng ra, ấy mới là điều làm dơ-dáy người vậy! ¹² Môn-đồ bèn lại gần, mà thưa rằng: Thầy có hay rằng người Pha-ri-si nghe lời thầy nói mà phiền giận chăng? ¹³ Ngài đáp rằng: Cây nào mà Cha ta trên trời không trồng, thì phải nhỏ đi. ¹⁴ Hãy đề vậy: đó là những kẻ mù làm người dẫn-đưa; nếu kẻ mù dẫn-đưa kẻ mù, thì cả hai sẽ cùng té xuống hố. ¹⁵ Phi-e-rơ bèn cất tiếng thưa rằng: Xin thầy cắt nghĩa lời ví-dụ ấy cho chúng tôi. ¹⁶ Đức Chúa Jê-sus hỏi rằng: Các người cũng còn chưa hiểu-biết sao? ¹⁷ Các người chưa hiểu vật gì vào miệng thì đi thẳng xuống bụng, rồi phải bỏ ra nơi kín sao? ¹⁸ Song những điều bởi miệng mà ra là từ trong lòng, thì những điều đó làm dơ-dáy người. ¹⁹ Vì từ nơi lòng mà ra những ác-tưởng, những tội giết người, tà-dâm, dâm-dục, trộm-cướp, làm chứng dối, và lộng-ngôn. ²⁰ Ấy đó là những điều làm dơ-dáy người; song sự ăn mà không rửa tay chẳng làm dơ-dáy người đâu.

Chúa Jê-sus vừa đi tới sân-khẩu công-tác đầu-tiên của Ngài ở bờ hồ phía tây, thì người Pha-ri-si và các thủ-lãnh tôn-giáo khác từ Giê-ru-sa-lem đến công-kích Ngài kịch-liệt. Họ tuyên-bố rằng các môn-đồ Ngài không rửa tay khi ăn bánh. Chúng không có ý nói rằng tay họ thật ô-uế, song có ý nói rằng các bạn-hữu của Chúa Jê-sus đã xao-lãng nghĩ-lẽ rửa tay mà truyền-thuyết Do-thái đời-hỏi. Lời tố-cáo có vẻ không quan-trọng. Quả-thật, có một nét để tức cười trong bức tranh vẽ các thủ-lãnh danh-tiếng đi đường dài từ Giê-ru-sa-lem xuống đê long-trọng tố-cáo

một Đại Tiên-tri mà lời nói và việc làm đã gây cho toàn xứ kinh-ngạc khôn-xiết. Tuy-nhiên đối với tri-óc người Pha-ri-si, «lời truyền-khâu của người xưa» (câu 2) là vấn-đề rất quan-trọng. Truyền-thuyết này gồm những đạo-sư Do-thái giải-thích luật-pháp Cựu-Uớc; những lời này đã thâu-hợp lại, và rút cuộc, được coi là quan-trọng và có tầm-quyền hơn chính luật-pháp. Đối với những ông già chú-trọng hình-thức này, xao-lãng các truyền-thuyết ấy là tội nặng nhứt. Luật-lệ đặc-biệt phải rửa tay trước khi ăn này được coi là rất thánh vì một lý-do nào đó. Có truyện một đạo-sư Do-thái bị cầm tù, mỗi ngày chỉ được cấp một chút bánh ăn và nước uống; nhưng ông dùng nước rửa tay chớ không uống, và nói rằng thà chết chớ không vi-phạm cô-lệ của tô-tiên.

Lời tố-cáo này hiển cho Chúa Jêsus một cơ-hội để quở-trách người Pha-ri-si, và cũng để bày-tỏ sự khác-biệt giữa nghi-lễ và sự ô-uế thật; giữa cái thuộc về thiêng-liêng và cái thuộc về vật-chất, giữa sự thánh-khiết trong linh-hồn và sự vâng-giữ một hình-thức; giữa đạo thật và đạo giả.

Người Pha-ri-si đã tố-cáo các môn-đệ hành-động trái với truyền-thuyết loài người. Chúa Jêsus tỏ ra rằng có cơ vi-phạm luật-pháp Đức Chúa Trời đang khi vâng theo truyền-thuyết loài người. Ngài kể một trường-hợp dường như là hành-động thông-thường giữa vòng người Pha-ri-si. Theo một truyền-thuyết mà mọi người thừa-nhận, nếu ai thốt tiếng «Co-ban», nghĩa là «dâng», cho một vật nào, thì vật đó được coi là dâng lên Đức Chúa Trời rồi. Bất-cứ người ta thốt tiếng ấy một cách thiếu suy-nghĩ hoặc giả-dối chừng nào, cũng vẫn phải giữ lời hứa-nguyện. Dầu cha hoặc mẹ cần đồ ăn, nhưng không thể phạm lời hứa-nguyện, cứ để mặc cha mẹ chết đói. Thậm-chi còn gợi ý rằng con trai có phép dùng những sản-vật dâng lên Đức Chúa Trời như vậy cho chính mình được tiện-nghỉ và khoái-lạc; nhưng luật-pháp Đức Chúa Trời đòi người ta phải hiếu-kính cha mẹ, thì họ có thể tự-do loại bỏ đề truyền-thuyết loài người được vâng-giữ một cách thiêng-liêng. Chúa Jêsus tuyên-bố đó chính là giả-hình tinh-túy. Ngài nhắc người Pha-ri-si nhớ rằng

sự hoàn-toàn coi thường luật-pháp đạo-đức có thể kèm theo sự cần-thận và vàng-giữ hình-thức tôn-giáo. Đó là hiềm-họa của bọn người chú-trọng hình-thức, nghĩ-lẽ và bọn giả-hình thuộc mọi thời-đại. Khi lên án người Pha-ri-si, Chúa Jê-sus trung-dẫn một câu thích-ứng của tiên-tri Ê-sai: « Dân này lấy môi-miệng thờ-kính Ta, nhưng lòng chúng nó xa Ta lắm. Sự chúng nó thờ-lạy Ta là vô-ích, vì chúng nó dạy theo những điều-răn mà chỉ bởi người đặt ra » (câu 8, 9).

Đang khi Chúa Jê-sus tranh-luận với người Pha-ri-si, thì một đoàn dân tụ-hợp. Ngài bèn xây qua phía họ mà phán những lời đầy ý-nghĩa, liên-quan đến cả nguyên-tắc đem ra tranh-luận đó: « Chẳng phải điều chi vào miệng làm đơ-dáy người; nhưng điều chi ở miệng ra, ấy mới là điều làm đơ-dáy người vậy!» (câu 11). Người Pha-ri-si tin rằng bàn tay không sạch theo nghĩ-lẽ đụng đến đồ ăn, thì làm cho nó ô-uế, và tới phiên đồ ăn này làm cho chính người ăn ô-uế. Chúa Jê-sus gợi ý rằng vấn-đề nghiêm-trọng chẳng phải là sự ô-uế theo nghĩ-lẽ đó, nhưng là sự ô-uế phát-sanh từ ý-tưởng gian-ác và tấm lòng không thanh-khiết.

Ta dễ hiểu tại sao người Pha-ri-si lấy sự dạy-dỗ đó làm bất-bình. Sự dạy-dỗ đó dường như mâu-thuẫn với những huấn-giới của Môi-se liên-quan đến món ăn sạch và món ăn chẳng sạch; do đó, cũng mâu-thuẫn với mọi lời giải-thích kỹ-lưỡng mà truyền-thuyết Do-thái bắt phải nhìn-nhận. Môn-đệ trình với Chúa rằng người Pha-ri-si tức-giận, nhưng Ngài lập-tức trả lời rằng họ chẳng cần quan-tâm. Rõ-ràng lắm, những kẻ mắc tội giả-hình dường ấy chẳng phải là cây do Đức Chúa Trời trồng, và chắc sẽ bị nhổ bật lên. Bọn giáo-sư và người khoe-khoang đó giống như kẻ mù toan dẫn-dắt kẻ mù; chúng và bọn người theo chúng chắc-chắn sẽ đi đến chỗ đau-đớn.

Phi-e-ro xây lại xin Chúa giải-thích đầy-đủ hơn lời Ngài mới tuyên-bố. Thoạt-tiên Chúa quở-trách ông vì thiếu hiểu-biết, nhưng rồi Ngài giải-thích rất rõ rằng sự ô-uế thật chẳng phải một vấn-đề của thân-thể, mà là của thần-linh, hoặc chỉ là của thân-thể theo mạng-lệnh của thần-

linh. Sự ô-ước thật duy-nhất là của linh-hồn. « Những điều bởi miệng mà ra là từ trong lòng, thì những điều đó làm do-dây người » (câu 18). Người ta không phải bị ô-ước vì ăn những cái gì do-dây theo nghi-lễ, song chỉ vì nghĩ và làm những cái gì do-dây về phần đạo-đức. Đối với người thời nay, sự dạy-dỗ như vậy có vẻ đơn-sơ quá. Tuy-nhiên, cần phải nhấn mạnh vào đó ; cũng cần phải nhấn mạnh nữa vào thực-tại của tôn-giáo, vào sự phân biệt giữa cái gì là hình-thức và cái gì là thiết-yếu, giữa cái bên ngoài và cái cần-dùng cho sự sống. Đối với người Pha-ri-si, sự dạy-dỗ này có tánh-chất cách-mạng. Nó phơi trần lánh giã-hình của họ, bất-chấp những lời tự nhận kiêu-căng của họ, cũng đánh bại mọi cố-gắng của họ để làm cho Chúa Jê-sus mất danh-dự, và đem cuộc xung-đột giữa Ngài và bọn cầm-quyền lên tới cực-độ. Nào có lạ gì, Ngài tưởng cần phải lui khỏi xứ Ga-li-lê mà vào lãnh-thổ dân ngoại, gần thành Ty-ơ và Si-đôn.

5. Đức-tin chịu thử-thách và đắc-thắng (15 : 21-28).

21 Đức Chúa Jê-sus đi từ đó, vào bờ-cõi thành Ty-ơ và thành Si-đôn. 22 Xảy có một người đồn-bà xứ Ca-na-an, từ xứ ấy đến, mà kêu lên rằng : Lạy Chúa, là con cháu vua Đa-vít, xin thương-xót tôi cùng ! Con gái tôi mắc quỷ ám, khổn-cực lắm. 23 Nhưng Ngài chẳng đáp một lời. Môn-đồ bèn đến gần, cố nài-xin rằng : Xin Thầy truyền cho đồn-bà ấy về, vì người kêu-van ở đằng sau chúng ta. 24 Ngài đáp rằng : Ta chịu sai đến đây, chỉ vì các con chiến lạc-mất của nhà Y-sơ-ra-ên đó thôi. 25 Song người đồn-bà lại gần, lạy Ngài mà thưa rằng : Lạy Chúa, xin Chúa giúp tôi cùng ! 26 Ngài đáp rằng : Không nên lạy bánh của con-cái mà quàng cho chó con ăn. 27 Người đồn-bà lại thưa rằng : Lạy Chúa, thật như vậy, song mấy con chó con ăn những miếng bánh vụn trên bàn chủ nó rớt xuống. 28 Ngài bèn phán rằng : Hỡi đồn-bà kia, người có đức-tin lớn ; việc phải xảy ra theo ý người muốn ! Cũng một giờ đó, con gái người liền được lành.

Suốt thời-gian thi-hành chức-vụ trên mặt đất, chỉ có một lần Chúa Jê-sus đi xa quê-hương. Trong những ngày xuất-ngoại đó, Ngài mong tránh cả sự chống-đối của kẻ thù-

ngịch lẫn sự khuấy-rộn của đoàn dân đông-dão để được yên-tĩnh, nghỉ-ngơi và dạy môn-đệ các chân-lý trọng-đại mà họ phải truyền-giảng sau khi Ngài bị chối-bỏ và bị giết. Và, lúc này Ngài thấy rõ rằng đã gần tới ngày Ngài bị cảnh-huống đó. Họ rút lui qua địa-giới xứ Ga-li-lê mà «vào bờ-cối thành Ty-rô và thành Si-đôn» (câu 21). Tại-đây, Ngài gặp một người đôn-bà có lòng tin-cậy lạ-lùng nơi Ngài đến nỗi Chúa ban lời khen-ngợi vô-song: «Hỡi đôn-bà kia, người có đức-tin lớn» (câu 28). Chúa Jê-sus ít khi phán cách đó, nên ta đáng phải tự hỏi đức-tin của người đôn-bà này có yếu-tố nào được Ngài kể là lạ-lùng như vậy? Lẽ tự-nhiên, ta có thể nhận thấy bà là người Ca-nan, nghĩa là một người mà ngày nay ta gán cho danh hiệu «ngoại đạo». Có lẽ bà biết đạo Do-thái chút ít. Bà đã được trưởng-dưỡng giữa vòng người dân ngoại, và chưa hề thấy Chúa chúng ta làm một phép lạ nào; nhưng bà thưa với Ngài như là với Đấng Mê-si chân-chánh, và cầu-xin Ngài chữa lành con gái mình đang «mắc quỷ ám, khốn-cực lắm» (câu 22). Thật là lạ-lùng vì một người ngoại-quốc không hề quen-biết Chúa lại nài một điều khó-khẩn như vậy. Tuy-nhiên, đó chẳng phải trường-hợp làm cho đức-tin bà nổi bật lên. Mức lớn-lao của đức-tin bà là tại khi bị thử-nghiệm, thì nó đã chịu nổi, và khi chịu thử-thách nó đã toàn-thắng.

Trước hết, nó bị thử-nghiệm vì Chúa Jê-sus làm thinh. «Ngài chẳng đáp một lời» (câu 23). Thật là kỳ-lạ. Bà đã nghe nói về thiện-cảm của Chúa Jê-sus, về Ngài sẵn lòng cứu-giúp và chữa lành cho người ta; bà đến cùng Ngài với tấm lòng tan-vỡ; bà kêu-cầu cho con gái mình đang «mắc quỷ ám, khốn-cực lắm». Nhưng Chúa Jê-sus chẳng đáp lời nài-xin của bà chi hết. Ấy cũng như sự thử-nghiệm xảy đến cho môn-đệ Đấng Christ ngày nay: Lòng họ kêu-la khẩn-thiết, nhưng Chúa dường như không đáp lại, không hưởng-ứng chi hết. Họ bị cảm-đổ nghi-ngờ sự linh-nghiệm của cầu-nguyện hoặc lòng yêu-thương của Chúa.

Tuy-nhiên, sự yên-lặng của Chúa Jê-sus không dẹp được tiếng kêu-la của người đôn-bà thành-khẩn này. Bà bền-đỗ theo Chúa Jê-sus đến nỗi các môn-đệ bị thúc-giục bởi lòng vị-kỷ mong-muốn thoát khỏi khuấy-rối, bèn xin Chúa ban

cho ơn bà khản-nài và đuổi bà về. Bấy giờ Chúa Jêsus tuyên-bổ một luật-lệ của chức-vụ Ngài trên mặt đất, dường như ngăn-cản không cho Ngài ban ơn bà kia cầu-xin: «Ta chịu sai đến đây, chỉ về các con chiên lạc-mất của nhà Y-sơ-ra-ên đó thôi» (câu 24). Trong mấy năm dành cho công-việc, Chúa Jêsus lấy làm khòn-ngoaan và cần-thiết mà chỉ cố-gắng hoạt-động ở một khu-vực thâu-hẹp và giữa những người đã chuẩn-bị cho sứ-mạng của Ngài. Vậy, sự làm phép lạ cứu-giúp người xứ khác không được trong mục-tiêu trực-tiếp của Ngài. Ngày nay, người ta dùng những lời xác-định đời trị-vi của luật-pháp như vậy để làm ngã lòng kẻ có đức-tin nơi Đấng Christ, như là kẻ tin-cậy Ngài sẵn lòng và có quyền-năng đáp lời cầu-nguyện. Người đôn-bà không làm bộ giải-thích nổi khó-khăn liên-hệ. Bà xây qua Chúa Jêsus với lòng nhiệt-thành không giảm, sắp mình trước mặt Ngài mà kêu lên: «Lạy Chúa, xin Chúa giúp tôi cùng!» (câu 25). Trong giờ hết sức túng-ngặt, những người bối-rối vì các vấn-đề triết-học bèn quay về với Đấng Christ như vậy, bằng lời cầu-nguyện đơn-sơ và tin-cậy.

Tuy-nhiên, Chúa Jêsus đáp lại bằng một lời dường như tàn-nhẫn hơn hết mà Ngài từng thốt ra. Nhưng chẳng phải Ngài thật ác-dầu. Lòng yêu-thương, chân-thực của Ngài chắc được biểu-lộ bằng giọng nói: «Không nên lấy bánh của con-cái mà quăng cho chó con ăn» (câu 26). Đó có lẽ là câu tàn-nhẫn đáp lại người mẹ đang đau-khổ, nhưng bà thấy giọng chàm-biếm từ-ái trong đó và cũng thấy có thể là lời hứa cứu-giúp bà. Chúa dường như phán rằng dân Ngài đã chối-bỏ Ngài và coi người dân ngoại như chó; rằng chức-vụ của Ngài cốt để ban ơn cho họ, chứ không phải cho người dân ngoại. Tuy-nhiên, Ngài dùng chữ «chó con» là vật thuộc về gia-đình trong các nước Đông-phương. Người đôn-bà nắm lấy ý-kiến đó. Nếu ta nói rằng bà «dùng lời Chúa mà gài bẫy Chúa» thì không đúng hẳn; thật ra Ngài chỉ con đường mà tri-khòn lanh-lẹ và đức-tin nhiệt-thành của bà lập-tức đi theo: «Lạy Chúa, thật như vậy, song mấy con chó con ăn những miếng bánh vụn trên bàn chủ nó rớt xuống» (câu 27). Bà nhìn-nhận mình là người dân ngoại và không

có quyền đòi Đấng Christ cứu-giúp, nhưng bà tin rằng Chúa ban ơn bà cầu-xin thì chẳng trái với luật-lệ của chức-vụ Ngài trên mặt đất. Bà gợi ý rằng ngay cả người dân ngoại cũng có phép nhận một cái gì từ ân-diên tràn-trề của Ngài. Quả thật, bà lấy địa-vị thấp-hèn của mình làm nền-tảng cho lời khấn-nguyện.

Những người theo Đấng Christ ngày nay thường bị cảm-dở thôi cầu-nguyện vì cảm thấy mình chẳng ra chi. Tuy-nhiên, đức-tin chân-thực niu chặt lấy Đấng Christ; nó không đặt sự tin-cậy vào chính bản-ngã; nó lấy sự chẳng ra chi của mình làm cơ-đề xin ban ân-diên. Nó không bao giờ bị thất-vọng. Vậy nên Chúa Jê-sus xây qua người đờn-bà này, phán lời khen ngợi và từ-ái vô-song: «Hỡi đờn-bà kia, người có đức-tin lớn; việc phải xảy ra theo ý người muốn» (câu 28). Đức-tin của bà đã thắng mọi thử-nghiệm. «Cũng một giờ đó, con gái người liền được lành» (câu 28b). Tuy-nhiên, tại sao Chúa Jê-sus thử-nghiệm đức-tin bà như vậy? Không phải để tìm ra phẩm-chất của nó đâu. Ngài biết phẩm-chất ấy từ trước, nhưng Ngài muốn nó phát-triển, và muốn các môn-đệ cùng đoàn dân đông-đảo hiểu-biết các điều-kiện làm cho lời cầu-xin của bà được nhậm. Nếu đức-tin của tin-đồ ngày nay bị thử-nghiệm, ấy không phải để Chúa biết khi-chất của nó, nhưng để mối tương-quan của họ với Ngài được giải-thích rõ-ràng hơn, để cho chính đức-tin được phát-triển, cho nhiều người khác được dạy-dỗ như các môn-đệ, và nhiều người khác nữa, giống như đoàn dân đông-đảo, được thấy Đấng Christ sẵn lòng đáp lại và ban thưởng những ai đặt lòng tin-cậy nơi Ngài.

6. Các phép lạ ở xứ Đê-ca-bô-lơ (15 : 29-39).

²⁹ Đức Chúa Jê-sus từ đó đi đến gần biển Ga-li-lê; rồi lên trên núi mà ngồi. ³⁰ Bảy giờ có đoàn dân rất đông đến gần Ngài, đem theo những kẻ què, đui, câm, tàn-tật và nhiều kẻ đau khác, để dưới chơn Đức Chúa Jê-sus, thì Ngài chữa cho họ được lành. ³¹ Vậy, chúng thấy kẻ câm được nói, kẻ tàn-tật được khỏi, kẻ què được đi, kẻ đui được sáng, thì lấy làm lạ lắm, đều ngợi-khen Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên.

32 Khi đó, Đức Chúa Jêsus gọi môn-đồ đến mà phán rằng : Ta thương-xót đoàn dân này ; vì đã ba ngày ở cùng ta, bây giờ không có chi ăn hết. Ta không muốn để họ nhịn đói mà về, e phải mệt lủi dọc đường chừng. 33 Môn-đồ thưa rằng : Ở nơi đồng vắng này, ta há dễ kiếm đâu đủ bánh, để cho dân đông dường ấy ăn no-nê sao ? 34 Ngài phán hỏi môn-đồ rằng : Các ngươi có mấy cái bánh ? Môn-đồ thưa rằng : Có bảy cái bánh, cùng vài con cá. 35 Ngài bèn biểu dân-chúng ngồi xuống đất. 36 Đoạn, Ngài lấy bảy cái bánh và cá ; tạ ơn rồi, bẻ bánh ra đưa cho môn-đồ, môn-đồ phân-phát cho dân-chúng. 37 Ai nấy ăn no cả, còn bánh thừa lượm được bảy giỏ đầy. 38 Số người ăn là bốn ngàn, không kể đờn-bà con-trẻ. 39 Bấy giờ Ngài cho đoàn dân về, rồi xuống thuyền mà qua bờ-cối xứ Ma-ga-đan.

Ngay trong miền Ty-rơ và Si-đôn, ở ngoài biên-giới quê-hương Ngài, Chúa Jêsus cũng không thể tránh khỏi các đoàn dân đông-đảo. Tại đó, một người đờn-bà có lòng tin đã xin Ngài làm phép lạ chữa lành cho con gái mình ; phép lạ lẫy-lừng đã hấp-dẫn những đoàn dân đông-đảo, nên bây giờ Ngài và các môn-đệ phải đi xa hơn về phía đông và phía nam. Ngài đi tới bờ xa hơn của biển Ga-li-lê. Nhưng tại đây, chẳng bao lâu Ngài cũng bị « đoàn dân rất đông » vây lấy, « đem theo những kẻ què, dui, câm, tàn-tật và nhiều kẻ đau khác » (câu 30). Ngài chẳng đến đây vì mục-dịch làm phép lạ, nhưng để tìm một chỗ nghỉ-ngơi và một cơ-hội để dạy-dỗ các môn-đệ ; nhưng lòng thương-xót của Ngài chưa hề suy-giảm. Ngài chữa lành cho họ đến nỗi quần-chúng « thấy kẻ câm được nói, kẻ tàn-tật được khỏi, kẻ què được đi, kẻ dui được sáng, thì lấy làm lạ lắm » (câu 31). Đây là một miền mà phần đông dân-cư là dân người ngoại. Đây là hậu-quả thích-ứng của phép lạ Ngài đã làm mấy ngày trước tại Ty-rơ và Si-đôn, theo lời người đờn-bà Ca-na-an khẩn-cầu. Đây là tiêu-biểu cho việc lớn-lao hơn mà Vua chính-ngôi sẽ làm giữa muôn dân. Thật là đầy ý-nghĩa, khi Ngài chữa lành kẻ bệnh, thì ai nấy « ngợi-khen Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên » (câu 31).

Thực-sự này về chức-vụ giữa vòng dân ngoại là đặc-điểm nổi bật lên của phép lạ lớn-lao mà bây giờ Ngài thực-hiện. Khi nhìn thấy đoàn dân đông-đảo đói và kiệt sức, Ngài cung-cấp thực-phẩm cho họ bằng cách làm phép lạ bẻ cái bánh và ít con cá nhỏ hóa ra nhiều cho họ ăn no. Có người tưởng-tượng rằng đây chỉ là thuật lại lần nữa việc cho năm ngàn người ăn no. Quả thật có nhiều đặc-điểm giống nhau. Trong cả hai trường-hợp, Chúa Jê-sus bày-tỏ lòng thương-xót kiên-nhẫn. Ngài tìm nơi nghỉ-ngơi với các môn-đệ, song khi đoàn dân đông-đảo tụ-hội chung-quanh thì Ngài hy-sinh kế-hoạch và nhàn-nhã; Ngài lại bắt đầu dạy-đỗ và săn-sóc thân-thể cũng như linh-hồn những người xúm-xít chung-quanh Ngài. Chúng ta cũng phải ghi-nhận lòng không tin của các môn-đệ. Khi Chúa Jê-sus nêu lên sự thiếu thực-phẩm, thì dường như họ quên hết phép lạ trước. Một vài nhà giải nghĩa Kinh-Thánh nhấn mạnh rằng lòng nghi-ngờ dường ấy không thể nào tin là có được; rằng ít nhất là phần này của truyện chắc đã do tác-giả mượn ở bản trần-thuật trước. Mặc dầu thấy các phép lạ do ân-điền tái-diễn, một số người trong chúng ta vẫn quá cảm thấy trong lòng mình có sự không tin tương-tự, cho nên ta không ngạc-nhiên lâu trước lòng mù-tối của các môn-đệ.

Trong cả hai phép lạ này, chúng ta nhận thấy Chúa cung-cấp dư-dật cho đoàn dân đông-đảo đang đói, và ta nhớ rằng Chúa Jê-sus dinh liễn một sứ-diệp tối quan-trọng với phép lạ, — tức là chính Ngài là Bánh thật nuôi sống linh-hồn, và những ai tin-cậy Ngài thì được sự sống đời đời. Chính vì sự dạy-đỗ bằng biểu-tượng này mà hai phép lạ giống nhau bao hàm ý-tưởng khác nhau chút ít. Năm ngàn người được Chúa làm phép lạ cho ăn no chắc là người Do-thái hết thảy, còn trong số bốn ngàn người này, chắc có nhiều người dân ngoại; và phép lạ thứ hai có lẽ ngụ-ý rằng dầu Chúa Jê-sus bị đồng-bào Ngài chối-bỏ, nhưng cũng sẽ phó mạng sống vì loài người và sẽ làm Bánh sự sống cho muôn dân.

7. Men của người Pha-ri-si và người Sa-đu-sê (16: 1-12).

¹ Những người Pha-ri-si và Sa-đu-sê đến cùng Đức Chúa Jê-sus, có ý thử Ngài, thì xin làm cho xem một dấu lạ từ trên trời xuống. ² Nhưng Ngài đáp rằng: Khi chiều tối đến, thì các người nói rằng: Sẽ tốt trời, vì trời đỏ. ³ Còn sớm mai, thì các người nói rằng: Hôm nay sẽ có cơn dông, vì trời đỏ và mờ mờ. Các người biết phân-biệt rõ sắc trời, mà không phân-biệt được dấu chỉ thì giờ ư! ⁴ Dòng-dối hung-ác gian-dâm này xin một dấu lạ; nhưng sẽ chẳng cho dấu lạ chỉ khác ngoài dấu lạ của Đấng tiên-tri Giô-na. Rồi Ngài bỏ họ mà đi.

⁵ Khi môn-đồ đi đến bờ bên kia, quên đem bánh theo. ⁶ Đức Chúa Jê-sus phán cùng môn-đồ rằng: Hãy giữ mình cần-thận về men của người Pha-ri-si và Sa-đu-sê. ⁷ Môn-đồ suy-nghĩ và luận cùng nhau rằng: Đây là vì chúng ta không đem bánh theo. ⁸ Đức Chúa Jê-sus biết điều đó, thì phán rằng: Hỡi kẻ ít đức-tin, sao các người tưởng rằng ấy là vì cơ các người không có bánh? ⁹ Các người há chưa hiểu, cũng không nhớ năm cái bánh cho năm ngàn người, và các người lượm được mấy giỏ đầy bánh thừa sao? ¹⁰ Lại há không nhớ bảy cái bánh cho bốn ngàn người, và các người lượm được bao nhiêu giỏ đầy bánh thừa sao? ¹¹ Các người sao chẳng hiểu rằng không phải về bánh mà ta muốn nói đâu?... nhưng hãy giữ mình về men của người Pha-ri-si và Sa-đu-sê. ¹² Bảy giờ môn-đồ mới hiểu rằng Ngài chẳng bảo giữ mình về men làm bánh, nhưng về đạo của người Pha-ri-si và Sa-đu-sê.

Khi Chúa Jê-sus trở về phía tây hồ, thì kẻ thù-nghịch lại công-kích Ngài kịch-liệt. Đó là chính tuyệt-diêm và chỗ rẽ sau chốt của chức-vụ Ngài trong xứ Ga-li-lê. Sự chống-nghịch của các nhà cầm quyền đã được chứng minh bởi cái thực-sự rằng có cuộc liên-hiệp giữa người Pha-ri-si và người Sa-đu-sê, là hai phe-đảng thường chống nhau kịch-liệt, song bây giờ lại kết-hợp với nhau vì cùng thù-ghét Chúa Jê-sus. Chúng xin Ngài « làm cho xem một dấu lạ từ trên trời xuống » (câu 1). Đó là một hành-động xác-xược và xúc-phạm. Ngài đã làm bao nhiêu dấu lạ, khiến cả xứ

ngạc-nhiên. Những dấu lạ này vô-số và thuộc về nhiều loại, đã làm chứng rằng Ngài là Đấng Christ, là Đấng Mê-si đã dự-ngôn. Ta khó nói lúc này kẻ thù-nghịch Ngài thật muốn gì; có lẽ là một tiếng phán từ trời, hoặc một điềm lạ hiển-nhiên bắt-buộc họ phải tin. Tuy-nhiên đòi một dấu lạ khác chính là một đường-lối giả-hình để gieo hồ-nghi và giảm giá-trị các phép lạ mà Chúa Jê-sus đã làm, cũng gọi ý rằng nếu Ngài trình-bày đủ bằng-cớ, thì kẻ thù-nghịch sẽ sẵn-sàng nhìn-nhận các lời tự xưng của Ngài.

Chúa Jê-sus đáp rằng sự không tin của họ chẳng phải vì thiếu bằng-cớ, song vì họ thiếu biện-biệt thiêng-liêng; khó khăn không phải tại tánh-chất các bằng-cớ của Ngài, nhưng tại tâm-trạng họ. Họ đủ khôn-ngoaan để thấy thời-tiết tốt hay xấu trong mặt trời lặn nhuộm vàng hoặc trong buổi sáng âm-u; nhưng họ lại quá ngu-muội, không thấy hết thấy công-việc từ-ái của Chúa Jê-sus là dấu-hiệu tỏ ra Ngài là Vua và Nước Ngài gần đến. Các phép lạ của Ngài là « dấu chỉ thi-giờ » (câu 3), là bằng-cớ đã tỏ ra Vua đã ngự đến. Kẻ thù-nghịch Ngài chắc hiểu-biết các « dấu lạ » ấy nếu mắt chúng không bị tội-lỗi làm cho mờ-tối và lòng chúng không « gian-đam » vì không trung-thành với Đức Chúa Trời. Một lần nữa, cũng như cơ-hội trước, Chúa Jê-sus tuyên-bố rằng dấu-hiệu minh-bạch độc nhất vô-song sẽ được ban cho, tức là « dấu lạ của đấng tiên-tri Giô-na » (câu 4); sự sống lại của Chúa Jê-sus, mà từng-trải của vị đại tiên-tri đó làm hình-bóng cho, phải là biểu-thị tuyệt-vời cho các lời tự xưng của Ngài. Đứng trước sự sống lại của Đấng Christ mà người nào còn không tin Ngài, thì người đó đã tự lên án mình, ở vào tình-trạng tuyệt-vọng, và có lòng không tin tai-hại đến chết.

Đang khi cùng môn-đệ vượt qua hồ, Chúa Jê-sus nhưn cơ-hội ấy cảnh-cáo họ về sự dạy-đỗ sai-lạc của kẻ thù-nghịch, — khi yêu-sách một dấu lạ, chúng đã bày-tỏ tâm-tánh thật của mình. « Hãy giữ mình cẩn-thận về men của người Pha-ri-si và Sa-đu-sê ». Theo sách Mác Chúa Jê-sus còn thêm lời cảnh-cáo phải coi chừng « men đặng Hê-rốt » (Mác 8 : 15). Như Chúa Jê-sus giải-nghĩa sau đó, Ngài dùng chữ « men » làm hình-bóng về tà-giáo. Người Pha-ri-si là kẻ chuộng hình-thức đương thời ấy; họ thâu hẹp tôn-

giáo thành một mớ nghi-lễ, và coi một nghi-thức còn quan-trọng hơn cả luật-pháp đạo-đức. Người Sa-đu-sê duy-lý và duy-vật; họ không tin có sự sống lại, thiên-sứ, hoặc thần-linh. Họ giống như những người ngày nay hết sức chối-bỏ và làm giảm giá-trị những cái siêu-nhiên trong sự khải-thị và trong tôn-giáo. Đảng Hê-rốt có thể tiêu-biểu cho phái theo chủ-nghĩa thế-tục ngày nay; họ không mấy lo đến tôn-giáo, nhưng đặt hy-vọng vào cuộc điều-chỉnh chánh-trị, sống cho các « phần thưởng » và thú vui trần-gian.

Những người tin như vậy và có cảm-tình như vậy thì không thể có một chỗ nào trong lòng dành cho Đấng Christ. Nào có lạ gì, họ đã chối-bỏ Ngài, và Ngài cảnh-cáo môn-đệ phải coi chừng họ. Ngày nay Hội-thánh cần được bảo-vệ khỏi những hình-thức tà-giáo giống như vậy. « Men » của sự chuộng hình-thức, vật-chất và thế-gian vẫn còn lan ra, và những người theo Đấng Christ cần được cảnh-cáo coi chừng ảnh-hưởng xấu-quyệt của nó.

Thoạt-tiên, các môn-đệ không hiểu Chúa Jê-sus muốn bày-tỏ điều chi. Họ tưởng Ngài nói tới men thật, hoặc bánh, và tự nhiên hơn nữa, vì họ không đem theo bánh cho hành-trình này. Chúa Jê-sus nhắc họ nhớ lại phép lạ lớn-lao Ngài đã làm để cho đoàn dân đông-đảo ăn no; như vậy, nếu cần đồ ăn cho thân-thể, thì Ngài có thể cung-cấp ngay; song Ngài quan-tâm đến vấn-đề quan-trọng hơn, tức là linh-lương. Ngài nghĩ đến tà-giáo mà môn-đệ sẽ gặp phải. Ngài luôn luôn muốn cảnh-cáo họ coi chừng hiểm-họa ấy.

VIII. THÂN-VỊ VÀ CÔNG-VIỆC CỦA VUA

(Ma-thi-ơ 16 : 13 đến 17 : 27)

1. Chúa Jêsus chấp-thuận lời tuyên-xưng của Phi-e-rơ (16 : 13-20).

13 Khi Đức Chúa Jêsus đã vào địa-phận thành Sê-sa-rê Phi-líp, bèn hỏi môn-đồ, mà rằng : Theo lời người ta nói thì Con người là ai ? 14 Môn-đồ thưa rằng : Người nói là Giảng Báp-tít ; kẻ nói là Ê-li ; kẻ khác lại nói là Giê-rê-mi, hay là một đấng tiên-tri nào đó. 15 Ngài phán rằng : Còn các ngươi thì xưng ta là ai ? 16 Si-môn Phi-e-rơ thưa rằng : Chúa là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời hằng sống. 17 Bấy giờ, Đức Chúa Jêsus phán cùng người rằng : Hỡi Si-môn, con Giô-na, ngươi có phúc đó ; vì chẳng phải thịt và huyết tỏ cho ngươi biết điều này đây, bèn là Cha ta ở trên trời vậy. 18 Còn ta, ta bảo ngươi rằng : Ngươi là Phi-e-rơ, ta sẽ lập Hội-thánh ta trên đá này, các cửa âm-phủ chẳng thắng được hội đó. 19 Ta sẽ giao chìa-khóa nước thiên-đàng cho ngươi ; hễ điều gì mà ngươi buộc dưới đất, thì cũng sẽ phải buộc ở trên trời, và điều gì mà ngươi mở dưới đất, thì cũng sẽ được mở ở trên trời. 20 Đoạn, Ngài cấm môn-đồ đừng nói cho ai biết rằng Ngài, Đức Chúa Jêsus, là Đấng Christ.

Tại thành Sê-sa-rê Phi-líp, trong các vùng hẻo-lánh của bắc-bộ xứ Ga-li-lê, trong một thời-gian, Chúa Jêsus thoát khỏi kẻ thù-nghịch công-kích và dân-chúng đông-đảo khuấy-rộn ; vậy, rốt lại, Ngài tìm được một cơ-hội để ở riêng với môn-đệ. Chính lúc đó, Ngài lên tới tuyệt-điểm sự dạy-dỗ liên-quan đến Thân-vị thiên-thượng của Ngài. Cũng chính trong lúc đó, Ngài bắt đầu dạy về công-ơn chuộc tội của Ngài.

Trong gần ba năm, bằng thi-dụ và phép lạ, bằng trưng-dẫn Kinh-Thánh và các sứ-diệp liên-tục trong đời sống hằng ngày của Ngài, Chúa Jêsus tỏ cho môn-đệ biết Ngài là Đấng Mê-si, Vua đã dự-ngôn, Con Đức Chúa Trời. Để nhận thấy họ học bài đó tới đâu, hoặc để ghi-khắc

vào tâm-trí họ sâu-xa hơn nữa, Ngài hỏi họ hai câu. Thứ nhất: « Theo lời người ta nói, thì Con người là Ai? » (câu 13). Câu đáp của họ không đúng hẳn, nhưng có hảo-ý. Họ có thể trả lời rằng nhiều người cho Chúa Jê-sus là kẻ cuồng-tin, lường-gạt, thậm-chí là một kẻ ham ăn và say-sưa; song họ quá cần-trọng đối với dư-luận đó, nên đáp rằng người đương thời Ngài coi Ngài là một Đại Tiên-tri và, quả thật, là một trong những đấng tiên-tri quan-trọng nhất tái-thể. Đó đúng là lời đáp của người đời ngày nay: « Chúa Jê-sus là một người, là người tốt nhất, người vì Đức Chúa Trời mà lên tiếng, nhưng vẫn chỉ là một người. » Câu đáp này đã không được Chúa chấp-thuận, và sẽ không bao giờ được Ngài chấp-thuận. Vậy nên Ngài hỏi câu thứ hai: « Còn các người xưng ta là Ai? » (câu 15). Si-môn Phi-e-rơ thay mặt các bạn môn-đệ và các tín-đồ thuộc mọi thời-dại mà đáp rằng: « Chúa là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời hằng sống » (câu 16). Lẽ tự-nhiên, bởi danh-hiệu « Đấng Christ, » nghĩa là « Đấng chịu xức dầu, » ông có ý nói Ngài là « Đấng Mê-si » đã dự-ngón, Đấng Cứu-chuộc, Đấng Cứu-thế. Bởi danh-hiệu « Con Đức Chúa Trời, » ông có ý nói rằng Ngài khác hẳn các tiên-tri và thánh-đồ thuộc mọi thời-dại. Chúng ta có lý lắm mà thốt ra chính câu đó để bày-tỏ một Đấng thật là Đức Chúa Trời, mặc dầu thật là Người; một Đấng độc-nhất vô-song mà ta có thể cầu-nguyện, tin-cậy Hiện-diện của Ngài mà không thấy được, sắp mình xuống trước mặt Ngài mà tung-hô như Tô-ma rằng: « Lay Chúa tôi, và Đức Chúa Trời tôi! » (Gi. 20 : 28).

Chúa Jê-sus không quở-trách Tô-ma; và đây, Ngài ban phước cho Phi-e-rơ. Sự ban phước này biến-đổi lời « tuyên-xưng trọng-đại của Phi-e-rơ » thành lời tự xưng trọng-đại của chính Đấng Christ. Ngài nhận lời chúc-tụng, và tuyên-bố rằng Phi-e-rơ phải được Đức Chúa Trời soi sáng cho, mới thốt được lời ấy: « Hỡi Si-môn, con Giô-na, ngươi có phước đó; vì chẳng phải thịt và huyết tỏ cho ngươi biết điều này đâu, bèn là Cha Ta ở trên trời vậy » (câu 17). Như vậy, Thần-tánh Đấng Christ là một chân-lý do Đức Chúa Trời khải-thị; nếu có người nào không thấy thực-sự này, thì ta chớ khinh-dề họ, hoặc

tranh-luận với họ; chúng ta có thể thương-xót họ và cầu-nguyện cho họ. Nếu giống như Phi-e-rô, họ cứ lắng tai nghe những lời trọng-đại, cứ chứng-kiến các công-việc lớn-lao của Đấng Christ, cứ trung-tín theo Ngài, thì một ngày kia, họ cũng có thể đến thờ-lạy Ngài.

Đây là một chân-lý căn-bản: «Còn Ta, Ta bảo người rằng: Người là Phi-e-rô, Ta sẽ lập Hội-thánh Ta trên đá này» (câu 18a), — không phải trên Phi-e-rô mà thôi, nhưng trên Phi-e-rô tuyên-xưng Thần-tánh Đấng Christ; không phải là trên Phi-e-rô tuyên-xưng theo kết-luận của lý-tri, nhưng trên Phi-e-rô tuyên-xưng tiếp-nhận chân-lý Đức Chúa Trời đã khải-thị cho linh-hồn ông. Hội-thánh được lập trên người đó và trên những người như vậy; và Hội-thánh trải qua mọi thời-đại gồm những người như vậy. Hội-thánh dường ấy không thể nào bị hủy-diệt: «Các cửa âm-phủ,» tức là sự chết, lối vào thế-giới bên kia, «chẳng thắng được Hội đó» (câu 18b).

Những người nào tuyên-xưng là biết Đấng Christ như vậy, thì Ngài ban cho quyền-năng để mở Nước Thiên-đàng cho những kẻ khác vào và để tỏ cho họ biết cái gì được phép làm, cái gì bị cấm trong Nước ấy. Đó khả-dĩ là ý-nghĩa của lời Đấng Christ hứa thêm với Phi-e-rô trước khi cấm ông nói cho kẻ khác biết chân-lý mà ông vừa mới tuyên-xưng: «Đoạn, Ngài cấm môn-đồ đừng nói cho ai biết rằng Ngài, Đức Chúa Jêsus, là Đấng Christ» (câu 20). Tại sao có lời cấm la-lùng như vậy? Vì đoàn dân đông-đảo chưa sẵn-sàng tiếp-nhận chân-lý ấy, và sẽ hiểu sai các lời tự xưng của Ngài. Khi công-việc của Ngài hoàn-tất rồi, bấy giờ các môn-đệ được Đức Thánh-Linh dắt-dẫn, mới có thể tuyên-giảng chân-lý liên-quan đến Thân-vị thiên-thượng của Ngài.

2. Chúa Jêsus báo trước sự chết và sự sống lại của Ngài (16 : 21-28).

²¹ Từ đó, Đức Chúa Jêsus mới tỏ cho môn-đồ biết rằng mình phải đi đến thành Giê-ru-sa-lem, phải chịu tại đó nhiều sự khốn-khổ bởi những người trưởng-lão, thầy tế-lễ cả, cùng thầy thông-giáo, và phải bị giết, đến ngày thứ ba phải sống lại.²² Phi-e-rô bèn đem Ngài

riêng ra, mà can rằng : Hỡi Chúa, Đức Chúa Trời nào nữ vậy! Sự đó sẽ không xảy đến cho Chúa đâu. ²³ Nhưng Ngài xây mặt lại mà phán cùng Phi-e-rơ rằng : Ó Sa-tan, hãy lui ra đằng sau ta! Ngươi làm gương xấu cho ta; vì ngươi chẳng nghĩ đến việc Đức Chúa Trời, song nghĩ đến việc người ta.

²⁴ Đức Chúa Jêsus bèn phán cùng môn-đồ rằng : Nếu ai muốn theo ta, thì phải liêu mình, vác thập-tự-giá mình mà theo ta. ²⁵ Vì ai muốn cứu sự sống mình thì sẽ mất, còn ai vì có ta mà mất sự sống thì sẽ được lại. ²⁶ Người nào nếu được cả thiên-hạ mà mất linh-hồn mình, thì có ích gì? Vậy thì người lấy chi mà đòi linh-hồn mình lại? ²⁷ Vì Con người sẽ ngự trong sự vinh-hiền của Cha mình mà giáng xuống cùng các thiên-sứ, lúc đó, Ngài sẽ thưởng cho từng người, tùy việc họ làm. ²⁸ Quả thật, ta nói cùng các ngươi, trong các ngươi đứng đây, có một vài kẻ sẽ không chết trước khi thấy Con người ngự đến trong nước Ngài.

Hai giáo-lý căn-bản và tối-cao của Cơ-đốc-giáo chính là các chân-lý liên-quan đến Thân-vị thiên-thượng của Chúa Jêsus-Christ và công-ơn chuộc tội của Ngài. Có nhiều chân-lý khác-biệt rất quan-trọng; lại có những chân-lý liên-quan chặt-chẽ với các chân-lý ấy; song hai giáo-lý này tuyệt-đối thiết-yếu; không có nó, thì đầu Cơ-đốc-giáo cứ là một tôn-giáo, song chẳng còn là một tôn-giáo đặc-biệt nữa. Tại thành Sê-sa-rê Phi-líp, khi Chúa Jêsus đưa sự dạy-đỗ của Ngài về chân-lý thứ nhứt trong hai chân-lý đó lên tới tuyệt-điêm rồi, thì Ngài «mới¹ tỏ cho môn-đồ biết rằng mình phải đi đến thành Giê-ru-sa-lem, phải chịu tại đó nhiều sự khốn-khổ bởi những người trưởng-lão, thầy tế-lễ cả, cùng thầy thông-giáo, và phải bị giết, đến ngày thứ ba phải sống lại.» Đó là một khởi-điêm thực-sự. Trước kia, Chúa Jêsus đã lờ-mờ ngụ-ý đến Thập-tự-giá. Tuy-nhiên, lúc này, một cách dứt-khoát, rõ-ràng, Ngài tuyên-bố rằng Ngài chắc sẽ chịu chết và cần phải chịu chết. Cần phải, vì theo ý-định của Đức Chúa Trời, sự chết của Đấng Christ chính là bôn-thể công-ơn chuộc tội của Ngài. Chúa Jêsus cũng dạy-đỗ về sự sống lại của Ngài, mặc dầu họ

1. Bản tiếng Anh dịch là : Bắt đầu.

đường như hoàn-toàn không thể tin điềm ấy. Tuy-nhiên, đối với tâm-trí Ngài, đó là kết-quả chắc-chắn và vinh-quang của tất cả thương-khó Ngài phải chịu.

«Phi-e-rơ đem Ngài riêng ra, mà cần»¹ (câu 22). Đối với tâm-trí của môn-đệ tận-tụy vừa mới nhìn-nhận Chúa Jêsus là Đấng Christ đó, dự-ngôn Ngài chịu chết đường như là một lời thú-nhận thất-bại, một mâu-thuẫn với lời Ngài tự xưng là Đấng Mê-si, một sự thừa-nhận không xứng-dáng với Chúa của ông.

Nhưng Chúa Jêsus bị Phi-e-rơ trách, lại xây qua trách Phi-e-rơ : « Ở Sa-tan, hãy lui ra đằng sau Ta ! Ngươi làm gương xấu² cho Ta ; vì ngươi chẳng nghĩ đến việc Đức Chúa Trời, song nghĩ đến việc người ta » (câu 23). Lời này long-trọng, song không có vẻ nghiêm-khắc lắm. Chúa Jêsus không có ý phán rằng Phi-e-rơ thật theo quỷ Sa-tan và bại-hoại ; song Ngài có ý phán rằng khi khuyên Đấng Christ lui lại trước sự chết, thì ông đóng vai ma-quỉ cám-dỗ và đứng về phía loài người, chớ chẳng phải đứng về phía Đức Chúa Trời. Sự bất-bình vì Thập-tự-giá chưa bao giờ hết. Nhấn mạnh rằng sự chết của Đấng Christ không cần-thiết, thì vẫn là đúng nhân-lý và tự-nhiên ; nhưng lời « giảng Đấng Christ bị đóng đinh trên cây Thập-tự » chính là « quyền-phép của Đức Chúa Trời và sự khôn-gnan của Đức Chúa Trời » (I Cô. 1 : 23, 24).

Bây giờ Chúa Jêsus xây qua môn-đệ và tuyên-bố công-lệ không tránh khỏi được của đời sống tin-dờ. « Tôi-tớ không hơn chủ » (Ma. 10 : 24), nếu Vua bị đóng đinh vào Thập-tự-giá, thì môn-đệ của Ngài cũng phải vác Thập-tự-giá, nào có lạ gì. « Nếu ai muốn theo Ta, thì phải liêu mình³, vác Thập-tự-giá mình mà theo Ta » (câu 24). Sự chết của Đấng Christ chỉ có giá-trị cho những ai sẵn lòng chết về tội-lỗi, bôn-ngã, và đi theo Ngài với tư-cách tôi-tớ của Ngài. « Từ-bỏ mình » không có nghĩa là từ-chối không cho mình hưởng một cái gì, nhưng là từ-chối bôn-ngã. « Vác Thập-tự-giá mình » không có nghĩa là chịu một

1. Bản tiếng Anh dịch là : Trách. 2. Bản tiếng Anh dịch là : Ngươi là đá vấp-phạm cho Ta. 3. Bản tiếng Anh dịch là : từ-bỏ mình.

sự chọc giận, hoặc gánh nặng, hoặc thăm-khở nhỏ hay lớn, nhưng là đi đến chỗ bị đóng đinh vào Thập-tự-giá, là chịu chết. Theo Đấng Christ thì phải từ-bỏ bôn-ngã và chết về bôn-ngã.

Tuy-nhiên, kết-quả là sự sống lớn-lao hơn, đầy-dẫy hơn, tự-do hơn, thiết-thực hơn. Đó chính là điều Chúa Jêsus muốn bày-tỏ khi Ngài thêm lời hứa rằng: «Vi ai muốn cứu sự sống mình thì sẽ mất, còn ai vì có Ta mà mất sự sống, thì sẽ được lại» (câu 25). Người nào chịu đau-đớn vì Danh Đấng Christ, thì sẽ hưởng được sự sống đời đời ở trên trời; thật có như vậy; nhưng lời hứa này cũng thực-hiện trong từng-trải hiện-tại. Chúa Jêsus không khuyên nên hy-sinh chỉ để mà hy-sinh; nhưng một cách hoàn-toàn dứt-khoát, Ngài khuyên phải hy-sinh vì Danh Ngài và vì Tin-Lành. Kết-quả của hy-sinh như vậy là làm cho sự sống phong-phú, phát-triển hơn, và cho hưởng được mọi điều xứng-dáng với danh-hiệu SỰ SỐNG. Thật là điên-dại nếu để mất sự sống lớn-lao hơn, đầy-dẫy hơn, vì có mọi thú vui, hoặc tội-lỗi, hoặc thỏa-mãn mà thế-gian hiển cho. «Người nào nếu được cả thiên-hạ mà mất linh-hồn mình, thì có ích gì?» (câu 26a). Nếu người nào nhận cuộc trao-đổi bi-thảm như vậy, thì không hủy-bỏ sự chọn-lựa ấy được nữa. Không thể nào lấy lại sự sống được, vì nếu sự sống mất rồi, «thì người lấy chi mà đổi linh-hồn¹ mình lại?» (câu 26b). Lời hay lẽ, đều còn đến đời đời như nhau. Theo Đấng Christ là một từng-trải trong hiện-tại, nhưng kết-quả còn mãi mãi, và ta chỉ nhận-thức đầy-đủ khi Đấng Christ trở lại trong vinh-quang: «Vi Con người sẽ ngự trong vinh-hiến của Cha mình mà giáng xuống cùng các thiên-sứ, lúc đó, Ngài sẽ thưởng cho từng người, tùy việc họ làm» (câu 27). Dầu bị chối-bỏ và bị đóng đinh vào Thập-tự-giá, nhưng Ngài sẽ sống lại, ngự lên trời, và một ngày kia, lại hiện đến. Ta sẽ chịu hộ-thẹn và khinh-dê trong cõi đời gian-ác hiện-tại còn bội phần hơn là bị loại khỏi Nước toàn-mỹ của Đức Chúa Trời sẽ xuất-hiện lúc Đấng Christ tái-làm vinh-hiến. Sự tái-làm của Đấng Christ là đại-đề thứ ba Chúa dạy môn-đệ đang khi ở thành Sê-sa-rê Phi-líp. Sự tái-làm và Nước Ngài phải

1. Bản tiếng Anh dịch là : sự sống.

là hy-vọng và sự trông-mong của các môn-đệ cũng như của Hội-thánh trải qua mọi thời-đại. Một vài môn-đệ thân-cận của Ngài được thoảng nhìn vinh-quang mấy ngày sau đó, khi họ thấy Chúa cùng Môi-se và Ê-li trong cảnh chói-lọi thiên-thượng trên núi Hóa-hình. Ấy đúng như Chúa Jêsus đã phán với các môn-đệ rằng: «Quả thật, Ta nói cùng các ngươi, trong các ngươi đứng đây, có một vài kẻ sẽ không chết trước khi Con người ngự đến trong Nước Ngài» (câu 28).

3. Chúa Jêsus hóa-hình (17: 1-8).

1 Khởi sáu ngày, Đức Chúa Jêsus đem Phi-e-rô, Gia-cô, và Giăng là em Gia-cô, cùng Ngài đi tẻ lên núi cao. 2 Ngài biến-hóa trước mặt các người ấy, mặt Ngài sáng lòa như mặt trời, áo Ngài trắng như ánh sáng. 3 Nay, có Môi-se và Ê-li hiện đến, nói chuyện cùng Ngài. 4 Phi-e-rô bèn cất tiếng thưa cùng Đức Chúa Jêsus rằng: Lạy Chúa, chúng ta ở lại đây thì tốt lắm; ví bằng đẹp ý Chúa, thì tôi sẽ đóng ba trại tại đây, một cái cho Chúa, một cái cho Môi-se và một cái cho Ê-li. 5 Đang khi người còn nói, bỗng-chúc có một đám mây sáng rực che-phủ những người ở đó; và có tiếng từ trong mây phán rằng: Này là Con yêu-dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường; hãy nghe lời Con đó! 6 Khi môn-đồ nghe tiếng ấy, thì té sấp mặt xuống đất, và sợ-hãi lắm. 7 Song Đức Chúa Jêsus lại gần, rời môn-đồ mà phán rằng: Hãy đứng dậy, đừng sợ! 8 Môn-đồ bèn ngửa mặt lên, thì chỉ thấy một mình Đức Chúa Jêsus mà thôi.

Sự hóa-hình của Chúa đang khi Ngài cầu-nguyện trên sườn núi Hết-môn, có liên-quan mật-thiết và sanh-động với sự dạy-dỗ Ngài đã truyền cho môn-đệ gần các làng thuộc thành Sê-sa-rê Phi-líp. Ngài đã tiếp-nhận lời tuyên-xưng trọng-đại của Phi-e-rô liên-quan đến Thân-vị thiên-thượng của Ngài; và bây giờ, trong vinh-quang thiên-thượng, có tiếng Đức Chúa Cha phán rằng: «Này là Con yêu-dấu của Ta» (câu 5). Ngài đã đặc-biệt dạy họ rằng Ngài sắp chịu chết; bây giờ, Môi-se và Ê-li hiện ra trên núi, trò-chuyện với Ngài, theo như Lu-ca quả-quyết, «về sự Ngài qua đời, là sự sẽ phải ứng-nghiệm tại thành

Giê-ru-sa-lem » (Lu. 9 : 31). Ngài đã dự-ngôn rằng Ngài sẽ tái-lâm trong vinh-quang, và bây giờ, theo như Phi-e-rơ về sau tuyên-bố, Ngài cho môn-đệ nếm-trải trước xem vinh-quang ấy là thế nào.

Chúng ta khó hiểu đúng nghĩa câu này : « Ngài biến-hóa trước mặt các người ấy » (câu 2). Chắc hẳn từng-trải này khác hẳn từng-trải của Môi-se trên núi Si-na-i. Mặt Môi-se chói-lòa vì phản-chiếu ánh sáng ; nhưng trong trường-hợp Chúa Jê-sus, một vinh-quang từ trong Ngài lòi ra làm cho toàn-thân Ngài sáng ngời, cho tới mức không những mặt Ngài, mà cả áo Ngài cũng chói-lọi, rực-rỡ. Ma-thi-ơ đã mô-tả sự-nghiệp của Vua cho chúng ta biết. Ấy dường như Vua đang vi-hành ; thỉnh-thoảng, dưới bộ áo tầm-thường mới thoáng lộ ra màu tía và màu vàng. Tại đây, trong khoảng một giờ, bộ áo cải-trang bị cất-bỏ, và Vua hiện ra với vẻ oai-nghiêm cố-hữu và vinh-quang đế-vương, thiên-thượng, chói-lọi của Ngài.

Chúa Jê-sus đang ở một mình với Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng, thỉnh-linh dung-mạo Ngài biến-đổi, làm cho ai nấy sửng-sốt ; nhưng đang khi ba môn-đệ kinh-ngạc ngắm-xem Ngài « thì này, có Môi-se và Ê-li hiện đến, nói chuyện cùng Ngài » (câu 3). Hai người lia khỏi đời này trong vòng bí-mật, đã được lựa-chọn để trở lại đời này một cách bí-mật. Môi-se thường được giả-định là đại-diện cho Luật-pháp, còn Ê-li đại-diện cho các đấng tiên-tri. Cả hai ông, bởi biểu-tượng và dự-ngôn, đã chỉ vào công-ơn cứu-chuộc của Đấng Christ. Hai ông có thể trò-chuyện với Chúa Jê-sus một cách sáng-suốt về sự chết của Ngài gần đến. Lại nữa, hai ông cũng nhớ từng-trải riêng mà được chuẩn-bị đặc-biệt để hiểu-biết ân-diên Đức Chúa Trời ; vậy nên, hơn mọi người khác, họ có thể hiểu-biết lòng yêu-thương của Ngài khi ban Con Ngài làm Cứu-Chúa chúng ta.

« Phi-e-rơ bèn cất tiếng thưa cùng Đức Chúa Jê-sus » — nghĩa là ý-kiến của ông do sự từng-trải kinh-lạ kia mà có — « rằng : Lạy Chúa, chúng ta ở lại đây thì tốt lắm ; vì bằng đẹp ý Chúa, thì tôi sẽ đóng ba trại tại đây, một cái cho Chúa, một cái cho Môi-se, và một cái cho Ê-li » (câu 4). Phi-e-rơ sửng-sốt trước cảnh-tượng kỳ-diệu và màu-nhiệm đó, nên chẳng biết nói gì. Lời ông nói dường như phi-

lý; những nhân-vật từ thế-giới vô-hình đến chắc ít lo cho có túp lều trên sườn núi. Nếu giữ hai vị khách từ trời xuống lâu quá trên mặt đất này, thì không phải là nhân-ái. Tuy-nhiên, đề-nghị của Phi-e-rơ chẳng phải là vô-nghĩa; chẳng nên chế-giễu Phi-e-rơ; ông nhận thấy từng-trái của mình là hạnh-phước; đầu phát-biểu vụng-về, nhưng lòng ông mong-trớc kéo dài khải-tượng xuất-thần đó; mặc dầu sợ-hãi, ông vẫn muốn tiếp-tục mối tương-giao hạnh-phước đó.

Đang khi Phi-e-rơ nói, « có một đám mây sáng rực » kéo đến « che-phủ mọi người »(câu 5). Cảnh-trạng sắp mờ-xóa, nhưng từ trong đám mây, tiếng Đức Chúa Cha phán-truyền sứ-diệp cao-cả của giờ-phút đó : « Đây là Con yêu-dấu của Ta, đẹp lòng Ta mọi đường »(câu 5). Không cần phải giữ Mòi-se và Ê-li nữa. Đáng mà Mòi-se (trong Luật-pháp) và các tiên-tri làm chứng cho đã ngự đến, — tức là Chúa Jêsus, Con Đức Chúa Trời. Đã tới lúc những ai muốn biết hồn-thể, ý-chỉ và ân-diền hay cứu-rỗi của Đức Chúa Trời, có thể thấy các điều ấy được khải-thị một cách hoàn-toàn và chung-kết trong Đức Chúa Jêsus - Christ, là Con Ngài.

« Khi môn-đồ nghe tiếng ấy, thì té sấp mặt xuống đất, và sợ-hãi lắm. Song Đức Chúa Jêsus lại gần, rờ môn-đồ mà phán rằng : Hãy đứng dậy, đừng sợ ! Môn-đồ bèn ngửa mặt lên, thì chỉ thấy một mình Đức Chúa Jêsus mà thôi »(câu 6-8). Họ không cần người nào khác nữa; họ phải nghe Ngài. Tuy-nhiên, trong một thời-gian, ánh sáng thiên-thượng mờ đi; họ phải theo Ngài và « trúng bóng chết »(Thi. 23 : 4); song họ không bao giờ quên được vinh-quang Ngài đã hiển-hiện; từ nay trở đi, đối với họ, Ngài là Chúa thiên-thượng và Vua ngự đến một cách thiết-thực hơn bao giờ hết.

Từng-trái vô-song này có ý-nghĩa sàu-xa cho chính Chúa chúng ta. Nó chuẩn-bị Ngài cho sự thương-khó và sự chết mà chẳng bao lâu Ngài sẽ phải chịu. Nó tái-quyết với Ngài rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời; nhắc Ngài rằng nếu Ngài mất sự sống, thì sẽ tìm lại được, và nếu Ngài chịu lấy Thập-tự-giá, thì chắc sẽ từ kẻ chết sống lại, sẽ gặp các

thánh-đồ thuở xưa trong một tình-trạng vinh-hiền, một địa-vị quyền-năng cao-cả.

Biển-cổ này còn có ý-nghĩa quan-trọng hơn nữa cho các môn-đệ. Họ cũng cần được chuẩn-bị cho những từng-trải đang đợi-chờ mình. Lòng họ tin Chúa có Thần-tánh đã tăng-cường nhờ khả-tượng vinh-quang của Ngài; những lời dự-ngôn màu-nhiệm về sự chết và sống lại của Ngài được xác-nhận bởi mọi điều họ đã thấy và nghe; từ nay trở đi, vinh-quang sự tái-làm của Ngài càng thiết-thực, và trước sự tái-làm chắc-chắn ấy, họ sẵn-sàng vác Thập-tự-giá mà theo Ngài hơn trước.

Các sứ-điệp cho môn-đệ Ngài ngày nay cũng không kém quan-trọng. Họ được nhắc-nhở rằng bởi tin Ngài và hiện nay ngắm-xem vinh-quang Ngài, họ có thể « hóa nên cũng một ảnh-tượng Ngài » (II Cô. 3 : 18a), tức là được « hóa-hình » không phải vì bề ngoài bắt-chước Đấng Christ, song nhờ sự hành-động của một quyền-năng bên trong, « như bởi Chúa, là Thánh-Linh » (II Cô. 3 : 18b).

Vậy, chúng ta cũng thấy dự-ngôn rõ-ràng hơn những trường-hợp Chúa xuất-hiện trong tương-lai. Bấy giờ, một số người đã chết như Môi-se và thân-thể đã biến mất trong phần-mộ, sẽ lại xuất-hiện với thân-thể bất-diệt, không hề chết nữa; một số người khác, giống như Ê-li không hề chết, sẽ không phải nếm sự chết, nhưng được biến-cải, hóa-hình « trong giây-phút, trong nháy mắt » (I Côr. 15 : 52), và « sẽ cùng nhau đều được cất lên... tại nơi không-trung mà gặp Chúa » (I Tê. 4 : 17). Nhưng vinh-quang của cảnh-tượng sẽ thể-hiện và qui-tụ trong thân-hình oai-nghiêm và khuôn mặt sáng-lòa của Vua tái-làm, khải-hoàn.

4. Giảng Báp-tít và Ê-li (17 : 9-13).

⁹ Đương khi Đức Chúa Jê-sus và môn-đồ ở trên núi xuống, thì Ngài ra lệnh cấm rằng: Sự các ngươi đã thấy chớ thuật lại cùng ai, cho đến khi Con người từ kẻ chết sống lại. ¹⁰ Môn-đồ hỏi Ngài rằng: Vậy thì sao các thầy thông-giáo nói rằng Ê-li phải đến trước? ¹¹ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Thật Ê-li phải đến mà sửa lại mọi việc. ¹² Nhưng ta phán cùng các ngươi rằng: Ê-li đã đến rồi, và người ta

không nhận-biết, song họ lại xử với người theo ý-muôn mình; Con người phải chịu khốn-khò bởi họ cũng như vậy.
 13 Môn-đồ bèn hiểu rằng Ngài nói đó là nói về Giăng Báp-tít.

Khải-tượng về Chúa hóa-hình và các vị khách thiên-thượng đã khuyến-khích và bổ sức cho ba Sứ-đồ, song chẳng dành cho đoàn dân tọc-mạch, dốt-nát đang chờ Chúa Jê-sus trở xuống. « Đàng khi Đức Chúa Jê-sus và môn-đồ ở trên núi xuống, thì Ngài ra lệnh cấm rằng: Sự các người đã thấy chớ thuật lại cùng ai, cho đến khi Con người từ kẻ chết sống lại » (câu 9). Lệnh truyền phải giữ kín đó giống như lệnh truyền cho những kẻ mà Chúa Jê-sus đã chữa lành trong thời-gian ẩn-dật này; nhưng Chúa thêm một giới-hạn kỳ-lạ: « Cho đến khi Con người từ kẻ chết sống lại ». Sau khi Ngài sống lại, họ phải làm chứng về vinh-quang của Ngài; nhưng lúc này họ chưa được chuẩn-bị để làm chứng như vậy, còn dân-chúng cũng chưa hiểu-biết sự-trạng đó. Nếu thuật lại một khải-tượng thiên-thượng dường ấy, ắt có thể gây cho họ chệch-giễu, hoặc đưa đến một cuộc nổi loạn vì cuồng-tin. Chỉ những người tin Đấng Christ mới sẵn-sàng nhận sự khải-thị đầy-dủ vinh-quang thiên-thượng của Ngài.

Khi Chúa Jê-sus cùng các môn-đệ xuống núi, thì Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng tự hỏi nhiều câu về ý-nghĩa của sự từng-trải vừa mới xảy đến cho họ đó, và của khải-tượng Chúa hóa-hình, có Môi-se và Ê-li tới thăm-viếng. Vì sự hóa-hình của Chúa là tia sáng báo trước Đấng Christ ngự đến trong vinh-quang, nên họ nhớ lại một dự-ngôn liên-quan đến sự xuất-hiện của một sứ-giả dọn đường cho Vua. « Môn-đồ hỏi Ngài rằng: Vậy thì sao thầy thông-giáo nói rằng Ê-li phải đến trước? » (câu 10). Họ hỏi câu này vì Ê-li đã xuất-hiện trên núi thánh. Dân-chúng mong-đợi vị đại-tiên-tri này dọn đường cho Đấng Mê-si, vì căn-cứ trên những lời cuối-cùng của Ma-la-chi: « Đây, Ta sai đấng tiên-tri Ê-li đến cùng các người trước ngày lớn và đáng sợ của Đức Giê-hô-va chưa đến. Người sẽ làm cho lòng cha trở lại cùng con-cái, lòng con-cái trở lại cùng cha, kéo Ta đến, lấy sự rửa-sả mà đánh đất này. » (Mal. 4: 5,6). Các môn-đệ

bối-rối vì cái thực-sự rằng Chúa Jê-sus đã ngự đến và từ đó tới nay, đã thi-hành chức-vụ trước khi Ê-li xuất-hiện. Chúa Jê-sus giải-thích cho họ rõ rằng ít nhất lời tiên-tri ấy cũng đã ứng-nghiem so-khởi trong công-việc của Giảng Báp-tít, là người đã lấy tâm-thần quyền-phép¹ của Ê-li mà » đến (Lu. 1 : 17). Ông đã làm cho nhân-dân ăn-năn quay về với Đức Chúa Trời, và đã làm sống lại hy-vọng Đấng Mê-si sẽ ngự đến. Tuy-nhiên, theo như Chúa Jê-sus tuyên-bố, người ta « không nhận-biết » ông, mà « lại xử với » ông « theo ý-muốn mình » (câu 12). Trong cách họ đối-xử với người tiền-khu của Ngài, Chúa Jê-sus thấy trước sự đau-đớn mà chính mình Ngài, là Vua được dự-ngôn, phải chịu. Ê-li đã chịu khổn-khở nơi tay A-háp và Giê-sa-bên. Giảng bị Hê-rốt và Hê-rô-đia giết chết thế nào, thì cũng một thế ấy, Chúa Jê-sus sẽ bị dân Do-thái chối-bỏ và bị đóng đinh vào Thập-tự-giá theo lệnh của Phi-lát. Trong sự chết của Giảng, Chúa Jê-sus thấy triệu-chứng Ngài sắp phải chịu thương-khó ; do đó, Ngài tổ-trưởng báo trước một lần nữa cho môn-đệ biết Ngài sắp chịu chết : « Con người phải chịu khổn-khở bởi họ cũng như vậy » (câu 12b). Như vậy, dầu ánh sáng hóa-hình còn đang lưu lại trên mặt Ngài, Chúa Jê-sus đã dứt-khoát dự-ngôn rằng Ngài sẽ bị đóng đinh vào Thập-tự-giá ; và cũng bằng biểu-trưng mặt-mờ, Ngài luận đến ngày Ngài tái-làm mà Ngài đã thoáng thấy trong vinh-quang của núi thánh.

5. Chúa Jê-sus chữa cậu con trai bị kinh-phong (17 : 14-20).

¹⁴ Khi Chúa Jê-sus và môn-đồ đã trở lại cùng đoàn dân, thì có một người đến gần, quì trước mặt Ngài, ¹⁵ mà thưa rằng : Lạy Chúa, xin Chúa thương đến con trai tôi ! vì nó mắc bệnh phong-điên, phải chịu đau-đớn quá ; thường khi té vào lửa và té xuống nước. ¹⁶ Tôi đã đem nó cho môn-đồ Chúa, nhưng chữa không được. ¹⁷ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Hỡi dòng-đời không tin và gian-tà kia, ta sẽ ở với các ngươi cho đến chừng nào ? Ta sẽ nhịn-nhục các ngươi cho đến khi nào ? Hãy đem con đến đây cho ta. ¹⁸ Rồi Đức

1. Bản tiếng Anh dịch là : tâm-thần và quyền-năng.

Chúa Jêsus quở-trách qui, qui liền ra khỏi đũa trẻ, và từ giờ đó đũa trẻ được lành.

¹⁹ Môn-đồ bèn đến gần Đức Chúa Jêsus, mà hỏi riêng rằng: Vì có gì chúng tôi không đỏi qui ấy được? ²⁰ Ngài đáp rằng: Ấy là tại các ngươi ít đức-tin: vì ta nói thật cùng các ngươi, nếu các ngươi có đức-tin bằng một hạt cải, sẽ khiến núi này rằng: Hãy dời đây qua đó, thì nó liền dời qua, và không có sự gì mà các ngươi chẳng làm được. (a)

Khi họa-sĩ *Raphael* vẽ tranh «Chúa Jêsus hóa-hình,» ông đã vẽ luôn cảnh-tượng cậu con trai bị quỷ ám chung-quanh có chín môn-đệ, ở dưới chơn núi. Lẽ tự-nhiên, hai sự-việc xảy ra nhằm những ngày khác nhau, song sự phối-hợp này tăng-gia sự tương-quan giữa từng-trái của Chúa Jêsus trong vinh-quang trên đỉnh núi và từng-trái của Ngài giữa bóng tối đau-đớn và sầu-khổ loài người mà Ngài đã bước vào trên đồng-bằng bên dưới. Đây chẳng phải lần thứ nhứt Ngài đỏi vinh-quang thiên-thượng lấy u-minh hạ-giới; và Ngài đã cư-xử oai-nghiêm đờng nào giữa bóng tối-tăm! Chắc hẳn đây là hình-ảnh của Vua. Ma-thi-ơ đã bỏ sót nhiều chi-tiết mà ta thấy trong truyện-tích của Mác; tuy-nhiên, sự bỏ sót không giảm-bớt, mà chỉ nhấn mạnh ấn-tượng rằng Ngài là Vua.

Kia, người cha sầu-khổ qui trước Chúa Jêsus mà nài-xin; kia, cậu con trai đáng thương, mà bệnh-hoạn đã do tà-linh gây nên, hoặc đã là cơ-hội cho tà-linh chiếm-ám; kia, các môn-đệ chẳng cứu-giúp chi được vì đức-tin bất-toàn! Rồi có lệnh của Vua truyền, có lời quở-trách qui, và cậu con trai được chữa lành hẳn.

Tuy-nhiên, lòng Vua có sự cảm-thương sâu-xa của loài người. Trong cử-chỉ của Ngài không có chi là cách-biệt. Ngài cảm-động trước khổ-não của người cha và trước nỗi đau-đớn của cậu con trai; nhưng trên hết, Ngài bối-rối vì lòng không tin đã làm cho cậu chậm được chữa lành,—thật ra, chẳng cần chậm như vậy. Chưa bao giờ Chúa Jêsus tỏ ra cảm-xúc hơn trước đức-tin kém-thiếu của người ta đối với chức-vụ Ngài; chưa bao giờ Ngài

a. Có mấy bản cũ thêm câu 21 rằng: Nhưng thứ qui này nếu không cầu-nguyện và không kiêng ăn, thì chẳng trừ nó được.

tỏ rõ hơn ý mong-muốn thoát khỏi hoàn-cảnh ấy! Ngài kêu lên : «Hỡi dòng-dõi¹ không tin và gian-tà kia, Ta sẽ ở với các ngươi cho đến chừng nào?» (câu 17a). Lòng không tin là «gian-tà», vì nó không do thiếu chứng-cớ, mà do chứng-cớ đã bị chối-bỏ hoặc xao-lãng.

Chúa Jêsus chắc đã nghĩ đến đoàn dân đông-đảo, người cha hồ-nghi, người Pha-ri-si chống-nghịch, cũng như chín môn-đệ thất-vọng; song chín môn-đệ dường như chỉ nhận thấy Chúa Jêsus quở-trách mình sau khi họ đến riêng cùng Ngài và được Ngài bảo rõ cho biết rằng họ thất-bại vì «ít đức-tin» (câu 20a). Nhưng Chúa Jêsus thêm một lời hứa từ-ái có thể khích-lệ các môn-đệ thời nay đang buồn-rầu vì cảm thấy thất-bại : «Nếu các ngươi có đức-tin bằng một hạt cải (nghĩa là có lòng tin-cậy thật, mặc dầu nhỏ-ít chừng nào), sẽ khiến núi này rỗng : Hãy dời đây qua đó, thì nó liền dời qua» (câu 20b). Ấy nghĩa là : Bất-cứ trở-lực nào cũng vượt qua được. Chúa Jêsus phán theo cách nói bóng ở Đông-phương, và ta chẳng nên quá hiểu lời Ngài theo nghĩa đen ; cũng chẳng nên hiểu theo nghĩa đen khi Ngài phán thêm : «Và không có sự gì mà các ngươi chẳng làm được» (câu 20c). Quyền-năng ban cho môn-đệ Đấng Christ bị hạn-chế ; tuy-nhiên, trong phạm-vi mạng-lệnh Ngài truyền và sứ-mạng Ngài giao, khi thi-hành nhiệm-vụ Ngài ủy-thác và mang gánh nặng Ngài gán cho, thì «không có sự gì mà» kể tin-cậy và vâng lời «chẳng làm được.»

Các nhà nhuận-chánh Kinh-Thánh bỏ sót câu 21 ; câu ấy chép ở sách Tin-lành Mác, và theo phương-diện này, nó là phần thiết-thực của sứ-điệp : «Những thứ quỉ này nếu không cầu-nguyện... thì chẳng trừ nó được.» Chúng ta hãy bày-tố đức-tin bằng lời cầu-xin đây tin-cậy, thì Chúa sẽ chẳng bao giờ phải buồn-rầu vì ta phục-vụ vô-hiệu-lực.

6. Chúa Jêsus lại dự-ngôn sự chết của Ngài

(17 : 22,23).

²²Đang khi Đức Chúa Jêsus và môn-đồ trải qua trong xứ Ga-li-lê, Ngài phán cùng môn-đồ rằng : Con người sẽ bị nộp trong tay người ta. ²³Họ sẽ giết Ngài, nhưng đến ngày thứ ba, Ngài sẽ sống lại. Các môn-đồ bèn lo-buồn lắm.

1. Nên dịch là : Thế-hệ.

Chúa Jêsus sắp ghé thăm thành Ca-bê-na-um lần chót. Đang khi Ngài lưu lại miền bắc xứ Ga-li-lê, một đề-mục trọng-đại vấn-vương ý nghĩ và sự dạy-đỗ của Ngài. Ấy là chẳng bao lâu nữa, Ngài sẽ phải chết tại thành Giê-ru-sa-lem. Ngài đã phán-tỏ biến-cổ này trước rồi, và càng ngày càng rõ hơn. Tuy-nhiên, ở đây Ngài dùng một câu mới-mẽ : « Con người sẽ bị nộp trong tay người ta. Họ sẽ giết Ngài » (câu 22b, 23a). « Bị nộp » nghĩa là gì? Ngày xưa danh-từ này dịch là : « phản-bội », và gọi lên sự bội-phản như của Giu-đa; Chúa Jêsus đã rõ-ràng thấy trước sự bội-phản này thêm bao nhiêu giọt đắng-cay vào chén thương-khó Ngài sắp phải uống. Có lẽ hơn, danh-từ dùng đây chỉ về Chúa Jêsus bị nộp cho các nhà cầm quyền La-mã để chịu đóng đinh vào Thập-tự-giá; tuy-nhiên, cũng có thể ngụ-ý rằng Đức Chúa Cha sẽ nộp Con Ngài làm giá cứu-chuộc loài người. Có lẽ đó là hỏi-thanh của sứ-điệp thiêng-liêng kia : « Đức Chúa Trời yêu-thương thế-gian, đến nỗi đã ban Con một của Ngài » (Gi. 3 : 16). Chắc hẳn Chúa Jêsus không bao giờ coi sự chết của Ngài như một sự-việc tình-cờ trong đời Ngài, hoặc như một từng-trải mà người khác cũng có thể gặp. Sự chết của Ngài là độc-nhất vô-song; Ngài tuyên-bố rằng Ngài chịu chết để « làm giá chuộc nhiều người » (Ma. 20 : 28), và để « cho nhiều người được tha tội » (Ma. 26 : 28). Trước kia, Ngài đã bày-tỏ lẽ cần-thiết của Đức Chúa Trời vì phán rằng Ngài « phải đi đến thành Giê-ru-sa-lem... và phải bị giết » (Ma. 16 : 21) thế nào, thì cũng một thế ấy, lúc này có lẽ Ngài ngụ-ý tỏ ra ý-định của Đức Chúa Trời vì phán rằng Ngài « sẽ bị nộp trong tay người ta ».

Tuy-nhiên, sự chết của Đấng Christ chẳng được nêu lên như một biến-cổ lẽ-loi; Ngài liên-kết nó với một biến-cổ khác, không sao phân-rẽ được, tức là sự sống lại của Ngài. « Nhưng đến ngày thứ ba, Ngài sẽ sống lại » (câu 23b). Dự-ngôn của Ngài chẳng phải lời sàu-thẩm báo trước của một người tử-đạo, song là dự-liệu rõ-ràng của Cứu-Chúa thiên-thượng. Ngài thấy mình cần phải chịu chết để chuộc tội, song cũng thấy chắc-chắn mình sẽ đắc-thắng vì phục-sanh. Thập-tự-giá là biểu-tượng thích-đáng cho nhiều điều cần-thiết trong Cơ-đốc-giáo, song ta không

bao giờ nên để nó che-khuất thân-hình oai-nghiêm của Vua sống lại, được vinh-hiền và ngự lên trời.

«Các môn-đồ bèn lo-buồn 1 lắm.» Họ buồn-rầu vì có thiện-cảm với Ngài và tận-tụy kính-mến Ngài; nhưng một phần cũng là buồn-rầu vì không có lòng tin. Họ đã bắt đầu hiểu Ngài có ý phán-tỏ điều chi khi dùng danh-từ «chết», song không thể nào hiểu nghĩa sự «sống lại» này. Cũng một thể ấy, tang-chế của chúng ta đáng bị trừ-bỏ bởi sự yên-ủi phát-sanh từ Đấng Christ sống lại, đến nỗi ta chẳng «buồn-rầu như người khác không có sự trông-cậy» (I Tê. 4: 13).

7. Chúa Jêsus đóng thuế cho Đền-thờ (17: 24-27).

²⁴ Khi đã đến thành Ca-bê-na-um, những người thu thuế của đền-thờ đến hỏi Phi-e-rô rằng: Thầy ngươi có nộp tiền thuế chăng? ²⁵ Phi-e-rô trả lời rằng: Có. Và khi Phi-e-rô vào nhà, thì Đức Chúa Jêsus hỏi đón trước rằng: Hỡi Si-môn, ngươi nghĩ sao? Các vua thế-gian thu lương lấy thuế ai? Thu của con trai mình hay là của người ngoài? ²⁶ Phi-e-rô thưa rằng: Người ngoài. Ngài phán rằng: Vậy thì các con trai được miễn thuế! ²⁷ Song le, để chúng ta khỏi làm gương xấu cho họ, thì ngươi hãy ra biển cá, bắt lấy con cá nào dính câu trước hết, banh miệng nó ra, sẽ thấy một đồng bạc ở trong. Hãy lấy đồng bạc đó, và đem nộp thuế cho ta với ngươi.

Không có sách Tin-Lành nào khác chép sự-việc này. Nó được chép trong sách Tin-Lành Ma-thi-ơ là thích-ứng lắm. Đây là «Sách Tin-Lành của Vua», và truyện-tích lạ-lùng này là truyện-tích của một Vua. Nó gồm một lời tự nhận là Vua, một nhượng-bộ và một mạng-lệnh của Vua.

Chúa Jêsus vừa mời dạy các môn-đệ về Thần-vị thiên-thượng và công-ơn cứu-chuộc của Ngài. Phi-e-rô đã tuyên-xưng Ngài là Con Đức Chúa Trời. Khi Chúa và môn-đệ trở về Ca-bê-na-um, thì người ta hỏi ông rằng Thầy của ông có đóng nửa đồng bạc mà mỗi người Y-sơ-ra-ên hằng năm phải đóng như khoản thuế ủng-hộ cuộc

1. Hoặc dịch là: buồn-rầu.

thờ-phượng trong Đền-thờ chẳng ? Phi-e-rơ thường đáp : « Có ». Tuy-nhiên, có phải vấn-đề đơn-giản như vậy chẳng ? Chính Phi-e-rơ đã nghe Chúa Jêsus tự xưng là « tôn-trọng hơn Đền-thờ » (Ma. 16 : 6), — vậy, Ngài có phải làm theo yêu-sách của Đền-thờ chẳng ? Phi-e-rơ đã tuyên-xưng Ngài là Con Đức Chúa Trời, — vậy, Ngài có buộc phải ủng-hộ Nhà Đức Chúa Trời chẳng ? Ngài đã « đến để phó sự sống mình làm giá chuộc nhiều người » (Ma. 20 : 28), — vậy, chính Ngài phải đóng « tiền chuộc » mà nghi-lễ đạo Do-thái đòi-hỏi chẳng ?

Chắc trong trí-óc Phi-e-rơ thấy hơi lúng-túng, nên ngay khi tới trước mặt Chúa, ông bèn tìm cách tự binh-vực ; nhưng Chúa Jêsus « đón trước » ông bằng một lời quở-trách tỏ-tường khi Ngài tự-nhận là được miễn thuế. Đó là lời tự-nhận của Vua và được thể-hiện trong một thí-dụ ngắn-ngủi : « Hỡi Si-môn, người nghĩ sao ? Các vua thế-gian thâu lương lấy thuế ai ? Thâu của con trai mình, hay là của người ngoài ? Phi-e-rơ thưa rằng : Người ngoài. Ngài phán rằng : Vậy thì các con trai được miễn thuế ! » (câu 25b, 26). Ý-nghĩa hoàn-toàn minh-bạch : Chúa Jêsus tự-nhận là Con Thiên-thượng của Đức Chúa Trời, và với tư-cách Con Đức Chúa Trời, Ngài tuyên-bố mình không cần phải đóng thuế ủng-hộ cuộc thờ-lạy Đức Chúa Trời. Lời tự-nhận lạ-lùng thay ! Nếu không đúng như vậy, thì há chẳng phải là phạm-thượng sao ?

Theo sau có sự nhượng-bộ của Vua. « Song le, để chúng ta khỏi làm gương xấu cho họ¹, thì người hãy ra... nộp thuế cho Ta với người » (câu 27). « Để chúng ta khỏi làm cho họ vấp-phạm », — vậy, Chúa Jêsus cần-thận, tránh xúc-phạm người ta khi không cần-thiết. Dân-chúng thành Ca-bê-na-um không hiểu rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời. Nếu Ngài không chịu đóng khoản thuế ít-ỏi đó, thì họ sẽ cho Ngài là phản-tôn-giáo và xúc-phạm vật thánh. Do sự hạ mình của bậc đế-vương, Ngài đã từ-bỏ các quyền-lợi đế-vương. Tuy-nhiên, những người biết Ngài là Con Đức Chúa Trời cần phải hiểu rằng Ngài không hạ thấp một lời tự nhận nào. Phi-e-rơ cần phải biết Chúa Jêsus cần chịu

1. Hoặc dịch là : khỏi làm cho họ vấp-phạm.

đóng thuế trên căn-bản nào ; và môn-đệ ngày nay cần được nhắc cho nhớ không những các lời tự nhận thiên-thượng của Đấng Christ, song luôn cả tấm gương sáng của Ngài khi Ngài cảnh-cáo họ đừng luôn luôn nhấn mạnh quyền-lợi mình, song phải, với lòng khoan-hồng vương-giả, từ-bỏ quyền-lợi trong trường-hợp nếu không từ-bỏ, thì gây cho kẻ khác hiểu lầm và xúc-phạm họ vô-ích.

Sau-cùng, Chúa Jê-sus truyền một mạng-lệnh đế-vương. «Ngươi hãy ra biển cá, bắt lấy con cá nào dính câu trước hết, banh miệng nó ra, sẽ thấy một đồng bạc ở trong: Hãy lấy đồng bạc đó, và đem nộp thuế cho Ta với ngươi» (câu 27b). Phép lạ Chúa hứa đó chắc đã đặc-biệt hấp-dẫn Si-môn Phi-e-rô, vốn là người đánh cá ; nhưng phép lạ này truyền một sứ-điệp cho mỗi người theo Đấng Christ. Ngoài Ngài ra, ai có thể truyền một mạng-lệnh như vậy ? Đây chắc phải là Vua thiên-thượng cầm quyền trên bất-cứ «vật gì lội đi các lối biển» (Thi. 8 : 8).

Cũng hãy chú-ý điềm cuối-cùng : «Hãy... đem nộp thuế cho Ta với ngươi.» Ngài không phán : «Cho chúng ta.» Phi-e-rô nộp thuế trên căn-bản khác ; ông không thể tự nhận là Con Đức Chúa Trời ; ông cần một giá chuộc linh-hồn mình. Chúng ta cần giá chuộc ấy, và Vua thiên-thượng đã từ-ái trù-liệu giá ấy cho ta.

CHƯƠNG THỨ CHÍN

CÁC TỘI-TỘI CỦA VUA

(Chương 18 đến 20)

1. Chúa Jêsus cảnh-cáo chớ gây cho vấp-phạm (18 : 1-14).

1 Trong lúc đó, môn-đồ lại gần Đức Chúa Jêsus, mà hỏi rằng : Ai là lớn hơn hết trong nước thiên-đàng ?² Đức Chúa Jêsus gọi một đứa trẻ đến, để ở giữa môn-đồ,³ mà phán rằng : Quả thật, ta nói cùng các ngươi, nếu các ngươi không đổi lại và nên như đứa trẻ, thì chẳng được vào nước thiên-đàng đâu.⁴ Vậy, hễ ai trở nên khiêm-nhường như đứa trẻ này, sẽ là lớn hơn hết trong nước thiên-đàng.⁵ Hễ ai vì danh ta chịu tiếp một đứa trẻ thế này, tức là chịu tiếp ta.⁶ Song, nếu ai làm cho một đứa trong những đứa nhỏ này đã tin ta sa vào tội-lỗi, thì thà buộc cối đá vào cò, mà quăng nó xuống đáy biển còn hơn.

7 Khốn-nạn cho thế-gian vì sự gây nên phạm tội ! Vì sự gây nên phạm tội phải có ; song khốn-nạn thay cho ai là kẻ gây nên phạm tội !⁸ Nếu tay hay là chơn ngươi làm cho người sa vào tội-lỗi, hãy chặt và ném nó cho xa ngươi đi ; vì thà ngươi què chơn hay là cụt tay mà vào nơi hằng sống, còn hơn là đủ cả hai tay hay là hai chơn mà bị quăng vào lửa đời đời.⁹ Nếu con mắt ngươi làm cho người sa vào tội-lỗi, thì hãy móc mà ném cho xa ngươi đi ; vì thà ngươi một mắt mà vào nơi hằng sống, còn hơn là đủ hai mắt mà bị quăng vào lửa địa-ngục.

10 Hãy giữ mình đừng khinh-dễ một đứa nào trong những đứa trẻ này ; vì ta bảo các ngươi, các thiên-sứ của chúng nó trên trời thường thấy mặt Cha ta, là Đấng ở trên trời. (1)
12 Các ngươi tưởng thế nào ? Nếu người nào có một trăm con chiên, một con bị lạc mất đi, thì há chẳng để chín mươi chín con lại trên núi, mà đi kiếm con đã lạc mất sao ?
13 Quả thật, ta nói cùng các ngươi, nếu người kiếm lại

(1) Có mấy bản cũ thêm câu 11 rằng : Vì Con người đã đến cứu sự đã mất.

được, thì lấy làm vui-mừng về con đó hơn chín mươi chín con không lạc. ¹⁴ Cũng thế ấy, Cha các người ở trên trời không muốn cho một đứa nào trong những đứa trẻ này phải hư-mất.

Các chương 18, 19, 20 của sách Tin-Lành này phần nhiều liên-quan đến một loạt bài Giảng Christ diễn-giảng cho các môn-đệ. Các bài giảng này đều cốt để dạy-dỗ các tội-tứ của Vua. Các bài trong chương 18 đã giảng ở Ca-bê-na-um trong dịp Chúa Jê-sus thăm-viếng thành ấy lần chót. Còn các bài trong hai chương sau đã giảng đang khi Chúa Jê-sus đi qua xứ Bê-rê, trên đường đi đến Giê-ru-sa-lem và Thập-tự-giá.

Cơ-hội giảng bài thứ nhứt là câu hỏi nêu lên giữa các môn-đệ Chúa Jê-sus rằng ai trong vòng họ sẽ « là người lớn hơn hết trong Nước Thiên-đàng? » (câu 1). Có một điều đáng khen trong cuộc tranh-luận của họ, vì nó tỏ ra họ tin các lời hứa của Đấng Christ, coi Nước Thiên-đàng là một thực-sự vinh-quang, và coi địa-vị cao-trọng trong Nước ấy là tuyệt-đối đáng mong-ước đạt tới. Lẽ tự-nhiên, có nhiều kiêu-ngạo và tự-tin lộ ra trong cuộc tranh-luận của họ; vậy nên Chúa Jê-sus đã quở-trách họ. Ngài kêu một em bé đến, đặt nó ở giữa họ và phán rằng: « Quả thật, Ta nói cùng các người, nếu các người không đổi lại và nên như đứa trẻ, thì chẳng được vào nước Thiên-đàng đâu » (câu 3). Họ đã đi sai hướng. Nếu muốn lên địa-vị cao-trọng, thậm-chí nếu thật muốn được vào Nước Thiên-đàng, thì họ phải quay lại. Trước kia, Chúa Jê-sus đã bảo họ rằng Nước Thiên-đàng thuộc về « những kẻ nghèo phần thần-linh » (Ma. 5: 3—theo nguyên-văn), và bây giờ để quở-trách tánh kiêu-ngạo của họ, Ngài chỉ cho họ thấy một em bé, vì Ngài muốn gợi ý rằng cái điều họ cần là có lòng tin-cậy, cảm thấy mình tùy-thuộc Chúa và khiêm-nhường. Ba điểm này dầu không thấy trong hết thầy trẻ em, nhưng dính liền với tuổi thơ-ấu và hợp thành cái gọi là tinh-thần con trẻ. Chúa Jê-sus quả-quyết với họ rằng lòng khiêm-nhường là con đường đi tới địa-vị cao-trọng hơn hết trong Nước Thiên-đàng. Tuy-nhiên, Ngài có ý phán rằng khiêm-nhường chẳng những là tự coi mình thấp-thỏi,

hoặc thiếu tự-tin, song là sẵn-sàng mong-ước làm công-việc thấp-thỏi vì Danh của Vua ; ấy vì Ngài phán thêm : « Hễ ai vì Danh Ta chịu tiếp một đũa trẻ thề này, tức là chịu tiếp Ta » (câu 5). Sẵn lòng sẵn-sóc cả một đũa trẻ, vui-vẻ gánh-vác công-việc thấp-thỏi đường ấy, — đó chính là dấu-hiệu có tinh-thần làm cho cao-trọng thật trước mặt Vua.

Sau khi khen-ngợi những kẻ giống con trẻ như vậy, Chúa bèn cảnh-cáo các môn-đệ, kéo họ gây cho một « đũa nhỏ » này vấp-ngã. Khi Chúa Jêsus nói đến « những đũa nhỏ » (câu 6), thì Ngài không chỉ về kẻ trẻ tuổi mà thôi, song còn nhắc tới người có từng-trải, sức mạnh, hiểu-biết, hoặc cơ-hội ít-ôi giống như con trẻ. Chúa Jêsus tuyên-bố rằng sẵn lòng chăm-sóc những người như vậy chính là dấu-hiệu cao-trọng. Mặt khác, nếu muốn dất-đưa một « đũa nhỏ » đường ấy vào tội-lỗi, nếu gây cho một kẻ vô-năng-lực và chưa tự-lập đường ấy vấp-phạm hoặc sa-ngã, thì là tội nặng đến nỗi Chúa tuyên-bố rằng người nào làm như thế đáng bị « buộc cối đá vào cổ, mà quăng xuống đáy biển còn hơn » (câu 6). Số-phận này còn dễ chịu hơn số-phận đời-chờ kẻ xúc-phạm một con-cái của Vua.

Chúa Jêsus tuyên-bố rằng thế-gian đầy-dẫy cám-dỗ và « sự gây nên phạm tội »¹ ; nhưng Ngài cảnh-cáo môn-đệ, kéo có ai trong vòng họ cố ý gây cho kẻ khác sa-ngã chẳng. Ngay cả môn-đệ Ngài cũng có thể làm việc hồ-nhục ấy. Vậy, cần phải tự-chế hết sức nghiêm-khắc. Dầu phải hy-sinh lớn-lao đường nào, ta cũng phải giữ mình cho khỏi phạm trọng-tội ấy. Nếu cần, cũng phải sẵn lòng hy-sinh những gì quý-báu như bàn tay hoặc bàn chơn. Dầu thiệt-mất cay-dắng nhứt, dầu từ-bỏ cái gì lòng mình coi quý nhứt, cũng còn bội phần tốt hơn là bị quăng vào lửa đời đời.

Sau khi nêu lên hiềm-họa vì gây cho một « trong những đũa nhỏ... đã tin » Ngài vấp-phạm, Chúa Jêsus còn cảnh-cáo môn-đệ chớ khinh-dề những kẻ theo Ngài với một tinh-thần tin-cậy và lệ-thuộc. Ngài cảnh-cáo như vậy, viện lẽ rằng họ được Đức Chúa Cha ở trên trời coi là quý-báu

1. Hoặc dịch là : cơ-hội vấp-ngã.

biết bao ! Ngài tuyên-bố rằng các thiên-sứ phục-dịch, che-chở hoặc đại-diện cho họ được ở gần ngài Đức Chúa Trời hơn hết, vậy nên môn-đệ Ngài không thể coi thường những kẻ mà Đức Chúa Trời coi quý dường ấy. Ngài còn dùng một thí-dụ quen-thuộc và đẹp-đẽ. Ngài gọi lên rằng người chăn quan-tâm sâu-xa biết bao đến một con chiên đi lạc, và vui mừng khôn xiết khi tìm thấy nó. Cũng một thể ấy, Ngài tuyên-bố rằng : « Cha các người ở trên trời không muốn cho một đứa nào trong những đứa trẻ này phải hư-mất » (câu 14). Như vậy, nếu Đức Chúa Cha yêu-thương họ dường ấy, thì chúng ta cũng phải yêu-thương họ, và tránh bất-cứ điều gì có thể xúc-phạm họ, hoặc gây cho họ sa-ngã. Nếu chúng ta cảm thấy mình có năng-lực và cơ-hội trọng-đại hơn, như các môn-đệ thuở xưa, thì chớ nghĩ rằng mọi điều đó cho mình quyền ngời chỗ cao nhưt trong Nước Thiên-đàng, trừ khi ta vui-vẻ và thường-xuyên dùng nó để giúp-đỡ, dắt-dẫn, yên-ủi những tội-tờ yếu-đuối và thấp-thỏi hơn của Vua.

2. Chúa Jê-sus dạy phải đối-xử với kẻ phạm lỗi thể nào (18 : 15-35).

15 Nếu anh em người phạm tội cùng người, thì hãy trách người khi chỉ có người với một mình người; như người nghe lời, thì người được anh em lại. 16 Ví bằng không nghe, hãy mời một hai người đi với người, hầu cứ lời hai ba người làm chứng mà mọi việc được chắc-chắn. 17 Nếu người không chịu nghe các người đó, thì hãy cáo cùng Hội-thánh, lại nếu người không chịu nghe Hội-thánh, thì hãy coi người như kẻ ngoại và kẻ thu thuế vậy. 18 Quả thật, ta nói cùng các người, hễ điều gì mà các người buộc ở dưới đất thì cũng sẽ buộc ở trên trời, và điều gì mà các người mở ở dưới đất thì cũng sẽ mở ở trên trời. 19 Quả thật, ta lại nói cùng các người, nếu hai người trong các người thuận nhau ở dưới đất mà cầu-xin không cứ việc chi, thì Cha ta ở trên trời sẽ cho họ. 20 Vì nơi nào có hai ba người nhưn danh ta nhóm nhau lại thì ta ở giữa họ.

21 Phi-e-rơ bèn đến gần Đức Chúa Jê-sus mà hỏi rằng : Thưa Chúa, nếu anh em tôi phạm tội cùng tôi, thì sẽ tha cho

họ mấy lần? Có phải đến bảy lần chăng? ²² Ngài đáp rằng: Ta không nói cùng ngươi rằng đến bảy lần đâu, nhưng đến bảy mươi lần bảy.

²³ Vậy nên, nước thiên-đàng giống như vua kia, muốn tính sổ với các đầy-tớ mình. ²⁴ Khi vua khởi soát sổ, thì có người đem nộp một tên kia mắc nợ vua một vạn ta-lăng. ²⁵ Bởi vì người chẳng có gì mà trả, thì chủ dạy bán người, vợ con và gia-tài người, để trả nợ. ²⁶ Kẻ đầy-tớ này bèn sắp mình xuống nơi chôn chủ mà xin rằng: Thưa chủ, xin giãn cho tôi, thì tôi sẽ trả hết! ²⁷ Chủ bèn động lòng thương-xót, thả người về, và tha nợ cho. ²⁸ Nhưng khi đầy-tớ đó ra về, gặp một người trong bạn làm việc, có thiếu mình một trăm đơ-ni-ê, thì nắm bóp cò bạn mà nói rằng: Hãy trả nợ cho ta! ²⁹ Người bạn sắp mình xuống mà nài-xin rằng: Xin giãn cho tôi, thì tôi sẽ trả cho anh. ³⁰ Song người chẳng khứng, cứ việc bắt bỏ tù cho đến khi trả hết nợ. ³¹ Các bạn thấy vậy, buồn lắm, đến thuật lại cùng chủ mình mọi điều đã xảy ra. ³² Chủ bèn đòi đầy-tớ ấy đến mà nói rằng: Hỡi đầy-tớ độc-ác kia, ta đã tha hết nợ cho ngươi, vì ngươi cầu-xin ta; ³³ ngươi há lại chẳng nên thương-xót bạn làm việc ngươi như ta đã thương-xót ngươi sao? ³⁴ Chủ nổi giận, phú nó cho kẻ giữ ngục cho đến khi nào trả xong hết nợ. ³⁵ Nếu mỗi người trong các ngươi không hết lòng tha lỗi cho anh em mình, thì Cha ta ở trên trời cũng sẽ xử với các ngươi như vậy.

Khi cảnh-cáo môn-đệ về «sự gây nên phạm tội» (18 : 7), Chúa Jêsus bảo họ rõ rằng trên thế-giới hiện-tại chắc có phạm tội, và bây giờ Ngài tỏ ra môn-đệ phải đối-xử thế nào với kẻ phạm tội nghịch cùng anh chị em tin-hữu. Chỉ-thị của Ngài cốt để hướng-dẫn mỗi cá-nhân tin-đồ, song cũng dùng để dạy-bảo toàn-thê tin-đồ hợp thành Hội-thánh Ngài. Vậy, nếu có người nào phạm tội nghịch với mình thì trước hết, ta phải đến riêng cùng người ấy, và tìm cách phục-hòa. Có lẽ người phạm tội nghịch đó ăn-năn, và tinh thần-hữu được khôi-phục. Tuy-nhiên, nếu người phạm tội nghịch không chịu xưng-nhận làm-lỗi, thì kẻ bị xúc-phạm phải đem theo một, hai tin-hữu để buộc tội trước mặt họ và đề kêu-gọi người kia ăn-năn cùng bởi-

hoàn. Trong trường-hợp những cố-gắng riêng-tư đó thất-bại, thì phải trình nội vụ cho Hội-thánh phân-xử, và nếu người phạm tội nghịch vẫn không lay-chuyển, thì phải loại-trừ hẳn ra ngoài sự tương-giao và tình đồng-bạn của đoàn-thể tin-dò Đấng Christ. Phải coi « hấn như kẻ ngoại¹ và kẻ thù thuế vậy » (câu 17). Khi kỷ-luật thi-hành một cách cần-trọng và đầy thiện-cảm như vậy, thì các quyết-định của Hội-thánh Đấng Christ sẽ được Đức Chúa Trời phê-chuẩn, « sẽ buộc ở trên trời » (câu 18). Tuy-nhiên, Hội-thánh phải cầu-xin Đức Chúa Trời hướng-dẫn. Chúa hứa hiện-diện và quả-quyết với họ rằng Ngài sẽ trả lời dứt-khoát. Trước hết, lời hứa này liên-quan đến những trường-hợp trực-tiếp thi-hành kỷ-luật, song cũng bao-gồm nhiều sự-việc khác nữa và khuyến-khích ta hiệp chung cầu-nguyện. « Nếu hai người trong các người thuận nhau ở dưới đất mà cầu-xin không cứ việc chi, thì Cha Ta ở trên trời sẽ cho họ » (câu 19).

Trong mọi lời dạy-dỗ về cách đối-xử với người phạm tội nghịch đó, Chúa Jê-sus đã ngụ-ý rằng phải luôn luôn tha-thứ cho kẻ ăn-năn. Vậy, nào có lạ gì, các môn-dệ hỏi Ngài có giới-hạn nào cho sự rộng-lượng tha-thứ kẻ phạm tội nghịch đó chẳng? « Phi-e-rơ bèn đến gần Đức Chúa Jê-sus mà hỏi rằng: Thưa Chúa, nếu anh em tôi phạm tội cùng tôi, thì sẽ tha-thứ cho họ mấy lần? Có phải đến bảy lần chẳng? » Ngài đáp rằng: « Ta không nói cùng người đến bảy lần đâu, nhưng đến bảy mươi lần bảy » (câu 21, 22). Lẽ tự-nhiên, Chúa chúng ta không phán theo nghĩa đen, nhưng Ngài có ý dạy rằng đối với tin-dò Đấng Christ, không thể có giới-hạn nào cho lòng sẵn-sàng tha-thứ của họ. Tha-thứ cho kẻ ăn-năn thì tỏ ra tinh-thần đế-vương của kẻ thật lòng theo Vua. Nó cũng tỏ ra lòng cảm-kích vì ơn tha-thứ mà Đấng Christ đã tru-liệu cho mỗi người đã đầu quân phục-vụ Ngài. Đề soi sáng cho chân-lý sâu-xa hơn đó, Chúa Jê-sus thuật lại thi-dụ về đầy-tớ không thương-xót. Thi-dụ này chẳng được một tác-giả nào khác ghi-chép, và nó thật phù-hợp với sách Tin-Lành của Vua đây, vì truyện-tích liên-quan đến một « vua kia » có người

1. Nguyên-văn là : người dân ngoại.

mắc nợ « một vạn ta-làng » (câu 24). Dầu suốt đời cũng không ai trả nổi món tiền ấy. Theo thời-giá, nó tương-đương với trên 12 triệu Mỹ-kim (khoảng một tỷ bạc Việt-Nam). Khi con nợ không có chi mà trả và kêu xin thương-xót, thì vua « động lòng thương-xót, thả người về, và tha nợ cho » (câu 27). Rõ-ràng lắm, đó là bức tranh mô-tả mối liên-hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời và với ân-diễn hay tha-thứ của Ngài. Chắc hẳn chúng ta chẳng có chi mà trả. Ngày này qua ngày khác, món nợ chúng ta cứ gia-tăng; nó vượt quá mọi mức, và ta không có hy-vọng trả xong. Dầu người ta sống đời trọn- vẹn trong tương-lai song cũng chẳng có chi để đền-bù khuyết-diêm trong quá-khứ, cho xứng với sự vàng lời và phục-dịch đáng phải hằng ngày « nộp » lên Vua Thiên-thượng. Nhưng Ngài đã tha hết nợ cho chúng ta một cách vô-diều-kiện; Ngài đã thủ-tiêu hết mọi nợ-nần vì cơ Con yêu-dấu của Ngài, — trong Con ấy, « chúng ta được cứu-chuộc bởi Huyết Ngài, được tha tội theo sự dư-dật của ân-diễn Ngài » (Êph. 1 : 7).

Đề đối-chiếu mạnh-mẽ, Chúa Jê-sus mô-tả một tội-tớ khác của vua ấy mắc con nợ được tha kia một số tiền nhỏ, là « một trăm đơ-ni-ê » (câu 28), tương-đương với 15 Mỹ-kim (khoảng 1.200 đồng Việt-Nam). Nhưng anh này kêu xin thương-xót, thì bị « bắt bỏ tù cho đến khi trả hết nợ » (câu 30). Đó há chẳng phải bức tranh sâu-sắc mô-tả lòng vô-ơn mà chúng ta tỏ ra khi xử ác-tệ với và không tha-thứ cho anh chị em tín-đồ sao? Ấy vì nếu so-sánh với số nợ Đức Chúa Trời đã tha cho ta, thì tội họ phạm nghịch cùng ta nhỏ quá. Nào có lạ gì, Chúa Jê-sus kết-luận thí-dụ bằng cách cho ta biết lời vua quở-trách con nợ nhẫn-tâm mà vua đã tha cho: Vua « nổi giận, phú nó cho kẻ giữ ngục cho đến khi nào trả xong hết nợ » (câu 34). Rồi Ngài mạnh-mẽ phán thêm: « Nếu mỗi người trong các người không hết lòng tha lỗi cho anh em mình, thì Cha Ta ở trên trời cũng sẽ xử với các người như vậy » (câu 35). Những ai không chịu tha-thứ kẻ đồng-loại, thì không thể đòi-xin hoặc hưởng được ơn tha-thứ của Đức Chúa Trời; nhưng đứng trước ân-diễn của Đức Chúa Trời khải-thị trong Cứu-

Chúa, chúng ta phải nhớ lời của Sứ-đồ Phao-lô: «Hãy ở với nhau cách nhơn-tử, đầy-dẫy lòng thương-xót, tha-thứ nhau như Đức Chúa Trời đã tha-thứ anh em trong Đấng Christ vậy» (Eph. 4:32).

3. Chúa Jêsus dạy về hôn-nhân (19: 1-12).

1 Đức Chúa Jêsus phán lời ấy xong rồi, thì từ xứ Ga-li-lê mà đi đến bờ-cõi xứ Giu-đê, bên kia sông Giô-đanh. 2 Có nhiều đoàn dân đông theo Ngài, và Ngài chữa lành các kẻ bịnh ở đó.

3 Người Pha-ri-si bèn đến gần để thử Ngài, mà rằng: Không cứ vì có gì, người ta có phép để vợ mình chăng? 4 Ngài trả lời rằng: Các ngươi há chưa đọc lời chép về Đấng Tạo-Hóa, hồi ban đầu, dựng nên một người nam, một người nữ, 5 và có phán rằng: Vì có đó người nam sẽ lia cha mẹ, mà dính-dính với vợ mình; hai người sẽ cùng nên một thịt, hay sao? 6 Thế thì, vợ chồng không phải là hai nữa, nhưng một thịt mà thôi. Vậy, loài người không nên phân-rẽ những kẻ mà Đức Chúa Trời đã phối-hiệp!

7 Họ lại hỏi Ngài rằng: Vậy chớ sao Môi-se đã dạy lập tờ đề đặng để vợ đi? 8 Ngài phán rằng: Vì có lòng các ngươi cứng-cỏi, nên Môi-se cho phép để vợ; nhưng, lúc ban đầu, không có như vậy đâu. 9 Và, ta phán cùng các ngươi, nếu ai để vợ mình không phải vì có ngoại-tình, và cưới vợ khác, thì người ấy phạm tội tà-dâm; và hễ ai cưới người bị để, thì phạm tội ngoại-tình. 10 Môn-đồ thưa rằng: Nếu phận người nam phải xử với vợ mình như vậy, thì thà không cưới vợ là hơn! 11 Ngài đáp rằng: Chẳng phải mọi người đều có thể lãnh được lời này, chỉ người sẵn có ban cho như vậy mà thôi. 12 Vì có người hoạn từ trong lòng mẹ; có người hoạn vì tay người ta, và có người tự mình làm nên hoạn vì có nước thiên-đàng. Người nào lãnh nỗi lời ấy thì hãy lãnh lấy.

Chúa Jêsus đã dời khỏi xứ Ga-li-lê lần chót. Ngài đi về phía nam, qua xứ Bê-rê. Xứ này không có chép trong Tân-Uớc, nhưng khu-vực nhỏ-hẹp mang tên ấy nằm ở phía

đông sông Giô-đan, và cư-dân phần lớn là người Do-thái. Chạy qua vùng này có con đường du-hành thích-thú cho những ai đi từ xứ Ga-li-lê đến xứ Giu-đê. Chúa Jê-sus không còn tìm nơi ẩn-dật nữa. Chung-quanh Ngài có những đoàn dân đông-đúc, trong đó có nhiều người Ngài đã chữa lành cho. Tuy-nhiên, Ngài còn dạy-dỗ môn-đệ, vừa bởi công-việc do quyền-năng thiên-thượng của Ngài, vừa bởi những bài Ngài diễn-giảng tùy theo cơ-hội. Ba đề-mục đầu-tiên liên-quan đến đời sống xã-hội của môn-đệ Đấng Christ. Ngài luận về hôn-nhân, con trẻ và sự giàu-có.

Đề-mục thứ nhất trong ba đề-mục này gọi lên bởi kẻ thù-nghịch tấn-công Chúa Jê-sus. Người Pha-ri-si quyết-định tiêu-diệt Ngài. Chúng đến cùng Ngài với một câu hỏi cốt đề khiến Ngài bối-rối, và nếu có thể được, thì làm cho Ngài mất thế-diện trước mặt đám đông và hiến cơ-hội bắt Ngài. Vấn-đề nêu lên liên-quan đến sự ly-dị. Các đạo-sư đương thời ấy không đồng quan-diểm về sự dạy-dỗ của luật-pháp; người thì quả-quyết rằng ly-dị chỉ hợp-pháp trong trường-hợp một bên phạm tội ngoại-tình; kẻ thì quả-quyết rằng có thể ly-dị vì một trong nhiều duyên-cớ khác nhau, thậm-chí chỉ vì không thích. Chúa Jê-sus tránh bẫy-giò họ và đặt nguyên-tắc căn-bản cho sự bền-vững của xã-hội loài người. Không những Ngài đồng ý với nhóm người giữ quan-niệm chặt-chẽ hơn về hôn-nhân, song Ngài cũng nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời đã nhất-định hôn-nhân không thể thủ-tiêu được. Ngài luận rằng luật hôn-nhân do Đức Chúa Trời thiết-lập từ khi sáng-thế: « Các ngươi há chưa đọc lời chép về Đấng Tạo-Hóa, hỏi ban đầu dựng nên một người nam, một người nữ..., hay sao? » (câu 4,5b). Chúa Jê-sus trưng-dẫn lời A-dam thể-hiện ý-chỉ Đức Chúa Trời: « Vì cớ đó, người nam sẽ lia cha mẹ, mà dính-diu với vợ mình; hai người sẽ cùng nên một thịt » (câu 5a); xem Sáng. 2: 23-24. Chúa Jê-sus gợi ý rằng vợ chồng liên-hiệp về thần-thể cũng như về thần-linh. Sợi dây hôn-nhân ràng-buộc không thể nào đứt, trừ khi một bên không trung-tin giữ lời hứa-nguyện lúc thành-hôn. Ly-dị chỉ là một hành-động của pháp-chế loài người, thì không thể nào hủy-bỏ mối liên-hiệp do Đức Chúa Trời thiết-lập. « Vậy, loài người không nên phân-rẽ những kẻ mà Đức Chúa Trời đã

phối-hiệp?» (câu 6). Thế-giới ngày nay cần sự dạy-dỗ long-trọng của Chúa đó là đường nào! Không nên thành-hòn một cách nhẹ dạ, hoặc thiếu lời khuyên-bảo, và dây hôn-nhân cũng không thể buông lỏng, viện cớ tánh-tinh chẳng hợp, thói quen khó chịu, hoặc lòng yêu-thương đã tiêu mất. Dây hôn-nhân chỉ có thể đứt vì cớ sự chết hoặc tội-lỗi.

Dầu kẻ thù-ngịch của Chúa Jê-sus không hoàn-toàn ngạc-nhiên trước quan-diêm chặt-chẽ của Ngài đối với hôn-nhân, nhưng chúng phấn-khởi vì thấy, theo như chúng giả-định, rằng sự dạy-dỗ của Ngài mâu-thuẫn với Luật-pháp Môi-se. «Họ lại hỏi Ngài rằng: Vậy chờ sao Môi-se đã dạy lập tờ đề dặng đề vợ di?» (câu 7). Chúa Jê-sus liền đáp: «Vi cớ lòng các người cứng-cỏi, nên Môi-se cho phép đề vợ; nhưng lúc ban đầu, không có như vậy đâu.» (câu 8). Môi-se chẳng khuyến-khích ly-dị, nhưng hạn-chế nó và qui-định nó. Ông đã nhận-thức lòng cứng-cỏi của chính-dân Đức Chúa Trời. Ly-dị không phải là lý-trường. Nếu lòng người ta thanh-khiết, vô-tội, thì không cần có ly-dị. Khi mới do Đức Chúa Trời thiết-lập, thì hôn-nhân là mối liên-hiệp không thể nào tan-vỡ.

Giữa vòng người Do-thái, hễ cho ly-dị, thì đồng-thời cũng ban cho quyền tái-hôn. Thời nay, chúng ta nên phân-biệt hai sự-kiện đó. Dường như ai nấy tin rằng cả người có tội trong vụ án ly-dị cũng có quyền tái-hôn. Chúa Jê-sus không hề tranh-luận về trường-hợp này. Những cặp vợ chồng đã bị tội ngoại-tình xen vào, thì có khi nên lo cho được chia-lia hợp-pháp, tức là ly-dị. Chắc cũng có thể cho phép ly-dị trong trường-hợp hôn-nhân thật đã tan-vỡ vì tội ngoại-tình; nhưng dạy rằng khi được ly-dị rồi, người có tội sẽ được kể là vô-tội và tục-hôn lúc nào mình muốn và với người nào mình muốn, thì lại hoàn-toàn là một vấn-đề khác. Có một cái gì đặc-biệt sâu-sắc trong lời Chúa phán rằng: «Nếu ai đề vợ mình không phải vì cớ ngoại-tình, và cưới vợ khác, thì người ấy phạm tội tà-dâm; và hễ ai cưới người bị đề, thì phạm tội ngoại-tình» (câu 9).

Cách giải-thích luật-pháp chặt-chẽ như vậy làm cho các môn-đệ của Chúa chúng ta giật mình. Nếu thậm-chí không

thể tránh khỏi một cuộc hôn-nhân bất-mãn và vô-phước, thì họ kết-luận rằng: «Thà không cưới vợ là hơn!» (câu 10). Chúa Jêsus đáp rằng đối với một số người, có lẽ không kết-hôn là hơn, và dầu hôn-nhân đáng phải là qui-luật cho mọi người nhưng một số người vẫn có thể được đặc-miễn. Như Chúa Jêsus đã tuyên-đổ, một số người do thiên-nhiên và khuynh-hướng cấu-tạo, không nên kết-hôn; kẻ khác ở vào tình-trạng và trường-hợp mà kết-hôn chẳng phải là khôn-ngaoan; cũng có người tình-nguyện không kết-hôn vì cơ-chức-vụ đặc-biệt mà, nếu ở độc-thân, họ có thể thi-hành đắc-lực hơn hết cho Đấng Christ. Vậy, dầu Chúa Jêsus ngụ-ý rằng có thể cho phép ở độc-thân, nhưng Ngài chẳng khuyên-dục môn-đệ ở độc-thân, và Ngài chỉ cho tình-trạng độc-thân là thuận-tiện trong những trường-hợp bất-thường.

4. Chúa Jêsus đón-tiếp con trẻ (19 13-15).

¹³ Khi ấy, người ta đem các con trẻ đến, đặng Ngài đặt tay trên mình và cầu-nguyện cho chúng nó; môn-đồ quở-trách những người đem đến. ¹⁴ Song Đức Chúa Jêsus phán rằng: Hãy để con trẻ đến cùng ta, đừng ngăn-trở: vì nước thiên-đàng thuộc về những kẻ giống như con trẻ ấy. ¹⁵ Ngài bèn đặt tay trên chúng nó, rồi từ đó mà đi.

Cảnh-tượng đẹp-dẽ này có thêm ý-nghĩa nhờ khung cảnh đặt nó vào. Chúa Jêsus vừa mới luận đến tánh-chất thanh-khiết của hôn-nhân, nhờ đó mà an-ninh gia-đình được đảm-bảo; bây giờ Ngài dạy về tánh-chất thiêng-liêng của con trẻ làm cho gia-đình được hoàn-toàn, vĩnh-viễn và có sự chăm lo cao-thượng-hóa nó. «Khi ấy, người ta đem các con trẻ đến, đặng Ngài đặt tay trên mình và cầu-nguyện cho chúng nó» (câu 13). Có lẽ cha mẹ bông-ăm những đứa trẻ này. Họ mong-ước Chúa chúc phước cho chúng nó, để tượng-trưng cho mối liên-hệ mật-thiết, và sự tiếp-xúc thiêng-liêng với Đấng Christ mà mọi người làm cha mẹ đều nôn-nả tìm-kiếm cho con-cái mình.

«Môn-đồ quở-trách những người đem đến» (câu 13b). Dường như họ cảm thấy rằng con trẻ chẳng quan-trọng

chi, không nên để chúng xen vào công-việc hoặc đòi-hỏi Đấng Christ săn-sóc. Ngày nay có nhiều điều toan cản-trở cha mẹ đem con-cái đến cùng Chúa; phong-tục, cầu-thả, hồ-hững, sợ-hãi, nhút-nhát, thậm-chí bạn-hữu nữa, dường như đóng vai các môn-đệ kia, cùng lập mưu để ngăn-cản và quở-trách những ai thật ước-mong thấy con-cái mình được dẫn-đưa đến cùng Đấng Christ.

Câu đáp của Chúa Jê-sus đã chiếu hào-quang không phai-mờ quanh khuôn mặt mỗi đứa trẻ yếu-ớt: «*Hãy để con trẻ đến cùng Ta, đừng ngăn-trở*» (câu 14a). Vua chú-ý đến và tra-thích về yếu-ớt hồn-nhiên của chúng. Về ấy há chẳng cảm-động chúng ta sao? Chúng ta há chẳng nên cảm thấy rằng không có công-việc nào thẩm-nhuần tinh-thần Đấng Christ hơn và được phước hơn sự săn-sóc con trẻ? Chúng ta chỉ là tội-tớ chân-chánh của Vua, một khi cảm thấy tiếng con trẻ kêu-gọi và làm thỏa-mãn nhu-cầu thân-thể, trí-khôn và thần-linh của chúng.

«*Vì Nước Thiên-đàng thuộc về những kẻ giống như con trẻ ấy*» (câu 14b). Chúng có quyền được Nước ấy. Không phải những đứa trẻ đặc-biệt đó; cũng không phải hết thấy con trẻ nói chung, nhưng mọi người, bất-cứ tuổi nào, có lòng tin-cậy, tùy-thuộc Chúa và trong-sạch y như con trẻ, mọi người nương-nhờ Vua và ân-diễn hay nâng- đỡ của Ngài, sẽ được vào Nước vinh-hiễn Ngài.

«*Ngài bèn đặt tay trên chúng nó; rồi từ đó mà đi*» (câu 15). Nhưng bất-cứ nơi nào người ta được nghe Danh Ngài, thì lời chúc phước của Ngài cũng thật đem ơn-phước cho. Cơ-đốc-giáo là tôn-giáo đặc-biệt coi trọng các quyền-lợi của con trẻ. Nơi nào người ta biết, tin-cậy và theo Đấng Christ, thì nơi đó con trẻ là thiêng-liêng và tuổi thơ ấu được đảm-bảo.

5. Chúa Jê-sus dạy về hỵ-sinh và phần thưởng (19 : 16 đến 20 : 16).

a) Người trẻ tuổi giàu-có (19 : 6-22).

¹⁶ *Này, có một người đến hỏi Ngài rằng : Thưa thầy, tôi phải làm việc lành chi cho được sự sống đời đời ?* ¹⁷ *Đức*

Chúa Jêsus đáp rằng: Sao ngươi hỏi ta về việc lành? Chi có một Đấng lành mà thôi. Nếu ngươi muốn vào sự sống, thì phải giữ các điều-răn. ¹⁸ Người hỏi: Những điều-răn gì? Đức Chúa Jêsus phán rằng: Những điều này: Đừng giết người; đừng phạm tội tà-dâm; đừng ăn trộm-cắp; đừng làm chứng dối; ¹⁹ hãy thảo-kính cha mẹ; và: Hãy yêu kẻ lân-cận như mình. ²⁰ Người trẻ đó thưa rằng: Tôi đã giữ đủ các điều này; còn thiếu chi cho tôi nữa? ²¹ Đức Chúa Jêsus phán rằng: Nếu ngươi muốn được trọn- vẹn, hãy đi bán hết gia-tài mà bố-thí cho kẻ nghèo-nàn, thì ngươi sẽ có của quý ở trên trời; rồi hãy đến mà theo ta. ²² Nhưng khi người trẻ nghe xong lời này, thì đi, bộ buồn-bực; vì chàng có của-cải nhiều lắm.

Đây là truyện-tích hào-hứng về một người không thỏa-mãn, mặc dầu giàu-có, trẻ tuổi, có địa-vị và thể-lực. Chàng đến với Chúa Jêsus và nói rằng: «Thưa Thầy, tôi phải làm việc lành chi cho được sự sống đời đời?» (câu 16). Chúa liền quở-trách chàng: «Sao ngươi hỏi Ta về việc lành? Chỉ có một Đấng lành mà thôi» (câu 17). Nếu giả-định rằng đây Chúa Jêsus không tự nhận Ngài vô-tội và là Đức Chúa Trời, thì sai-lầm lắm. Về điểm thứ hai, nhiều người dám quả-quyết Chúa Jêsus gọi ý rằng «hoặc Ngài không lành, hoặc Ngài là Đức Chúa Trời». Thật có như vậy, nhưng không phải điểm quan-trọng. Chúa Jêsus muốn thuyết-phục chàng thanh-niên này nhận-biết nhu-cầu đạo-đức của mình. Ngài ngụ-ý phán rằng chàng dùng chữ «lành» cách vô-ý-thức khi nói với một Đấng mà chàng coi là người làm thầy, thì đã tỏ ra chàng có một ý-niệm nông-cạn về sự lành (thiện-đức). Trước mắt Đức Chúa Trời chí-thánh, và chịu xét-xử theo tiêu-chuẩn công-bình của Ngài, thì người trẻ tuổi tìm đạo kia có thể tự nhận là «lành» chăng? Trong ánh sáng của sự thánh-khiết Đức Chúa Trời, ai có thể tự xưng là công-bình chăng?

Bây giờ Chúa Jêsus đề-nghị thử-nghiệm ý-chỉ mà Đức Chúa Trời đã khải-thị; Ngài nhắc đến Mười Điều-răn, ít nhứt là những Điều-răn về mối liên-quan của người với người. Người tìm đạo cậy công-bình riêng đó lập-tức đáp rằng mình đã vâng-giữ những Điều-răn ấy từ khi còn ít tuổi. Chúa Jêsus nhìn mà yêu-mến chàng thanh-niên có

mục-tiêu đạo-đức cao dường ấy, song bây giờ Ngài dò-xét sâu-xa để tỏ ra rằng chàng chưa bao giờ làm theo tinh-thần của các Điều-răn, mặc dầu chàng tin rằng mình đã vâng-giữ theo văn-tự. Chúa Jê-sus thấy lòng chàng thật vị-kỷ, nên Ngài đề-nghị sự thử-nghiệm tối-cao : « Hãy đi bán hết gia-tài mà bố-thí cho kẻ nghèo-nàn, thì ngươi sẽ có của quý ở trên trời, rồi hãy đến mà theo Ta » (câu 21). Trong câu này, Chúa Jê-sus buộc chàng vào tội vi-phạm bảng thứ hai của Luật-pháp đòi-hỏi người ta phải « yêu kẻ lân-cận như mình » (Ma. 22 : 39). Ngài hứa ban phần thưởng đời đời cho sự hy-sinh ấy, và bằng sự tương-giao cá-nhân, Ngài hiến chàng quyền-năng cùng ảnh-hưởng sẽ giúp chàng vâng-giữ được Luật-pháp một cách trọn-vẹn hơn. Không ai có thể tự nhận là công-bình khi bị phán-xét bởi các Điều-răn theo như Đấng Christ đã giải-thích ; hy-vọng duy-nhiút của ta là đến cùng Ngài để được dắt-dẫn và cứu-giúp. Ngài sẽ phơi trần sự vị-kỷ vẫn giấu kín trong lòng chúng ta, sẽ phát-triển tinh-thần từ-bỏ mình và yêu-thương, là yếu-tố của sự sống đời đời ; và rốt lại, trong Nước Ngài, ta sẽ được ban thưởng để bù lại mọi điều chính mình đã mất.

Chúa chúng ta chẳng đòi-hỏi hết thảy kẻ theo Ngài phải hy-sinh tài-sản trần-gian. Đây, Ngài xử-trí với một trường-hợp đặc-biệt. Ngài đòi-hỏi mọi người từ bỏ bất-cứ điều-chỉ ngăn-trở mình công-khai và thành-thực tương-giao với Ngài. Trong trường-hợp người tìm đạo này, Chúa Jê-sus tỏ cho chàng rõ rằng lòng lạnh của chàng chỉ ở bề ngoài và không đủ mức. Ham-thích tiền-bạc là bệnh lở-loét giấu kín trong linh-hồn chàng ; Chúa Jê-sus còn tỏ cho chàng biết thêm rằng chàng phải lựa-chọn hoặc của-cải hay là sự sống đời đời mà một mình Ngài có thể ban cho. Nào có lạ gì, chàng thanh-niên « đi, bỏ buồn-bực » (câu 22). Chàng đã lựa-chọn tai-hại. Chàng đã nói một « lời từ-chối vĩ-đại ». Trước kia, của-cải chẳng làm thỏa lòng chàng ; bây giờ nó lại càng ít thỏa lòng chàng. Chàng nhận-biết mình yếu-duối và có cần gì ; nhưng chàng đã giữ lại của-cải và chối-bỏ Cứu-Chúa mình. Chàng mong muốn được điều « lạnh » cao tốt và ước-ao được sự sống đời đời, song chẳng chịu trả giá.

b) *Câu hỏi của Phi-e-rơ (19 : 23-30).*

23 Đức Chúa Jê-sus bèn phán cùng môn-đồ rằng : Quả thật, ta nói cùng các ngươi, người giàu vào nước thiên-đàng là khó lắm. 24 Ta lại nói cùng các ngươi, lạc-đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn một người giàu vào nước Đức Chúa Trời. 25 Môn-đồ nghe lời ấy, thì lấy làm lạ lắm mà nói rằng : Vậy thì ai được rồi ? 26 Đức Chúa Jê-sus ngó môn-đồ mà phán rằng : Điều đó loài người không thể làm được, song Đức Chúa Trời làm mọi việc đều được. 27 Phi-e-rơ bèn thưa rằng : Nay, chúng tôi đã bỏ mọi sự mà theo thầy ; vậy thì chúng tôi sẽ được chi ? 28 Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Quả thật, ta nói cùng các ngươi, đến kỳ muôn vật đổi mới, là khi Con người sẽ ngự trên ngôi vinh-hiền của Ngài, thì các ngươi là kẻ đã theo ta, cũng sẽ ngồi trên mười hai ngôi, mà xét-đoán mười hai chi-phái Y-sơ-ra-ên. 29 Hễ ai vì danh ta mà bỏ anh em, chị em, cha mẹ, con-cái, đất-ruộng, nhà-cửa, thì người ấy sẽ lãnh bội phần hơn, và được hưởng sự sống đời đời. 30 Song có nhiều kẻ ở đầu sẽ nên rốt, và nhiều kẻ ở rốt sẽ nên đầu.

Các môn-đồ đã chứng-kiến một sự-việc bi-thảm. Họ đã thấy một người trẻ tuổi được Chúa hiển cho sự sống đời đời, nhưng sẵn-sàng đổi linh-hồn mình lấy vàng. Bây giờ Chúa Jê-sus làm cho họ sửng-sốt vì Ngài tuyên-bố một chân-lý được soi sáng bởi chính cảnh-tượng họ vừa mới chứng-kiến : « Quả thật, Ta nói cùng các ngươi, người giàu vào Nước Thiên-đàng là khó lắm » (câu 23). Đối với người Do-thái, lời ấy đặc-biệt làm cho họ ngạc-nhiên. Họ trông-tượng rằng giàu-có là bằng-cớ tích-cực tỏ ra mình được ân-huệ của Đức Chúa Trời. Vậy, Chúa Jê-sus muốn bày-tỏ điều chi ? Ngài chẳng định ý dạy rằng giàu-có là tội-lỗi, hoặc nghèo-túng chắc là đức-hạnh, hoặc tư-sản là một tệ-doan của xã-hội. Ngài có ý tỏ ra rằng tài-sản có thể ngăn-cản người ta làm môn-đệ Ngài, và ai tìm cách tự thỏa-mãn bằng tiền-của, ai « cậy sự giàu-có » (Mác 10 : 24), thì không thể vào Nước Đức Chúa Trời. Thập-chí Chúa Jê-sus thêm một lời thích-thú theo khoa-trương-pháp : « Lạc-đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn một người giàu vào Nước Đức Chúa Trời » (câu 24). Người nào muốn vào Nước ấy, thì phải

TU SÁCH
GIA ĐÌNH HỌ HOÀNG

giống như con trẻ ; phải thôi tin-cậy bôn-ngã, thành-tích riêng và công-bình riêng, phải sẵn lòng hy-sinh bất-cứ điều gì xen vào giữa mình và Chúa Jê-sus-Christ. Khi các môn-đệ nghe Chúa phán như vậy, thì ngạc-nhiên và hỏi : « Vậy thì ai được rồi » (câu 25). Chúa đáp : « Điều đó loài người không thể làm được, song Đức Chúa Trời làm mọi việc đều được » (câu 26). Cần phải cương-ng nghị, quyết-định và hy-sinh, nhưng Đức Chúa Trời sẵn-sàng ban cho tất cả ân-diền cần-thiết ; Thánh-Linh Ngài có thể ban sức mạnh cho những ai lấy lòng tin-cậy mà quay đến với Ngài.

Khi chàng thanh-niên buồn-thảm ra đi trong bộ áo sang-trọng, thì Phi-e-rơ nhìn chàng với vẻ khinh-khi tỏ-tượng, rồi xây qua Chúa Jê-sus, tự-mãn mà hỏi rằng : « Này, chúng tôi đã bỏ mọi sự mà theo Thầy ; vậy chúng tôi sẽ được chi ? » (câu 27). Đó chẳng phải một câu hỏi cao-thượng. Nó tỏ ra tinh-thần thương-mại và ham-mến thế-gian ; nhưng Chúa Jê-sus tự giữ cho khỏi thốt ra một lời quở-trách ; một lúc sau, Ngài mới sửa-day Phi-e-rơ bằng cách kể cho ông nghe truyện-tích « những người làm công trong vườn nho ; » song trước hết, Ngài ban cho Phi-e-rơ một lời hứa, và một số môn-đệ Đấng Christ ngày nay cần được lời hứa đó làm cho vững chí. Thỉnh-thoảng một tiếng thì-thầm lọt vào lòng họ, và họ dường như muốn hỏi mình sẽ được phần thưởng gì vì đã hy-sinh cho Danh Đấng Christ ; Chúa Jê-sus đáp lại bằng một lời hứa đế-vương. Ngài tuyên-bổ rằng : « Đến kỳ muôn vật đổi mới » (câu 28), tức là trong đời tương-lai, khi Chúa Jê-sus trở lại và đổi mới muôn vật, thì những người đã theo Ngài qua mọi giai-đoạn thử-thách và hy-sinh hiện-thời, sẽ cùng trị-vi với Ngài trong vinh-quang. Lời hứa này chẳng ban cho những kẻ theo Ngài ngay lúc đó mà thôi, nhưng dành cho mọi người đã hy-sinh vì Danh Ngài. Họ « sẽ lãnh gấp trăm lần » (câu 29b) và « đương hưởng sự sống đời đời » (câu 29c). Tuy-nhiên, Chúa Jê-sus thêm một lời cảnh-cáo ; Phi-e-rơ phải coi chừng lòng tự-tin và kiêu-căng. « Nhiều kẻ ở đầu sẽ nên rốt, và nhiều kẻ ở rốt sẽ nên đầu » (câu 30). Ấy nghĩa là nhiều người, như Phi-e-rơ đã có cơ-hội ở gần Đấng Christ hơn hết trong đời này, có lẽ lại không nhận được phần thưởng lớn nhất. Người ta sẽ chịu xét-đoán tùy theo lòng trung-

tin. Long-trọng hơn nữa, lời này cảnh-cáo những ai như chàng thanh-niên kia, cứ giữ chặt cửa-cải mà từ-chối hầu việc Vua. Quyền-hành và giàu-có của họ ngày nay đặt họ ở hàng đầu cơ-hội. Nhưng có lẽ họ là người cuối-cùng tiếp-nhận Đấng Christ và sự sống đời đời mà Ngài hiến cho.

c) Thí-du về những người làm công trong vườn nho (20 : 1-16).

1 Và, nước thiên-đàng giống như người chủ nhà kia, tảng sáng đi ra, để mướn người làm công cho vườn nho mình. 2 Khi người chủ đã định giá với người làm công, mỗi ngày một đơ-ni-ê, thì sai họ vào vườn nho mình. 3 Ước chừng giờ thứ ba, người chủ lại ra, thấy những kẻ khác rảnh việc, đứng trong chợ, 4 thì nói cùng họ rằng : Các người hãy đi vào vườn nho ta, và ta sẽ trả tiền công phải cho. 5 Họ liền đi. Ước chừng giờ thứ sáu và giờ thứ chín, người chủ lại ra, cũng làm như vậy. 6 Ước chừng giờ thứ mười một, chủ ra, lại thấy những kẻ khác đứng trong chợ, thì hỏi rằng : Sao các người đứng đây cả ngày, không làm gì hết ? 7 Họ trả lời rằng : Vì không ai mướn chúng tôi. Người chủ nói với họ rằng : Các người cũng hãy đi vào vườn nho ta.

8 Đến tối, chủ vườn nho nói với người giữ việc rằng : Hãy gọi những người làm công mà trả tiền công cho họ, khởi từ người rốt cho đến người đầu. 9 Những người làm công mướn từ giờ thứ mười một đến, lãnh mỗi người được một đơ-ni-ê. 10 Rồi tới phiên những người đầu đến, tưởng lãnh được nhiều hơn, song họ cũng lãnh mỗi người một đơ-ni-ê. 11 Khi lãnh rồi, làm-bầm cùng chủ nhà, 12 mà rằng : Những người rốt ấy chỉ làm một giờ, mà chủ đái cũng như chúng tôi, là kẻ đã chịu mệt-nhọc cả ngày và gian nằng. 13 Song chủ trả lời cho một người trong bọn rằng : Bạn ơi, ta không xử tệ với người đâu ; người há chẳng đã định với ta một đơ-ni-ê sao ? 14 Hãy lấy của người mà đi đi ; ta muốn trả cho kẻ rốt này bằng như đã trả cho người vậy. 15 Ta há không có phép dùng cửa-cải ta theo ý-muốn ta sao ? Hay là người thấy ta từ-té mà lấy mắt ganh sao ? 16 Đó, những kẻ rốt sẽ nên đầu và kẻ đầu sẽ nên rốt là như vậy.

Người ta thấy khó giải-thích thí-dụ này chỉ vì nó tách rời khỏi truyện-tích người trẻ tuổi giàu-có và khỏi câu hỏi của Phi-e-rơ mà nó thật thuộc về đó. Thí-dụ này thật cốt đề tỏ ra hiềm-họa vì từ-chối không chịu hầu việc Đấng Christ và vì có tinh-thần thương-mại, mong được phần thưởng trong khi hầu việc Ngài. Truyện-tích này soi sáng nguyên-tắc trọng-đại nêu lên ở câu trước (19 : 30) và ở câu cuối (20 : 16). « Nhiều kẻ ở đầu sẽ nên rốt, và nhiều kẻ ở rốt sẽ nên đầu » Phi-e-rơ dường như tưởng-tượng rằng vì ông đã hy-sinh cho Đấng Christ, nên Ngài buộc phải ban phần thưởng lớn cho ông. Chúa Jê-sus thật hứa ban thưởng, song Ngài muốn quở-trách tinh-thần thúc-giục người ta hầu việc Ngài, — không phải vì kính-mến và biết ơn, song vì cơ phần thưởng Ngài có thể ban cho. Ngài thuật truyện-tích những người làm công, lúc sáng sớm, đã mau-ley chịu giá làm việc khó-nhọc lấy « mỗi ngày một đơ-ni-ê » (câu 2), và những người được nhận vào làm việc nhằm giờ thứ ba, giờ thứ sáu, giờ thứ chín, và cả giờ thứ mười một nữa. Bọn này không giao-kết với chủ nhà chỉ hết, nhưng tin-cậy lòng chân-thành, rộng-rãi của ông. Đến tối, họ cũng nhận được tiền công bằng những người được mướn từ lúc sáng sớm. Bọn thứ nhất bèn phàn-nàn, không phải vì chẳng nhận được tiền công đã thỏa-thuận, song vì kẻ khác làm việc ít hơn mà cũng được trả công bằng mình. Như vậy, Chúa Jê-sus sửa-chữa tinh-thần thương-mại thường thúc-giục các môn-đệ Ngài. Quả thật, Ngài tỏ ra rằng mỗi người sẽ nhận tất cả cái gì mình đáng được, tất cả cái gì mình đã thỏa-thuận giao-kết, song sẽ có lắm sự ngạc-nhiên, không phải vì có ai nhận được ít quá, mà vì có kẻ sẽ nhận được nhiều quá. Ngài có toàn-quyền ban-phát phần thưởng đời đời. Ngài nhìn-nhận rằng một số người có ít cơ-hội phục-vụ hơn kẻ khác; tài-năng và thời-hạn phục-vụ của họ rất hạn-chế; nhưng nếu tin-cậy Ngài, nương-nhờ ân-điễn Ngài, thì họ sẽ ngạc-nhiên trước sự rộng-rãi của Vua. Chắc-chắn được phần thưởng, song phần thưởng chẳng phải là có-tích thật để phục-vụ. Chúng ta phải theo Vua và tìm cách làm đẹp lòng Ngài, không những vì đó chính là đời sống cao-trọng, chân-quí hơn hết, song trên hết, vì Ngài đã làm ơn cho ta dường nào ! Lòng biết ơn sẽ khiến cho sự hy-sinh

được dễ-dàng. Ta có thể tin-cậy lòng yêu-thương của Ngài cho được phần thưởng lạ-lùng mà mình không đáng được.

8. Chúa Jêsus dạy về bậc cao-trọng thật (20 : 17-28).

17 Trong khi Đức Chúa Jêsus đi lên thành Giê-ru-sa-lem. Ngài đem riêng theo mười hai môn-đồ, dọc đường, phán cùng họ rằng : 18 Nay, chúng ta đi lên thành Giê-ru-sa-lem, và Con người sẽ bị bắt nộp cho các thầy tế-lễ cả và các thầy thông-giáo, bọn đó sẽ luận giết Ngài. 19 Họ sẽ nộp Ngài cho dân ngoại hầu đề nhạo-báng, đánh-đập, và đóng đinh trên cây thập-tự ; đến ngày thứ ba, Ngài sẽ sống lại

20 Bấy giờ, có mẹ của các con trai Xê-bê-đê cùng các con mình đến gần Đức Chúa Jêsus, lạy Ngài đặng hỏi một chuyện. 21 Ngài phán rằng : Người muốn chi ? Thưa rằng : Xin cho hai con trai tôi đây ngồi một đũa bên hữu Ngài, một đũa bên tả, ở trong nước Ngài. 22 Đức Chúa Jêsus đáp rằng : Các người không hiểu điều của mình xin. Các người uống được chén mà ta hầu uống không ? Hai người thưa rằng : Chúng tôi uống được. 23 Ngài phán rằng : Thật các người sẽ uống chén ta ; nhưng mà ngồi bên hữu hay bên tả ta, thì chẳng phải tự ta cho được ; ấy là cho những người nào mà Cha ta đã sửa-soạn cho.

24 Mười môn-đồ kia nghe sự xin đó, thì giận hai anh em. 25 Nhưng Đức Chúa Jêsus gọi đến mà phán rằng : Các người biết rằng các vua dân ngoại thì ép dân phải phục mình, còn các quan lớn thì lấy quyền-thế mà trị dân. 26 Trong các người thì không như vậy ; trái lại, trong các người, kẻ nào muốn làm lớn, thì sẽ làm đầy-tớ các người ; 27 còn kẻ nào muốn làm đầu, thì sẽ làm tôi-mọi các người. 28 Ấy vậy, Con người đã đến, không phải để người ta hầu việc mình, song để mình hầu việc người ta, và phó sự sống mình làm giá chuộc nhiều người.

Bà Sa-lô-mê đã xin cho hai con trai mình được địa-vị cao nhất trong Nước tương-lai của Đấng Christ ; bà xin vào chính lúc Ngài lại dự-ngôn rằng Ngài phải chịu thương-khó và chết. Đây thường gọi là dự-ngôn thứ ba, nhưng nói đúng hơn, thì là dự-ngôn thứ tư do Ma-thi-ơ

ghi-chép. Đây chắc là sự-việc mà Đấng Christ lặp đi lặp lại kể từ ngày Ngài tiết lộ quan-trọng lần đầu-tiên tại thành Sê-sa-rê Phi-líp. Đây có thêm những chi-tiết tàn-ác. Không những Ngài phải chịu chết, song còn bị nhạo-báng, đánh đòn và đóng đinh vào Thập-tự-giá. Chúa Jê-sus thấy tỉ-mỉ mọi cơn đau-dớn đang đợi-chờ Ngài, thì càng tăng giá-trị bức tranh mô-tả chi anh-hùng vô-song của Ngài đang khi Ngài oai-nghiêm tiến tới để làm trọn công-ơn cứu-chuộc.

Lời cầu-xin cho Gia-cơ và Giăng vào một thi-giờ như vậy đã đánh dấu mâu-thuẫn giữa sự hi-sinh của Vua và sự vụ-lợi của các môn-đệ Ngài, cũng gia-tăng ý-nghĩa sứ-điệp bây giờ Ngài rao-truyền, liên-quan đến tánh-chất của bậc cao-trọng chân-chánh.

Có những vẻ đẹp trong lời cầu-xin của bà Sa-lô-mê. Nó biểu-lộ lòng yêu-thương thấm-thiết của một bà mẹ vẫn cho rằng không có gì là quá tốt-lành cho các con trai mình. Nó cũng bày-tỏ đức-tin của một bà mẹ. Trong Đấng Tiên-tri ở Na-xa-rét mà bọn cầm quyền ghen-ghét, khinh-dê, bà Sa-lô-mê thấy một Đấng sẽ là « Vua của các vua và Chúa của các chúa » (Khải. 19 : 16). Bà mong-trước hai con mình được địa-vị cao-qui nhưt trong Nước ấy, và đó là một mong-trước mà hết thấy người làm cha mẹ có phép chia-xẻ thích-dàng. Tuy-nhiên, Gia-cơ và Giăng mà mẹ cầu-xin cho, đã tỏ ra là rất kiêu-ngạo, ghen-tị, hiền lành, và Chúa Jê-sus đã từ-ái quở-trách họ. Ngài hỏi họ câu này : « Các người uống chén mà Ta hầu uống không ? » (câu 22). Họ quả-quyết với Ngài rằng mình có thể chia-xẻ chén thương-khó đó. Bấy giờ Ngài giải-thích với họ rằng dầu họ thật phải uống chén ấy, nhưng vinh-dự họ đòi đó sẽ chẳng được ban cho theo ý hồng-bột tâm-thường, hoặc được phân-phối độc-đoán ; phải chiếm được vinh-dự ấy. Các địa-vị cao-trọng trong Nước Ngài chẳng phải được chỉ-định, song phải đạt tới ; người ta được các địa-vị ấy không phải nhờ uy-thế, mà phải xứng-đáng mới được. « Ngồi bên hữu hay bên tả Ta, thì chẳng phải tự Ta cho được ; ấy là cho những người nào mà Cha Ta đã sủa-soạn cho » (câu 23). Quả thật, đến cuối-cùng, phần thưởng có thể do Đấng Christ ban cho, song không phải ban mà chẳng kể đến tư-cách xứng-đáng ; trong đời này và trong

cõi đời đời, những địa-vị cao-quí nhưt trong Nước Ngài sẵn sẵn cho kẻ nào xứng-đáng được.

Lời cầu-xin của Gia-cơ và Giăng làm cho các đạo-hữu bất-bình lắm; song chúng ta không nên kết-luận rằng đó là sự « bất-bình chánh-đáng ». Không những họ bối-rối vì Gia-cơ và Giăng thiếu tri biện-biệt, vì hai ông này cầu-xin bất-công và có thái-độ ích-kỷ. Dường như « mười môn-đồ kia » cũng sai-lầm và có lỗi y như vậy; họ ghen-tị, thèm-muốn và đòi cho mình chính cái mà Gia-cơ và Giăng đã cầu-xin. Chúng ta thường bị cám-đổ nổi dậy bất-bình vì lỗi-lầm của kẻ khác mà chính mình cũng mắc phải.

Chúa Jêsus không quở-trách các môn-đồ, song Ngài luôn dịp ấy mà tuyên-bố định-luật của bậc cao-trọng thật. Ngài đối-chiếu định-luật đó với các tiêu-chuẩn của thế-gian mà môn-đồ Ngài luôn luôn chịu ảnh-hưởng. Đó là một hiềm-họa cho họ. Giữa dân ngoại, giữa các nước, ai cai-trị kẻ khác và được nhiều người phục-dịch, thì được gọi là thủ-lãnh, là lớn; song giữa vòng môn-đồ Đấng Christ, những lý-tưởng khác hẳn phải chiếm ưu-thế; người cao-trọng nhưt chính là người phục-vụ kẻ khác nhiều nhưt. Đối-chiếu với các tiêu-chuẩn ngoại-đạo, Chúa Jêsus nêu lên một nguyên-tắc mà ta có thể dịch như sau đây: « Ai muốn trở nên cao-trọng giữa vòng các người, thì sẽ là đầy-tớ các người; ai muốn làm đầu giữa vòng các người, thì sẽ là tôi-mọi các người ». Phục-vụ là định-luật của bậc cao-trọng trong Nước Đấng Christ; chính Vua cũng chẳng được miễn khỏi định-luật này. Trái lại, chính Ngài treo gương sáng-chối: « Ấy vậy, Con người đã đến, không phải để người ta hầu việc mình, song để mình hầu việc người ta, và phó sự sống mình làm giá chuộc nhiều người » (câu 20). Sự tình-nguyện hy-sinh đó, sự chết thế cho nhiều người đó, lòng yêu-thương hay cứu-chuộc mà môn-đồ Ngài nhìn-biết và tiếp-nhận đó, chính là cốt-tích phục-vụ, và nó cũng là mức đo-lường các bậc cao-trọng thật. Chúng ta là tin-đồ Đấng Christ không phải vì hầu việc người khác; trái lại, chúng ta hầu việc người khác vì mình là tin-đồ Đấng Christ. Tự hy-sinh và giúp ích kẻ khác không thể thay-thế đức-tin nơi Đấng Christ,

nó là cách tự-nhiên biểu-lộ đức-tin và lòng yêu-thương của chúng ta. Chúng ta càng phục-vụ khiêm-nhường, kiên-nhẫn và trung-tín, thì càng gần-gũi Đấng cao-trọng tuyệt-vời, đã yêu-thương ta và phó chính mình Ngài vì ta (Ga. 2 : 20).

7. Chúa Jê-sus chữa cho người mù được sáng (20 : 29-34).

²⁹ Đương khi Đức Chúa Jê-sus và môn-đồ ra khỏi thành Giê-ri-cô, thì có một đoàn dân đông theo Ngài. ³⁰ Ngày, có hai người mù ngồi bên đường, nghe nói Đức Chúa Jê-sus qua đó, thì kêu lên rằng : Lạy Chúa, Con-cháu vua Đa-vít, xin thương-xót chúng tôi ! ³¹ Chúng rầy hai người ấy, biểu nín đi ; nhưng họ kêu lớn hơn nữa, rằng : Lạy Chúa, Con-cháu vua Đa-vít, xin thương-xót chúng tôi ! ³² Đức Chúa Jê-sus dừng lại, gọi hai người mù đến, mà phán rằng : Các ngươi muốn ta làm chi cho ? ³³ Họ thưa rằng : Lạy Chúa, xin cho mắt chúng tôi được mở ra. ³⁴ Đức Chúa Jê-sus động lòng thương-xót, bèn sờ đến mắt họ ; tức-thì hai người thấy được và đi theo Ngài.

Hành-trình qua xứ Bê-rê đã chấm dứt ; Chúa Jê-sus đến gần thành Giê-ru-sa-lem. Ngài đã đi qua thành-phố lớn cuối-cùng, là Giê-ri-cô, nhưng vừa ra khỏi đó, thì Ngài làm phép lạ chữa lành, chứng-minh quyền-năng đế-vương và bày-tỏ lòng cảm-thương hiền-dịu của Ngài. Có hai người mù kêu-xin Ngài cứu-giúp. Một trong hai người này mang tên Ba-ti-mê trong sách Tin-Lành khác. Thị-giác thiêng-liêng của hai người này có vẻ sáng hơn thị-giác thiêng-liêng của toàn-dân sắp-sửa chối-bỏ Vua ; ấy vì họ nhìn-nhận Ngài thật là Đấng Mê-si ; họ tung-hô Ngài là « Con-cháu vua Đa-vít » (câu 30, 31), và tin-cậy quyền-năng thiên-thượng của Ngài, nên được Ngài cứu-giúp từ-ái và lập-tức được giải-thoát khỏi cảnh sầu-khổ, khốn-cùng.

Phép lạ này là thí-dụ về công-on cứu-rỗi của Đấng Christ. Ngài mở « con mắt của sự hiểu-biết » (Êph. 1 : 18—theo nguyên-văn), và ban thị-giác thiêng-liêng cho những kẻ cần thấy cuộc đời rõ-ràng với những phạm-sự đòi-hỏi, những vấn-đề liên-quan đến loài người và Đức Chúa Trời.

Trước hết có bức tranh mô-tả nhu-cầu đáng thương ; họ nghèo-khổ, vô-năng-lực vì đui-mù, chẳng có ai cảm-thương, giúp-đỡ ; họ là bức tranh tả rõ những người hiện nay thiếu thị-giác thiêng-liêng. Gần đó, đối-chiếu hiển-nhiên. có hình-ảnh tôn-nghiêm của Vua ; Ngài đi qua lần cuối-cùng và có thể chữa lành miễn là hai người có thể tiếp-xúc với Ngài.

Rồi có bức tranh của những trở-lực cần phải vượt qua, những hồ-nghi và khó-khăn trên đường của kẻ cần được Đấng Christ rời đến để chữa lành cho. « Chúng rầy hai người ấy, biệt nín đi » (câu 31a). Những người mong thấy ánh sáng và được chữa lành thường phải nghe lời làm cho ngã lòng và ý gọi đưa đến tuyệt-vọng.

Đoạn, có bức tranh nôn-nả quyết-định. « Họ kêu lớn hơn nữa, rằng : Lạy Chúa, Con-cháu vua Đa-vít, xin thương-xót chúng tôi ! » (câu 31b).

Rốt lại là bức tranh cứu-giúp hoàn-toàn. « Đức Chúa Jêsus động lòng thương-xót, bèn rời đến mắt họ ; tức-thì hai người thấy được và đi theo Ngài » (câu 34). Cũng một thể ấy, biết bao người đã tìm thấy Chúa có thể sẵn lòng ban cho họ thị-giác thiêng-liêng ; mắt họ đã được mở ra để thấy những sự-kiện vô-hình và đời đời, để vui-mừng bước đi theo Chúa về hướng Thiên-thành, tại đó họ « sẽ ngắm-xem Vua trong sự tốt-đẹp Ngài » (Ê-sai 33 : 17), và « sẽ giống như Ngài, vì sẽ thấy Ngài như vốn có thật vậy ». (I Giăng 3 : 2).

CHƯƠNG THỨ MƯỜI

VUA BỊ CHỐI - BỎ

(Chương 21 đến 23)

1. Ba hành-dộng làm thí-dụ cảnh-cáo (21 : 1-22).

a) Vua ngự vào thành Giê-ru-sa-lem (21 : 1-11).

1 Vừa khi Đức Chúa Jê-sus cùng môn-đồ gần đến thành Giê-ru-sa-lem, và đã đến thành Bê-pha-giê, bên núi Ô-li-ve rồi, thì Ngài sai hai môn-đồ, ² mà phán rằng : Hãy đi đến làng ở trước mặt các ngươi, tức-thì sẽ gặp một con lừa cái bị cột, với một con lừa con ; hãy mở ra và dắt đến cho ta. ³ Nếu ai có nói chỉ với các ngươi, hãy trả lời rằng Chúa cần-dùng hai con lừa đó ; tức-thì họ sẽ gởi lừa đi. ⁴ Và, điều ấy xảy ra để cho ứng-nghiệm lời của Đấng tiên-tri rằng :

5 Hãy nói với con gái thành Si-ôn rằng :

Này, vua ngươi đến cùng ngươi,

Nhu-mì, cối lừa

Và lừa con, là con của lừa cái mang ách.

6 Hai môn-đồ bèn đi, và làm y theo lời Đức Chúa Jê-sus đã dạy. ⁷ Hai người dắt lừa cái và lừa con, trải áo mình trên lưng lừa, và nâng Ngài cối lên. ⁸ Bấy giờ phần nhiều trong đám dân đông trải áo mình trên đường ; kẻ khác chặt nhánh cây mà rải ra đường. ⁸ Đoàn dân đi trước và theo sau đều kêu lên rằng : Hô-sa-na con vua Đa-vít ! Đáng khen-ngợi cho Đấng nhơn danh Chúa mà đến ! Hô-sa-na ở trên nơi rất cao !

¹⁰ Khi Ngài đã vào thành Giê-ru-sa-lem, thì cả thành đều xông-xao, nói rằng : Người này là ai ? ¹¹ Chúng trả lời rằng : Ấy là Đấng tiên-tri Jê-sus ở thành Na-xa-rét, xứ Ga-li-lê.

Không một sự-việc nào trong đời sống Chúa chúng ta phù-hợp với mục-đích của Ma-thi-ơ hơn cảnh-tượng Vua ngự vào thành Giê-ru-sa-lem. Lẽ tự-nhiên, sự-việc này là một phần thiết-yếu trong truyện-tích của cả bốn sách Tin-Lành ;

song hơn là ở bất-cứ sách Tin-Lành nào khác, nó là tuyệt-điểm xác-đáng và đúng theo một ý-định minh-bạch.

Ma-thi-ơ là sách Tin-Lành của Vua, và đây, Chúa Jê-sus ban một mạng-lệnh đế-vương; Ngài tiến một bước đế-vương, và nhận một lời hoan-hô đế-vương. Theo lệnh Ngài truyền, ai nấy giả-định rằng không người nào từ-chối được. Ngài cỡi lừa ngự vào thành Giê-ru-sa-lem và được theo hầu như một hoàng-đế Đông-phương; Ngài được đoàn dân đồng-đảo tung-hô là « Con vua Đa-vít » (câu 9), là Vua, đáng được tôn-kính và ngợi-khen tột bậc.

Ma-thi-ơ là sách Tin-Lành của sự ứng-nghiệm, và sự-việc này được chép lại để phù-hợp từng chi-tiết tỉ-mỉ với lời tiên-tri trung-dẫn đây. Tuy-nhiên, Ma-thi-ơ cũng là sách Tin-Lành nhấn mạnh vào sự chối-bỏ Chúa Jê-sus, và từ đây trở đi, lòng ghen-ghét chi-từ của những kẻ thù-nghịch Ngài được tỏ ra, sau khi Ngài nhiều lần long-trọng lặp lại lời dự-ngôn về Ngài chịu chết. Dầu đang khi đoàn dân đồng-đảo hoan-hô do xúc-cảm nhứt-thời, sự yên-lặng của bọn cầm quyền cũng là triệu-chứng cho một thảm-kịch. Rõ-ràng Chúa Jê-sus hiến mình cho dân-tộc, nhưng họ sắp-sửa chối-bỏ Ngài và đề cho Ngài bị hủy-diệt. Không có một lúc nào độc-giã bị lừa-dối bởi dân-chúng bùng nổi nhiệt-tâm trong chốc-lát đó. Trên bức tranh chói-lọi đã có bóng Thập-tự-giá đủ xuống.

Cảnh-trạng Vua ngự vào thành Giê-ru-sa-lem này là một thí-dụ bằng hành-động. Không ai giả-định Chúa Jê-sus có ý dùng con lừa mượn, những áo què-mùa trải lên lưng nó, hoặc những người nông-thôn theo hầu Ngài, làm những phần trang-tri của một triều-đình Đông-phương. Những cái đó chỉ tượng-trưng cho đế-vị, và Ngài dùng để tự giới-thiệu với đồng-bào theo tư-cách Đấng Mê-si đã hứa; Ngài kêu-gọi lòng người ta hãy tin-cậy, vâng lời và tôn-kính Ngài; nhưng Ngài cảnh-cáo bọn cầm quyền rằng họ chối-bỏ Ngài tức là chối-bỏ Vua của mình đó, và tự làm tiêu hết hy-vọng cao-qui hơn hết. Tuy-nhiên, một ngày kia, Ngài sẽ hiện ra trong vinh-quang; đoàn người thấp-thỏi đi qua các đờng-phố thành Giê-ru-sa-lem cỡ-thời chỉ là tượng-trưng yếu-ớt về Vua thật ngự đến. Những người hiện nay tiếp-nhận Ngài và dâng cho Ngài sự tự ý

tôn-kính của lòng mình, thì khi ấy sẽ vui-mừng và sẽ hớn-hở vào trong hạnh-phước Nước hoàn-mỹ của Ngài.

b) Đẹp sạch Đền-thờ (21 : 12-17).

12 Đức Chúa Jê-sus vào đền-thờ, đuổi hết kẻ bán người mua ở đó; đồ bàn của người đổi bạc, và ghế của người bán bò-câu. 13 Ngài phán cùng họ rằng: Có lời chép: Nhà ta sẽ gọi là nhà cầu-nguyện; nhưng các người thì làm cho nhà ấy thành ra ô trộm-cướp. 14 Bấy giờ, những kẻ mù và què đến cùng Ngài trong đền-thờ, thì Ngài chữa cho họ được lành. 15 Nhưng các thầy tế-lễ và các thầy thông-giáo thấy sự lạ Ngài đã làm, và nghe con trẻ reo lên trong đền-thờ rằng: Hô-sa-na con vua Đa-vít! thì họ tức-giận, 16 và nói với Ngài rằng: Thầy có nghe điều những đứa trẻ này nói không? Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Có. Vậ chớ các người chưa hề đọc lời này: Chúa đã được ngợi-khen bởi miệng con trẻ và con đương bú, hay sao? 17 Đoạn, Ngài bỏ họ, đi ra khỏi thành mà đến làng Bê-tha-ni và nghỉ đêm ở đó.

Sự lạm-dụng mà Chúa Jê-sus quở-trách đây phát-xuất từ tình-trạng thoát-tiên là một biện-pháp thuận-tiện cho công-chúng, tức là bán cho khách hành-hương ở khu giáp Đền-thờ những tế-lễ mà họ không thể đem từ nhà xa-xôi đến. Lần lần người ta lần đến gần hơn cho tới khi bọn buôn-bán vào hẳn khu Đền-thờ và xâm-phạm hành-lang thánh bởi tiếng ồn-ào làm rối trí, tánh tham-lam và hành-động cường-đoạt, gian-lận.

Khi Chúa chúng ta đuổi bọn người phá rối đó khỏi hành-lang thánh, thì hành-động ấy không phải chỉ là tỷ-dụ về quyền-năng mà một Người cảm thấy chánh-nghĩa của mình là thích-dáng và công-bình, có thể thi-hành đối với những kẻ yếu-đuối, nhút-nhát vì bị lương-tâm cáo tội; cũng không phải chỉ là công-việc của một nhà cải-chánh đang sửa-chữa một tệ-đoan. Về phần Chúa, đây là một thí-dụ bằng hành-động. Đây, Ngài quở-trách toàn-dân mà địa-vị thiêng-liêng được tỏ ra bởi hiên-nhiên coi thường tánh-chất chí-thánh của Nhà Đức Chúa Trời. Đây là biểu-tượng cảnh-cáo rằng án phạt sẽ giáng trên họ vì đã bội đạo và không tin.

Hơn nữa, đây là một cách Chúa Jê-sus tự nhận là Chúa thật của Đền-thờ. Ngài tự liên-hiệp với Đức Chúa Trời, và tuyên-bố Đức Chúa Trời là Cha Ngài; Ngài ủng-hộ lời tự nhận này bằng cách làm nhiều phép lạ chữa bệnh ngay trong hành-lang Đền-thờ. Vậy, cũng như ngày hôm trước, Ngài công-khai tự nhận là Đấng Mê-si đã hứa; và Ngài nhấn mạnh vào lời tự nhận ấy bằng lời đáp lại bọn cầm quyền khi chúng trách Ngài đã để cho con trẻ hô lên « Hô-sa-na » nghinh-đón Ngài. Chúa Jê-sus tuyên-bố rằng con trẻ có lý lắm mà tung-hô Ngài là « Con Vua Đa-vít » (câu 15); rồi Ngài trung-dẫn, và ứng-dụng cho chính mình Ngài, lời một Thi-thiên dự-ngôn chủ-quyền thế-giới thuộc về loài người; tuy-nhiên, Thi-thiên này sẽ được Đấng Mê-si làm cho ứng-nghiệm, và mô-tả quyền cai-trị vô-giới-hạn mà Ngài sẽ thi-hành với tư-cách Vua được chỉ-định. Chúa Jê-sus tuyên-bố những lời chúc-tụng đó được Đức Chúa Trời cho phép, đồng-ý, và được dâng lên Ngài là thích-ứng lắm. Các lời tự nhận này minh-bạch và ý-ngĩa những hành-động tượng-trưng của Ngài rõ-ràng, đến nỗi bọn cầm quyền càng thù-ghét Ngài chí-tử. Vậy, không những đề nghị-ngợi, song cũng đề tránh một cuộc xung-đột công-khai hơn, Chúa Jê-sus đã lánh về làng Bê-tha-ni để qua đêm ở nhà bạn-hữu.

c) *Cây vả đứng (21 : 18-22).*

18 Sáng mai, khi trở lại thành, thì Ngài đói. 19 Thấy một cây vả ở bên đường, Ngài bèn lại gần, song chỉ thấy những lá mà thôi, thì Ngài phán cùng cây và rằng: Mày chẳng khi nào sanh ra trái nữa! Cây và tức-thì khô đi. 20 Môn-đồ thấy điều đó, lấy làm kỳ, nói rằng: Có sao trong giây-phút mà cây vả liền khô đi vậy? 21 Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Quả thật, ta nói cùng các ngươi, nếu các ngươi có đức-tin, và không nghi-ngờ chi hết, thì chẳng những các ngươi làm được điều đã làm cho cây vả mà thôi, song dầu các ngươi biều hồn núi này rằng: Hãy cất mình lên và quảng xuống biển, điều đó cũng sẽ làm được. 22 Trong khi cầu-nguyện, các ngươi lấy đức-tin xin việc gì bất-kỳ, thày đều được cả.

Cây vả không trái bị khô-héo chẳng những là phép lạ do quyền-năng của Đấng Christ, mà còn là một thí-dụ về sự hình-phạt sẽ giáng trên dân Y-sơ-ra-ên vì cơ tội-lỗi và lòng không tin của họ. Trên cây vả, trái xanh có trước, rồi mới sanh ra lá, nên hễ cây có nhiều lá, thì có thể mong hái trái ở đó. Nhưng Chúa Jêsus không thấy một trái nào trên cây này. Tuy-nhiên, cây không trái mà lại có lá xum-xuê chính là biểu-tượng về dân Y-sơ-ra-ên; họ vẫn tự nhận là thánh, vẫn giữ nghi-lễ phô-trương, vẫn duy-trì một hình-thức tin-kính; song khi Vua ngự đến, thì không thấy một trái công-bình nào hết. Bây giờ, theo sau sự chối-bỏ Ngài sẽ có tai-họa cho quốc-gia mà cây vả tàn-héo này là một thí-dụ và một lời cảnh-cáo.

Truyện-tích này có lẽ hơi ngu-ý khuyên-bảo mọi người mang Danh Đấng Christ ngày nay; đời sống phải tương-xứng với điều họ nhận tin, và công-việc họ phải tương-ứng với điều họ tự xưng. Tuy-nhiên, đối với những người theo Ngài ngay lúc đó, Vua dùng phép lạ này làm một sứ-diệp soi sáng và khuyến-khích. Khi các môn-đệ ngạc-nhiên trước quyền-năng Ngài, thì Ngài tuyên-bố rằng họ cũng có thể sử-dụng quyền-năng giống như vậy. Đó là quyền-năng của « sự cầu-nguyện bởi đức-tin » (Gia. 5 : 15), có thể dời núi được. Không nên thử làm theo từ-ngữ Chúa dùng đây, nhưng « sự cầu-nguyện bởi đức-tin » có thể làm nhiều việc không thực-hiện bằng cách khác được. Lẽ tự-nhiên, có những điều-kiện khác mà ta quen-biết, song ta thường bị cảm-đổ quá hạn-chế những điều gồm trong lời hứa này. « Trong khi cầu-nguyện, các người lấy đức-tin mà xin việc gì bất-kỳ, thấy đều được cả » (câu 22).

2. Chúa tự nhận có quyền-lực thiên-thượng (21 : 23-27).

²³ Đức Chúa Jêsus vào đền-thờ rồi, đương giảng đạo, có các thầy tế-lễ cả và các trưởng-lão trong dân đến mà hỏi rằng : Bởi quyền-phép nào mà thầy làm những sự này, và ai đã cho thầy quyền-phép ấy ? ²⁴ Đức Chúa Jêsus đáp rằng : Ta cũng sẽ hỏi các người một điều; nếu trả lời được, thì ta cũng sẽ nói cho các người bởi quyền-phép nào mà ta đã

làm những việc đó. ²⁵ Phép báp-têm của Giăng bởi đâu ? Bởi trên trời hay là bởi người ta ? Vả, họ bàn riêng với nhau như vậy : Nếu chúng ta đáp rằng : Bởi trên trời, thì người sẽ nói với ta rằng : Vậy sao không tin lời người ấy ? ²⁶ Còn nếu đáp rằng : Bởi người ta, thì chúng ta sợ thiên-hạ, vì thiên-hạ đều cho Giăng là đáng tiên-tri. ²⁷ Vậy, họ trả lời Đức Chúa Jê-sus rằng : Chúng tôi không biết. Ngài bèn phán cùng họ rằng : Ta cũng không bảo cho các ngươi bởi quyền-phép nào mà ta làm những điều này.

Khi Chúa Jê-sus đến thành Giê-ru-sa-lem, thì Ngài liền bị hết thầy nhà cầm quyền và thủ-lãnh Do-thái công-kích. Họ đố-thách Ngài quả-quyết rằng Ngài hành-động bởi quyền-lực nào khi Ngài nhận lấy vinh-dự với tư-cách Đấng Mê-si, hoặc khi đuổi bọn buôn-bán ra khỏi Đền-thờ như ngày hôm qua. Câu hỏi của họ « đóng khung » trong tài-khéo xảo-quyệt : « Bởi quyền-phép nào mà Thầy làm những sự này, và ai đã cho Thầy quyền-phép ấy ? » (câu 23). Họ đặt Chúa Jê-sus vào chỗ tiến thoái lưỡng nan ; nếu Ngài tự nhận rằng quyền-lực ấy đã được ủy-nhiệm cho Ngài, thì Ngài có thể bị tố-cáo là bất-chánh và chủ-trương ly-giáo, vì chiếm chỗ của các chức-quyền đã được thừa-nhận của quốc-gia Do-thái ; nếu Ngài tự nhận là có quyền-lực thiên-thượng cố-hữu, vì là một với Đức Chúa Trời, thì Ngài có thể bị lên án là phạm-thương.

Chúa Jê-sus làm cho kẻ thù ngậm miệng vì một câu hỏi lại đặt họ vào tình-trạng tiến thoái lưỡng nan : « Phép báp-têm của Giăng bởi đâu ? Bởi trên trời hay bởi người ta ? » (câu 25). Chúng không thể nói : « Bởi trên trời, » vì chúng đã chối-bỏ Giăng ; chúng cũng không dám nói : « Bởi người ta, » vì chúng sợ nhân-dân vẫn coi Giăng là một tiên-tri. Chúng thử lẫn-tránh bằng câu đáp hèn-nhát : « Chúng tôi không biết » (câu 27). Bất-tri chủ-nghĩa (*agnosticism*) thường hèn-nhát và không đáng được kính-trọng bao nhiêu.

Chúa Jê-sus còn làm hơn là khiến chúng ngậm miệng ; Ngài trả lời chúng. Câu hỏi của Ngài chẳng phải là câu đố không thích-đáng mà Ngài dùng để đối-phó với một khó-khăn và tri-hoãn một lời đáp cần-thiết. Ngài dứt-khoát ngụ-ý rằng quyền-lực của Giăng từ Đức Chúa Trời mà có, và quyền-

lực của Ngài cũng y như vậy. Nhưng vì chúng sợ không dám chối quyền-hành thiên-thượng của Giăng, nên cũng không thể chối quyền-hành của Chúa Jêsus. Hơn nữa, Ngài ngụ-ý rằng nếu chúng tiếp-nhận sứ-diệp của Giăng, thì cũng phải sẵn-sàng tiếp-nhận Ngài. Quả thật, nếu ta sợ thừa-nhận kết-luận hợp-lý của những mối hoài-nghi và cứ chối-cự, thì không bao giờ có thể hy-vọng khám-phá ra chân-lý.

Hơn nữa, Chúa Jêsus đã quở-trách và tố-giác kẻ thù-nghịch. Khi chúng nói : « Chúng tôi không biết », thì Chúa Jêsus biết rằng chúng biết, và nhân-dân biết rằng chúng không thành-thực. Chúa lột trần sự giả-hình ; Ngài đã hoàn-toàn tỏ rõ rằng vấn-đề thật phải giải-quyết là vàng lời, chứ chẳng phải quyền-lực. Kẻ thù Chúa Jêsus làm bộ muốn biết thêm về ủy-nhiệm-thư của Ngài : song chúng thật muốn làm cho Ngài mất thề-diện và gài bẫy Ngài. Bọn thù-nghịch của Chúa chúng ta ngày nay tuyên-bố rằng họ muốn có thêm bằng-cớ hiển-nhiên ; nhưng cái họ thiếu chính là lòng kính-mến Ngài và phục-thuận ý-chỉ Ngài. Những người không ăn-năn khi Giăng giảng-dạy, thì cũng chẳng tin khi Chúa Jêsus hiển Ơn cứu-rỗi cho họ. Ngày nay thế-gian chẳng cần thêm bằng-cớ về quyền-lực thiên-thượng, nhưng cần thêm lòng vàng-phục ý-chỉ Đức Chúa Trời.

Chúa Jêsus tuyệt-đối làm cho kẻ thù-nghịch mất thề-diện trước mặt dân-chúng. Chúng vốn có thẩm-quyền cố-định trong mọi vấn-đề dân-sự và tôn-giáo, nhưng phải công-khai thú-nhận rằng mình không thể phán-đoán một trường-hợp rõ-ràng, quen-thuộc, quan-trọng liên-quan, đến quyền-lực tôn-giáo. Chúng thật đã từ-bỏ địa-vị. Vậy, chúng chẳng còn tư-cách phát-biểu ý-kiến về trường-hợp song-hành, là quyền-lực của Chúa Jêsus. Ngài dùng chính khí-giờ của chúng mà đánh bại chúng. Nào có lạ gì, sau đó, khi bị xét-xử trước mặt bọn quan án ấy, Ngài chẳng chịu đáp lại chúng một lời nào. Ngài đã tỏ ra chúng vô-thẩm-quyền, không thành-thực và không tin. Những người thành-thực hoài-nghi thì đáng được thiện-cảm ; song những kẻ tự nhận là tìm-kiếm chân-lý mà lại không tiếp-nhận các hậu-quả của lòng tin, thì đừng trông-mong nhận được thêm ánh sáng nữa. Muốn hiểu thêm chân-lý Đức Chúa Trời, thì phải đem tấm lòng

và ý-chí mà khiêm-nhường đầu-phục những điếm đã được khải-thị cho mình.

3. Ba thí-dụ về sự phán-xét (21 : 28 đến 22 : 14).

a) Hai đứa con trai ¹ (21 : 28-32).

²⁸ Các người nghĩ làm sao ? Một người kia có hai đứa con trai ; nói cùng đứa thứ nhứt, mà rằng : Con ơi, bữa nay con hãy ra làm vườn nho. ²⁹ Đứa ấy thưa rằng : Vâng, rồi không đi. ³⁰ Đoạn, người cha đi đến đứa thứ hai, cũng bảo như vậy. Đứa này thưa rằng : Tôi không muốn đi. Nhưng sau ăn-năn, rồi đi. ³¹ Trong hai con trai đó, đứa nào làm theo ý-muốn của cha ? Họ đáp rằng : Đứa thứ hai. Đức Chúa Jêsus phán cùng họ rằng : Quả thật, ta nói cùng các người, những kẻ thù thuế và phường đi-điếm sẽ được vào nước Đức Chúa Trời trước các người. ³² Vì Giăng đã theo đường công-bình đến cùng các người, nhưng các người không tin, còn những kẻ thù thuế và phường đi-điếm đã tin người ; và các người, khi đã thấy điều ấy, sau cũng không ăn-năn động tin người.

Khi trả lời bọn cầm quyền cừu-dịch, Chúa Jêsus đã tự nhận có quyền-lực thiên-thượng ; bây giờ Ngài phán thêm ba thí-dụ kết-tội kẻ thù-nghịch và tuyên án chúng luôn với toàn-dân. Thí-dụ thứ nhứt ngán-ngủi, nhưng bén-nhọn. Ngài mô-tả hai đứa con trai : Một cậu không chịu vâng lời cha, nhưng rồi ăn-năn và hầu việc cha ; còn một cậu hứa hầu việc, nhưng cứ không vâng lời. Với đứa con trai thứ nhứt, Chúa Jêsus so-sánh những người thù thuế và điếm-đĩ sau cuộc đời nổi tiếng tội-lỗi, đã ăn-năn khi nghe Giăng giảng-dạy. Với đứa con trai thứ hai, Chúa Jêsus so-sánh bọn cầm quyền tự xưng là công-bình và khoe-khoang nghi-lễ, nhưng cứ sống thật chống-nghịch Đức Chúa Trời. Vậy, Ngài quở-trách bọn cầm quyền vì chúng làm bộ sẵn lòng tiếp-nhận

1. Trong bản Kinh-Thánh tiếng Anh, thứ-tự đảo ngược. Đứa thứ nhứt nói : « Tôi không muốn đi, » nhưng sau ăn-năn, rồi đi. Còn đứa thứ hai nói : « Thưa cha, tôi đi, » nhưng rồi không đi. Trong đoạn giải nghĩa này, tác-giả theo thứ-tự trên đây.

Chúa Jêsus miễn là chúng biết chắc rằng quyền-lực của Ngài do Đức Chúa Trời mà ra. Ngài tuyên-bố rằng nỗi khó-khăn thật của chúng là chúng chẳng muốn vâng theo ý-chỉ Đức Chúa Trời. Ngài quả-quyết rằng chúng, cùng mọi kẻ không chịu ăn-năn và không thành-thực giống như chúng, chẳng bao giờ vào Nước Đức Chúa Trời; Ngài hứa rằng ngay cả tội-nhân xấu-xa hơn hết cũng có thể ăn-năn và được cứu-rỗi.

b) Bọn làm vườn gian-ác (21 : 33-46).

³³ Hãy nghe lời ví-dụ khác. Có người chủ nhà kia, trồng một vườn nho, rào chung-quanh, ở trong đào một cái hầm ép rượu, và cất một cái tháp; rồi cho những kẻ trồng nho mướn, và đi qua xứ khác. ³⁴ Đến mùa hái trái, người chủ sai đầy-tớ đến cùng bọn trồng nho, đặng thu hoa-lợi. ³⁵ Bọn trồng nho bắt các đầy-tớ, đánh người này, giết người kia, và ném đá người nọ. ³⁶ Người chủ lại sai đầy-tớ khác đông hơn khi trước; thì họ cũng đối-đãi một cách. ³⁷ Sau hết, người chủ sai chính con trai mình đến cùng họ, vì nói rằng: Chúng nó sẽ kính-trọng con ta. ³⁸ Nhưng khi bọn trồng nho thấy con đó, thì nói với nhau rằng: Người này là kẻ kế-tự đây; hễ hãy giết nó đi, và chiếm lấy phần gia-tài nó. ³⁹ Họ bèn bắt con ấy, quăng ra ngoài vườn nho, và giết đi. ⁴⁰ Vậy, khi người chủ vườn nho đến, thì sẽ xử với bọn làm vườn ấy thế nào? ⁴¹ Chúng trả lời rằng: Người chủ sẽ diệt đồ hung-ác ấy cách khô-sở, và cho bọn trồng nho khác mướn vườn ấy, là kẻ sẽ nộp hoa-lợi lúc đến mùa. ⁴² Đức Chúa Jêsus phán cùng họ rằng: Các người há chưa hề đọc lời trong Kinh-thánh:

Hòn đá đã bị người xây nhà bỏ ra,

Trở nên đá đầu góc nhà;

Ấy là việc Chúa làm,

Và là một sự lạ trước mắt chúng ta, hay sao? ⁴³ Bởi vậy, ta phán cùng các người, nước Đức Chúa Trời sẽ cất khỏi các người, và cho một dân khác, là dân sẽ có kết-quả của nước đó. ⁴⁴ Kẻ nào rơi trên hòn đá ấy sẽ bị giập-nát, còn kẻ nào bị đá ấy rớt nhằm thì sẽ tan-tành như bụi.

⁴⁵ Các thầy tế-lễ cả và người Pha-ri-si nghe những lời ví-dụ đó, thì biết Ngài nói về mình. ⁴⁶ Họ bèn tìm cách để bắt Ngài; song sợ thiên-hạ, vì thiên-hạ tôn Ngài là đáng tiên-tri.

Chúa Jê-sus đã đáp lại lời đố-thách xảo-quyệt của kẻ thù-nghịch bằng cách tự nhận có quyền-lực thiên-thượng và kết tội chúng không có lòng tin. Bây giờ Ngài thêm thí-dụ thứ hai để nêu rõ hơn Ngài tự nhận là Ai, để càng long-trọng quở-trách bọn cầm quyền cừu-dịch và tuyên án cả dân-tộc mà chúng đại-diện. Ngài kể truyện « chủ nhà kia » thiết-lập và trang-bị một vườn nho, rồi cho những kẻ trồng nho mướn (câu 33). Ông ở nơi xa, và mong thâu giá mướn bằng một phần nào của mùa hái nho. Tuy-nhiên, khi ông sai đầy-tớ đến thâu hoa-lợi, thì đầy-tớ bị chúng ngược-dãi và giết chết. Rốt lại, chính con trai ông cũng bị giết. Ông bèn quyết-định đến, đòi phải thi-hành công-lý, và giao vườn nho cho những người thuê xứng-đáng hơn.

Thí-dụ rõ-ràng đến nỗi ngay kẻ thù-nghịch của Chúa Jê-sus cũng hiểu nghĩa. « Chủ nhà » là Đức Giê-hô-va; vườn nho là nước Y-sơ-ra-ên; bọn trồng nho là bọn cầm quyền mà quốc-gia được giao-phó cho; đầy-tớ là các tiên-tri được sai đến kêu-gọi nhân-dân ăn-năn và dâng trái công-bình cho Đức Chúa Trời. Con Trai là chính Chúa Jê-sus; bằng thí-dụ này, Ngài tự nhận có liên-hệ độc-nhứt vô-song với Đức Chúa Trời, khác hẳn các tiên-tri và mọi sứ-giả, và Ngài cũng rõ-ràng thấy trước rằng Ngài sẽ bị chối-bỏ, bị giết chết. Chủ nhà trở lại tức là Đức Chúa Trời sắp đoán-phạt, chối-bỏ dân Y-sơ-ra-ên, và kêu-gọi người dân ngoại. Lúc này, Chúa Jê-sus chẳng có mục-đích nói đến những người Do-thái cá-nhân sẽ tiếp-nhận Ngài, đến sự hối-cải toàn-dân trong tương-lai mà Phao-lô giải-luận. Bây giờ Ngài muốn nhấn mạnh vào sự chối-bỏ Ngài, vào dân-tộc mắc tội và bị hình-phạt thế nào. Tuy-nhiên, Ngài tuyên-bố rằng kết-quả sự chết của Ngài là Ngài sẽ được tôn cao và toàn-thắng. Ngài là « Hòn Đá đã bị người xây nhà bỏ ra trở nên Đá đầu góc nhà » (câu 42). Ngài cũng cảnh-cáo kẻ thù-nghịch rằng mọi kẻ vấp phải Đá ấy vì không tin, mọi kẻ chối-bỏ Ngài « sẽ bị giập-

nát » (câu 44a), và mọi kẻ tìm cách triệt-hạ Đá này « sẽ tan-tành như bụi » (câu 44b).

c) *Tiệc cưới (22 : 1-14).*

1 Đức Chúa Jê-sus lại phán ví-dụ cùng chúng nữ, rằng :
 2 Nước thiên-đàng giống như một vua kia làm tiệc cưới cho con mình. 3 Vua sai đầy-tớ đi nhắc những người đã được mời đến dự tiệc ; nhưng họ không chịu đến. Vua lại sai đầy-tớ khác mà dặn rằng : Hãy nói với người được mời như vậy : Này, ta đã sửa-soạn tiệc rồi ; bỏ và thú béo đã giết xong, mọi việc đã sẵn cả, hãy đến mà dự tiệc cưới. 5 Nhưng họ không đếm-xỉa đến, cứ việc đi đường mình ; kẻ này đi ra ruộng, kẻ kia đi buôn-bán ; 6 còn những kẻ khác bắt đầy-tớ của vua, mắng-chửi và giết đi. 7 Vua nổi giận, bèn sai quân-lính diệt những kẻ giết người đó, và đốt phá thành của họ. 8 Đoạn, vua phán cùng đầy-tớ mình rằng : Tiệc cưới đã dọn xong rồi ; song những người được mời không xứng dự tiệc đó. 9 Vậy, các ngươi hãy đi khắp các ngã tư, hãy gặp người nào thì mời cả đến dự tiệc. 10 Đầy-tớ đi khắp các đường cái, nhóm lại hết thảy những người họ gặp, bắt-luận dữ lành, đến nỗi trong phòng đầy những người dự tiệc.

11 Vua vào xem khách dự tiệc, chợt thấy một người không mặc áo lễ, 12 thì phán cùng người rằng : Hỡi bạn, sao ngươi vào đây mà không mặc áo lễ ? Người đó làm thinh. 13 Vua bèn truyền cho đầy-tớ rằng : Hãy trói tay chơn nó lại, và quăng ra ngoài nơi tối-tăm, là nơi sẽ có khóc-lóc và nghiến răng. 14 Bởi vì có nhiều kẻ được gọi, mà ít người được chọn.

Người Do-thái khá quen-biết bức tranh mô-tả Nước của Đấng Mê-si như một bữa tiệc mà dân Y-so-ra-ên sẽ ngồi dự, còn người dân ngoại bị loại xa ; song Chúa Jê-sus đảo ngược bức tranh với các chi-tiết mà chỉ có Ma-thi-ơ chép lại, và với mục-đích chính, là tuyên án phạt dân-tộc đang chối-bỏ Ngài.

Ma-thi-ơ là sách Tin-Lành của Vua, và ta hào-hứng vì nhận thấy rằng thí-dụ Chúa phán lúc này trình-bày với ta bữa tiệc do Vua chuẩn-bị ; quả thật, đây là « tiệc cưới ».

cho Con mình» (câu 2); còn sách Tin-Lành Lu-ca chỉ mô-tả bữa tiệc lớn do « người kia dọn » (Lu. 14 : 16). Vậy, theo truyền-tích của Ma-thi-ơ, thì cách xử-tri với lời mời còn là vấn-đề nghiêm-trọng bội phần hơn. Lời mời bị khinh-dễ và xao-lãng, còn kẻ đi mời bị ngược-đãi và giết đi. Do đó, những kẻ xúc-phạm bị hình-phạt nặng-nề hơn; chúng bị tiêu-diệt, và thành của chúng bị đốt cháy. Cả sự-việc được ký-thuật đầy với những đặc-sắc của vương-quyền, thật là hoàn-toàn ăn-hiếp với tánh-chất sách Tin-Lành này.

Cũng như trong thí-dụ tương-tự của sách Tin-Lành Lu-ca, mục-dịch của Chúa chúng ta là dùng bức tranh này đề nêu lên tội-ác của toàn-quốc đã chối-bỏ lời mời vào Nước Thiên-đàng. Ngài tỏ ra rõ-ràng sau đó, dân Y-sơ-ra-ên bị từ-bỏ, quốc-gia bị đau-đớn, và thành Giê-ru-sa-lem bị tàn-phá. Cũng rõ-ràng như vậy, thí-dụ này tỏ ra rằng từ các dân ngoại, nhiều người, cả tốt lẫn xấu, sẽ được thâu vào Hội-thánh Đấng Christ. Tuy-nhiên, sẽ có sự phân-rẽ cuối-cùng trước khi người ta được hưởng các ơn-phước của Nước Thiên-đàng. Điềm này được nêu lên bởi số-phận của người ngồi chung với thực-khách, song « không mặc áo lễ » (câu 11). Hẳn bị « quăng ra ngoài nơi tối-tăm » (câu 13). Những ai muốn hưởng vinh-quang Nước Thiên-đàng, thì phải mặc áo công-bình mà Vua vừa đòi-hỏi, vừa sẵn sẵn ban cho mọi người tin-nhận Đấng Christ. « Bởi vì có nhiều kẻ được gọi, mà ít người được chọn » (câu 14). Sự sống đời đời được diễn-tả là một sự lựa-chọn tự-do về phía loài người và một sự tuyển-lựa thiên-thượng về phía Đức Chúa Trời. Giữa vòng dân Do-thái, « nhiều kẻ » chối-bỏ Đấng Mê-si thể nào, thì cũng một thể ấy, giữa vòng những kẻ tự nhận là tín-đồ Đấng Christ, sẽ có lắm người thiếu áo, là đời sống và tâm-tánh công-bình, do đó, rớt lại, họ không được Vua chấp-thuận và không được hưởng vui-mừng trong cung-điện Ngài. Như vậy, trong thí-dụ về tiệc cưới này, Chúa Jê-sus dự-ngôn về dân Y-sơ-ra-ên bị đoán-phạt, người dân ngoại được kêu-gọi, và Đức Chúa Trời đòi-hỏi sự công-bình nơi những người, rớt lại, sẽ chung hưởng vinh-quang của Nước Ngài.

4. Ba câu hỏi gài bẫy (22 : 15-40).

a) Nộp thuế cho Sê-sa ? (22 : 15-22).

15 Bấy giờ người Pha-ri-si đi ra bàn-luận với nhau, để kiểm cách bắt lỗi Đức Chúa Jê-sus về lời nói. 16 Họ sai môn-đồ mình với đảng vua Hê-rốt đến thưa cùng Ngài rằng : Lạy thầy, chúng tôi biết thầy là thật, và theo cách thật mà dạy đạo của Đức Chúa Trời, không tư-vị ai; vì thầy không xem bề ngoài của người ta. 17 Vậy, xin thầy nói cho chúng tôi, thầy nghĩ thế nào : Có nên nộp thuế cho Sê-sa hay không ? 18 Đức Chúa Jê-sus biết ý xấu của họ, bèn đáp rằng : Hỡi kẻ giả-hình, sao các ngươi thử ta ? 19 Hãy đưa cho ta xem đồng tiền nộp thuế. Họ đưa cho Ngài một đơ-ni-ê. 20 Ngài bèn phán rằng : Hình và hiệu này của ai ? 21 Họ trả lời rằng : Của Sê-sa. Ngài bèn phán rằng : Vậy, hãy trả cho Sê-sa vật gì của Sê-sa; và trả cho Đức Chúa Trời vật gì của Đức Chúa Trời. 22 Họ nghe lời ấy, đều sợ-ngạc, liền bỏ Ngài mà đi.

Sáng sớm ngày dạy-dỗ công-khai đáng ghi-nhớ đó, Chúa Jê-sus đã bị tấn-công bởi bọn trưởng-lão, thầy tế-lễ cả và thầy thông-giáo; song Ngài đã đánh bại chúng, phơi ra cho bị chế-giễu, cùng buộc chúng vào tội bội-đạo và sát-nhân. Trong cơn nóng-giận, thù-ghét, chúng muốn giết Ngài lập-tức; song chúng sợ toàn-dân đồng-đạo vẫn hoan-nghinh Chúa Jê-sus nhiệt-liệt. Vậy, để có thể giết Ngài, đầu hết, chúng phải làm cho Ngài mất thế-diện trước nhân-dân. Chúng phải dùng chính sự dạy-dỗ của Ngài mà làm cho Ngài lúng-túng. Vậy, để gài bẫy Ngài, lúc này chúng quay lại với một loạt ba câu hỏi xảo-quyệt; nhưng bấy nào Chúa Jê-sus cũng tránh khỏi; Ngài đáp lại mỗi câu hỏi một cách thỏa-dáng, hoàn-toàn, rồi hỏi lại một câu, làm cho kẻ thù đến cuối-cùng phải ngậm miệng.

Câu hỏi thứ nhất liên-quan đến việc đóng thuế cho chánh-phủ La-mã. Những người Do-thái bảo-thủ hơn quả-quyết rằng Đức Chúa Trời là Đấng cai-trị nước Y-sơ-ra-ên, và đóng thuế để ủng-hộ một quốc-gia ngoại-đạo, thì có thể là trái lẽ. Những người tự-do hơn đứng về phía đảng Hê-rốt, là kẻ nhờ đế-quốc La-mã mà có quyền-hành. Vậy,

bọn thù-nghịch Chúa Jê-sus cử đại-biêu của cả hai phe đến cùng Ngài, tức là người Pha-ri-si và người đảng Hê-rốt; do đó, nếu Ngài tránh không xúc-phạm phe này, thì sẽ làm méch lòng phe kia. Chúng đến gần Chúa Jê-sus với lời đua-nịnh quả-quyết rằng Ngài thành-thực và can-đảm tới mức không ngần-ngại bày-lộ những điều Ngài thật tin quyết trong lòng. Đoạn, chúng hỏi Ngài một câu xảo-quyết: « Có nên ¹ nộp thuế cho Sê-sa hay không? » (câu 17). Chúa Jê-sus sẽ đáp: « Có » chẳng? Như vậy, Ngài không còn được dân-chúng tôn-thờ như thần-tượng nữa, vì họ ghét sự hà-hiếp đáng ghét của chánh-quyền La-mã. Chúa Jê-sus sẽ đáp: « Không » chẳng? Như vậy, kẻ thù-nghịch sẽ vội-vàng dẫn Ngài đến quan thống-đốc La-mã và thập-tự-giá, như một kẻ phản-bội, loạn-nghịch. Dường như là một tình-trạng hoàn-toàn tiến thoái lưỡng nan; Chúa Jê-sus không những thoát khỏi bẫy, song khi trả lời, Ngài công-bố một đạo luật cho muôn đời: « Vậy, hãy trả cho Sê-sa vật gì của Sê-sa; và trả cho Đức Chúa Trời vật gì của Đức Chúa Trời » (câu 21).

Đề tỏ rõ điều Ngài muốn phán-dạy, trước hết, Chúa Jê-sus bảo đem đến một đồng tiền La-mã, và hỏi: « Hình và hiệu này của ai? » (câu 20). Lẽ tự-nhiên, chúng đáp: « Của Sê-sa » (câu 21). Vậy, Chúa Jê-sus nhấn mạnh rằng nếu nhận đồng tiền của Sê-sa, thì chúng phải đóng thuế cho Sê-sa. Ấy nghĩa là nếu người ta nhận sự che-chở của chánh-phủ cùng những đặc-quyền do nó cung-cấp cho, thì có bổn-phận ủng-hộ chánh-phủ ấy. Cơ-đốc-giáo chẳng bao giờ nên liên-hiệp với một đảng chánh-trị hoặc một lý-thuyết xã-hội, song tin-dò Đấng Christ phải luôn luôn đứng về phía trung-thành, trật-tự, và pháp-luật.

Tuy-nhiên, đời người ta chẳng phải toàn là « trả cho Sê-sa vật gì của Sê-sa; » họ còn phải « trả cho Đức Chúa Trời vật gì của Đức Chúa Trời. » Sự thần-phục thứ hai cao-qui hơn gồm cả thần-phục thứ nhất. Kẻ thù Chúa Jê-sus nêu lên một xung-đột của các bổn-phận; nhưng Ngài tỏ ra rằng có sự phù-hợp hoàn-toàn. Tuy-nhiên, Ngài ngụ-ý dạy rằng

1. Hoặc: có hợp-pháp... không?

quên Đức Chúa Trời và các bôn-phận đối với Ngài, như tin-cậy, hầu việc, thờ-phượng, kính-mến, là nguy-hiểm lắm. Nền-tảng chân-chánh của quyền công-dân chính là tận-tụy với Đức Chúa Trời; không một lý-thuyết chánh-trị nào hoặc sự thần-phục đảng-phái nào thay-thế được lòng trung-thành với Ngài. Bọn thù-nghịch Chúa Jê-sus đã được trả lời và bị quở-trách, còn môn-dệ Ngài thì được hướng-dẫn suốt mọi thời-đại tương-lai.

b) Có sự sống lại chăng? (22 : 23-33).

²³ Trong ngày đó, có người Sa-đu-sê là kẻ nói rằng không có sự sống lại, đến gần Ngài mà hỏi rằng : ²⁴ Thưa thầy, Môi-se có nói: Nếu người nào chết mà không có con, thì em sẽ lấy vợ góa anh để nối dòng cho anh. ²⁵ Và, trong chúng tôi có bảy anh em. Người anh lấy vợ và chết đi, nhưng vì chưa có con, nên để vợ lại cho em. ²⁶ Người thứ hai, thứ ba, cho đến thứ bảy cũng vậy. ²⁷ Rốt lại, người đờn-bà cũng chết. ²⁸ Vậy, lúc sống lại, đờn-bà đó sẽ làm vợ ai trong bảy người? vì cả thầy đều đã lấy người làm vợ. ²⁹ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Các ngươi lầm, vì không hiểu Kinh-Thánh, và cũng không hiểu quyền-phép Đức Chúa Trời thế nào. ³⁰ Vì đến khi sống lại, người ta không cưới vợ, cũng không lấy chồng, song những kẻ sống lại là như thiên-sứ trên trời vậy. ³¹ Các ngươi há không đọc lời Đức Chúa Trời phán về sự sống lại của kẻ chết rằng: ³² Ta là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, Đức Chúa Trời của Gia-cốp, hay sao? Đức Chúa Trời không phải là Chúa của kẻ chết, nhưng của kẻ sống. ³³ Chúng nghe lời ấy, thì lấy làm lạ về sự dạy-dỗ của Ngài.

Chúa Jê-sus đã đánh bại phe Pha-ri-si và phe Hê-rốt. Bây giờ Ngài bị tấn-công bởi phe Sa-đu-sê, là phe gồm nhiều thầy tế-lễ và có thế-lực nhưt giữa dân Do-thái. Chúng hoài-nghĩ sự bất-diệt của linh-hồn, không tin có thiên-sứ hoặc thần-linh chi hết, và đại-diện cho những người duy-vật ngày nay. Tuy-nhiên, phải nhận-biết rằng câu chúng hỏi Chúa Jê-sus không liên-quan đến sự bất-diệt, nhưng đến sự sống lại của thân-thể. Chúng nêu lên trường-hợp một người đờn-bà lần-lượt làm vợ của bảy anh

em, và mỗi người phân-cách với mình vì đã chết. Rồi chúng hỏi: «Vậy, lúc sống lại, đờn-bà đó sẽ làm vợ ai trong bảy người?» (câu 28). Chúng hy-vọng rằng Chúa Jê-sus hoặc sẽ chối lòng tin chánh-thống có sự sống lại, hoặc sẽ truyền một điều trái với luật-pháp Môi-se vốn cho những cuộc hôn-nhân kế-tiếp này là hợp-pháp. Câu đáp của Chúa Jê-sus có thể ứng-dụng cho nhiều kẻ hoài-nghi ngày nay: «Các người lăm, vì không hiểu Kinh-Thánh, và cũng không hiểu quyền-phép Đức Chúa Trời thế nào» (câu 29). Hai điềm ngu-dốt này khiến họ trông-tượng một mâu-thuẫn thật ra không bao giờ có. Trước hết là «quyền-phép Đức Chúa Trời»: Ngài có thể ban một sự sống trong đó chẳng có sự chết, hoặc sanh ra, hoặc hôn-nhân, nhưng trong đó có các mối liên-hệ cao-qui hơn cả mối liên-hệ hạnh-phước nhưt thế-gian này. Cuộc sống đó, với các công-lệ cao-qui ấy, phù-hợp những thực-sự và công-lệ của đời sống hiện-tại chúng ta. Thứ hai là «Kinh-Thánh»: Kinh-Thánh tuyên-bố rằng Đức Chúa Trời đã hứa làm gì? Chúa Jê-sus đáp câu hỏi này bằng cách trưng-dẫn chính hệ-thống luật-pháp mà phe Sa-đu-sê đã tham-chiếu: «Ta là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, Đức Chúa Trời của Gia-cốp» (câu 32a). Đoạn, Ngài thêm: «Đức Chúa Trời chẳng phải là Chúa của kẻ chết» (câu 32b). Ngài có ý thiết-định cái thực-sự rằng người chết vẫn tồn-tại; không những vậy, Ngài còn có ý chứng-tỏ có sự sống lại của kẻ chết. Sự sống lại của kẻ chết chính là vấn-đề đang thảo-luận. Danh-từ «sự sống» mà Chúa dùng, chỉ về sự sống bình thường, không phải của linh-hồn không có thân-thể, mà là của linh-hồn bất-diệt mặc lấy thân-thể bất-diệt. Vậy, «kẻ sống» tức là kẻ sống lại. Sự vững-vàng trông-mong một tình-trạng tương-lai đường ấy dựa trên mối liên-quan của chúng ta với Đức Chúa Trời. Nếu Ngài thật là Đức Chúa Trời chúng ta và ta thật là con-cái Ngài, thì cuộc thắng của Tử-thần không thiết-thực và vĩnh-viễn, song sẽ bị chấm dứt bởi vinh-quang của sự sống lại từ trong kẻ chết. Nhiều tin-ngưỡng mà người ta từ-khước vì nó có vẻ mâu-thuẫn với các công-lệ khoa-học hiện biết, thì một ngày kia, sẽ được

giải-thích nhờ khám-phá được những công-lệ cao hơn. Chúng ta phải hỏi Kinh-Thánh đã chép gì, rồi phải tin quyền-năng Đức Chúa Trời đã thực-hiện điều chép đó.

c) Điều-răn nào lớn? (22 : 34-40).

³⁴ Người Pha-ri-si nghe nói Đức Chúa Jê-sus đã làm cho bọn Sa-đu-sê cứng miệng, thì nhóm-hiệp nhau lại. ³⁵ Có một thầy dạy luật trong bọn họ hỏi câu này đề thử Ngài: ³⁶ Thưa thầy, trong luật-pháp, điều-răn nào là lớn hơn hết? ³⁷ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Người hãy hết lòng, hết linh-hồn, hết ý mà yêu-mến Chúa, là Đức Chúa Trời người. ³⁸ Ấy là điều-răn thứ nhất và lớn hơn hết. ³⁹ Còn điều-răn thứ hai đây, cũng như vậy: Người hãy yêu kẻ lân-cận như mình. ⁴⁰ Hết thầy luật-pháp và lời tiên-tri đều bởi hai điều-răn đó mà ra.

Câu thứ ba hỏi Chúa chúng ta thể-hiện một vấn-đề quen-thuộc mà các thầy thông-giao ưa-thích tranh-luận, tức là Điều-răn nào quan-trọng hơn hết? Qui-tắc đạo-đức của họ rất phức-tạp, gồm vô-số yêu-sách và luật-lệ tỉ-mỉ. Lời đáp của Chúa Jê-sus làm cho sửng-sốt, vừa vì sáng-suốt, vừa vì đơn-giản. Ngài tuyên-bố rằng cả bốn-phận loài người, tổng-số nghĩa-vụ đạo-đức, yếu-tố của tất cả luật-pháp Đức Chúa Trời, được thể-hiện và bày-tỏ bằng một danh-từ: «YÊU»! Lòng yêu-thương này phải thi-hành theo hai chiều-hướng: Thứ nhất, đối với Đức Chúa Trời; và thứ hai, đối với loài người. Tất cả Mười Điều-răn và mọi yêu-sách khác của Đức Chúa Trời chỉ biểu-thị nguyên-tắc cao-cả duy-nhất này. Vậy, «Điều-răn thứ nhất» là «yêu-mến Đức Chúa Trời»; đó là làm trọn bản luật-pháp thứ nhất. Nhưng «Điều-răn thứ hai» không thể tách rời Điều-răn thứ nhất; nó gồm phần còn lại của Mười Điều-răn, vì đòi phải «yêu kẻ lân-cận.» Chắc thánh-giả sửng-sốt vì cả «hai Điều-răn đó» trung-dẫn trong Cựu-Uớc, và Điều-răn thứ nhất quen-thuộc tới mức hết thấy mỗi ngày, mọi người Do-thái đọc lại hai lần. Nguyên-tắc yêu-thương đơn-giản và hiền-nhiên biết bao! Nhờ đó, mọi vấn-đề đạo-đức có thể giải-quyết, và mọi nghĩa-vụ đạo-đức có thể thực-hiện.

5. Câu hỏi của Chúa Jêsus (22 : 41-46).

41 Khi người Pha-ri-si nhóm nhau lại, thì Đức Chúa Jêsus hỏi họ rằng : 42 Về Đấng Christ, các người nghĩ thế nào ? Ngài là Con ai ? Họ đáp rằng : Con vua Đa-vít. 43 Ngài đáp rằng : Vậy, vì có nào vua Đa-vít được Đức Thánh-Linh cảm-động, gọi Đấng Christ là Chúa, mà rằng :

44 Chúa phán cùng Chúa tôi :

Hãy ngồi bên hữu ta,

Cho đến khi nào ta đề kẻ thù-nghịch người dưới chơn người ?

45 Vậy, nếu vua Đa-vít xưng Ngài là Chúa, thì Ngài làm Con vua ấy là thế nào ? 46 Không ai thừa lại được một lời, và từ ngày đó, chẳng ai dám hỏi Ngài nữa.

Bọn thù-nghịch đã hỏi Chúa Jêsus ba câu đề làm cho Ngài lúng-túng và mất thế-diện trước dân-chúng. Các câu đáp của Ngài chẳng những làm cho bọn thù-nghịch bỡ-ngỡ, song còn tuyên-bố mấy nguyên-tắc phổ-thông đề hướng-dẫn môn-đệ Ngài. Câu đáp thứ nhất liên-quan đến các phận-sự chánh-trị và công-dân ; câu đáp thứ hai liên-quan đến các công-lê thiên-nhiên và vật-thê ; câu đáp thứ ba ở trong phạm-vi đạo-đức, luân-lý. Bây giờ Chúa Jêsus đưa ra một câu hỏi lại, thê-hiện vấn-đề cao-cả trong phạm-vi triết-lý và tôn-giáo. Câu hỏi này liên-quan đến Thân-vị Đấng Christ : Phải kê Ngài là Người, hay là Đức Chúa Trời ? Hoặc vừa là Đức Chúa Trời, vừa là Người ? Trên thang giai-cấp các đấng-bậc thực-hữu, phải đặt Đấng Christ vào chỗ nào ? Hoặc, theo như Đấng Christ trình-bày vấn-đề, Đa-vít có thể gọi Đấng Mê-si hầu đến vừa là Con mình, vừa là Chúa mình, chẳng ? Chỉ có một câu trả lời ; chỉ có thể có một câu trả lời : Đấng Christ vừa là Người, vừa là Đức Chúa Trời ; Ngài là Con vua Đa-vít, và cũng là Con Đức Chúa Trời. Việc Ngài thành nhục-thê là giải-pháp duy-nhứt cho những khó-khẩn nghiêm-trọng hơn hết của chúng ta trong phạm-vi tín-ngưỡng tôn-giáo. Chúa Jêsus đã tuyệt-đối đánh bại kẻ thù-nghịch và làm cho chúng ngậm miệng ; Ngài kết-thúc cuộc tranh-luận dài dòng bằng

cách cao-cả tự xưng là Đấng Christ mà Đa-vít đã dự-ngôn, là Đấng Mê-si, là Vua đó.

6. Cảnh-cáo về bọn Pha-ri-si (23 : 1-12).

1 Bấy giờ Đức Chúa Jê-sus phán cùng dân-chúng và môn-đồ Ngài rằng : 2 Các thầy thông-giáo và người Pha-ri-si đều ngồi trên ngai của Mô-i-se. 3 Vậy, hãy làm và giữ theo mọi điều họ đã bảo các ngươi ; nhưng đừng bắt-chước việc làm của họ, vì họ nói mà không làm. 4 Bọn ấy buộc những gánh nặng khó chịu, đè trên vai người ta, còn mình thì không muốn động ngón tay vào. 5 Họ làm việc gì cũng cố để cho người ta thấy, mang cái thẻ bài da cho rộng, xú cái tua áo cho dài ; 6 ưa ngồi đầu trong đám tiệc, thích ngai cao nhứt trong nhà hội ; 7 muốn người ta chào mình giữa chợ, và ưng người ta gọi mình bằng thầy ! 8 Nhưng các ngươi đừng chịu người ta gọi mình bằng thầy ; vì các ngươi chỉ có một Thầy, và các ngươi hết thầy đều là anh em. 9 Cũng đừng gọi người nào ở thế-gian là cha mình ; vì các ngươi chỉ có một Cha, là Đấng ở trên trời. 10 Cũng đừng chịu ai gọi mình là chủ ; vì các ngươi chỉ có một Chủ, là Đấng Christ. 11 Song ai lớn hơn hết trong các ngươi, thì sẽ làm đầy-tớ các ngươi. 12 Kẻ nào tôn mình lên thì sẽ bị hạ xuống, còn kẻ nào hạ mình xuống thì sẽ được tôn lên.

Không một sách Tin-Lành nào khác nêu lên tội chối-bỏ Chúa Jê-sus rõ-ràng hơn, hoặc nhấn mạnh hơn vào sự chống-đối tàn-ác của kẻ thù-nghịch Ngài ; do đó, không một tác-giả sách Tin-Lành nào khác ghi-chép lời kết tội nghiêm-khắc hơn do Chúa phán nghịch cùng bọn cầm quyền thù-nghịch. Những lời quở-trách ấy lên tới tuyệt-điểm trong chương này. Chúa Jê-sus đã dùng lý-luận thắng các đối-thủ ; bấy giờ Ngài công-khai cảnh-cáo môn-đệ về chúng, rồi truyền-rao cho chúng một loạt bảy lời nghiêm-trọng : « Khốn cho các ngươi ! » Yếu-tố lời quở-trách của Ngài được thể-hiện trong danh-từ « kẻ giả-hình » lặp đi lặp lại, có ý làm cho chúng nhục-nhã ê-chề.

Chúa Jê-sus kết tội giả-hình của người Pha-ri-si nghiêm-khắc biết bao ! Chúng ta nhận thấy rằng những lời tố-cáo

kịch-liệt hơn hết của Chúa chúng ta luôn luôn dành cho bọn người có đời sống bề ngoài khả-kính và vẫn lớn tiếng nhưt để xưng-nhận lòng tin đạo. Tuy-nhiên, chúng ta phải coi chừng, chớ kết-luận rằng tất xấu công-khai và tội-lỗi tở-tường còn tốt hơn cả đạo-đức vị-kỷ và tự-cao. Chúng ta cũng phải nghe lời cảnh-cáo rằng trách-nhiệm lớn-lao kèm theo các đặc-quyền tôn-giáo và địa-vị cao-trọng; rằng phóng-dăng và tội-lỗi đáng ghê-tởm đặc-biệt khi nó kèm theo sự kiêu-căng tự nhận là thủ-lãnh thiêng-liêng và sự phủ-trương cử-hành nghi-lễ tôn-giáo.

Tội giả-hình của người Pha-ri-si bị nêu lên trong lời cảnh-cáo thứ nhưt mà Chúa Jêsus phán cho các môn-đệ Ngài. Tuy-nhiên, Ngài cần-thận phân-biệt chức-vụ của bọn đạo-sư giả-dối với hành-vi thực-sự của chúng. Ngài nhìn-nhận rằng chúng đáng được người ta lắng tai nghe trong khi chúng nêu cao luật-pháp Môi-se. Ngài phán rằng chúng «đều ngồi trên ngôi của Môi-se» (câu 2), nghĩa là chúng hành-động thay-thế ông và tuyên-bố luật-pháp của ông với tư-cách người dạy cho dân biết ý-chỉ Đức Chúa Trời đã khải-thị. Nếu trung-thành với chức-vụ thánh đường ấy, thì chúng đáng được người ta vâng theo. Tuy-nhiên, ai nấy phải tránh xa lối sống của chúng, nhưt là cách chúng không làm theo chính lời chúng dạy. Không những mắc phải nhiều lầm-lỗi đạo-đức, chúng còn đáng bị kết tội vì thêm vào những yêu-sách của luật-pháp vô-số qui-luật tỉ-mỉ mà phần nhiều chúng nhận được bởi truyền-thống. Các qui-tắc này hợp thành một vòng nghi-lễ vô-vị, rắc-rối, trói-buộc hành-vi của người ta mỗi giờ, suốt ngày, trong mọi hành-động của đời sống, tới mức trở thành một gánh nặng chịu không nổi, một gánh nặng mà bọn Pha-ri-si chẳng hề cố-gắng làm cho nhẹ bớt. Vì bọn đạo-sư này thiếu thành-thực và thiện-cảm, chẳng ai nên tin-cậy hoặc đi theo chúng, còn như bắt-chước chúng thì lại càng chẳng nên.

Chúa Jêsus cảnh-cáo về tánh phủ-trương của chúng : « Họ làm việc gì cũng cố để cho người ta thấy » (câu 5a). Ngài nêu lên hai tỉ-đụ về chủ-nghĩa nghi-lễ khoe-khoang này. Một là chúng « mang cái thẻ bài da cho rộng » (câu 5b). Đây là cái túi bằng da mà người Do-thái cột trên cánh tay và trên trán, trong đó có chép một vài đoạn trích-lược luật-

pháp. Chúng cũng « xú cái tua áo cho dài » (câu 5c), để phô-trương rằng mình cần-thận vâng-giữ các đòi-hỏi tỉ-mỉ hơn hết của luật-pháp nghi-lễ. Chúa Jê-sus cảnh-cáo về chúng tự-cao và thích được khen-ngợi, vì chúng « ưa ngồi đầu trong đám tiệc » (câu 6a), « thích ngồi cao nhứt trong nhà hội » (câu 6b), muốn được người ta chú-ý nơi công-cộng và được nhìn-nhận là thủ-lãnh tôn-giáo.

Khi cảnh-cáo môn-đệ về bọn Pha-ri-si này, Chúa chúng ta đặc-biệt nhấn mạnh vào điểm cuối-cùng. Lời cảnh-cáo này có thể áp-dụng cho thời nay. Tuy-nhiên, khi Ngài nhấn mạnh rằng không được gọi ai là « thầy, » là « cha, » là « chủ, » thì ta chẳng nên giải-thích các danh-từ ấy quá theo văn-tự. Chính những chữ này có thể dùng để tỏ lòng tôn-kính, hoặc để chỉ về phận-sự minh-bạch và địa-vị hữu-trách, ủy-nhiệm ; song ngày nay có cần lời cảnh-cáo ám-ngụ trong lệnh cấm-đoán Chúa truyền ở đây. Trong Hội-thánh luôn luôn có hiềm-họa phát-xuất từ ý thích « ngôi cao, » muốn được đặt-biệt chú-ý, và mong được coi là bề trên những môn-đệ khác của Đấng Christ. Chúa nhắc-nhở rằng là tin-đồ, chúng ta bình-đẳng với nhau, và theo ý-nghĩa chân-chánh hơn hết, chỉ một mình Ngài là Thầy, một mình Ngài đáng được tôn-kính, một mình Ngài là Chủ và Chúa. Trái với tinh-thần của bọn Pha-ri-si, môn-đệ Đấng Christ phải khiêm-nhường, người lớn nhứt trong vòng họ phải đóng vai đầy-tò, và hạ mình xuống là con đường thật đưa lên cao.

7. « Khốn cho » người Pha-ri-si ! (23 : 13-39).

13 Khốn cho các người, thầy thông-giáo và người Pha-ri-si, là kẻ giả-hình ! vì các người đóng nước thiên-đàng trước mặt người ta ; các người không vào đó bao giờ, mà có ai muốn vào, thì lại ngăn-trở.

15 Khốn cho các người, thầy thông-giáo và người Pha-ri-si, là kẻ giả-hình ! vì các người đi khắp dưới nước, trên bộ để khuyên một người vào đạo mình ; và khi đã khuyên được rồi, thì các người làm cho họ trở nên người địa-ngục gấp hai các người.

16 Khốn cho các người, là kẻ mù dẫn đường, các người nói rằng : Nếu người nào chỉ đèn-thờ mà thề, thì không can

chi ; song chỉ vàng của đèn-thờ mà thề, thì phải mắc lời thề ấy. ¹⁷ Hỡi kẻ dại và mù, vàng, và đèn-thờ làm cho vàng nên thánh, cái nào trọng hơn ? ¹⁸ Lại các người nói rằng : Nếu người nào chỉ bàn-thờ mà thề, thì không can chi ; song chỉ của-lễ trên bàn-thờ mà thề, thì phải mắc lời thề ấy. ¹⁹ Hỡi kẻ mù kia, của-lễ, và bàn-thờ làm cho của-lễ nên thánh, cái nào trọng hơn ? ²⁰ Vậy thì người nào chỉ bàn-thờ mà thề, là chỉ bàn-thờ và cả của-lễ trên bàn-thờ mà thề ; ²¹ người nào chỉ đèn-thờ mà thề, là chỉ đèn-thờ và Đấng ngự nơi đèn-thờ mà thề ; ²² còn ai chỉ trời mà thề, là chỉ ngôi của Đức Chúa Trời và Đấng ngự trên ngôi mà thề vậy.

²³ Khốn cho các người, thầy thông-giáo và người Pha-ri-si, là kẻ giả-hình ! vì các người nộp một phần mười bạc-hà, hồi-hương, và rau cần, mà bỏ điều hệ-trọng hơn hết trong luật-pháp, là sự công-bình, thương-xót và trung-tín ; đó là những điều các người phải làm, mà cũng không nên bỏ sót những điều kia. ²⁴ Hỡi kẻ mù dẫn đường, các người lọc con ruồi nhỏ mà nuốt con lạc-đà !

²⁵ Khốn cho các người, thầy thông-giáo và người Pha-ri-si, là kẻ giả-hình ! vì các người rửa bề ngoài chén và mâm, nhưng ở trong thì đầy-dẫy sự ăn cướp cùng sự quá-độ. ²⁶ Hỡi người Pha-ri-si mù kia, trước hết phải lau bề trong chén và mâm, hầu cho bề ngoài cũng được sạch-sẽ.

²⁷ Khốn cho các người, thầy thông-giáo và người Pha-ri-si, là kẻ giả-hình ! vì các người giống như mồ-mà tô trắng bề ngoài cho đẹp, mà bề trong thì đầy xương người chết và mọi thứ dơ-dáy. ²⁸ Các người cũng vậy, bề ngoài ra dáng công-bình, nhưng ở trong thì chan-chứa sự giả-hình và tội-lỗi.

²⁹ Khốn cho các người, thầy thông-giáo và người Pha-ri-si, là kẻ giả-hình ! vì các người xây-đắp mồ-mà của đấng tiên-tri, trau-giồi mồ-mà của người công-bình, ³⁰ và nói rằng : Nếu chúng ta ở cùng một thời với tò-phụ, thì không hòa theo người mà làm đờ máu các đấng tiên-tri vậy. ³¹ Ấy đó, các người tự làm chứng cho mình rằng thật là con-cháu những người giết các đấng tiên-tri. ³² Vậy thì hãy làm cho đầy-dẫy cái lương của tò-phụ các người ! ³³ Hỡi loài rắn, dòng-dối rắn lục kia, thế nào mà tránh khỏi sự đoán-phạt nơi địa-ngục được ?

³⁴ Vội nên, này, ta sai những đấng tiên-tri, kẻ khôn-ngoaan, và thầy thông-giáo đến cùng các ngươi ; trong những người ấy, kẻ thì các ngươi sẽ giết và đóng đinh trên cây thập-tự, kẻ thì các ngươi sẽ đánh-đập trong nhà hội mình, và các ngươi sẽ đuổi bắt họ từ thành này qua thành kia, ³⁵ hầu cho hết thầy máu vô-tội bị tràn ra trên mặt đất, đổ về các ngươi, từ máu A-bên là người công-bình cho đến máu Xa-cha-ri là con của Ba-ra-chi, mà các ngươi đã giết ở giữa khoảng đền-thờ và bàn-thờ. ³⁶ Quả thật, ta nói cùng các ngươi, mọi điều đó sẽ xảy đến cho dòng-dõi này.

³⁷ Hỡi Giê-ru-sa-lem, Giê-ru-sa-lem, ngươi giết các đấng tiên-tri và ném đá những kẻ chịu sai đến cùng ngươi, bao nhiêu lần ta muốn nhóm-họp các con ngươi như gà mái túc con mình lại ấp trong cánh, mà các ngươi chẳng khứng ! ³⁸ Này, nhà các ngươi sẽ bỏ hoang ! ³⁹ Vì, ta bảo, các ngươi sẽ không thấy ta nữa, cho đến lúc các ngươi sẽ nói rằng : Phước cho Đấng nhơn danh Chúa mà đến !

Không hề có lời tố-cáo nào từ miệng Chúa Jêsus phán ra lại khủng-khiếp hơn lời tố-cáo ghi-chép trong chương này. Ta có thể tưởng-tượng kẻ thù-nghịch Ngài sợ-sệt trước những lời công-bình nóng-cháy đó. Tuy-nhiên, không có dấu-hiệu nào tỏ ra Ngài hiền-ác hoặc không tự-chế. Cảnh-tượng này là một bổ-khuyết cần-thiết cho bức tranh quen-thuộc hơn diễn-tả tánh nhu-mi, hiền-lành của Chúa Jêsus. Không nên nghi-ngờ rằng Ngài đã tự tỏ ra nhu-nhược, dung-túng tội-lỗi. Ngài cao-trọng tới mức có thể nổi giận với tội-ác. Ngài đủ can-đảm để tố-cáo sự nhĩ-tâm và bại-hoại trong giới thượng-lưu và giữa những người cai-trị dân-chúng. Có một sự-trạng gọi là « cơn giận của Chiên Con » (Khải. 6 : 16). Tuy-nhiên, ngay trong những lời phán-xét nghiêm-khắc đó, vẫn có một ý thương-xót và đau-đớn; và lời : « Khốn cho các ngươi » mà Chúa Jêsus truyền-rao có thể giải-thích là : « Than ôi cho các ngươi ! »

Tuy-nhiên, mấy câu nghiêm-trọng này đáng được chú-ý, không những vì nó chiếu sáng vào tâm-tình Đấng Christ, hoặc vì nó là lời cuối-cùng trong chức-vụ công-khai bắt đầu bằng các Phước Lành (Ma. 5 : 1-12) và bây giờ chấm dứt bằng bài quở-trách, song vì nó hiến cho mọi thời-đại.

trương-lai một cảnh-cáo cần-thiết về sự phò-trương và không thiết-thực trong tôn-giáo, về tất cả hành-động tàn-bạo của hàng giáo-phẩm và lòng cuồng-tin kiêu-căng muốn dẫn người khác trở lại phe mình, về tất cả sự thiếu thành-thực và giả-bộ.

(1) Câu « Khốn cho ... » thứ nhứt nghịch cùng các thủ-lãnh tôn-giáo thực-sự làm cho người ta hóa ra vô-tôn-giáo. Bức tranh này mô-tả một đoàn người đông-đảo đi về phía cổng Nước Thiên-đàng mở rộng và do bọn thầy thông-giáo và Pha-ri-si dẫn đường; song bọn này không chịu bước vào, mà còn bít lối và cố đóng cửa lại. Bọn thù-nghịch Đấng Christ thật đối-xử với kẻ theo chúng như vậy, vì đã chối-bỏ Giảng Báp-tít luôn với Chúa Jê-sus, là hai vị đã đến giảng sự ăn-năn hầu cho người ta được sẵn-sàng vào Nước Thiên-đàng. Ngày nay có những người xưng-nhận Danh Đấng Christ, thậm-chí cũng giảng Tin-Lành của Ngài, nhưng lại sống phóng-túng, đoán-xét khắt-khe, có thành-kiến hẹp-hòi, nuôi hận-thù ác-liệt, đến nỗi làm cho kẻ khác xây-bỏ Đấng Christ và Hội-thánh Ngài.

(2) Câu « Khốn cho » thứ hai quở-trách tinh-thần đảng-phái cuồng-tin giả-bộ như nhiệt-thành vì tôn-giáo. Người Pha-ri-si không từ một cố-gắng nào để dắt-dẫn kẻ khác chẳng những trở về đạo Do-thái, song cũng gia-nhập chính giáo-phái của chúng; hơn nữa, chúng tỏ ra cay-nghiệt và vị-kỷ đến nỗi những kẻ chúng dắt-dẫn lại thật đáng bị kết án hơn trước. Ngày nay, biết bao người mở cuộc tuyên-truyền tôn-giáo đặc-biệt và dắt-đưa kẻ khác gia-nhập đảng-phái hẹp-hòi của mình, lại tưởng-tượng rằng mình đang phụng-sự Đức Chúa Trời! Nhưng thật ra lòng cuồng-tin và tánh tự-cao thiêng-liêng của họ chỉ làm hư-hỏng, bại-hoại và hạ thấp những kẻ ủng-hộ mình.

(3) Câu « Khốn cho... » thứ ba tố-cáo người Pha-ri-si là đui-mù thiêng-liêng, và ngu-ngốc thảm-bại về phần đạo-đức. Câu này phơi-tỏ khoa biện-thuyết phi-lý. Vấn phân-biệt lời thề-nguyện buộc phải giữ theo với lời thề-nguyện không cần coi trọng chỉ vì hình-thức hơi khác; ấy dường như người ta có thể nuốt lời hứa nếu thề-nguyện một cách, nhưng lại buộc phải giữ lời hứa đó nếu thề-nguyện

cách khác, không long-trọng bằng. Làm-lỗi này gồm cả lương-tâm sai-lạc, là tình-trạng quá lan-trần đương thời nay, theo đó, người ta cảm thấy rằng hoàn-cảnh có thể ảnh-hưởng đến tội-ác thực-sự; rằng những việc tuyệt-đối tội-lỗi sẽ nhờ một vài điều-kiện mà được kể là vô-tội; rằng luật-pháp của Đức Chúa Trời bị thay-đổi bởi những ngẫu-nhiên và chi-tiết của thời-gian và nơi-chốn.

(4) Ba câu « Khốn cho » đầu-tiên đối-phó với tà-giáo; ba câu theo sau liên-quan đến những hành-động sai-lạc. Câu thứ tư quở-trách một làm-lỗi vừa ở huấn-giới, vừa ở thực-hành. Câu này cảnh-cáo về triển-vọng đạo-đức bị mất. Trong một vài chi-tiết, người Pha-ri-si còn câu-nệ hơn cả luật-pháp đòi-hỏi; mọi kẻ gặt lúa và hái trái phải dâng phần mười; song người Pha-ri-si buộc phải dâng phần mười một vài loại thảo trồng trong vườn, như bạc-hà, hồi-hương. Chúa Jêsus không quở-trách chúng vì quá nhiệt-thành. Câu-nệ quá thì chẳng phải là làm-lỗi, song khi kèm theo sự hô-hứng những nguyên-lắc đạo-đức lớn-lao hơn, thì nó thành ra quái-gở và là dấu-hiệu cùng bằng-cớ hiển-nhiên nhứt của tánh giả-hình, không thành-thực.

(5) Câu « Khốn cho... » thứ năm là lời cảnh-cáo về sự trong-sạch bề ngoài mà thôi. Rửa bên ngoài chén, đĩa dề nhấn mạnh rằng nó sạch-sẽ theo nghi-lễ, một khi món ăn đựng trong đó bị ô-uế vì bất-lương, tàn-ác và làm-lỗi, thì thật là dở-dại. Giữ thái-độ thích-đáng và danh-vọng tốt-đẹp giữa loài người, chắc là khôn-ngoa; song điều cần-thiết bội phần hơn là giữ tấm lòng trong-sạch và tư-tưởng, cớ-tích, ước-muốn thanh-khiết.

(6) Câu « Khốn cho... » thứ sáu là nghiêm-khắc quở-trách mọi người chỉ lo phô-trương đạo-đức bề ngoài, còn đời sống nội-tâm thì ô-uế và đầy-dẫy dơ-dáy. Đó là làm-lỗi đặc-biệt của người Pha-ri-si, vì bề ngoài chúng có vẻ công-bình trước mắt kẻ khác, song giống như mò-mả tô trắng cho ai nấy thấy rõ mà tránh cho khỏi bị ô-uế vì đụng phải mò-mả đó. Chúa Jêsus hơi dòi ý-nghĩa của hình-bóng này và ngụ-ý nói đến hiềm-họa mà người Pha-ri-si gây cho mọi kẻ đến gần chúng; thay vì được cảnh-cáo về sự ô-uế của mình, họ chỉ bị phỉnh-gạt, nên càng

bị nguy-hiêm vì bề ngoài thánh-khiết và vẻ trong-sạch theo nghi-lễ của chúng.

(7) Câu « Khốn cho... » cuối-cùng quở-trách những kẻ tự dối mình, hoặc khoe láo đã trời hơn tổ-phụ về mức công-bình. Chúng xây phần-mộ cho các tiên-tri đã chết ngay lúc chúng toan mưu giết một Đấng Tiên-tri đang sống ở giữa chúng. Đang khi tự nhận là trời hơn bọn sát-nhân xưa, chúng tỏ ra mình có cùng một tâm-tánh phi-đạo-đức, cũng như chúng là con-cháu phần xác của bọn sát-nhân đó. Bao giờ cũng dễ cảm thấy mình trời hơn kẻ khác chỉ vì lỗi-lầm của mình thuộc về một loại khác, và vì mình phạm tội trong những điều-kiện khác.

(8) Theo sau bảy câu « Khốn cho » này, Chúa Jê-sus phán một lời phán-xét nghiêm-khắc. Ngài nhấn mạnh rằng con-cháu đã chia-xẻ trọng-tội của tổ-tiên, và Đức Chúa Trời sẽ thăm-phạt chúng tương-xứng với tội-lỗi chúng. Bọn cảm quyền mà Chúa Jê-sus tố-cáo sẽ phải chịu trách-nhiệm về lầm-lỗi của nhân-dân mà chúng dắt-dẫn và thay mặt. Chúng không thể tránh khỏi bản án giáng trên mình. Chúa Jê-sus tóm-tắt tội-ác của các thế-hệ đã qua như có chép từ sách thứ nhứt đến sách cuối-cùng của Kinh-thánh họ, tức là từ vụ giết A-bên, chép trong sách Sáng-thế Ký; tội vụ giết Xa-cha-ri, chép trong sách Sử-ký; rồi Ngài tuyên-bố rằng con-đoàn-phạt mau kéo tới, và sắp đổ trên chính thế-hệ này.

(9) Vì thấy con-đoàn-phạt đó, nên Chúa Jê-sus thốt lời vô-song than-khóc thành-phổ mà Ngài thương-mến. Lòng Ngài dường như tan-vỡ khi nhớ lại đã bao lâu Đức Chúa Trời lưỡng công tìm cách khiến dân Ngài ăn-năn, và chính Ngài đã nài-nỉ họ tiếp-nhận Ngài cùng ơn cứu-rỗi của Ngài thế nào. Đó là tiếng kêu sầu-thảm của lòng yêu-thương bị gạt-bỏ; là dự-ngôn về sự hình-phạt và tàn-phá sắp xảy đến cho Thành Thánh. Tuy-nhiên, lời cuối-cùng chứa một niềm hy-vọng: Chúa Jê-sus đã làm xong chức-vụ công-khai, và thấy rõ trước Ngài bị chối-bỏ và, do đó, thành Giê-ru-sa-lem bị hoang-vu; song Ngài còn nhìn xa tới lúc Ngài trở lại trong vinh-quang, lúc dân Ngài ăn-năn nhìn-xem Đấng họ « đã đâm » (Khải. 1 : 7) và kêu lên rằng: « Phước cho Đấng nhơn Danh Chúa mà đến ! » (câu 39). Hy-vọng của nước Y-sơ-ra-ên và cả thế-giới qui-tụ ở sự tái-làm của Vua.

CÁC LỜI TIÊN-TRI VỀ VUA TRỞ LẠI

(24 : 1 đến 25 : 46)

1. Thời-kỳ hiện-tại (24 : 1-14).

1 Khi Đức Chúa Jêsus ra khỏi đền-thờ, đương đi, thì môn-đồ đến gần để chỉ cho Ngài xem các nhà thuộc về đền-thờ. 2 Ngài phán rằng : Các ngươi có thấy mọi điều đó chăng ? Quả thật, ta nói cùng các ngươi, đây sẽ không còn một hòn đá nào chõng trên một hòn khác mà không bị đổ xuống.

3 Ngài đương ngồi trên núi Ô-li-ve, môn-đồ tới riêng cùng Ngài, và nói rằng : Xin Chúa phán cho chúng tôi biết lúc nào những sự đó sẽ xảy ra ? và có điềm gì chỉ về sự Chúa đến và tận-thế ? 4 Đức Chúa Jêsus đáp rằng : Hãy giữ, kẻo có kẻ dỗ-dành các ngươi. 5 Vì nhiều người sẽ mạo danh ta đến mà nói rằng : Ta là Đấng Christ ; và sẽ dỗ-dành nhiều người. 6 Các ngươi sẽ nghe nói về giặc và tiếng đồn về giặc : hãy giữ mình, đừng bối-rối, vì những sự ấy phải đến ; song chưa là cuối-cùng đâu. 7 Dân này sẽ dấy lên nghịch cùng dân khác, nước nọ nghịch cùng nước kia ; nhiều chỗ sẽ có đói-kém và động đất. 8 Song mọi điều đó chỉ là đầu sự tai-hại. 9 Bấy giờ, người ta sẽ nộp các ngươi trong sự hoạn-nạn và giết đi ; các ngươi sẽ bị mọi dân ghen-ghét vì danh ta. 10 Khi ấy cũng có nhiều kẻ sẽ sa vào chước cám-dỗ, phản-nghịch nhau, và ghen-ghét nhau. 11 Nhiều tiên-tri giả sẽ nổi lên và dỗ-dành lắm kẻ. 12 Lại vì có tội-ác sẽ thêm nhiều, thì lòng yêu-mến của phần nhiều người sẽ nguội lặn. 13 Nhưng kẻ nào bền chí cho đến cuối-cùng, thì sẽ được cứu. 14 Tin-lành này về nước Đức Chúa Trời sẽ được giăng ra khắp đất, để làm chứng cho muôn dân. Bấy giờ sự cuối-cùng sẽ đến.

Chúa Jêsus chẳng những thấy rõ và dự-ngón sự chết cùng sự sống lại của Ngài, song cũng dứt-khoát, minh-bạch báo trước sự tái-làm của Ngài trong vinh-quang vào lúc cuối thời-dại này. Khi mô-tả sự tái-làm này, Ngài dùng

một danh-từ thật đế-vương; chữ dịch là «đến» (câu 3) thường dùng để nói về hoàng-đế ghé thăm. Tin-đồ đã quen nhìn-nhận danh-từ này mô-tả sự ngự đến của Vua. Theo một phươg-diện, sự ngự đến này là trở lại, là hiện ra lần nữa. Theo phươg-diện khác, đây là sự ngự đến thật của Đấng Christ. Với tư-cách Đấng Mê-si hoàn-toàn thiết-thực, Ngài sẽ hiện ra lần thứ nhứt như vậy. Sự dich-thân tái-làm hiển-nhiên và vinh-hiễn của Đấng Christ chính là hy-vọng khuyến-khích môn-đệ Ngài trải qua mọi đời. Biến-cố này sẽ đem lại các vinh-quang trong Nước toàn-mỹ của Ngài trên mặt đất.

Giữa vòng tin-đồ Đấng Christ, có nhiều niềm tin rất khác nhau đối với những chi-tiết và biến-cố kèm theo sự tái-làm của Ngài. Khác nhau như vậy thì chẳng lạ chi.

Trước hết, phải nhớ rằng đây chúng ta chỉ có một phần bài diễn-giảng của Chúa Jê-sus. Cần phải so-sánh với bản ký-thuật của Mác và Lu-ca, rồi lại phải nghĩ rằng có lẽ chúng ta vẫn chỉ có một phần của tất cả lời tiên-tri.

Lại nữa, phải chú-ý rằng Chúa Jê-sus dùng hình-bóng Đòng-phương và thỉnh-thoảng dùng những lối nói cần được giải-thích cẩn-thận, dè-dặt.

Thứ ba, rõ-ràng lắm, Chúa chúng ta mô-tả hai biến-cố, chớ chẳng phải một; Ngài nói tiên-tri về cuộc tàn-phá Thành Thánh thực-sự do tay quân-đội La-mã; song Ngài dùng màu-sắc của cảnh-tượng bi-thảm ấy để vẽ bức tranh chính Ngài ngự đến trong vinh-quang. Hai loạt dự-ngôn này chen lẫn nhau tới mức có lúc tuyệt khó biết chắc câu phán của Ngài liên-quan đến biến-cố gần hơn hay biến-cố xa hơn trong hai biến-cố trọng-đại này. Vậy, rõ-ràng lắm, trong sự kê-cứu các chương Kinh-Thánh đây, không thể nào cố-chấp hoặc tự-tin, chẳng dung-chịu người khác. Cần phải coi chừng, chớ cuồng-nhiệt và cuồng-tin, cũng như chớ lãnh-đạm và chẳng tin.

Có bài diễn-giảng này vì các môn-đệ đã hỏi Chúa Jê-sus về thi-giờ xảy ra hai biến-cố mà Ngài mới nêu trước đó. Ngày ấy, khi Ngài lui khỏi Đền-thờ và Thành Thánh lần chót, thì các môn-đệ khiến Ngài chú-ý đến về huy-hoàng

của các phần-kiến-trúc Đền-thờ. Ngài cảm-biết mình sẽ bị chối-bỏ và Thành Thánh sắp bị hình-phạt, nên buồn-rầu đáp lại: « Đây sẽ không còn một hòn đá nào chồng trên một hòn khác mà không bị đổ xuống » (câu 2). Sau đó, khi Chúa Jê-sus dừng lại đề nghị trên sườn phía tây núi Ô-li-ve, thì các môn-đệ đến gần mà hỏi khi nào dự-ngón đó sẽ ứng-nghiệm và hơn nữa, có những dấu-hiệu chi khả-đĩ báo trước sự ngự đến của Ngài cùng lúc cuối thời-đại, là khi Ngài ngự đến. Trước hết, Chúa Jê-sus quả-quyết với họ rằng những biến-cổ này chẳng xảy ra ngay đâu. Dầu các môn-đệ phải tỉnh-thức và chờ-đợi, nhưng còn lâu những biến-cổ trọng-đại này mới có thể xảy ra. Thật đúng như thế cho sự tàn-phá thành Giê-ru-sa-lem, và lại càng đúng như thế bội phần cho sự ngự đến của Vua; vậy, Chúa Jê-sus mô-tả đề môn-đệ biết tánh-chất của thời-kỳ hiện-tại cho tới lúc nó chấm dứt. Luôn với các từng-trải của môn-đệ, Ngài giải-thích nhiệm-vụ cao-cả và liên-tục mà họ phải gánh-vác. Theo lời Ngài mô-tả, thì đặc-sắc của thời-kỳ hiện-tại là nhiều kẻ dối-gạt xuất-hiện, đòi người ta phải phục-tòng chúng, và dám chiếm chỗ Đấng Christ, là Cứu-Chúa và Vua chân-chánh. Cũng có chiến-tranh và tin đồn chiến-tranh; thêm vào những biến-động chánh-trị ấy, còn có đói-kém, động đất. Tuy-nhiên, phải coi những bối-rối đó là đặc-điểm của thời-kỳ hiện-tại, chớ chẳng phải là dấu-hiệu nó gần chấm dứt. Những người theo Đấng Christ sẽ bị thù-ghét, bắt-bớ giữa các nước vì có Danh Ngài; nhiều kẻ trong vòng họ sẽ tỏ ra là giả-dối, phản-bội, và sẽ thù-ghét anh em tin-hữu; nhiều kẻ sẽ mất lòng kính-mến Đấng Christ; song ai bền lòng trung-tin, thì chắc đến cuối-cùng sẽ được giải-cứ. Mặc dầu có mọi khó-khăn, bối-rối đó, công-việc của kẻ theo Ngài phải được tấn-tới. Nhiệm-vụ của họ minh-bạch. Nếu họ chưa làm xong nhiệm-vụ, thì Ngài chưa trở lại. « Tin-Lành này về Nước Đức Chúa Trời sẽ được giảng ra khắp đất, để làm chứng cho muôn dân. Bấy giờ sự cuối-cùng sẽ đến. » (câu 14). Bất-cứ các tội-tờ của Vua bất-đồng ý-kiến thế nào về chi-tiết sự tái-làm của Ngài, hết thầy vẫn phải liên-hiệp để làm trọn nhiệm-vụ chung và phải được khuyến-khích bởi cùng một hy-vọng ấy.

2. Con đại-nạn (24 : 15-28).

15 Khi các người sẽ thấy sự góm-ghiếc tàn-nát lập ra trong nơi thánh, mà Đấng tiên-tri Đa-ni-ên đã nói (ai đọc phải để ý), 16 thì ai ở trong xứ Giu-đê hãy trốn lên núi; 17 ai ở trên mái nhà, đừng xuống chuyên của-cải trong nhà; 18 và ai ở ngoài ruộng, đừng trở về lấy áo mình. 19 Đang lúc đó, khôn-khó thay cho đờn-bà có mang, và đờn-bà cho con bú! 20 Hãy cầu-nguyện cho các người khỏi trốn-tránh nhằm lúc mùa đông hay là ngày Sa-bát; 21 vì lúc ấy sẽ có hoạn-nạn lớn, đến nỗi từ khi mới có trời đất cho đến bây giờ chưa từng có như vậy, mà sau này cũng không hề có nữa. 22 Nếu những ngày ấy không giảm-bớt, thì chẳng có một người nào được cứu; song vì có các người được chọn, thì những ngày ấy sẽ giảm-bớt.

23 Khi ấy, nếu có ai nói với các người rằng : Kia, Đấng Christ ở đây, hay là : Ở đó, thì đừng tin. 24 Vì nhiều christ giả và tiên-tri giả sẽ dậy lên, làm những dấu lớn, phép lạ, nếu có thể được, thì họ cũng đến dỗ-dành chính những người được chọn. 25 Nay, ta đã báo trước cho các người. 26 Vậy, nếu người ta nói với các người rằng : Nay, Ngài ở trong đồng vắng, thì đừng đi đến; nay, Ngài ở trong nhà, thì đừng tin. 27 Vì như chớp phát ra từ phương đông, nháng đến phương tây, thì sự Con người đến sẽ cũng thế ấy.

28 Nơi nào có xác chết, thì những chim ó sẽ nhóm tại đó.

Trước khi Đấng Christ lại hiện ra, sự chống-đối môn-đê Ngài và các đau-đòn, sầu-khổ của họ sẽ lên tới tuyệt-điêm trong một « hoạn-nạn lớn » (câu 21) xảy đến ngay trước khi Vua hiện ra. Biến-cố này được diễn-tả linh-động bằng những màu-sắc mực của cuộc tàn-phá thành Giê-ru-sa-lem bởi tay quân La-mã, đến nỗi khó phân-biệt những câu nào liên-quan tới hai biến-cố này. Dấu-hiệu có ngay trước khi cơn đại-nạn được mô-tả là « sự góm-ghiếc tàn-nát » (câu 15). Trong trường-hợp tàn-phá thành Giê-ru-sa-lem, nhiều người giả-định đó là cờ-xí của nhà vua La-mã, hoặc các đạo quân La-mã. Nhưng trong trường-hợp cơn đại-nạn vào cuối thời-dại này, thì người ta hiểu rằng « sự

gồm-ghiếc tàn-nát» chỉ về sự hiện ra của « kẻ địch lại Đấng Christ » (I Gi. 4 : 3), tức là « người tội-ác » (II Tê. 2 : 3), mà các tác-giả khác của Tàn-Uớc nói đến. Dưới quyền cai-trị và sự tàn-bạo của nó, « sẽ có hoạn-nạn lớn, đến nỗi từ khi mới có trời đất đến bây giờ chưa từng có như vậy, mà sau này cũng không hề có nữa » (câu 21). Nếu chẳng có Đức Chúa Trời can-thiệp như đã quyết-định, thì dường như chẳng một ai sẽ sống sót sau đời trị-vì dã-man và khủng-khiếp đó. Vì người ta mong-trước thoát nạn và được giải-cứu, nên dễ bị đưa đi làm đường bởi nhiều christ giả và tiên-tri giả; chúng sẽ « làm những dấu lớn, phép lạ » (câu 34) để làm lạc đường chính kẻ theo Đấng Christ. Tuy-nhiên, các tội-tử của Vua không nên để cho chúng kéo đi lạc đường. Họ chẳng nên tìm-kiếm một người giải-cứu có thể thấy trong đồng vắng, hoặc tại một chỗ kín-giấu trong thành Giê-ru-sa-lem. Đấng Giải-cứu họ sẽ hiện ra từ trời; Ngài sẽ ngự đến giống « như chớp phát ra từ phương đông, nháng đến phương tây » (câu 27). Sự ngự đến của Ngài sẽ đem theo án phạt trên kẻ thù-nghịch Ngài, đem hủy-diệt cho mọi người bại-hoại phần đạo-đức và bọn tội-tử của tội-ác, vì « nơi nào có xác chết, thì những chim ó sẽ nhóm tại đó » (câu 28).

3. Đấng Christ ngự đến (24 : 29-31).

²⁹ Sự tai-nạn của những ngày đó vừa mới qua, thì mặt trời liền tối-tám, mặt trăng không sáng, các ngôi sao từ trên trời sa xuống, và thế-lực của các tầng trời rung-động. ³⁰ Khi ấy, diêm Con người sẽ hiện ra ở trên trời, mọi dân-tộc dưới đất sẽ đấm ngực, và thấy Con người lấy đại-quyền, đại-vinh ngự trên mây trời mà xuống, ³¹ Ngài sẽ sai thiên-sứ mình dùng tiếng kèn rất lớn mà nhóm lại những kẻ đã được lựa-chọn của Ngài ở khắp bốn phương, từ cuối phương trời này cho đến tận phương kia.

Con đại-nạn ở cuối thời-dại này sẽ chấm dứt khi Vua hiện ra trong vinh-quang. Tuy-nhiên, ngay trước khi Ngài tái-lâm, sẽ có những dấu-hiệu rõ-rệt, lạ-lùng và khủng-khiếp tới mức không ai còn có thể nghi-ngờ biến-cổ chắc-chắn theo sau. Song những dấu-hiệu này được mô-tả bằng

hình-bóng vừa màu-nhiệm, vừa kích-động. « Mặt trời liền tối-tăm, mặt trăng không sáng, các ngôi sao từ trên trời sa xuống, và thế-lực của các tầng trời rung-động » (câu 29). Bấy giờ xảy ra biến-cố mà mọi thời-đại hưởng vào đó, và thế-giới mòn-mỏi đã trông-đợi; bởi biến-cố này, công-việc của Hội-thánh sẽ đạt tới tuyệt-điêm, và các hy-vọng của Hội-thánh được thực-hiện. Biến-cố này chính là sự hiện ra đích-thân và vinh-quang của Chúa đã bị đóng đinh vào Thập-tự-giá, sống lại và ngự lên trời. « Khi ấy, điêm (hoặc : dấu-hiệu) Con người sẽ hiện ra ở trên trời » (câu 30a). Chẳng dễ gì mà phỏng-đoán xem « dấu-hiệu » này có phân-biệt với biến-cố chẳng, và nếu có, thì tánh-chất nó là gì. Biến-cố đã truyền-rao một cách vinh-quang : Ấy là chính Con người hiện ra, — Ngài « lấy đại-quyền, đại-vinh ngự trên mây trời mà xuống » (câu 30c). Đối với kẻ thù nghịch Ngài, đó là một thời-kỳ sợ-hãi, kinh-khiếp. « Mọi dân-tộc dưới đất sẽ đấm ngực » (câu 30b). Còn đối với kẻ theo Ngài, thì là lúc giải-thoát và đắc-thắng. « Ngài sẽ sai thiên-sứ mình dùng tiếng kèn rất lớn mà nhóm lại những kẻ đã được lựa-chọn của Ngài ở khắp bốn phương, từ cuối phương trời này cho đến tận phương kia » (câu 31). Đây là lúc tội-tử bị bắt-bớ, chịu đau-đớn và trung-tin của Ngài sẽ vui-mừng trong Hiện-diện hữu-hình của Chúa họ, trong cuộc đắc-thắng và đời trị-vì của Vua.

4. Khuyên phải tỉnh-thức (24 : 32-51).

³² Hỡi nghe lời ví-dụ về cây vả, vừa lúc nhành non, lá mới đâm, thì các người biết mùa hạ gần tới. ³³ Cũng vậy, khi các người thấy mọi điều ấy, khá biết rằng Con người gần đến, Ngài đương ở trước cửa. ³⁴ Quả thật, ta nói cùng các người, dòng-dõi này chẳng qua trước khi mọi điều kia chưa xảy đến. ³⁵ Trời đất sẽ qua, nhưng lời ta nói chẳng bao giờ qua đi.

³⁶ Về ngày và giờ đó, chẳng có ai biết chi cả, thiên-sứ trên trời hay là Con cũng vậy, song chỉ một mình Cha biết mà thôi. ³⁷ Trong đời Nô-ê thề nào, khi Con người đến cũng thề ấy. ³⁸ Vì trong những ngày trước nước lụt, người ta ăn, uống, cưới, gả như thường cho đến ngày Nô-ê vào tàu, —

³⁹ và người ta không ngờ chi hết cho đến khi nước lụt tới mà đùa đem đi hết thảy, — khi Con người đến cũng như vậy. ⁴⁰ Lúc ấy, sẽ có hai người nam ở trong một đồng-ruộng, một người được đem đi, còn một người bị để lại; ⁴¹ và có hai người nữ đang xay cối, một người được đem đi, còn một người bị để lại. ⁴² Vậy, hãy tỉnh-thức, vì các ngươi không biết ngày nào Chúa mình sẽ đến.

⁴³ Hãy biết rõ, nếu người chủ nhà đã hay canh nào kẻ trộm sẽ đến, thì tỉnh-thức, không để cho đào ngạch nhà mình. ⁴⁴ Vậy thì các ngươi cũng hãy chực cho sẵn, vì Con người sẽ đến trong giờ các ngươi không ngờ. ⁴⁵ Ai là đầy-tớ trung-tín và khôn-ngoan, mà người chủ đặt cai-trị đầy-tớ mình, để cho đồ ăn đúng giờ? ⁴⁶ Phước cho đầy-tớ đó, khi chủ đến thấy làm như vậy! ⁴⁷ Quả thật, ta nói cùng các ngươi, chủ sẽ đặt kẻ ấy coi-sóc cả gia-tài mình. ⁴⁸ Nếu, trái lại, là một đầy-tớ xấu, nó nghĩ thầm rằng: Chủ ta đến chậm, ⁴⁹ bèn đánh kẻ cùng làm việc với mình, và ăn-uống với phường say rượu, ⁵⁰ thì chủ nó sẽ đến trong ngày nó không ngờ và giờ nó không biết. ⁵¹ Chủ sẽ đánh xé xương và định phần nó đồng với kẻ giả-hình. Đó là nơi sẽ có khóc-lóc và nghiền răng.

Trước biến-cổ trọng-dại đó, Chúa Jê-sus khuyên-bảo môn-đệ hãy có tinh-thần thức canh. Đối với họ, sự ngự đến của Ngài chẳng phải là việc đột-nhiên, các dấu-hiệu Ngài mới nêu lên đó sẽ rõ-ràng cảnh-cáo họ rằng Ngài gần đến, cũng như cây nứt lộc báo hiệu mùa xuân gần tới vậy. Ngay thể-hệ đang sống đó cũng chứng-kiến cuộc tàn-phá thành Giê-ru-sa-lem, — chính cuộc tàn-phá này là hình-bóng và dấu-hiệu về biến-cổ trọng-dại hơn sẽ xảy ra trong tương-lai xa-xôi hơn. Không cứ chậm-trễ chừng nào, các dự-ngôn chắc-chắn sẽ ứng-nghiệm. Chúa Jê-sus tuyên-bố rằng lời Ngài phán «chẳng bao giờ qua đi» (câu 35). Nhưng chẳng ai biết đúng ngày Ngài trở lại; vì trở nên Ngươi và hạ mình xuống, nên Ngài cũng tinh-nguyện không biết ngày đó. Chỉ có Đức Chúa Cha biết mà thôi. Tuy-nhiên, ngày đó sẽ đến nhằm lúc cả thế-gian hờ-hững và không quan-tâm. Đương thời Nô-ê, người ta mãi-miết lo công-việc trần-gian thường-lệ «cho đến khi nước lụt tới» (câu 39) thế nào, thì cũng

một thể ấy, vào lúc cuối thời-đại này, người ta sẽ hờ-hững và không quan-tâm đối với lúc Vua tái-làm. Rốt lại, biến-cố sẽ xảy ra một cách đột-nhiên, không-khiếp; những bạn đồng-sự sẽ bị phân-rẽ ngoài ruộng và trong nhà; một người « được đem đi » gặp Vua, còn một người « bị để lại » chịu sự hình-phạt gần đồ xuống. Trước biến-cố nghiêm-trọng dường ấy, Chúa chúng ta khuyên hãy tỉnh-thức, chẳng khác gì người coi chừng kẻ trộm gần đến; và hơn nữa, chẳng khác gì đầy-tớ muốn khi chủ trở về, sẽ thấy mình đang trung-tin làm-lụng. Vậy, Chúa Jêsus khuyên môn-đệ phải có hành-vi xứng-đáng với những kẻ đang chờ-đợi Chúa mình tái-làm. Thí-dụ về đầy-tớ không trung-tin dường như đặc-biệt nhắm vào những môn-đệ Ngài được giao cho địa-vị tin-nhiệm và quyền-hành đặc-biệt. Đây là một trong ba thí-dụ liên-quan đến lời tiên-tri về Vua ngự đến. Chắc Chúa phán thí-dụ này để chỉ thẳng vào môn-đệ Ngài. Họ phải coi chừng, chớ có cầu-thả, hờ-hững, phóng-túng, tự-tin, và không được lạm-dụng quyền-hành hoặc đặc-quyền của mình. Nếu không trung-tin, sẽ bị hình-phạt nặng-nề; song đầy-tớ trung-tin, khôn-ngoan sẽ được ban thưởng khi Chúa tái-làm. Sự ngự đến của Ngài phải là cơ-tích cho ta trung-tin và tận-tụy phục-vụ.

5. Thí-dụ về mười nữ-đồng-trình (25 : 1-13).

¹ Khi ấy, nước thiên-đàng sẽ giống như mười người nữ-đồng-trình kia cầm đèn đi rước chàng rể. ² Trong các nàng đó, có năm người dại và năm người khôn. ³ Người dại khi cầm đèn đi thì không đem dầu theo cùng mình. ⁴ Song người khôn khi cầm đèn đi thì đem dầu theo trong bình mình. ⁵ Vì chàng rể đến trễ, nên các nàng thầy đều buồn ngủ và ngủ gục. ⁶ Đến khuya, có tiếng kêu rằng: Kia, chàng rể đến, hãy đi ra rước người! ⁷ Các nữ-đồng-trình bèn thức dậy cả, sửa-soạn đèn mình. ⁸ Các người dại nói với các người khôn rằng: Xin bớt dầu của các chị cho chúng tôi, vì đèn chúng tôi gần tắt. ⁹ Nhưng các người khôn trả lời rằng: Không, chẳng đủ cho chúng tôi và các chị; thà các chị hãy đi đến người bán dầu mà mua. ¹⁰ Song trong khi họ đang đi mua, thì chàng rể đến; kẻ nào chực sẵn, thì đi với người cùng vào tiệc cưới, và cửa đóng lại. ¹¹ Chập

lâu, những người nữ-đồng-trình khác cũng đến và xin rằng : Hỡi Chúa, hỡi Chúa, xin mở cho chúng tôi ! ¹² Nhưng người đáp rằng : Quả thật, ta nói cùng các ngươi, ta không biết các ngươi đâu. ¹³ Vậy, hãy tỉnh-thức, vì các ngươi không biết ngày, cũng không biết giờ.

Không khó tìm ra ý-nghĩa của thí-dụ kỳ-diệu và cảm-động này. Chúa Jêsus đang dạy môn-đệ phải sẵn-sàng đón Ngài tái-làm. Sự ngự đến của Ngài phải là lúc vui-mừng tuyệt vời cho họ. Vậy, đây Ngài so-sánh sự tái-làm của Ngài với một tiệc cưới. Tuy-nhiên, đối với một số người, lại là lúc tỉnh-ngộ, đoán-phạt và tuyệt-vọng.

Chúa Jêsus tự mô-tả là Tân-Lang thiên-thượng. Môn-đệ Ngài sánh với mười nữ-đồng-trình, năm người dại và năm người khôn. Đây không nói đến Tân-giai-nhân, vì thí-dụ cốt để tỏ ra Hội-thánh mang Danh Đấng Christ chia làm hai hạng. Có những người thật lòng và những người không thật lòng theo Vua. Nữ-đồng-trình khôn và dại đều tự coi là bạn của Tân-Lang, song chỉ có người khôn sẵn-sàng cùng Ngài vào dự tiệc cưới, vì theo cách nói bóng Đổng-phương, chỉ có những người đem theo đèn và dự phần đảm rước dầu mới được phép vào dự tiệc cưới. Các nữ-đồng-trình dại và khôn đều đem đèn, nhưng chỉ có « người khôn khi cầm đèn thì đem dầu theo trong bình mình » (câu 4). Giữa vòng các môn-đệ Đấng Christ, chỉ nhận tin bên ngoài thì chưa đủ. Muốn chuẩn-bị cho sự tái-làm của Đấng Christ, phải có ân-diễn bên trong luôn với ảnh-hưởng Đức Thánh-Linh được phát-hiện trong cuộc đời ví như ngọn đèn chói-lòa trong thế-giới tối-tăm.

« Vi chàng rẽ đến trễ, nên các nàng thấy đèn đều buồn ngủ và ngủ gục » (câu 5). Sự đến trễ của chàng rẽ phù-hợp với lời Chúa Jêsus liên-tục dạy-dỗ về lúc Ngài tái-làm. Ngài không ngự đến ngay; trước hết, phải có bao nhiêu năm dằng-dẵng trôi qua. Tuy-nhiên, Ngài sẽ ngự đến tinh-linh. Rốt lại, khi tới thì-giờ, thì lại chẳng ai ngờ. Các nữ-đồng-trình « ngủ, » nào có lỗi chi đặc-biệt. Trái lại, sự-trang này nêu lên đề nhấn mạnh vào tánh-chất đột-nhiên của Đấng Christ tái-làm. Cả người khôn và người dại ngủ vui, nhưng « đến khuya, » thỉnh-tình « có tiếng kêu rằng:

Kìa, chàng rê đến, hãy đi ra rước người!» (câu 6). Bấy giờ đêm khác-biệt thực-sự mới hiện ra giữa người đại và người khôn; người đại không có dầu trong đèn mình. Họ chẳng sẵn-sàng dự đám rước dầu vui-vẻ và cùng Tàn-Lang vào dự tiệc. Người khôn không chịu chia dầu cho người đại, thì không gợi ý vị-kỷ dầu, song nêu lên một chân-lý nghiêm-trọng, là không thể chia-xẻ đời đạo-đức và ân-diên thiêng-liêng trong giờ thử-thách hoặc cần-dùng. Khi Tàn-Lang gần xuất-hiện, thì đã trễ quá, không thể chuẩn-bị cho sự ngự đến của Ngài; còn xây qua bạn-hữu và đồng-chí để được giúp-đỡ, thì chỉ vô-ích. Đó là bài học nghiêm-trọng do các nữ-dòng-trình đại bị loại khỏi tiệc cưới. Khi cửa đóng lại và họ kêu lên: «Hỡi Chúa, hỡi Chúa, xin mở cho chúng tôi!» (câu 11), thì lẽ tự-nhiên, đó là bức tranh chẳng thuộc về hiện-tại. Ngày nay, Chúa Jê-sus sẵn lòng tiếp-rước mọi kẻ đến cùng Ngài; nhưng khi Ngài đã tái-lâm và cho vào Nước Ngài mọi người trung-tín với Ngài, sẵn-sàng chờ Ngài ngự đến, thì những kẻ đại-dột bỏ phí thời-kỳ ân-diên, liễu-linh không trữ-liệu cho đời sống thiêng-liêng, kêu-xin thương-xót và cho vào Nước Thiên-đàng, sẽ trễ quá. Chính tại đây hiện ra vẻ cảm-động sâu-xa của cảnh-trợng. Lời bi-thảm sẽ do chính Tàn-Lang phán: «Quả thật, Ta nói cùng các ngươi, Ta không biết các ngươi đâu» (câu 11). Khi Chúa Jê-sus ngự đến trong vinh-quang, thì sẽ trễ quá, không thể bắt đầu cuộc đời mới, phát-triển các ân-diên thiêng-liêng, và bày-tỏ tình thân-hữu của ta đối với Ngài. Cuộc chuẩn-bị cần-thiết cho sự tái-lâm của Ngài như vậy thuộc về thời-kỳ hiện-tại. Chúng ta phải sẵn-sàng đón-rước Ngài tái-lâm. Đây là ý-nghĩa lời cảnh-cáo cuối-cùng của Ngài: «Vậy, hãy tỉnh-thức, vì các ngươi không biết ngày, cũng không biết giờ» (câu 13).

6. Thí-dụ về các ta-lăng (25 : 14-30).

14 Và, nước thiên-đàng sẽ giống như một người kia khi đi đường xa, gọi các đầy-tớ mà giao của-cải mình. 15 Chủ đó cho người này năm ta-lăng, người kia hai, người khác một, tùy theo tài mỗi người; đoạn, chủ lên đường. 16 Tức-thì người đã nhận năm ta-lăng đi làm lợi ra, và được năm

ta-lâng khác. ¹⁷ Người đã nhận hai ta-lâng cũng vậy, làm lợi ra được hai ta-lâng nữa. ¹⁸ Song người chỉ nhận một thì đi đào lỗ dưới đất mà giấu tiền của chủ.

¹⁹ Cách lâu ngày, chủ của những đầy-tớ ấy trở về, khiến họ tính số. ²⁰ Người đã nhận năm ta-lâng bèn đến, đem năm ta-lâng khác nữa, và thưa rằng: Lạy chúa, chúa đã cho tôi năm ta-lâng; đây này, tôi làm lợi ra được năm ta-lâng nữa. ²¹ Chủ nói với người rằng: Hỡi đầy tớ ngay-lành trung-tín kia, được lắm; ngươi đã trung-tín trong việc nhỏ, ta sẽ lập ngươi coi-sóc nhiều; hãy đến hưởng sự vui-mừng của chúa ngươi. ²² Người đã nhận hai ta-lâng cũng đến mà thưa rằng: Lạy chúa, chúa đã cho tôi hai ta-lâng; đây này, tôi đã làm lợi ra được hai ta-lâng nữa. ²³ Chủ đáp rằng: Hỡi đầy-tớ ngay-lành trung-tín kia, được lắm; ngươi đã trung-tín trong việc nhỏ, ta sẽ lập ngươi coi-sóc nhiều; hãy đến hưởng sự vui mừng của chúa ngươi. ²⁴ Người chỉ nhận một ta-lâng cũng đến mà thưa rằng: Lạy chúa, tôi biết chúa là người nghiêm-nhặt, gặt trong chỗ mình không gieo, lượm-lặt trong chỗ mình không rải ra; ²⁵ nên tôi sợ mà đi giấu ta-lâng của chúa ở dưới đất; đây này, vật của chúa xin trả cho chúa. ²⁶ Song chủ đáp rằng: Hỡi đầy-tớ dữ và biếng-nhác kia, ngươi biết ta gặt trong chỗ ta không gieo, và lượm-lặt trong chỗ ta không rải ra; ²⁷ vậy thì ngươi phải đưa bạc của ta lại cho người buôn bạc, rồi khi ta trở về, sẽ lấy vốn và lời. ²⁸ Vậy, các ngươi hãy lấy ta-lâng của người này mà cho kẻ có mười ta-lâng. ²⁹ Vì sẽ cho thêm kẻ nào đã có, thì họ sẽ dư-dật; nhưng kẻ nào không có, thì cũng cắt luôn điều họ đã có nữa. ³⁰ Còn tên đầy-tớ vô-ích đó, hãy quăng nó ra ngoài, là chỗ tối-tăm, ở đó sẽ có khóc-lóc và ghiền-ráng.

Chúa Jêsus còn dạy-dỗ môn-đệ hãy chuẩn-bị cho ngày Ngài ngự đến. Ngài ghi-khắc trên tâm-tri họ lẽ cần phải tỉnh-thức. Tuy-nhiên, tỉnh-thức không phải là biếng-nhác. Nó gọi ý vui-vẻ chờ-đợi, tượng-trưng bởi người đầy-tớ trung-tín, khôn-ngoan chờ chủ trở về, và bởi sự chuẩn-bị thiêng-liêng diễn-tả bằng những nữ-đồng-trình có đèn sửa-soạn sẵn và thấp sáng; nhưng tỉnh-thức cũng gồm sự trung-tín phục-vụ, mô-tả trong thí-dụ về các ta-lâng. Theo

một ý-nghĩa xác-thực, những người trung-tín làm việc thì đang tỉnh-thức chờ Chúa ngự đến đó.

Cũng trong thí-dụ này, Chúa dạy rõ rằng còn lâu Ngài mới tái-làm. Ngài tự mô-tả là « một người kia... đi đường xa » (câu 14), và « cách lâu ngày » mới « trở về » (câu 19). Tuy-nhiên, trong khi đi vắng, ông giao của-cải cho các đầy-tớ, người năm ta-làng, người hai, người một, « tùy theo tài mỗi người » (câu 15). Mấy chữ này không có ý hạn-chế sự dạy-dỗ của thí-dụ ở các cơ-hội mà Chúa Jêsus ban cho các tôi-tớ Ngài, nhiều hay ít tùy khả-năng của họ; nhưng đó chỉ là một phần cần-thiết trong bối-cảnh của bức tranh; sự giải nghĩa quen-thuộc là các môn-đệ Đấng Christ được ban cho những khả-năng và cơ-hội khác nhau để hầu việc Ngài; kẻ có ít tài-năng lại có nhiều cơ-hội; kẻ có tài-năng lớn lại có ít cơ-hội; trong một vài trường-hợp, tài-năng và cơ-hội đều lớn; trong những trường-hợp khác, tài-năng và cơ-hội đều nhỏ. Sự-diệp thiết-thực của thí-dụ này là cần phải trung-tín, và chắc-chắn có phần thưởng, mặc dầu cơ-hội và khả-năng lớn hay nhỏ. Chính tại đây, ta phải nhận-biết điềm khác-biệt giữa thí-dụ gần tương-tự về các nén bạc chép trong sách Tin-Lành Lu-ca. Thí-dụ sau này tỏ ra rằng càng trung-tín, thì càng được phần thưởng lớn. Còn thí-dụ về các ta-làng đây tỏ ra rằng dầu cơ-hội hạn-chế, nhưng nếu trung-tín bằng nhau, thì được phần thưởng như nhau. Khi trở về và tỉnh sô, chủ nói cùng một lời với đầy-tớ đã nhận năm ta-làng và « làm lợi ra được năm ta-làng nữa » (câu 20), cũng như với đầy-tớ đã nhận hai ta-làng và « làm lợi ra được hai ta-làng nữa » (câu 22): « Hỡi đầy-tớ ngay-lành, trung-tín kia, được lắm; người đã trung-tín trong việc nhỏ, Ta sẽ lập người coi-sóc nhiều; hãy đến hưởng sự vui-mừng của Chúa người. » (câu 21, 23).

Tuy-nhiên, có một khía-cạnh khác, tối-tầm hơn của bức tranh. Người ta có thể xao-lãng ân-tử, không chịu phát-triển tài-năng, và bỏ phí cơ-hội phục-vụ. Đó là sự cảm-dỗ đặc-biệt cho những người cảm thấy địa-vị của mình ở đời thấp-thỏi, và khả-năng hầu việc Chúa lại nhỏ-nhoi, không đáng kể. Đầy-tớ nhận một ta-làng đã đem đi chôn dưới đất. Khi chủ trở về, hấn chữa mình một cách dai-dột và tự kết

tội. Hắn tuyên-bố rằng chính mình sợ chủ nghiêm-nhất. Hắn tỏ ra không có ý-niệm về tâm-tánh thật của chủ. Có khi, quả thật rằng những người có khả-năng nhỏ lại xao-lãng cơ-hội phục-vụ, vì không nhận-biết lòng nhơn-tử của Chúa đã ban ân-diền kèm theo tài-năng (ta-lăng) ¹ để thích-ứng sử-dụng tài-năng ấy, và chẳng bao giờ để cho sự cố-gắng vì Danh Ngài phải thất-bại thật. Ngài chỉ trông-mong ai nấy làm hết sức mình. Bức tranh trong thí-dụ này đầy lời cảnh-cáo nghiêm-trọng cho những ai nhút-nhát, hồ-nghì, hoặc chỉ biếng-nhác, lãnh-đạm. Ta-lăng bị lấy đi, và đầy-tờ bị « quăng... ra ngoài, là chỗ tối-tăm » (câu 30). Đây là một chân-lý quen-thuộc : Hễ xao-lãng một tài-năng, thì kết-quả luôn luôn là mất nó ; còn khôn-ngoaan sử-dụng ân-tử, tài-năng và cơ-hội, thì kết-quả luôn luôn là phát-triển nó. Đây là một điểm tế-nhị trong lời tuyên-bố rằng ta-lăng lấy của « đầy-tờ dữ và gian-ác » (câu 26) được ban cho đầy-tờ có mười ta-lăng. Quả thật rằng trung-tín bằng nhau thì được phần thưởng ngang nhau. Song muốn sử-dụng năm ta-lăng cho hợp-lý, thì cần phải trung-tín nhiều hơn người sử-dụng hai ta-lăng. Trách-nhiệm lớn hơn kèm theo cơ-hội lớn hơn. Tuy-nhiên, hết thấy đầy-tờ của Vua có thể trung-tín với Ngài trong khi làm trọn các công-việc hằng ngày, lợi-dụng cơ-hội đơn-giản hơn hết để phục-vụ, và làm công-việc đặc-biệt Ngài giao-phó cho, đến nỗi khi Ngài hiện ra, họ có thể gặp Ngài, không sợ-hãi chi hết, mà còn được nghe lời hạnh-phước Ngài làm cho yên tri : « Hỡi đầy-tờ ngay-lành, trung-tín kia, được lắm ! »

7. Cuộc phán-xét (25 : 31-46).

³¹ Khi Con người ngự trong sự vinh-hiền mình mà đến với các thiên-sứ thánh, thì Ngài sẽ ngồi trên ngai vinh-hiền của Ngài. ³² Muôn dân nhóm lại trước mặt Ngài, rồi Ngài sẽ chia người này với người khác ra, như kẻ chăn chiên chia chiên với dê ra ; ³³ dê chiên ở bên hữu và dê ở bên tả.

³⁴ Bây giờ, vua sẽ phán cùng những kẻ ở bên hữu rằng : Hỡi các người được Cha ta ban phước, hãy đến mà nhận lấy nước thiên-đàng đã sẵn sẵn cho các người từ khi dựng

1. Trong tiếng Anh và Pháp, *talent* còn có nghĩa là : tài-năng.

nên trời đất. ³⁵ Vì ta đói, các người đã cho ta ăn; ta khát, các người đã cho ta uống; ta là khách lạ, các người tiếp-rước ta; ³⁶ ta trần-trồng, các người mặc cho ta; ta đau, các người thăm ta; ta bị tù, các người viếng ta. ³⁷ Lúc ấy, người công-bình sẽ thưa rằng: Lạy Chúa, khi nào chúng tôi đã thấy Chúa đói, mà cho ăn, hoặc khát, mà cho uống? ³⁸ Lại khi nào chúng tôi đã thấy Chúa là khách lạ mà tiếp-rước; hoặc trần-trồng mà mặc cho? ³⁹ Hay là khi nào chúng tôi đã thấy Chúa đau, hoặc bị tù, mà đi thăm-viếng Chúa? ⁴⁰ Vua sẽ trả lời rằng: Quả thật, ta nói cùng các người, hễ các người đã làm việc đó cho một người trong những người rất hèn-mọn này của anh em ta, ấy là đã làm cho chính mình ta vậy.

⁴¹ Kế đó, Ngài sẽ phán cùng những người ở bên tả rằng: Hỡi kẻ bị rủa, hãy lui ra khỏi ta; đi vào lửa đời đời đã sẵn sẵn cho ma-qui và những qui-sứ nó. ⁴² Vì ta đã đói, các người không cho ăn; ta khát, các người không cho uống; ⁴³ ta là khách lạ, các người không tiếp-rước; ta trần-trồng, các người không mặc cho ta; ta đau và bị tù, các người không thăm-viếng. ⁴⁴ Đến phiên các người này bèn thưa lại rằng: Lạy Chúa, khi nào chúng tôi đã thấy Chúa, hoặc đói, hoặc khát, hoặc làm khách lạ, hoặc trần-trồng, hoặc đau-ốm, hoặc bị tù mà không hầu việc Ngài ư? ⁴⁵ Ngài sẽ đáp lại rằng: Quả thật, ta nói cùng các người, hễ các người không làm việc đó cho một người trong những người rất hèn-mọn này, ấy là các người cũng không làm cho ta nữa. ⁴⁶ Rồi những kẻ này sẽ vào hình-phạt đời đời, còn những người công-bình sẽ vào sự sống đời đời.

Kinh-Thánh Tân-Uớc không mô-tả quang-cảnh nào vừa oai-nghiêm, vừa kích-động hơn quang-cảnh mà riêng cây viết của Ma-thi-ơ diễn-thuật ở đây. Nó đặc-biệt phù-hợp với mục-đích sách Tin-Lành này. Ông ghi-chép truyện-tích của Vua, và đây là bức tranh Con người ngự trên ngai vinh-hiền và quyết-định giữa vòng mọi nước thế-gian, ai có thể vào Nước thiên-thượng của Ngài, và ai bị loại ra. Chắc hẳn đây là một cảnh-tượng khó giải-thích. Nếu ta thử đẩy quá xa các ý gọi lên bởi mỗi chi-tiết nhỏ-nhất, nếu quên rằng có những đoạn khác trong Kinh-Tánh phải dùng để

so-sánh bất-cứ sự dạy-dỗ nào nêu ra đây, nếu xao-lãng không nhận-biết rằng Chúa Jê-sus vẫn còn dùng các thí-dụ và hình-bóng có nhiều màu-sắc Đông-phương, thì chắc-chắn sẽ thấy mình đứng trước lăm vắn-đề khó giải-quyết, sẽ đi đến những kết-luận trái với sự dạy-dỗ rõ-ràng hơn hết của Kinh-Thánh. Vậy, sẽ phi-lý nếu kết-luận là ở đây Cứu-Chúa dạy rằng có thể được sự sống đời đời bởi ăn-ở nhân-tử với người nghèo, bất-kê tới liên-hệ của mình với Ngài, và mặc dầu thiếu tâm-tinh đạo-đức hoặc đức-tin. Mặt khác, sẽ đại-dột nếu lý-luận dường như đây là đoạn sách duy-nhứt luận về vắn-đề phán-xét tương-lai, hoặc chiếu sáng vào các biến-cố thuộc về phần cuối thời-đại này. Đây, chúng ta có những thực-tại căn-bản, mô-tả một cách kịch-động và trọng-thể tuyệt vời. Thí-dụ, đây là bức tranh trong đó, chỉ một lần ở sách Tin-Lành này, Chúa Jê-sus tuyên-bố chính Ngài là « Vua » (câu 24); ở những chương khác chỉ ngụ-ý, duy ở đây tuyên-bố rõ-ràng. Ngài tự nhận là Vua làm Quan Án, một ngày kia, sẽ phán với người công-bình rằng: « Hỡi các người được Cha Ta ban phước, hãy đến mà nhận lấy Nước Thiên-đàng đã sắm sẵn cho các người từ khi dựng nên trời đất » (câu 34). Như vậy, trước hết là bức tranh mô-tả cho chúng ta thấy phẩm-cách đế-vương của Chúa.

Cũng rõ-ràng như vậy, thí-dụ này gợi ý rằng sẽ tới lúc người phân-rẽ với người. Cuộc phán-xét là một thực-tại. Trong các thí-dụ ở ngay trước, chúng ta không những được nhắc-nhở rằng môn-đệ Đấng Christ phải tỉnh-thức chờ Ngài tái-lâm, song còn được nhắc-nhở rằng thi-giờ Ngài ngự đến sẽ là lúc phân-rẽ và chia ra. Đây, sự dạy-dỗ thứ hai đó được nhấn mạnh hơn là ở bất-cứ đoạn nào của sách Tin-Lành khác. Chúa tuyên-bố rằng có một sự-trạng gọi là chia-rẽ sau-cùng. Thật có « hình-phạt đời đời » và « sự sống đời đời. »

Chân-lý trọng-đại thứ ba cũng rõ-ràng như vậy. Chắc Chúa Jê-sus định ý dạy rằng cuộc phán-xét loài người sẽ quyết-định tùy theo tâm-tinh đạo-đức của họ, và tâm-tinh ấy được bày-tỏ bởi việc họ làm. Từ-thiện đối với kẻ nghèo và kẻ bị lãng quên chỉ là một tỉ-dụ của nhiều hình-thức

trong đó người ta có thể bày-tỏ thái-độ thiết-thực đối với điều phải, tâm-trạng thiết-thực đối với Vua và anh em Ngài, là kẻ riêng đại-diện cho Ngài trong thời-kỳ hiện-tại. Thái-độ thiết-thực của tấm lòng và tri-óc đối với Đấng Christ bày-tỏ bằng hành-động bên ngoài, là cách thử-nghiệm dùng để phán-xét đời sống. Những người sẵn-sàng tiếp-rước Vua ngự đến phải có ân-diền thiêng-liêng gọi lên trong thí-dụ về các nữ-đồng-trình; phải khôn-ngoan lợi-dụng cơ-hội, như đã nêu lên trong thí-dụ về các ta-làng. Và rốt lại, nếu muốn có một chỗ trong Nước vinh-hiến của Chúa chúng ta, họ cũng phải có tâm-tinh mô-tả bởi hành-động của các người công-bình trong cảnh-tượng phán-xét của Vua.

THƯ VIỆN CƠ ĐỐC
Christian Library

VUA CHỊU XÉT-XỬ, CHỊU CHẾT VÀ SỐNG LẠI

(Chương 26 đến 28)

1. Ma-ri tận-tụy và Giu-đa phản-bội (26 : 1-16).

1 Và, Đức Chúa Jê-sus đã phán những lời ấy xong rồi, thì phán cùng môn-đồ rằng : 2 Các ngươi biết rằng còn hai ngày nữa thì đến lễ Vượt-qua, và Con người sẽ bị nộp để chịu đóng đinh trên cây thập-tự.

3 Bấy giờ các thầy tế-lễ cả và các trưởng-lão trong dân nhóm lại trong tòa thầy cả thượng-phẩm tên là Cai-phe ; 4 và bàn với nhau dùng mưu-chước gì để bắt Đức Chúa Jê-sus mà giết. 5 Song họ nói rằng : Không nên làm trong ngày lễ, e trong dân-chúng sanh ra điều xào-xạc chăng.

6 Khi Đức Chúa Jê-sus ở làng Bê-tha-ni, tại nhà Si-môn là người phung, 7 có một người đàn-bà cầm cái chai bằng ngọc trắng đựng dầu thơm quý-giá lắm, đến gần mà đổ trên đầu Ngài đương khi ngồi ăn. 8 Môn-đồ thấy vậy, giận mà trách rằng : Sao phí của như vậy ? 9 Dầu này có thể bán được nhiều tiền và lấy mà thí cho kẻ nghèo-nàn. 10 Đức Chúa Jê-sus biết điều đó, bèn phán cùng môn-đồ rằng : Sao các ngươi làm khó cho người đàn-bà đó ? Người đã làm việc tốt cho ta ; 11 vì các ngươi thường có kẻ nghèo ở cùng mình, song sẽ không có ta ở cùng luôn luôn. 12 Người đổ dầu thơm trên mình ta là để sửa-soạn chôn xác ta đó. 13 Quả thật, ta nói cùng các ngươi, khắp cả thế-gian, hễ nơi nào Tin-lành này được giảng ra, thì cũng thuật lại việc người ấy đã làm để nhớ đến người.

14 Bấy giờ có một người trong mười hai sứ-đồ, tên là Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, đến tìm các thầy tế-lễ cả, 15 mà nói rằng : Các thầy bằng lòng trả cho tôi bao nhiêu để nộp tôi sẽ nộp người cho ? Họ bèn trả cho nó ba chục bạc. 16 Từ lúc đó, nó tìm dịp tiện để nộp Đức Chúa Jê-sus.

Hình-dáng Chúa Jê-sus không hề hiển-hiện oai-nghiêm hơn khi Ngài đi qua những cảnh-tượng cuối-cùng của truyện-tích Tin-Lành này và đứng dưới bóng Thập-tự-giá. Đối-chiếu

tối-tầm là bọn thù-nghịch hèn-nhát của Ngài toan mưu dè-tiện để giết Ngài ; nhưng vì sợ nhân-dân, chúng tình hoãn vụ hạ-sát tới sau ngày lễ Vượt-qua. Với tài tiên-kiến thiên-thượng, Chúa Jê-sus thấy lễ này là đúng lúc Chiên Con Vượt-qua bị giết. Ngài dự-ngôn rằng trong hai ngày nữa, Ngài sẽ bị đóng đinh vào Thập-tự-giá. Hết thấy hình-bóng và lời tiên-tri đang được Vua tình-nguyện làm cho ứng-nghiem.

Đối-chiếu sâu-xa hơn nữa, còn hiện ra công-việc của Ma-ri và của Giu-đa, vì một người xúc dầu quý-giá cho Chúa Jê-sus, còn người kia phản-bội Ngài lấy giá bán một kẻ tội-mọi. Không nên lẫn-lộn Ma-ri ở Bê-tha-ni với Ma-ri Ma-đo-len, hoặc với người đờn-bà ăn-năn đã lấy nước mắt « tắm » chơn Chúa Jê-sus. Mỗi đêm trong tuần-lễ cuối-cùng đáng ghi-nhớ, Ngài ở tại nhà Ma-ri, Ma-thê và La-xa-rô. Khi Si-môn, người đờng như đã được Chúa Jê-sus chữa lành bệnh phong, thết tiệc để tỏ lòng tôn-kính Ngài, thì Ma-ri bước vào, đổ một bình dầu quý-giá lên đầu Ngài. Một vài môn-đệ bất-bình vì cho là phí-phạm vô-mục-dịch, và bàn rằng tốt hơn là đem bán, lấy tiền cứu-giúp người nghèo. Khi Chúa Jê-sus bình-vực và khen-ngợi hành-động sùng-kính ấy, Ngài dạy rằng : (1) Nếu do lòng kính-mến, cảm-kích, thì không có lễ-vật nào dâng cho Ngài lớn quá. « Người đã làm việc tốt cho Ta » (câu 10) ; một hành-động có thể cao-đẹp về phần đạo-đức, mặc dầu không thực-tế hữu-ích. (2) Sự săn-sóc kẻ nghèo và những bần-phận khác có tánh-cách vĩnh-viễn, có thể nhường chỗ cho một cơ-hội phục-vụ không hề trở lại nữa ; có khi cả sự từ-thiện cũng chẳng phải là biểu-thị cao-quí nhưt lòng sùng-kính của tín-dồ Đấng Christ. « Các người thường có kẻ nghèo ở cùng mình, song sẽ không có Ta ở cùng luôn luôn » (câu 11). (3) Chúa Jê-sus quý-chuộng ý-nghĩa và cơ-tích phục-vụ của chúng ta. Ngài đánh giá nó cao nhưt, giải-thích nó trong ánh sáng của lòng kính-mến và hiểu-biết Ngài. Chúa Jê-sus tuyên-bố rằng sự xúc dầu cốt để chuẩn-bị an-tàng thân-thể Ngài ; nó chắc biểu-thị thiện-cảm, là thuốc thơm xúc linh-hồn cô-đơn, tươm máu của Ngài. (4) Ảnh-hưởng do một hành-động hy-sinh của tín-dồ Đấng Christ sẽ chẳng bao giờ cùng-tận. Gương của Ma-ri còn làm cho trái đất

dầy-dầy hương thơm phục-vụ do lòng yêu-thương. Chúa Jê-sus dự-ngôn điều đó trong chính lời dự-ngôn vô-song của Ngài: « Khắp cả thế-gian, hễ nơi nào Tin-Lành này được giảng ra, thì cũng thuật lại việc người ấy đã làm để nhớ đến người » (câu 13).

Đối với bối-cảnh của cảnh-tượng đẹp-dẽ này, hiện lên hình-dáng tối đen của Giu-đa đang đi đến các thầy tế-lễ cả, mặc dầu chẳng được mời đến, chẳng có lý-do bào-chữa, và đề-nghị lấy ba mươi miếng bạc để nộp Chúa vào tay chúng nhằm thi-giờ và tại nơi đoàn dân đông-đảo không hiện-diện. Không thể nào coi thường trọng-tội này, và cũng không nghi-ngờ chi nữa, có-tích thấp-hèn là tham tiền, như Ma-thi-ơ tuyên-bố ở đây. Tuy-nhiên, sự thật đáng buồn là Giu-đa chẳng phải một quỷ-sứ phi-nhân; nó chỉ là một gương cảnh-cáo về một người dầu hằng ngày tương-giao với Chúa Jê-sus, song không từ-bỏ hoặc trị-phục tội-lỗi để vấn-vương, thì đến cuối-cùng, có thể làm gì. Nó chẳng phải tin-dồ sau-chót mắc tội phản-nộp Vua.

2. Bữa tối cuối-cùng (26 : 17-35).

17 Trong ngày thứ nhất ăn bánh không men, môn-đồ đến gần Đức Chúa Jê-sus mà thưa rằng: Thầy muốn chúng tôi dọn cho Thầy ăn lễ Vượt-qua tại đâu? 18 Ngài đáp rằng: Hãy vào thành, đến nhà một người kia, mà nói rằng: Thầy nói: Giờ ta gần đến; ta và môn-đồ ta sẽ giữ lễ Vượt-qua trong nhà ngươi. 19 Môn-đồ làm y như lời Đức Chúa Jê-sus đã dạy mà dọn lễ Vượt-qua.

20 Đến tối, Ngài ngồi ăn với mười hai sứ-đồ. 21 Khi đương ăn, Ngài phán rằng: Quả thật, ta nói cùng các ngươi rằng có một người trong các ngươi sẽ phản ta. 22 Các môn-đồ lấy làm buồn-bực lắm, và lần-lượt hỏi Ngài rằng: Lạy Chúa, có phải tôi không? Ngài đáp rằng: 23 Kẻ nào đề tay vào mâm với ta, ấy là kẻ sẽ phản ta. 24 Con người đi, y theo lời đã chép về Ngài; song khôn-nạn thay cho kẻ phản Con người! Thà nó chẳng sanh ra thì hơn! 25 Giu-đa là kẻ phản Ngài, cất tiếng hỏi rằng: Thưa thầy, có phải tôi chăng? Ngài phán rằng: Thật như ngươi đã nói.

26 Khi đang ăn, Đức Chúa Jê-sus lấy bánh, tạ ơn rồi, bẻ ra đưa cho môn-đồ mà rằng : Hãy lấy ăn đi, này là thân-thề ta. 27 Ngài lại lấy chén, tạ ơn rồi, đưa cho môn-đồ mà rằng : Hết thầy hãy uống đi ; 28 vì này là huyết ta, huyết của sự giao-ước đã đổ ra cho nhiều người được tha tội. 29 Ta phán cùng các ngươi, từ rày về sau, ta không uống trái nho này nữa, cho đến ngày mà ta sẽ uống trái nho mới cùng các ngươi ở trong nước của Cha ta.

30 Khi đã hát thơ thánh rồi, Đức Chúa Jê-sus và môn-đồ đi ra mà lên núi Ô-li-ve. 31 Ngài bèn phán rằng : Đêm nay các ngươi sẽ đều vấp-phạm vì có ta, như có chép rằng : Ta sẽ đánh kẻ chán chiên, thì chiên trong bầy sẽ bị tan-lạc. 32 Song sau khi ta sống lại rồi, ta sẽ đi đến xứ Ga-li-lê trước các ngươi. 33 Phi-e-rơ cất tiếng thưa rằng : Dầu mọi người vấp-phạm vì có thầy, song tôi chắc không bao giờ vấp-phạm vậ. 34 Đức Chúa Jê-sus phán rằng : Quả thật, ta nói cùng ngươi, chính đêm nay, trước khi gà gáy, ngươi sẽ chối ta ba lần. 35 Phi-e-rơ thưa rằng : Dầu tôi phải chết với thầy đi nữa, tôi chẳng chối thầy đâu. Hết thầy môn-đồ đều nói y như vậ.

Bữa tối cuối-cùng mà Chúa Jê-sus ăn chung với các môn-đệ là tiệc lễ Vượt-qua, và theo một ý-nghĩa thiết-thực, đó chính là lễ Vượt-qua sau-chót ; ấy vì ơn cứu-chuộc mà lễ Do-thái làm hình-bóng cho đó đã được thực-hiện ngày hôm sau bởi sự chết của Đấng Christ, và từ nay trở đi, lễ Vượt-qua bị thay-thế bởi thánh-lễ Cơ-đốc-giáo, gọi là Tiệc-thánh. Ta có thể được ích-lợi nhờ ôn lại quang-cảnh trên từng lầu tại Giê-ru-sa-lem bằng cách tự hỏi rằng quang-cảnh này hướng-dẫn mình thế nào trong sự giữ thánh-lễ mà Chúa Jê-sus thiết-lập để kỷ-niệm sự chết của Ngài ?

(1) Dọn một chỗ tại đó Chúa Jê-sus có thể hội-họp với môn-đệ, không bị gián-đoạn, có thể thông-công riêng với họ và truyền cho họ những sứ-điệp chuẩn-bị họ để phục-vụ trong tương-lai. Ngài đã ngờ ý muốn đến nhà người bạn trong Thành Thánh vì mục-đích ấy thế nào, thì cũng một thế ấy, Chúa Jê-sus hứa ngự vào mỗi tấm lòng đã chuẩn-bị để thông-công với Ngài. Sự chuẩn-bị này có thể là bởi

cầu-nguyện, hoặc suy-gẫm, hoặc đọc một đoạn Kinh-Thánh; nhưng bởi bất-cứ phương-pháp nào do chúng ta lựa-chọn, tấm lòng cũng phải được sẵn-sàng nhận các sứ-diệp ân-diên và yêu-thương của Ngài.

(2) Theo cách trình-bày truyện-tích, hình-ảnh cao-cả chính là hình-ảnh Đấng Christ. Không một họa-sĩ nào mơ-tưởng vẽ tranh mà không đặt Chúa ở chính giữa khung cảnh. Cũng một thể ấy, những ai muốn thật dự phần thánh-lễ này phải chuyên-chú tư-tưởng vào Chúa và phải tin rằng Hiện-diện của Ngài là thiết-thực: dầu do bánh và nước nho tượng-trưng, song thật là một Thần-Linh thiên-thượng, mắt không thấy được.

(3) Mọi tư-tưởng bất-trung phải bị trục-xuất khỏi tâm-trí. Trong bữa tiệc lễ Vượt-qua và trước khi Chúa Jêsus thiết-lập Tiệc-thánh, Ngài tỏ cho Giu-đa biết rằng Ngài đã khám-phá ra mưu phản của nó; theo như các tác-giả sách Tin-Lành khác ngụ-ý, thì không còn nghi-ngờ chi nữa, Giu-đa đã đời-bỏ căn phòng và không có mặt đang khi Chúa thiết-lập Tiệc-thánh. Chắc rằng nếu người ta ham-mến tội-lỗi và giữ lại những mưu-định trái ý-chỉ Chúa, thì không thể nào thật tương-giao với Đấng Christ. Lời Chúa phán với Giu-đa tuyệt-đối nghiêm-trọng. Lời ấy có thể cảnh-cáo chúng ta về hiểm-họa bất-trung đe-dọa môn-đệ Đấng Christ ngay cả khi họ hội-hợp quanh bàn Chúa

(4) Chúa Jêsus giải-thích cho môn-đệ biết ý-nghĩa của thánh-lễ Ngài thiết-lập. Ngài lấy bánh, bẻ ra, và tuyên-bố rằng đó là tượng-trưng cho thân-thể Ngài vì họ mà bị bẻ ra. Ngài tuyên-bố rằng nước nho tượng-trưng cho Huyết Ngài « đổ ra cho nhiều người được tha tội » (câu 28). Rõ-ràng lắm, những người dự phần các biểu-tượng này phải chuyên-chú tư-tưởng vào ơn cứu-chuộc do Đấng Christ thực-hiện cho những ai đặt lòng tin-cậy nơi Ngài. Họ phải tin rằng Ngài đã chịu đau-dớn và chết, hầu cho họ được tha-thứ và hưởng sự sống lớn-mạnh hơn.

(5) Cũng chính lúc này, Chúa Jêsus hứa cho môn-đệ dự phần phước của Nước Ngài. Quả thật, Ngài phải chết, nhưng Ngài sẽ từ kẻ chết sống lại, và một ngày kia, Ngài sẽ lấy quyền-năng mà trở lại. Bây giờ Ngài muốn môn-đệ giữ lễ

và vui-vẻ vì khải-tượng Ngài tái-làm. Tiệc-thánh phải khiến tư-tưởng chúng ta hướng tới cuộc tái-ngộ những người yêu-dấu, tới các tầng trời mở ra, tới thời-đại hòa-bình khắp thế-giới, tới một Vua trị-vì. « Ấy vậy, mỗi lần anh em ăn bánh này, uống chén này, thì rao sự chết của Chúa cho tới lúc Ngài đến » (I Côr. 11 : 26).

(6) Chúa và môn-đệ hát thánh-ca, « đi ra mà lên núi Ô-li-ve » (câu 30). Đây là chỗ thử-thách và hấp-hối, nhưng Chúa và họ đi ra với bài hát khải-hoàn trên môi. Khi chúng ta từ Tiệc-thánh đi ra, thì phải luôn luôn mới-mẻ cảm-biết sức mạnh, hy-vọng và đắc-thắng chắc-chắn vì đặt lòng tin-cậy nơi Ngài.

(7) Từ Tiệc-thánh đi ra, chúng ta phải có lòng tin-cậy mới-mẻ, song chẳng phải là nương-cậy bòn-ngã. Đây là lúc hứa đầu-phục Chúa một cách mới-mẻ, song chẳng phải hứa với tinh-thần kiêu-ngạo hoặc khoe-khoang. Đang khi Chúa Jê-sus từ căn lâu đi vào cảnh xét-xử tối-tâm, các môn-đệ, do Phi-e-ro cầm đầu, tỏ lòng trung-thành với Ngài; họ tuyên-bố tuyệt-đối sẵn-sàng chết với Ngài, nhưng sau đó vài giờ, Phi-e-ro chối Ngài và hết thấy môn-đệ lia-bỏ Ngài. Họ tuyên-bố kính-mến Chúa, thì chẳng có làm-lỗi chi; làm-lỗi là tại họ chẳng chịu nghe Chúa cảnh-cáo rằng họ yếu-đuối và tại họ không vâng theo mạng-lệnh của Chúa khi Ngài bảo họ « hãy thức canh và cầu-nguyện » (câu 41). Tiệc-thánh phải là thì-giờ sùng-kính sâu-xa. Bàn Tiệc-thánh phải là chỗ bày-tỏ lòng thân-ái thành-thực; song cũng tại đó, chúng ta phải mới-mẻ nương-cậy ân-diễn Ngài đã hứa; chỉ nhờ ân-diễn ấy, ta mới có thể đắc-thắng trải qua cơn thử-thách cùng bóng tối của đêm hiu-quạnh, và trông-mong một buổi sáng chói-lọi hơn, sẽ có cuộc tái-ngộ trong cung-điện của Vua, theo như Ngài đã hứa với chúng ta.

3. Chúa Jê-sus trong vườn Ghết-sê-ma-nê (26 : 36-56).

³⁶ Rồi Đức Chúa Jê-sus cùng môn-đồ đi đến một chỗ kêu là Ghết-sê-ma-nê. Ngài phán rằng: Hãy ngồi đây đợi ta đi cầu-nguyện đặng kia. ³⁷ Đoạn, Ngài bèn đem Phi-e-ro và hai người con của Xê-bê-đê đi với mình, tức-thì Ngài buồn-bực và sầu-não lắm. ³⁸ Ngài bèn phán: Linh-hồn ta buồn-

bực cho đến chết; các ngươi hãy ở đây và tỉnh-thức với ta. 39 Rồi Ngài bước tới một ít, sắp mặt xuống đất mà cầu-nguyện rằng: Cha ơi! nếu có thể được, xin cho chén này lìa khỏi con! Song không theo ý-muốn Con, mà theo ý-muốn Cha. 40 Kế đó, Ngài trở lại với môn-đồ, thấy đang ngủ, thì Ngài phán cùng Phi-e-rô rằng: Thế thì các ngươi không tỉnh-thức với ta trong một giờ được! 41 Hãy thức canh và cầu-nguyện, kẻo các ngươi sa vào chước cám-dỗ; tâm-thần thì muốn lảm, mà xác-thịt thì yếu-đuối. 42 Ngài lại đi lần thứ hai, mà cầu-nguyện rằng: Cha ơi! nếu chén này không thể lìa khỏi Con được mà Con phải uống, thì xin ý Cha được nên. 43 Ngài trở lại nữa, thì thấy môn-đồ còn ngủ; vì mắt họ đã đừ quá rồi. 44 Đoạn, Ngài bỏ mà lại đi cầu-nguyện lần thứ ba, và lạy xin như lời trước. 45 Rồi Ngài đi đến với môn-đồ, mà phán rằng: Bây giờ các ngươi ngủ và nghỉ-ngơi ư! Nay, giờ đã gần tới, Con người sẽ bị nộp trong tay kẻ có tội. 46 Hãy chờ dậy, đi hè, kìa kẻ phản ta đến kia.

47 Khi Ngài còn đương phán, xảy thấy Giu-đa, là một người trong mười hai sứ-đồ, đến với một bọn đông người cầm gươm và gậy, mà các thầy tế-lễ cả và các trưởng-lão trong dân đã sai đến. 48 Đứa phản Ngài đã trao cho bọn đó dấu này: Người nào mà tôi sẽ hôn, ấy là người đó, hãy bắt lấy. 49 Tức-thì Giu-đa đến gần Đức Chúa Jê-sus, mà rằng: Chào thầy! Rồi hôn Ngài. 50 Nhưng Đức Chúa Jê-sus phán cùng nó rằng: Bạn ơi! vậy thì vì việc này mà ngươi đến đây sao? Rồi chúng nó đến gần, tra tay bắt Đức Chúa Jê-sus.

51 Và này, có một người trong những người ở với Đức Chúa Jê-sus giơ tay rút gươm ra, đánh đầy-tớ của thầy cả thượng-phàm, chém đứt một cái tai của người. 52 Đức Chúa Jê-sus bèn phán rằng: Hãy nộp gươm vào vỏ; vì hễ ai cầm gươm thì sẽ bị chết về gươm. 53 Ngươi tưởng ta không có thể xin Cha ta lập-tức cho ta hơn mười hai đạo thiên-sứ sao? 54 Nếu vậy, thế nào cho ứng-nghiệm lời Kinh-thánh đã chép rằng việc này tất phải xảy đến? 55 Lúc bấy giờ, Đức Chúa Jê-sus phán cùng chúng rằng: Các ngươi đem gươm và gậy đến mà bắt ta, khác nào như ta là kẻ cướp. Ta thường ngày ngồi trong đền-thờ và giảng-dạy tại

đó, mà các ngươi không bắt ta. ⁵⁶ Nhưng mọi điều ấy phải xảy đến, hầu cho những lời các đấng tiên-tri đã chép được ứng-nghiem. Khi ấy, hết thảy môn-đồ bỏ Ngài mà trốn đi.

Nếu Chúa Jêsus chỉ là một Người, lùi lại vì khiếp-sợ sự chết của thân-thể, thì ta khó giải-thích và, hơn nữa, khó bào-chữa cơn hấp-hối của Ngài trong vườn Ghết-sê-ma-nê. Nếu lùi lại vì khiếp-sợ như vậy, thì Ngài chẳng anh-hùng bằng nhiều môn-đệ của mình. Tuy-nhiên, Ngài sắp phải chết như một Tể-lễ thiên-thượng đề đền tội. Cái chén Ngài phải uống có chứa vị đắng-cay mà chưa hề một người nào nếm-trải. Ta chỉ có thể giải-thích cảnh-tượng trong vườn đó bằng chính lời Chúa phán trên từng lâu : « Đây là Huyết Ta, Huyết của sự giao-ước đã đổ ra cho nhiều người được tha tội » (câu 28). Cơn hấp-hối này tăng thêm sự màu-nhiệm và ý-nghĩa của Thập-tự-giá.

Nhưng Chúa Jêsus cũng là một Người, và lùi lại trước sự tra-khảo và sự chết chỉ là tự-nhiên. Nỗi đau-đớn khiến Ngài có thể cảm-thương một hàng dài các thánh tử-đạo sẽ noi theo dấu chơn Ngài và nếm một phần chén thương-khó khùng-khiếp của Ngài. Chính Ngài mong-mỏi thiện-cảm ; chính vì cơ đó, Ngài đem theo mấy người bạn thân nhứt khi bước vào bóng tối trong vườn ; song họ ngủ mê vì mệt-mỏi hoặc vì không để ý chi. Vậy, Chúa hiển một cảnh-tượng cô-đơn, hiu-quạnh đi liền với mọi cơn đau-đớn, thử-thách.

Chúa Jêsus tìm thấy phương cứu-giúp cao-cả trong sự cầu-nguyện. Khi cơn hấp-hối nắm lấy linh-hồn Ngài hung-hăng hơn hết, Ngài vẫn cầu-nguyện ; và Đức Chúa Cha đáp lời Ngài. Không phải cái chén bị cất đi, nhưng có ân-diền để uống cạn, Tử-thần mất nọc độc, mồ-mả bị đánh bại, và Chúa Jêsus « trở nên cội-rễ (hoặc : tác-giả) của sự cứu-rỗi đời đời cho kẻ vâng lời Ngài » (Hê. 5 : 9). Chúa Jêsus cầu-nguyện với một tinh-thần sẵn-sàng vâng-phục Đức Chúa Cha. Đây, lời vô-song của Ngài : « Song không theo ý-muốn Con, mà theo ý-muốn Cha » (câu 39). Ngài thắng trận vì đầu-phục ý-chỉ của Đức Chúa Cha. Khi tên phản-bội tới gần, thì Chúa Jêsus đã sẵn-sàng ; cơn hấp-hối và bão-tố qua rồi ; Chúa Jêsus bước ra, bình-tĩnh

như một Đế-vương, đề gặp kẻ thù-nghịch và Thập-tự-giá của Ngài.

Đối-chiếu với hình-dáng đế-vương của Chúa Jê-sus, có con người khả-bĩ của Giu-đa. Cách nó thực-hiện tội-ác gồm-ghiếc hoàn-toàn phù-hợp với tánh-chất hèn-mạt, cốt-yếu của tội-ác ấy. Nó dẫn một toán người dòng-đảo, cầm gươm và gậy, vào vườn Ghết-sê-ma-nê, là nơi nó biết Chúa Jê-sus thường lui về cầu nguyện; tại đây, nó phản-bội Chúa bằng một cái hôn, là dấu-hiệu đã hẹn trước, đề khỏi làm-lấn một môn-đệ nào của Chúa. Như vậy, những hành-động bất-trung với Đấng Christ thường có vẻ kinh-tởm hơn vì có các sân khấu nó diễn ra và các lời quả-quyết kinh-mến Ngài kèm theo.

Về bình-tĩnh, không chút sợ-hãi của Chúa Jê-sus còn tương-phản với hành-vi các môn-đệ Ngài. Một người trong vòng họ chỉ do can-đảm xác-thịt thúc-đẩy, đã rút gươm và hung-hăng đánh tên đầy-tớ của thầy tế-lễ thượng-phẩm; nhưng Chúa Jê-sus quở-trách ông, và quả-quyết với ông rằng chánh-nghĩa của Chúa không nhờ võ-lực mà thắng-tiến, rồi Ngài thêm một lời tự nhận đế-vương mà một mình Ma-thi-ơ đã ghi-chép thích-ứng: « Người trông Ta không có thể xin Cha Ta lập-lức cho Ta hơn mười hai đạo thiên-sứ sao? » (câu 53). Ngài cảm thấy quyền-năng mình, nhưng cũng tin quyết ở một ý-định thiên-thượng. Ngài tuyên-bố rằng các dự-ngôn về ơn cứu-chuộc đang được ứng-nghiệm trong sự bắt Ngài và đóng đinh Ngài vào Thập-tự-giá. Ngài vui lòng dâng mình làm Tế-lễ. Tuy-nhiên, Ngài quở-trách bọn cán-bộ mang tội giết Ngài. Ngài xây qua Giu-đa và bọn đồng-lỏa của nó, ngụ-ý phẫn-nộ vì chúng dùng võ-lực đến bắt Ngài. Chúa Jê-sus còn phản-đối cách chúng bắt Ngài lên-lút; Ngài chẳng bao giờ mắc tội dùng bạo-lực, và Ngài luôn luôn dạy-đỡ trước công-chúng. Tuy-nhiên, Ngài tuyên-bố rằng ngay cả hành-vi tội-lỗi của chúng cũng đã được các đấng tiên-tri dự-ngôn. Ngài chịu đề chúng bắt mình một cách sỉ-nhục, hồ-thẹn; và lòng Ngài buồn-rầu vì thấy hết thấy môn-đệ lia-bỏ Ngài mà chạy trốn. Mới một giờ trước, họ khoe-khoang

trung-thành với Ngài. Cũng vậy, chúng ta chẳng tự biết mình hèn-nhất về phần đạo-đức, và can-đảm của ta chẳng còn trong giờ thử-thách.

4. Chúa Jêsus trước mặt Cai-phe (26 : 57-75).

57 Những kẻ đã bắt Đức Chúa Jêsus đem Ngài đến nhà thầy cả thượng-phẩm Cai-phe, tại đó các thầy thông-giáo và các trưởng-lão đã nhóm lại. 58 Phi-e-rô theo Ngài xa xa cho đến sân của thầy cả thượng-phẩm, vào ngồi với các kẻ canh-giữ đặng coi việc ấy ra làm sao.

59 Bấy giờ các thầy tế-lễ cả và cả tòa công-luận kiểm chứng dối về Ngài, cho được giết Ngài. 60 Dầu có nhiều người làm chứng dối có mặt tại đó, song tìm không được chứng nào cả. Sau hết, có hai người đến, 61 nói như vậy: Người này đã nói: Ta có thể phá đền-thờ của Đức Chúa Trời, rồi dựng lại trong ba ngày. 62 Thầy cả thượng-phẩm bèn đứng dậy mà nói với Ngài rằng: Những người này làm chứng mà kiện ngươi, ngươi không thưa lại gì sao? 63 Nhưng Đức Chúa Jêsus cứ làm thinh. Thầy cả thượng-phẩm lại nói với Ngài rằng: Ta khiến ngươi chỉ Đức Chúa Trời hằng sống mà thề, hãy nói cho chúng ta, ngươi có phải là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời chăng? 64 Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Thật như lời; và lại, ta nói cùng các ngươi, về sau các ngươi sẽ thấy Con người ngồi bên hữu quyền-phép Đức Chúa Trời, và ngự trên mây từ trời mà xuống. 65 Thầy cả thượng-phẩm bèn xé áo mình mà nói rằng: Nó đã nói phạm-thượng; chúng ta còn cần gì người làm chứng nữa sao? Các ngươi vừa nghe lời phạm-thượng đó, thì nghĩ làm sao? 66 Chúng trả lời rằng: Nó đáng chết! 67 Họ bèn nhờ trên mặt Ngài, đấm Ngài, lại có kẻ vả Ngài, 68 mà nói rằng: Hỡi Đấng Christ, hãy nói tiên-tri đi; cho chúng ta biết ai đánh ngươi.

69 Bấy giờ Phi-e-rô vẫn ngồi ngoài sân. Có một người đầy-tớ gái đến gần, mà nói cùng người rằng: Ngươi cũng là kẻ ở với Jêsus, người Ga-li-lê. 70 Song Phi-e-rô chối trước mặt chúng mà rằng: Ta không hiểu ngươi nói chi. 71 Khi đi ra ngoài cửa, lại có một đầy-tớ gái khác thấy người, bèn nói cùng kẻ ở đó rằng: Người này cũng ở với Jêsus, người

Na-xa-rét. ⁷² Song Phi-e-rơ lại chối và thề rằng : Ta chẳng hề biết người ấy. ⁷³ Một chặp nữa, những kẻ ở gần đó đến gần nói với Phi-e-rơ rằng : Chắc thật, ngươi cũng thuộc về đảng ấy, vì tiếng nói của ngươi khai ngươi ra. ⁷⁴ Người bèn rủa mà thề rằng : Ta không biết người đó đâu ! Tức thì gà gáy. ⁷⁵ Phi-e-rơ nhớ lời Đức Chúa Jê-sus đã phán rằng : Trước khi gà gáy, ngươi sẽ chối ta ba lần. Đọa, người đi ra và khóc-lóc cách đấng-cay.

Khi Chúa Jê-sus bị tố-cáo trước mặt thầy tế-lễ thượng-phẩm Cai-phe và tòa án tối-cao của quốc-gia, thì ai nấy giả-định rằng Ngài có cơ bị tử-hình ; thật ra, chính bọn cầm quyền đang bị xét-xử và lên án ; số-phận của quốc-gia đang định-đoạt. Tới đây, Vua sắp bị công-khai chối-bỏ.

Các quan án tự buộc mình vào tội thành-kiến, bất-lương, xảo-quyệt. Chúng chẳng tìm cách xác-nhận cái thực-sự rằng có thể thi-hành công-lý, nhưng muốn có một thác-ngôn để bào-chữa vụ sát-nhân mà chúng toan thi-hành. Chúng tập-hợp chứng-nhân để tuyên một bản án mà chúng đã quyết-định rồi ; song bọn chứng-nhân này không đồng-ý với nhau ; mỗi sau mỗi có hai người quả-quyết rằng Chúa Jê-sus đã khoe có thể phá Đền-thờ và xây lại trong ba ngày. Chúng đã dối lời Chúa dự-ngôn rằng khi đền-thờ của « thân-thể Ngài » bị hủy-phá, thì Ngài sẽ sống lại nhằm ngày thứ ba. Liên-quan đến phép lạ phục-sanh, cần phải nhớ sự làm chứng công-khai đó về một lời tự nhận thể ấy của Chúa. Tuy-nhiên, cả sự làm chứng này cũng tỏ ra là vô-giá-trị, và tánh-chất yếu-ớt của nó bị nêu lên do Chúa Jê-sus cứ yên-lặng, làm cho thầy tế-lễ thượng-phẩm tuyệt-vọng ; ấy vì sự yên-lặng của Ngài tuyên-bố rằng chúng chưa đem ra được một bằng-cớ nào đáng trả lời.

Bấy giờ Cai-phe long-trọng nài-nỉ Chúa Jê-sus trả lời rõ-ràng Ngài « có phải là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời chẳng » (câu 63). Chúa Jê-sus trả lời tuyệt-đối minh-bạch : « Thật như lời » (câu 64a). Rồi Ngài bắt đầu giải-thích rằng dấu tinh-hình hiện-tại có vẻ trái với lời tự nhận của Ngài, nhưng một ngày kia, chúng sẽ thấy Ngài (đúng như Đa-ni-ên đã dự-ngôn Đấng Mê-si xuất-hiện) « ngồi bên hữu

quyền-phép Đức Chúa Trời, và ngự trên mây từ trời mà xuống » (câu 64b).

Nào có lạ gì, Cai-phe xé áo để tỏ ý khùng-khiếp. Hành động này hơi có vẻ đống kịch, nhưng cốt để nhấn mạnh vào lời hấn lập-tức cáo tội Chúa Jêsus đã lộng-ngôn. Khi hấn hỏi ý-kiến Tòa Công-luận, thì chúng tuyên án Ngài « đáng chết » (câu 66). Chúng có lý, — nếu chẳng phải Đấng Mê-si và Con Đức Chúa Trời, thì Ngài thật đáng chết. Không có địa-vị nào ở giữa. Chúng ta đã đứng với Cai-phe hay là với Đấng Christ ?

« Chúng bèn nhờ trên mặt Ngài,... lại có kẻ vả Ngài » (câu 67). Sự tàn-ác dường như không tả xiết. Bọn này tự nhận là đại-diện đặc-biệt của Đức Chúa Trời; song con thú ở trong lòng người hiện ra rõ-rệt hơn bao kẻ phồng-đoán, và trong cơn khát máu, bọn cầm quyền này đã hung-tàn hơn, vì bày-tỏ chính lòng phản-trác và hồ-nhục của chúng.

Trong lúc đó, một cảnh-tượng thảm-thương đang diễn ra ngoài sân trống của dinh-thự. Không phải xảo-quyệt, mà lại hèn-nhát. Phi-e-rơ hồ-thẹn không dám xưng-nhận mình là môn-đệ Chúa Jêsus. Ông chối không quen-biết Ngài. Ông mất can-đảm, chớ không mất đức-tin. Phải nói một lời nào để bình-vực ông; phải đề ý tới ông mệt-nhọc vì suốt đêm căng thẳng và buồn-rầu, vì lạnh-lẽo và cô-đơn, vì giờ bối-rối đó, vì tinh-linh bị tấn-công. Tuy-nhiên, ông đã sa-ngã hồ-thẹn, và sự sỉ-nhục của ông thật đáng buồn. Ông đã chối Chúa ba lần: trước hết, nó tô màu lừa-dối; rồi nó được xác-nhận bằng một lời thề; và rốt lại, có sự tức-giận cấp theo. Dễ chỉ ngón tay khinh-dễ vào vị Sứ-dò trừ-danh; song trong lúc thử-thách kém phần kịch-liệt, chỉ có ít môn-đệ Đấng Christ không thật chối Chúa bằng lời nói, việc làm, hèn-nhát, lừa-dối và tư-dục.

Bấy giờ Phi-e-rơ nghe gà gáy, bèn nhớ lời Chúa Jêsus đã phán, thì « đi ra và khóc-lóc cách đắng-cay » (câu 75). Đó là tiếng khóc và nước mắt ăn-năn, sửa-soạn con đường tha-thứ và bình-an. Đối với nhiều môn-đệ sa-ngã của Vua, đã có thiên-hựu tinh-tế biết bao nhắc họ nhớ lời hứa-nguyện tận-tụy, lời cảnh-cáo êm-nhẹ và sự thông-công với

Chúa từ-ái. Khi nhớ lại, thì khóc-lóc, ăn-năn cay-đắng, nhưng sau đó, đã có buổi mai chói-sáng, gặp Đấng Christ phục-sanh, tỏ lòng kính-mến Ngài mới-mẻ và tận-tụy sâu-xa hơn với chánh-nghĩa của Ngài.

5. Chúa Jêsus trước mặt Phi-lát (27 : 1-16).

1 Đến sáng mai, các thầy tế-lễ cả và các trưởng-lão trong dân hội-ngộ nghịch cùng Đức Chúa Jêsus để giết Ngài.

2 Khi đã trời Ngài rồi, họ đem nộp cho Phi-lát, là quan tòng-đốc.

3 Khi ấy, Giu-đa, là kẻ đã phản Ngài, thấy Ngài bị án, thì ăn-năn, bèn đem ba chục miếng bạc trả cho các thầy tế-lễ cả và các trưởng-lão, 4 mà nói rằng: Tôi đã phạm tội vì nộp huyết vô-tội! Song họ đáp rằng: Sự đó can gì đến chúng ta? Mặc kệ ngươi. 5 Giu-đa bèn ném bạc vào đền-thờ, liền trở ra, đi thất cò. 6 Nhưng các thầy tế-lễ cả lượm bạc và nói rằng: Không có phép để bạc này trong kho thánh, vì là giá của huyết. 7 Rồi họ bàn với nhau dùng bạc đó mua ruộng của kẻ làm đồ gốm để chôn những khách lạ. 8 Nhơn đó, ruộng ấy đến nay còn gọi là « ruộng huyết. » 9 Bấy giờ được ứng-nghiệm lời đấng tiên-tri Giê-rê-mi đã nói rằng: Họ lấy ba chục bạc, là giá của Đấng đã bị định bởi con-cái Y-sơ-ra-ên, 10 và đưa bạc ấy mà mua ruộng của kẻ làm đồ gốm y như lời Chúa đã truyền cho ta.

11 Đức Chúa Jêsus đứng trước quan tòng-đốc, quan hỏi rằng: Có phải ngươi là Vua của dân Giu-đa không? Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Thật như lời. 12 Trong lúc các thầy tế-lễ cả và các trưởng-lão kiện Ngài, Ngài không đối-đáp gì hết. 13 Phi-lát bèn nói cùng Ngài rằng: Họ có nhiều điều làm chứng kiện ngươi, ngươi há không nghe đến sao? 14 Song Đức Chúa Jêsus không đáp lại một lời gì, đến nỗi làm cho quan tòng-đốc lấy làm lạ lắm.

15 Phàm đến ngày lễ Vượt-qua, quan tòng-đốc thường có lệ tha một tên tù tùy ý dân muốn. 16 Đang lúc ấy, có một tên phạm nòi tiếng, tên là Ba-ra-ba.

Bọn La-mã chiến-thắng đã truất của dân Do-thái cái quyền lên án tử-hình. Vậy, khi Tòa Công-luận quyết-định

rằng Chúa Jêsus đáng chết; thì bọn cầm quyền giải Ngài đến Phi-lát, là viên thống-đốc La-mã, để tên này tuyên-bố và thi-hành bản án tàn-bạo. Khi Chúa Jêsus đứng trước mặt Cai-phe, thì Ma-thi-ơ vẽ thêm bức tranh bi-ai Phi-e-rơ chối Chúa; còn khi Ngài đứng trước mặt Phi-lát, thì Ma-thi-ơ mô-tả cảnh-tượng thê-thảm Giu-đa vội đi tới số-phận khủng-khiếp của nó. Tội-lỗi của Phi-e-rơ chẳng giống như tội-lỗi của Giu-đa; sự buồn-rầu theo sau cũng vậy. Bước sa-ngã của Phi-e-rơ là hành-động hèn-nhát trong một sự-nghiệp về sau đã trở thành phục-vụ trọng-đại cho Đấng Christ và Hội-Thánh Ngài. Còn sự phản-bội của Giu-đa là bước cuối-cùng trên con đường xuống dốc. Phi-e-rơ ăn-năn; còn Giu-đa chỉ cảm thấy hối-hận tuyệt-vọng và đau-đớn khủng-khiếp. Tình-trạng đó khiến hần thú-nhận trọng-tội, ghét giá tiền thảm-hại của sự phản-bội, và tự-tử để kết-liệu đời mình. Bọn cầm quyền đã dùng hần tàn-nhãn đường nào! Bọn sát-nhân này đã thận-trọng biết bao trong sự thích-ứng sử-dụng số bạc vấy huyết đó! Chúng chẳng ngờ mình đã làm ứng-nghiệm lời tiên-tri thuở xưa! Tội-ác của bọn cầm quyền này càng tỏ-rõ đầy-đủ khi chúng đến trước mặt Phi-lát để tố-cáo Chúa Jêsus và đòi giết Ngài cho được! Chúng bóp méo lời Tòa Công-luận buộc tội và lên án Chúa Jêsus, đòi thành tội phản-loạn chống hoàng-đế La-mã. Lòng gian-dối hèn-mạt của chúng hiển-nhiên tới mức Phi-lát thấy rõ rằng cốt-tích của chúng là ganh-tị. Xảo-quyệt và khéo-léo, chúng khiến đoàn dân đông-đảo vốn ngưỡng-mộ Chúa Jêsus như thần-tượng đòi ra chống-nghịch Ngài, và thuyết-phục họ xin tha Ba-ra-ba, một tên trộm-cướp sát-nhân, thay cho Chúa Jêsus, và xin Phi-lát đóng đinh Ngài vào Thập-tự-giá. Như vậy, vì ảnh-hưởng của bọn cầm quyền mà rốt lại, dân-chúng xin sự rửa-sả giáng trên dân-tộc khi kêu lên rằng: « Xin Huyết Người đổ lại trên chúng tôi và con-cái chúng tôi! » (câu 25). Tội giết Chúa Jêsus thật đã đổ trên chúng. Khi thành Giê-ru-sa-lem bị phá-hủy và suốt bao nhiêu thế-kỷ mòn-mỏi, dân Do-thái chịu đau-đớn, cực-khổ vì đã vâng theo bọn thủ-lãnh gian-dối và vì chối-bỏ Vua chánh ngôi của mình.

Tuy-nhiên, trung-tâm của cảnh-tượng chẳng phải là bọn cầm quyền Do-thái, mà là viên thống-đốc La-mã. Phi-lát là

hình-ảnh khả-bĩ của người thiếu can-đảm để giữ lòng tin quyết, sợ làm điều phải trong hiện-tại vì đã lỗi-làm trong quá-khứ. Ngay từ lúc đầu, hần tin quyết rằng Chúa Jêsus vô-tội, song hần sợ dân Do-thái sẽ tìm thấy cơ-hội để phúc-trình các trọng-tội của hần trước kia về thủ-đô Lam-mã. Hần bắt-buộc phải coi khinh lương-tâm, phải làm theo ý của dân Do-thái mà mình khinh-bĩ. Giống như mọi người chơi-đùa với lương-tâm, trước hết hần tìm cách thỏa-hiệp. Hần đề-nghị tha Chúa Jêsus thay cho Ba-ra-ba. Điều này sẽ làm vui lòng bọn cầm quyền vì làm cho Chúa Jêsus mất danh-giá và kể Ngài như tên tử-tù được phóng-thích ; cũng làm đẹp lòng nhân-dân vì họ đã gọi Chúa Jêsus là Vua. Phi-lát hoạch-định như vậy ; song đang khi chờ dân-chúng trả lời, thì hần nhận được một tin bất-tường của vợ : Nàng quả-quyết rằng Chúa Jêsus vô-tội, và cảnh-cáo Phi-lát chớ làm hại Ngài bất-cứ cách nào. Rồi hần chán-ngán hoặc kinh-hoảng vì nghe phúc-trình rằng mình bị bọn cầm quyền lừa-gạt ; chúng đã thuyết-phục đoàn dân xin tha Ba-ra-ba và đóng đinh Chúa Jêsus vào Thập-tự-giá. Hần ngần-ngại, rồi nhượng-bộ trước cao-trào phản-đối. Hần rửa tay để tỏ ra mình vô-tội đối với Huyết Chúa Jêsus ; nhưng người ta không thể tẩy-bỏ tội-lỗi dễ-dàng như vậy. Huyết ấy vấy vào tay hần. Viên thống-đốc Lam-mã đồng-ý với bọn cầm quyền Do-thái và với dân-chúng trong tội-ác, lầm-lỗi, hồ-nhục. Vua thiên-thượng đang đứng trước mặt họ. Trung-thành với Ngài thì chẳng bao giờ dễ-dàng đâu. Tuy-nhiên, không thể nào có thái-độ trung-lập trước mặt Ngài. Phi-lát đã thử làm như vậy ; nhưng mọi người thiếu can-đảm để làm theo lòng tin quyết và sợ đứng về phía Đấng Christ, thì đến cuối-cùng, sẽ thấy mình ở chung với Phi-lát, là kẻ đã tha Ba-ra-ba, « và khiến đánh đòn Đấng Chúa Jêsus, đoạn, giao Ngài ra ngoài để đóng đinh trên cây Thập-tự » (câu 26).

6. Sự đóng đinh vào Thập-tự-giá và an-táng

(27 : 17-66).

17 Khi chúng đã nhóm lại, thì Phi-lát hỏi rằng : Các ngươi muốn ta tha người nào, Ba-ra-ba hay là Jêsus gọi là Christ?

18 Vì quan ấy biết bởi lòng ghen-gét nên chúng đã nộp

Ngài. — 19 Quan tổng-đốc đương ngồi trên tòa án, vợ người sai thưa cùng người rằng : Đừng làm gì đến người công-bình đó ; vì hôm nay tôi đã bởi có người mà đau-đớn nhiều trong chiêm-bao. — 20 Song các thầy tế-lễ cả và các trưởng-lão dỗ chúng hãy xin tha Ba-ra-ba và giết Đức Chúa Jê-sus. 21 Quan tổng-đốc cất tiếng hỏi rằng : Trong hai người này, các ngươi muốn ta tha ai ? Chúng thưa rằng : Ba-ra-ba. 22 Phi-lát nói rằng : Vậy, còn Jê-sus gọi là Christ, thì ta sẽ xử thế nào ? Chúng đều trả lời rằng : Đóng đinh nó trên cây thập-tự ! 23 Quan hỏi : Song người này đã làm việc dữ gì ? Chúng lại kêu-la lớn rằng : Đóng đinh nó trên cây thập-tự ! 24 Phi-lát thấy mình không thắng nổi chi hết, mà sự ồn-ào càng thêm, thì lấy nước rửa tay trước mặt thiên-hạ, mà nói rằng : Ta không có tội về huyết của người này ; điều đó mặc kệ các ngươi. 25 Hết thầy dân-chúng đều đáp rằng : Xin huyết người lại đổ trên chúng tôi và con-cái chúng tôi ! 26 Phi-lát bèn tha tên Ba-ra-ba cho chúng ; và khiến đánh đòn Đức Chúa Jê-sus, đoạ, giao Ngài ra để đóng đinh trên cây thập-tự.

27 Lính của quan tổng-đốc bèn đem Đức Chúa Jê-sus vào công-đường, và nhóm cả cơ-binh vây lấy Ngài. 28 Họ cởi áo Ngài ra, lấy áo điều mà khoác cho Ngài. 29 Đoạ, họ đương một cái mào gai mà đội trên đầu, và để một cây sậy trong tay hữu Ngài ; rồi quì xuống trước mặt Ngài mà nhạo-báng rằng : Lạy Vua của dân Giu-đa ! 30 Họ nhổ trên Ngài, và lấy cây sậy đánh đầu Ngài. 31 Khi đã nhạo-báng Ngài rồi, thì họ cởi áo điều ra mà mặc áo của Ngài lại, rồi đem Ngài đi đóng đinh trên cây thập-tự.

32 Khi họ đi ra, gặp một người ở thành Sy-ren tên là Si-môn, thì bắt người vác cây thập-tự của Đức Chúa Jê-sus. 33 Đã đi tới một chỗ gọi là Gô-gô-tha, nghĩa là chỗ cái Sọ, 34 họ cho Ngài uống rượu trộn với mật đắng ; song Ngài ném, thì không chịu uống. 35 Họ đã đóng đinh Ngài trên cây thập-tự rồi, thì bắt thăm mà chia nhau áo-xống của Ngài. 36 Rồi họ ngồi đó mà canh-giữ Ngài 37 Phía trên đầu Ngài họ đề cái bảng đề chữ, chỉ về án Ngài, rằng : NGƯỜI NÀY LÀ JÊ-SUS, VUA DÂN GIU-ĐA.

38 Cũng lúc đó, họ đóng đinh hai tên trộm-cướp với Ngài,

một tên ở cây thập-tự bên hữu, một tên ở cây thập-tự bên tả. ³⁹ Những kẻ đi ngang qua đó chê-cười Ngài, lắc đầu, ⁴⁰ mà nói rằng : Người là kẻ phá đền-thờ và dựng lại trong ba ngày, hãy cứu lấy mình đi ! Nếu người là Con Đức Chúa Trời, hãy xuống khỏi cây thập-tự ! ⁴¹ Các thầy tế-lễ cả, các thầy thông-giáo và các trưởng-lão cũng nhạo Ngài rằng : ⁴² Nó đã cứu kẻ khác mà cứu mình không được. Nếu phải Vua dân Y-sơ-ra-ên, bây giờ hãy xuống khỏi cây thập-tự đi, thì chúng ta mới tin. ⁴³ Nó nhờ-cậy Đức Chúa Trời ; nếu Đức Chúa Trời yêu nó thì bây giờ Ngài phải giải-cứ cho, vì nó đã nói rằng : Ta là Con Đức Chúa Trời. ⁴⁴ Hai tên trộm-cướp bị đóng đinh trên cây thập-tự với Ngài cũng nhieómóc Ngài như vậy.

⁴⁵ Từ giờ thứ sáu đến giờ thứ chín, khắp cả xứ đều tối-tăm mù-mịt. ⁴⁶ Ước chừng giờ thứ chín, Đức Chúa Jê-sus kêu tiếng lớn lên rằng : Ê-li, Ê-li, lam-ma sa-bách-ta-ni ? nghĩa là : Đức Chúa Trời tôi ơi ! Đức Chúa Trời tôi ơi ! sao Ngài lia-bỏ tôi ? ⁴⁷ Có mấy người đứng đó, nghe kêu, thì nói rằng : Nó kêu Ê-li. ⁴⁸ Liền có một người trong bọn họ chạy lấy một miếng bông đá, và thấm đầy dấm, đề trên đầu cây sậy mà đưa cho Ngài uống. ⁴⁹ Nhưng kẻ khác thì lại nói rằng : Hãy đề vậy, coi thử có Ê-li đến giải-cứ nó chăng. ⁵⁰ Đức Chúa Jê-sus lại kêu lên một tiếng lớn nữa, rồi trút linh-hồn.

⁵¹ Và này, cái màn trong đền-thờ bị xé ra làm hai từ trên chí dưới, đất thì rung-động, đá lớn bẻ ra, ⁵² mồ-mả mở ra, và nhiều thân của các thánh qua đời được sống lại. ⁵³ Sau khi Đức Chúa Jê-sus đã sống lại, các thánh đó ra khỏi mồ-mả, đi vào thành thánh, và hiện ra cho nhiều người thấy. ⁵⁴ Thầy đội và những lính cùng với người canh-giữ Đức Chúa Jê-sus, thấy đất rung-động và những điều xây dựng, thì sợ-hãi lắm, mà nói rằng : Thật người này là Con Đức Chúa Trời. ⁵⁵ Và, có nhiều người đồn-bà đứng coi ở đằng xa, là người đã đi theo Đức Chúa Jê-sus từ xứ Ga-li-lê, đề hầu việc Ngài. ⁵⁶ Trong những đồn-bà đó có Ma-ri Ma-đơ-len, Ma-ri, mẹ của Gia-cơ và Giô-sép, và mẹ hai con trai của Xê-bê-đê.

⁵⁷ Đến chiều tối, có một người giàu, ở thành A-ri-ma-thê, tên là Giô-sép, chính là một môn-đồ của Đức Chúa Jê-sus,

58 đến nơi Phi-lát mà xin xác Đức Chúa Jêsus. Phi-lát bèn truyền cho. 59 Giô-sép lấy xác Ngài mà bọc trong tấm vải liệm trắng, 60 và đưa để trong một cái huyệt mới mà người đã khiến đục cho mình trong hòn đá; đoạ, lăn một hòn đá lớn đến trước cửa mồ, rồi đi. 61 Có Ma-ri Ma-đơ-len và Ma-ri khác ở đó, ngồi đối ngang huyệt.

62 Đến ngày mai (là ngày sau ngày sắm-sửa), các thầy tế lễ cả và người Pha-ri-si cùng nhau đến Phi-lát, 63 mà nói rằng: Thưa chúa, chúng tôi nhớ người gian-dối này, khi còn sống, có nói rằng: Khởi ba ngày thì ta sẽ sống lại. 64 Vậy, xin hãy cắt người canh mà cần-thận cho đến ngày thứ ba, kẻo môn-đồ nó đến lấy trộm xác đi, rồi nói với chúng rằng: Ngài đã từ kẻ chết sống lại. Sự gian-dối sau đó sẽ tệ hơn sự gian-dối trước. 65 Phi-lát nói với họ rằng: Các ngươi có lính canh; hãy đi canh-giữ theo ý các ngươi. 66 Vậy, họ đi, niêm-phong mà Ngài lại, cắt lính canh-giữ, lấy làm chắc-chắn lắm.

Phẩm-tước mà Phi-lát đặt trên Thập-tự-giá là một nhan-đề thích-ứng cho sách Tin-Lành Ma-thi-ơ: « Người này là JÊSUS, Vua dân Giu-đa » (câu 37). Mục-dịch nhất-định của tác-giả là chứng-tỏ thực-sự đó, và không một trang nào khác tả rõ điếm ấy bằng khi ông chép truyện-tích Chúa hấp-hối trên Thập-tự-giá. Phẩm-tước viết ra để chế-giễu, nhưng nó nhắc lại một lời Chúa tự nhận, thể-hiện một thực-tại và gọi lên một lời tiên-tri. Chúa Jêsus bị định tội vì tự nhận như vậy; nhưng Ngài thật là Vua của người Do-thái, và dân-tộc này sẽ đạt tới vinh-quang dự-ngôn khi họ ăn-năn mà « trông thấy » Đấng mình « đã dâm » (Khải. 1: 7), và hoan-nghinh Ngài bằng tiếng hoan-hô rằng: « Đấng ngợi-khen cho Đấng hơn Danh Chúa mà đến ! » (Ma. 21 : 9).

Phẩm-tước trên Thập-tự-giá chỉ là một hình-thức chế-giễu chất lên Đấng vô-tội đang chịu đau-dớn; còn mọi hình-thức khác vang-dội lời Ngài tự nhận là Vua và vô-tình làm chứng cho cùng một chân-lý. Bọn lính tàn-bạo « nhạo-báng rằng: Lạy Vua của dân Giu-đa ! » (câu 29). Chúng mặc áo điều cho Ngài, đội vương-miện bằng gai, trao cho Ngài cây sậy làm phủ-việt, rồi cúi lạy Ngài một

cách giễu-cợt. Dân-chúng chế-nhạo Ngài đã tự nhận là Con Đức Chúa Trời; bọn thầy tế-lễ cả và trưởng-lão kêu-la khinh-bĩ: « Nếu phải Vua dân Y-sơ-ra-ên... » (câu 42). Cả hai tên trộm-cướp cùng bị đóng đinh vào Thập-tự-giá với Ngài cũng hiệp lại nhạo-báng Ngài đã tự nhận là Vua. Chẳng bao lâu, các biến-cố theo sau đã làm chứng rằng lời Ngài tự nhận đó là chánh-xác, đích-thực. Chắc hẳn Chúa Jê-sus đã chết như một Vua; mặt trời bị che khuất, và « khắp cả xứ đều tối-tăm mù-mịt » (câu 45). « Đất thì rung-động, đá lớn bẽ ra, mồ-mả mở ra » (câu 51, 52). Trong khi ấy, Vua chịu đau-dớn không thốt một lời than-thở, duy chỉ kêu lên sầu-thảm một lần vì cảm thấy bị Đức Chúa Cha từ-bỏ, sau đó, có một tiếng kêu toàn-thắng, rồi Ngài « trút linh-hồn » (câu 50). Nào có lạ gì, viên bách-nhân đội-trưởng đứng nhìn-xem Chúa Jê-sus, đã « sợ-hãi lắm, mà nói rằng : Thật Người này là Con Đức Chúa Trời » (câu 54). Nào có lạ gì, mấy bà « đứng coi ở đằng xa » (câu 35) cái cảnh-tượng khủng-kh khiếp đó mà lòng tan-vỡ. Họ quen-biết Ngài, kính-mến Ngài, và dưới vẻ hóa-trang thấp-thỏi, họ nhìn thấy vẻ oai-nghiêm của một vị Vua.

« Và này, cái màn trong Đền-thờ bị xé ra làm hai, từ trên chí dưới » (câu 51). Đó là chìa-khóa mở sự màu-nhiệm. Tại sao Ngài phải chết ? Tại sao Đấng vô-tội phải chịu đau-dớn như vậy ? Tại sao Con Đức Chúa Trời phải chịu hồ-nhục, hấp-hối và chết như vậy ? Ấy đề Ngài có thể dắt-đưa chúng ta về Đức Chúa Cha; có thể mở cho ta con đường mới và sống vào trước Hiện-diện Đức Chúa Trời; và để chúng ta được xưng công-bình bởi đức-tin, được phục-hòa với Đức Chúa Trời, được vui-mừng trong hi-vọng về vinh-quang đời đời của Ngài.

Ngay cả sự an-táng Chúa Jê-sus cũng có vẻ đế-vương; thi-hài Ngài do một người giàu-có, quyền-qui, tên là Giô-sép, nhận-lãnh, liệm bằng vải qui-giá, đặt vào phần-mộ mới đục trong vàng đá, rồi bên ngoài chặn một tảng đá lớn. Đây, Ma-thi-ơ mô-tả mấy bà trung-tin ngồi gần canh-giữ phần-mộ khi màn tối-tăm buông xuống. Tuy-nhiên, cũng có binh-lính được chỉ-định để canh-giữ phần-mộ. Các thầy tế-lễ cả và thầy thông-giáo đến trước Phi-lát, nhắc hẳn lời Chúa Jê-sus tuyên-bố rằng Ngài sẽ từ kẻ chết

sống lại. Chúng tỏ ý sợ môn-đê Ngài sẽ ăn cắp thi-hài, làm cho ai nấy tin Ngài sống lại, và như vậy, còn nguy-hiêm hơn là hiện-thời họ tin Ngài là Vua. Được Phi-lát ưng-thuận, chúng bèn niêm-phong tảng đá chặn phần-mộ, và cất lính canh-giữ. Như vậy, chứng quyết cho thực-sự rằng nếu đến ngày thứ ba, phần-mộ trống-không, thì Chúa Jê-sus chắc phải từ kẻ chết sống lại.

7. Sự sống lại (28 : 1-20).

1 Sau ngày Sa-bát, ngày thứ nhứt trong tuần-lễ, lúc tung-tung sáng, có Ma-ri Ma-đơ-len và Ma-ri khác đến thăm mộ. 2 Và này, đất rúng-động dữ-dội, vì có thiên-sứ của Chúa ở trên trời xuống, đến lăn hòn đá ra mà ngồi ở trên. 3 Hình-dung của thiên-sứ giống như chớp nháng, và áo trắng như tuyết. 4 Vì đó, những lính canh sợ-hãi run-rẩy, trở nên như người chết. 5 Song thiên-sứ nói cùng các người đờn-bà đó rằng : Các ngươi đừng sợ chi cả ; vì ta biết các ngươi tìm Đức Chúa Jê-sus, là Đấng bị đóng đinh trên thập-tự-giá. 6 Ngài không ở đây đâu ; Ngài sống lại rồi, như lời Ngài đã phán. Hãy đến xem chỗ Ngài đã nằm ; 7 và hãy đi mau nói cho môn-đồ Ngài hay rằng Ngài đã từ kẻ chết sống lại. Đây này, Ngài đi trước các ngươi qua xứ Ga-li-lê, ở đó các ngươi sẽ thấy Ngài. Ấy, ta đã bảo các ngươi.

8 Hai người đờn-bà đó bèn vội-vàng ra khỏi mộ, vừa sợ vừa cả mừng, chạy báo tin cho các môn-đồ. 9 Này, Đức Chúa Jê-sus gặp hai người đờn-bà đó, thì phán rằng : Mừng các ngươi ! Hai người cùng đến gần, ôm chơn Ngài, và thờ-lạy Ngài. 10 Đức Chúa Jê-sus bèn phán rằng : Đừng sợ chi cả ; hãy đi báo cho anh em ta đi qua xứ Ga-li-lê, ở đó sẽ thấy ta.

11 Trong khi hai người đờn-bà đó đi đường, thì có mấy tên lính canh vào thành thuật lại cho các thầy tế-lễ cả biết mọi việc đã xảy đến. 12 Các thầy bèn nhóm lại cùng các trưởng-lão đặng bàn-luận, xong rồi, thì họ cho những lính đó nhiều tiền-bạc, 13 mà dặn rằng : Các ngươi hãy nói rằng : Môn-đồ nó đã đến lúc ban đêm, khi chúng tôi đương ngủ, mà lấy trộm nó đi. 14 Nếu điều ấy thấu tai quan tổng-đốc, thì chúng ta sẽ khuyên-giải người, và làm cho các ngươi

khỏi lo-sợ. ¹⁵ Mấy tên lính đó lấy bạc, và làm theo như lời. Tiếng ấy đã đồn ra trong dân Giu-đa cho đến ngày nay.

¹⁶ Mười một môn-đồ đi qua xứ Ga-li-lê, lên hòn núi mà Đức Chúa Jê-sus đã chỉ cho. ¹⁷ Khi môn-đồ thấy Ngài, thì thờ-lạy Ngài; nhưng có một vài người nghi-ngờ. ¹⁸ Đức Chúa Jê-sus đến gần, phán cùng môn-đồ như vậy: Hết cả quyền-phép ở trên trời và dưới đất đã giao cho ta. ¹⁹ Vậy, hãy đi dạy-đỗ muôn dân, hãy nhơn Danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh-Linh mà làm phép báp-têm cho họ, ²⁰ và dạy họ giữ hết cả mọi điều mà ta đã truyền cho các ngươi. Và này, ta thường ở cùng các ngươi luôn cho đến tận-thế.

Không có bản nào ký-thuật Chúa Jê-sus sống lại tôn-nghiêm hơn bản ký-thuật của Ma-thi-ơ. Các sách Tin-Lành khác thêm nhiều chi-tiết rất có giá-trị, song không sách nào chứa những dấu-hiệu rõ-rệt hơn tỏ ra Ngài là Vua. Đây là truyện-tích của Vua. Nói đúng hơn, không một tác-giả nào thử mô-tả biến-cố ấy, song hết thầy hiệp lại làm chứng về sự sống lại của Đấng Christ, chẳng ai chối-cãi được. Ma-thi-ơ chép sự chứng-kiến của một thiên-sứ, hai người đờn-bà, bọn lính gác và mười một môn-đồ. Căn-cứ trên lời làm chứng đường ấy, chúng ta tin rằng Vua đã đắc-thắng Tử-thần cùng mồ-mả, và hi-vọng được sống lại phần thân-thể và được sự sống đời đời.

Sự xuất-hiện của thiên-sứ được mô-tả bằng những lời đặc-biệt của Ma-thi-ơ: «Và này, đất rung-động dữ-dội, vì có thiên-sứ của Chúa ở trên trời xuống, đến gần hòn đá 1 ra mà ngồi ở trên. Hình-dong của thiên-sứ giống như chớp nháng, và áo trắng như tuyết» (câu 2, 3). Lăn tảng đá đi không phải để Chúa Jê-sus thoát ra được, nhưng để tỏ ra rằng phần-mộ đã trống-rỗng. Vua đã đi rồi, và sứ-giả Ngài đến để truyền lại mạng-linh cho các môn-đồ. Bọn lính gác sửng-sốt, sợ-hãi, song mấy bà đang kinh-ngạc đã được yên-ủi bởi lời thiên-sứ quả-quyết rằng Chúa của họ thật đã từ kẻ chết sống lại; và thiên-sứ truyền-bảo họ hãy đi tới xứ Ga-li-lê mà gặp Ngài.

1. Nên dịch là: tảng đá.

Việc Chúa hiện ra với mấy bà đã được mô-tả bằng những lời cũng tôn-nghiêm như vậy. Chúa Jêsus gặp họ với một lời chào đẽ-vương : « Mừng các người ! » (câu 9). Mấy bà quì trước mặt Ngài mà thờ-lạy. Ngài bảo họ chớ sợ, và nhắc lại mạng-lệnh mà thiên-sứ đã truyền, tức là dẫn họ hãy bảo môn-đệ đến xứ Ga-li-lê mà gặp Ngài. Ngài gọi môn-đệ là « anh em Ta » (câu 10). Trước kia, Ngài chưa hề dùng danh-từ này. Chính Chúa phục-sanh có thể phán như vậy về các môn-đệ Ngài, vì với tư-cách Đấng « sanh trước nhứt từ trong những kẻ chết » (Côl. 1 : 18), Ngài ngụ-ý phán rằng Ngài hiệp chung với những người bởi đức-tin mà cùng hưởng một sự phục-sanh vinh-hiền. Chính vì có đó mà Ngài được tuyên-bố là « Con Cả ở giữa nhiều anh em » (Rô. 8 : 29).

Bọn linh canh khủng-khiếp từ phần-mộ trốn chạy về làm chứng-nhân kế-tiếp về sự sống lại mà Ma-thi-ơ đã mô-tả. Chúng kê lại sự thực với các thầy tế-lễ cả và trưởng-lão, rồi được bọn này hối-lộ để phao tin rằng ban đêm, trong khi chúng ngủ, các môn-đệ Chúa Jêsus đã đến ăn cắp thi-hài Ngài. Giải-thích như vậy thì phi-lý. Nếu bọn linh ngủ, thì làm thế nào biết được ai đã đến và đã làm gì lúc đêm khuya ? Nhưng lời tuyên-bố đó có đáng cười hơn là người thời nay giải-thích phần-mộ trống rỗng chối sự sống lại của Đấng Christ chẳng ? Thậm-chí lời tuyên-bố của bọn linh cũng chẳng phải là độc-đảo. Những lời chối sự sống lại quen-thuộc nhứt thời nay đều mượn của bọn hoài-nghĩ đã chết. Có thể rằng thi-hài Chúa Jêsus bị ăn cắp, và Ngài không hề từ kẻ chết sống lại chẳng ? Nếu vậy, các môn-đệ Ngài là bọn dối-gạt, những lời tự nhận của Ngài là giả-trá, và Hội-thánh Ngài được thiết-lập trên một sự giả-dối. Chẳng có lý-do nào để chối cái thực-sự làm nền-tảng cho đức-tin Cơ-đốc-giáo. Không có lời hợp-lý nào khác để giải-thích phần-mộ trống-rỗng.

Lời thiên-sứ và sứ-diệp theo sau của Chúa Jêsus đã hện một cuộc gặp-gỡ các môn-đệ tại xứ Ga-li-lê. Với cảnh-trong này, Ma-thi-ơ đưa sách Tin-Lành của mình tới chỗ chấm dứt tôn-nghiêm. Tại đây, đang khi Chúa Jêsus đứng trên sườn núi, chung-quanh có các môn-đệ thờ-lạy Ngài, thì Ngài giao sứ-mạng trọng-đại cho họ. Đây chắc là tuyên-

ngôn của Vua, chứa một lời tự nhận đế-vương, một mạng-linh và một lời hứa. Trong lời tự nhận, Chúa Jêsus tuyên-bố rằng « hết cả quyền-phép ở trên trời và dưới đất đã giao cho » Ngài (câu 18). Không những Ngài là Vua của dân Do-thái, song còn là Vua của các vua, Chúa của các chúa. Trước thực-sự đó, Ngài truyền lệnh cho các sứ-giả « hãy làm cho muôn dân trở nên môn-đệ Ta » (câu 19a — theo nguyên-văn). Sứ-mạng của họ chẳng phải chỉ riêng cho người Do-thái ; công-việc họ không còn giới-hạn ở « nhà Y-so-ra-ên » (Ma. 10 : 6) nữa ; nhưng người thuộc mọi nước sẽ được kêu-gọi làm môn-đệ Đấng Christ và được khuyên-giục hãy nhìn-nhận Ngài là Vua. Những ai tiếp-nhận Ngài sẽ chịu lễ báp-têm « nhưn Danh Đức Cha, Đức Con và Đức Thánh-Linh » (câu 19b). Họ phải công-khai nhìn-nhận mình phục-tòng Ngài như là đầu-phục một Chúa thiên-thượng. Hơn nữa, phải dạy họ giữ mọi mạng-linh của Vua và vâng theo các huấn-thị thiên-thượng của Ngài.

Đề khuyến-khích môn-đệ gánh-vác nhiệm-vụ khó-khăn và thực-hiện chương-trình táo-bạo này, Vua ban lời hứa quả-quyết rằng Ngài ở với họ, không hề thiếu-sót : « Đây, Ta thường ở cùng các ngươi luôn cho đến tận-thế » (câu 20b). Đây không luận về lúc trái đất vật-chất hết tồn-tại, song luận về lúc thời-kỳ hiện-tại hoàn-tất và Nước vinh-quang được thành-lập. Chính vì tin-cậy Hiện-diện mắt không thấy đó và vì hy-vọng nơi vinh-quang tương-lai, mà các môn-đệ ra đi, vâng theo mạng-linh, tin-cậy lời hứa, vừa làm việc, vừa mong-chờ Vua hiện ra.

HẾT